MPE

BẢNG GIÁ
CATALOGUE

Tháng 03/2022









EMC

RA >80

Siêu Bền
Siêu Sáng - Siêu Tiết Kiệm

Bảo Hành 5 Năm Đầu Tiên Và Duy Nhất Trên Thị Trường

CE

RoHS compliant

DIALux
German Technology

ĐÈN LED



LED Bulb
(03 - 15)



LED Panel âm
(16 - 29)



LED Downlight âm
(30 - 39)



LED Panel nổi
(40 - 46)



Cảm Biến Chuyển Động
(47 - 48)



LED Downlight nổi
(49 - 52)



LED Ốp Trần
(53 - 55)



LED Chiếu Điểm
(56 - 66)



LED Thanh
(67 - 71)



LED Tấm
(72 - 76)



LED Tube
(77 - 82)



LED Bán Nguyệt
(83 - 84)



LED Chống Thấm
(85 - 86)



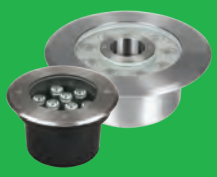
Máng Xương Cá
(86 - 86)



LED Pha
(87 - 93)



LED Nhà Xưởng
(94 - 101)



LED Âm Đất
(102 - 104)



LED Sân Thể Thao
(105 - 106)



LED Sân Vườn
(107 - 110)



LED Chống Nổ
(111 - 112)



LED Đường Đi
(113 - 118)



LED Đường Đi NLMT
(119 - 123)



LED Thoát Hiểm
(124 - 124)



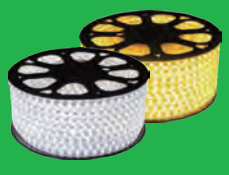
LED Chiếu Sáng
Khẩn Cấp
(125 - 125)



Đèn bàn đa năng
(126 - 127)



Đèn Pin đa năng
(127 - 127)



LED Dây
(128 - 130)



Máng đèn
(130 - 131)

THIẾT BỊ ĐIỆN



Công Tắc & Ổ Cắm
(132 - 146)



Hộp (Box)
(147- 147)



Ống Luồn
(148- 154)



Thiết bị đóng cắt, bảo vệ
MCB, RCCB, RCBO
(155 - 159)



Cầu dao an toàn SB
(160 - 160)



Tủ Điện
(161 - 164)



Ổ Cắm - Phích Cắm
Công Nghiệp
(165 - 172)



Ổ Cắm Âm Bàn
Ổ Cắm Âm Sàn
(173 - 175)



Ổ Cắm Du Lịch
Ổ Cắm Di Động
(176 - 177)



Quạt Hút
(178 - 180)

THIẾT BỊ THÔNG MINH



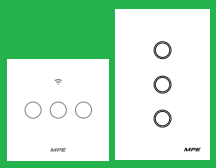
MCB, RCBO
Thông Minh
(181 - 185)



Ổ Cắm, Ổ Cắm Di Động
Thông Minh Wifi
(188 - 189)



Đèn ngủ Wifi
Đèn bàn Wifi
(189 - 189)



Công Tắc & Ổ Cắm
Thông Minh(190 - 191)



Đèn LED Thông Minh
(Wifi - Zigbee)
(192 - 199)



Thiết bị cảm biến
Thông Minh (Wifi - Zigbee)
(200 - 202)



Thiết bị cảm biến
Thông Minh(Zigbee)
(203 - 203)



Hệ Thống An Ninh
Thông Minh
(204 - 204)



Cảm Biến
Chuyển Động
(205 - 206)

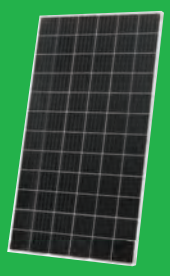


Đèn LED Thông Minh
(Bluetooth - RF)
(207 - 213)

HỆ THỐNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI



Hệ Thống Năng Lượng Mặt Trời
(214 - 228)



Tấm Pin
Năng Lượng Mặt Trời
(229 - 231)



Inverter
(232 - 233)



ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT:

- Tiêu thụ điện năng thấp, tiết kiệm hơn 50% so với đèn dây tóc truyền thống
- Tuổi thọ cao: 30.000 giờ
- Sử dụng chip LED SMD 2835 hiệu suất cao
- Chống va đập, chịu nhiệt và truyền dẫn ánh sáng tốt.
- Có nhiều loại công suất đa dạng
- Driver đèn được sử dụng công nghệ DOB giúp tăng tuổi thọ đèn
- Đui đèn E27, Chất liệu nhôm chống gỉ, dẫn điện tốt
- Thân đèn được làm liền khối. Kiểu dáng và thiết kế sang trọng
- Hệ số hoàn màu cao cho ra ánh sáng trung thực
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại

ỨNG DỤNG:

- Chiếu sáng hộ gia đình, văn phòng, nhà hàng, trung tâm thương mại,...

LED Bulb

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | Instant Light 100% 0s

Seri LBD	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đui đèn Base	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	LBD-3T LBD-3V	270 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø45X82 mm	E27	1 cái/hộp 100 cái/thùng	**38.000**
	LBD-5T LBD-5V	450 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø55X94 mm	E27	1 cái/hộp 100 cái/thùng	**46.100**
	LBD-7T LBD-7V	700 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø60X112 mm	E27	1 cái/hộp 100 cái/thùng	**56.700**
	LBD-9T LBD-9V	900 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø60x118 mm	E27	1 cái/hộp 100 cái/thùng	**67.000**
	LBD-12T LBD-12V	1200 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø67x128 mm	E27	1 cái/hộp 80 cái/thùng	**83.600**
	LBD-15T LBD-15V	1500 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø67x143 mm	E27	1 cái/hộp 80 cái/thùng	**110.300**

LED Bulb

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | Instant Light 100% 0s

Seri LBD	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đui đèn Base	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	**LBD-20T** **LBD-20V**	2000 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø80X152 mm	E27	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**129.600**
	**LBD-30T** **LBD-30V**	3000 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø100X180 mm	E27	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**193.200**
	**LBD-40T** **LBD-40V**	4000 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø118X216 mm	E27	1 cái/hộp 12 cái/thùng	**273.300**
	**LBD-50T** **LBD-50V**	5000 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø138X245 mm	E27	1 cái/hộp 8 cái/thùng	**389.300**
	**LBD-60T** **LBD-60V**	6000 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø138X272 mm	E27	1 cái/hộp 8 cái/thùng	**411.100**



LED Bulb

New

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | Instant Light 100% 0s

Seri LBD2

Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đui đèn Base	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 12W	**LBD2-12T** **LBD2-12V**	1200 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø65X130 mm	E27	1 cái/hộp 30 cái/thùng	**86.000**
 15W	**LBD2-15T** **LBD2-15V**	1500 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø65X130 mm	E27	1 cái/hộp 30 cái/thùng	**112.600**
 20W	**LBD2-20T** **LBD2-20V**	2000 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø80X152 mm	E27	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**129.600**
 30W	**LBD2-30T** **LBD2-30V**	3000 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø100X185 mm	E27	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**193.200**
 40W	**LBD2-40T** **LBD2-40V**	4000 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø118X216 mm	E27	1 cái/hộp 12 cái/thùng	**273.300**
 50W	**LBD2-50T** **LBD2-50V**	5000 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø138X260 mm	E27	1 cái/hộp 8 cái/thùng	**389.300**



LED Bulb

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | Đui đèn E27 | Instant Light 100% 0s

Seri LB	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 12W	**LBA-12T** **LBA-12V**	1200 Lm	6000-6500K 2800-3200K	Ø65X125 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**113.100**
 15W	**LBA-15T** **LBA-15V**	1500 Lm	6000-6500K 2800-3200K	Ø65X125 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**128.200**
 20W	**LB-20T** **LB-20N** **LB-20V**	2000 Lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	Ø80X150 mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**162.000**
 30W	**LB-30T** **LB-30N** **LB-30V**	3000 Lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	Ø100X185 mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**227.500**
 40W	**LB-40T** **LB-40N** **LB-40V**	4000 Lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	Ø118X210 mm	1 cái/hộp 12 cái/thùng	**345.300**
 50W	**LB-50T**	5000 Lm	6000 - 6500k	Ø135X238 mm	1 cái/hộp 8 cái/thùng	**517.200**

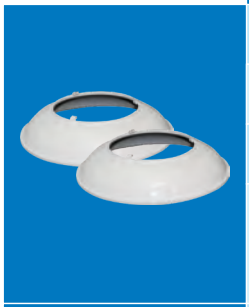
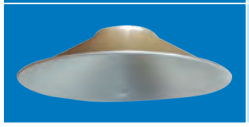
LED Bulb

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | Đui đèn E27 | Instant Light 100% 0s

Seri LB

Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Đui đèn Base	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 LBA-60T	6000 Lm	6000 - 6500k	E40	Ø136X272 mm	1 cái/hộp 8 cái/thùng	895.400
 LBA-80T	8000 Lm	6000 - 6500k	E40	Ø136X272 mm	1 cái/hộp 8 cái/thùng	1.003.200
 LB-60T	5400 Lm	6000 - 6500k	E27	Ø150X280 mm	1 cái/hộp 9 cái/thùng	964.900
 LB-80T	7200 Lm	6000 - 6500k	E27	Ø150X280 mm	1 cái/hộp 9 cái/thùng	1.201.200
 LB-100T	10.000 Lm	6000 - 6500k	E40	Ø150X330 mm	1 cái/hộp 9 cái/thùng	1.790.300

Chóa Đèn

Mã hàng Model	Diễn giải	Đơn giá (VNĐ)
 RFL-20	Dùng cho đèn LB-20	83.200
RFL-30	Dùng cho đèn LB-30	102.900
RFL-40	Dùng cho đèn LB-40	138.600
RFL-50	Dùng cho đèn LB-50, LBA-60, LBA-80	166.300
 RFL-SMD	Dùng cho đèn LB-60, LB-80, LB-100	288.800

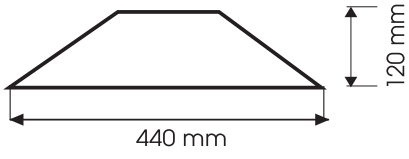
Đui Đèn

	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	E27-40	9.200

Đui Đèn

	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	E40-27	43.900

Kích thước chóa đèn 120°



LED Bulb

Điện áp 100-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | Đui đèn E27 | Instant Light 100% 0s

Seri LB

Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 LED Bulb 3CCT 9W	**LB-9/3C**	850 Lm	6500-3000-4000K	Ø60x108 mm	1 cái/hộp 100 cái/thùng	**139.800**
 LED Bulb 3 mức sáng 9W	**LB-9T/3DIM**	806 Lm	6000-6500K	Ø60x110 mm	1 cái/hộp 50 cái/thùng	**95.900**
 LED Bulb Chống muỗi 9W	**LB-9T/AM**	806 Lm	6000-6500K	Ø60x120 mm	1 cái/hộp 50 cái/thùng	**174.500**
New  LED Bulb Cảm biến chuyển động Microwave 9W	**LB-9T/MS**	900 Lm	6000-6500K	Ø70x120 mm	1 cái/hộp 100 cái/thùng	**291.000**
New  LED Bulb Chống ẩm 9W	**LBL2-9T** **LBL2-9V**	1000 Lm	6000-6500K	Ø70x128 mm	1 cái/hộp 80 cái/thùng	**67.000**
 LED Bulb Tích điện 10W	**LB10T/E**	1000 Lm	6000-6500K	Ø68x145 mm	1 cái/hộp 100 cái/thùng	**265.700**
 LED Bulb Tích điện 12W	**LB12T/E**	1200 Lm	6000-6500K	Ø78x158 mm	1 cái/hộp 100 cái/thùng	**288.800**

LED BULB THANH LONG









CE | RoHS compliant | Điện áp 100-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | Đui đèn E27 | Instant Light 100% 0s

DIALux
German Technology

LED Bulb Thanh Long

- Tiết kiệm năng lượng, hiệu quả cao khi áp dụng vào trồng trọt trong nông nghiệp.
- Tiết kiệm năng lượng từ 50% so với các loại đèn thông thường.
- Tuổi thọ đèn cao: 30.000 giờ
- Đèn ít phát sinh nhiệt trong chiếu sáng cây trồng nên ít bốc hơi nước giúp giảm thiểu lượng nước cung cấp cho cây.
- Photons: 12.5µmol/s (9W) và 17µmol/s (12W), lượng photons cao giúp cho cây trồng có năng suất quang hợp cao và tốt hơn.
- Đèn bulb thanh long có phổ ánh sáng chuyên dụng, giúp kích thích sự phát triển của hoa và trái thanh long giúp nâng cao năng suất và đem lại hiệu quả cho nhà vườn.
- Đèn có 2 loại công suất: 9W, 12W giúp khách hàng có thể lựa chọn phù hợp với không gian nuôi trồng của mình.
- Đèn dễ dàng lắp đặt, thay thế với đui đèn E27
- Đèn có thể chịu được nắng mưa, tác động của môi trường nên rất an toàn khi sử dụng

LED Bulb

New

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | Đui đèn E27 | Instant Light 100% 0s

LED Bulb Thanh Long

Mã hàng Model	Phontons	Quang thông Lumens	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 9W	**LBF-9**	12,5 µmol/s	140-360 Lm	Ø 60 x 112 mm	1 cái/hộp 100 cái/thùng	**102.900**
 12W	**LBF-12**	17 µmol/s	140-360 Lm	Ø 70 x 127 mm	1 cái/hộp 100 cái/thùng	**139.800**

Đèn LED Gara

Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Góc chiếu Angle	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 60W	**DFL-60T**	7200 Lm	6500K	90^0 có thể điều chỉnh	1 cái/hộp 12 cái/thùng	**1.457.600**

LED Bulb Dùng Điện DC12V

Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Điện áp Volt	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 9W	**LB-9T/DC**	806 Lm	12VDC	6000 - 6500K	Ø 60 x 110 mm	1 cái/hộp 100 cái/thùng	**116.600**



LED Bulb Màu

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | PF >0.5 | Đui đèn E27 | Instant Light 100% 0s

LED Bulb Màu	Mã hàng Model	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	**LBD-3R**	màu đỏ	Ø45x70 mm	1 cái/hộp 100 cái/thùng	**38.000**
	**LBD-3OR**	màu cam	Ø45x70 mm	1 cái/hộp 100 cái/thùng	**38.000**
	**LBD-3PK**	màu hồng	Ø45x70 mm	1 cái/hộp 100 cái/thùng	**38.000**
	**LBD-3YL**	màu vàng	Ø45x70 mm	1 cái/hộp 100 cái/thùng	**38.000**
	**LBD-3BL**	màu xanh dương	Ø45x70 mm	1 cái/hộp 100 cái/thùng	**38.000**
	**LBD-3GR**	màu xanh lá	Ø45x70 mm	1 cái/hộp 100 cái/thùng	**38.000**
	**LBD-3MK**	màu trắng sữa	Ø45x70 mm	1 cái/hộp 100 cái/thùng	**38.000**

LED Bulb Dây Tóc

CE | RoHS compliant | Điện áp 220-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Instant Light 100% 0s | RA >80 | PF >0.5 | 300°

LED Bulb Dây Tóc	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Đui đèn Base	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 2.5W	FLM-2/B35	250 Lm	2700K	E14	Ø35x98 mm	1 cái/hộp 100 cái/thùng	68.200
 2.5W	FLM-2/P45	250 Lm	2700K	E27	Ø45x80 mm	1 cái/hộp 100 cái/thùng	75.100
 4W	FLM-4/A60	470 Lm	2700K	E27	Ø60x105 mm	1 cái/hộp 50 cái/thùng	92.400
 6W	FLM-6/A60	806 Lm	2700K	E27	Ø60x105 mm	1 cái/hộp 50 cái/thùng	120.100
 4W	FLM-4/G95	470 Lm	2700K	E27	Ø95x138 mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	156.000
 6W	FLM-6/G95	806 Lm	2700K	E27	Ø95x138 mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	173.300
 4W	FLM-4/ST64	470 Lm	2700K	E27	Ø64x145 mm	1 cái/hộp 50 cái/thùng	156.000
 6W	FLM-6/ST64	806 Lm	2700K	E27	Ø64x145 mm	1 cái/hộp 50 cái/thùng	173.300

LED Bulb Dây Tóc Màu

CE | RoHS compliant | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | PF >0.5 | Đui đèn E27 | Instant Light 100% 0s

LED Bulb Dây Tóc Màu	Mã hàng Model	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	**FLM-3RD**	Màu đỏ	Ø45x78 mm	1 cái/hộp 100 cái/thùng	**75.100**
	**FLM-3YL**	Màu vàng	Ø45x78 mm	1 cái/hộp 100 cái/thùng	**75.100**
	**FLM-3GR**	Màu xanh lá	Ø45x78 mm	1 cái/hộp 100 cái/thùng	**75.100**
	**FLM-3PK**	Màu hồng	Ø45x78 mm	1 cái/hộp 100 cái/thùng	**75.100**
	**FLM-3OR**	Màu cam	Ø45x78 mm	1 cái/hộp 100 cái/thùng	**75.100**
	**FLM-3PU**	Màu tím	Ø45x78 mm	1 cái/hộp 100 cái/thùng	**75.100**

DÂY ĐÈN TRANG TRÍ NGOÀI TRỜI E27



New

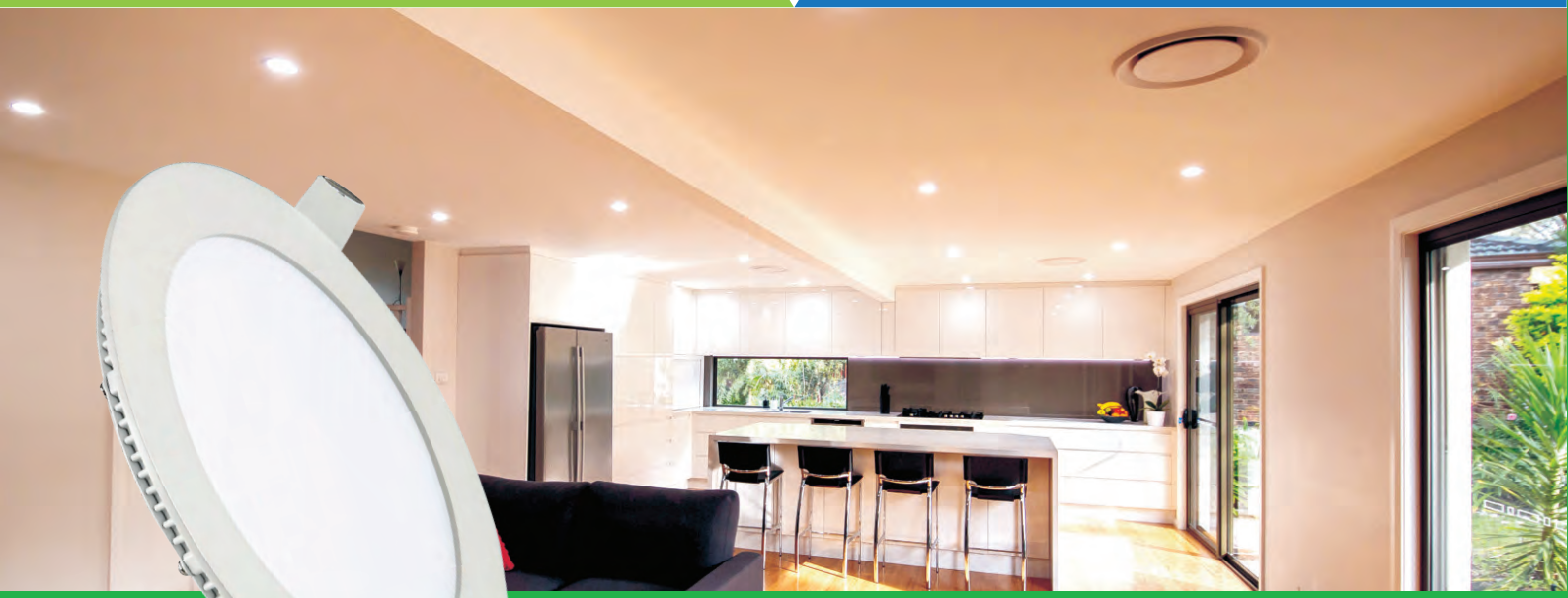


Mã hàng Model	Số đui đèn	Tiêu chuẩn chống nước	Kích thước Size (m)	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
DDCT5-10	10 đui đèn E27 (không bao gồm bóng)	IP44	5m	1 cuộn/hộp	574.000
DDCT10-15	15 đui đèn E27 (không bao gồm bóng)	IP44	10m	1 cuộn/hộp	970.600
DDCT10-20	20 đui đèn E27 (không bao gồm bóng)	IP44	10m	1 cuộn/hộp	1.077.600

LED RECESSED LIGHT / LED ÂM TRẦN

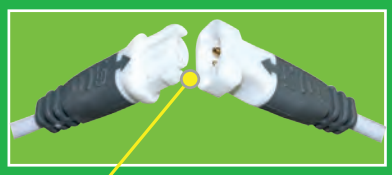
Seri RPL - RPL/3C	17-18	Seri SPL/DIM	29-29
Seri RPL viền màu	19-19	Seri DLB	30-31
Seri SPL	20-20	Seri DLV	32-32
Seri RPE	21-22	Seri DLT	33-33
Seri MRPL	23-24	Seri DLE	34-35
Seri RP	25-26	Seri DLC	36-36
Seri RPL2	27-27	Seri DLF	37-37
Seri RPL/MS	28-28	Seri DLF2	38-38
Seri RPL/DIM	28-28	Seri DL65	39-39

LED PANEL ÂM TRẦN SERI RPL

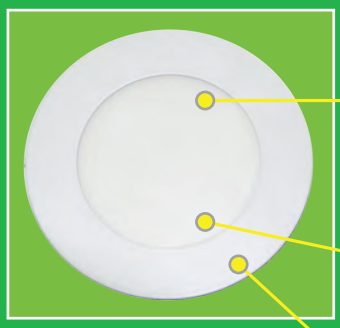




Đảm bảo ánh sáng luôn ổn định, độ bền cao



Kết nối Driver với đèn dễ dàng an toàn khi sử dụng



Bề mặt sử dụng tấm tán xạ ánh sáng đồng đều, không chói mắt

Tấm dẫn ánh sáng bằng nhựa PMMA - MITSUBISHI, cho ánh sáng phân bổ đồng đều, không bị ngả vàng sau thời gian dài sử dụng

Viền đèn làm bằng hợp kim nhôm chống oxy hóa, chống rung, chống ăn mòn, tản nhiệt nhanh



Sử dụng LED chip cao cấp, có tuổi thọ và hiệu suất sáng cao.



Tấm ốp mặt sau bo góc không cho ánh sáng phát ra bên ngoài, chống bụi, tạo thẩm mỹ cao.

Đặc tính sản phẩm

- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn Châu Âu
- Thiết kế mỏng, nhỏ gọn, dễ dàng lắp đặt
- Không hồng ngoại & tia cực tím.
- Không nhấp nháy, khởi động tức thì
- Ánh sáng liên tục tốt cho thị lực
- Hiệu suất cao, tiết kiệm điện năng
- Thân thiện môi trường

Hướng dẫn lắp đặt

1. Tạo lỗ khoét kích thước theo quy định.
2. Kết nối Driver với nguồn điện.
3. Cụp 2 thanh chắn nối lò xo lên trên, đưa đèn lên lỗ khoét.
4. Đẩy đèn vào khi bề mặt đèn chạm bề mặt trần nhà.

LED Panel Âm Trần seri RPL

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 110° | Instant Light 100% 0s

Seri RPL	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 Ø110x25 mm 6W	RPL-6ST RPL-6SN RPL-6SV	500 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø110x25 mm	Ø90 mm	1 cái/hộp 60 cái/thùng	185.000
	RPL-6S/3C		3000-6500-4000K				257.100
 Ø120x25 mm 6W	RPL-6T RPL-6N RPL-6V	500 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø120x25 mm	Ø105 mm	1 cái/hộp 60 cái/thùng	185.000
	RPL-6/3C		3000-6500-4000K				257.100
New  Ø120x25 mm 9W	RPL-9ST RPL-9SN RPL-9SV	750 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø120x25 mm	Ø105 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	228.100
	RPL-9S/3C		3000-6500-4000K				268.800
 Ø150x25 mm 9W	RPL-9T RPL-9N RPL-9V	750 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø150x25 mm	Ø130 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	240.200
	RPL-9/3C		3000-6500-4000K				312.300
New  Ø150x25 mm 12W	RPL-12ST RPL-12SN RPL-12SV	950 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø150x25 mm	Ø130 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	289.100
	RPL-12S/3C		3000-6500-4000K				335.300
 Ø170x25 mm 12W	RPL-12T RPL-12N RPL-12V	950 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø170x25 mm	Ø150 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	294.300
	RPL-12/3C		3000-6500-4000K				388.000
 15W	RPL-15T RPL-15N RPL-15V	1300 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø190x25 mm	Ø180 mm	1 cái/hộp 30 cái/thùng	396.400
	RPL-15/3C		3000-6500-4000K				517.800
 18W	RPL-18T RPL-18N RPL-18V	1500 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø225x25 mm	Ø205 mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	468.500
	RPL-18/3C		3000-6500-4000K				616.300
 24W	RPL-24T RPL-24N RPL-24V	1800 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø300x25 mm	Ø280 mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	600.600
	RPL-24/3C		3000-6500-4000K				858.900

New

LED Panel Âm Trần seri RPL - Viền Màu

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 110° | Instant Light 100% 0s

Seri RPL viền vàng	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 Ø110x25 mm 7W	RPL-7T/G	550 Lm	6000 - 6500K	Ø110x25 mm	Ø90 mm	1 cái/hộp 60 cái/thùng	217.000
	RPL-7/3C/G		3000-6500-4000K				266.000
 Ø120x25 mm 9W	RPL-9ST/G	750 Lm	6000 - 6500K	Ø120x25 mm	Ø105 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	249.400
	RPL-9S/3C/G		3000-6500-4000K				320.600
 Ø150x25 mm 9W	RPL-9T/G	750 Lm	6000 - 6500K	Ø150x25 mm	Ø130 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	280.700
	RPL-9/3C/G		3000-6500-4000K				360.200
 Ø150x25 mm 12W	RPL-12ST/G	950 Lm	6000 - 6500K	Ø150x25 mm	Ø130 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	327.900
	RPL-12S/3C/G		3000-6500-4000K				408.300

Seri RPL viền bạc	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 Ø110x25 mm 7W	RPL-7T/S	550 Lm	6000 - 6500K	Ø110x25 mm	Ø90 mm	1 cái/hộp 60 cái/thùng	217.000
	RPL-7/3C/S		3000-6500-4000K				266.000
 Ø120x25 mm 9W	RPL-9ST/S	750 Lm	6000 - 6500K	Ø120x25 mm	Ø105 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	249.400
	RPL-9S/3C/S		3000-6500-4000K				320.600
 Ø150x25 mm 9W	RPL-9T/S	750 Lm	6000 - 6500K	Ø150x25 mm	Ø130 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	280.700
	RPL-9/3C/S		3000-6500-4000K				360.200
 Ø150x25 mm 12W	RPL-12ST/S	950 Lm	6000 - 6500K	Ø150x25 mm	Ø130 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	327.900
	RPL-12S/3C/S		3000-6500-4000K				408.300

LED Panel Âm Trần seri SPL

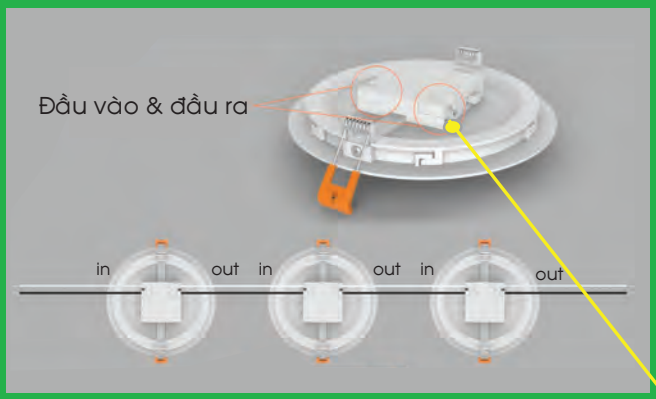
CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 110° | Instant Light 100% 0s

Seri SPL	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	SPL-6T SPL-6V	500 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	120x120x25 mm	105x105 mm	1 cái/hộp 60 cái/thùng	**191.000**
	SPL-9T SPL-9V	750 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	150x150x25 mm	130x130 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**247.400**
	SPL-12T SPL-12V	950 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	170x170x25 mm	150x150 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**304.000**
	SPL-15T SPL-15V	1300 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	190x190x25 mm	180x180 mm	1 cái/hộp 30 cái/thùng	**404.900**
	SPL-18T SPL-18V	1500 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	225x225x25 mm	205x205 mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**480.500**
	SPL-24T SPL-24V	1800 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	300x300x25 mm	275x275 mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	**625.900**

LED PANEL ÂM TRẦN SERI RPE

MINI PANEL SERI RPE

- Thiết kế 2 trong 1, lắp âm và lắp nổi.
- Tấm dẫn ánh sáng bằng nhựa PMMA - MITSUBISHI, cho ánh sáng phân bổ đồng đều, không bị ngả vàng sau thời gian dài sử dụng.
- Lắp nhiều đèn cho 1 dãy một cách nhanh chóng.
- Ánh sáng 3 màu.
- Có khung riêng cho panel nổi.
- Giảm thời gian lắp đặt, tiết kiệm chi phí.



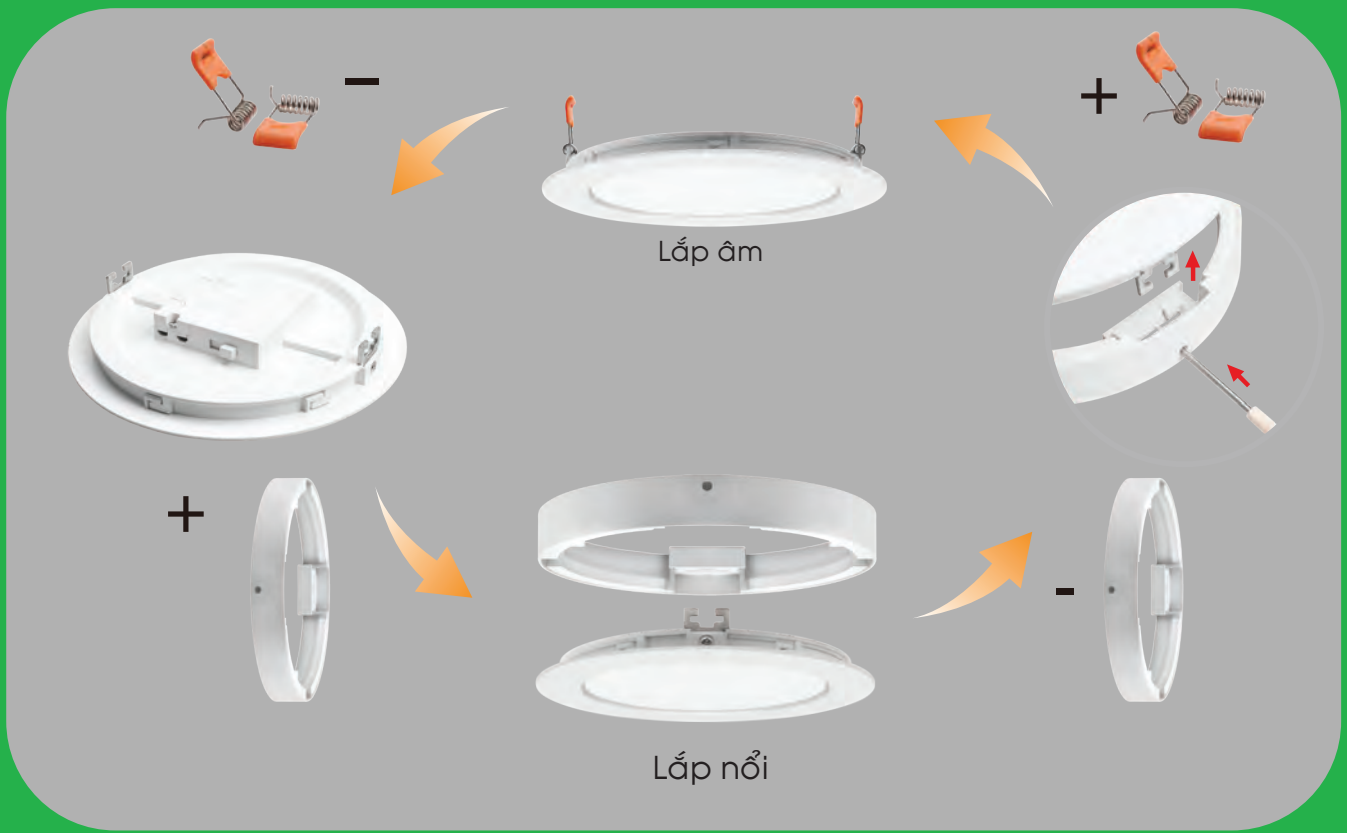
Lắp nhiều đèn cho 1 dãy một cách nhanh chóng


Ánh sáng vàng


Ánh sáng trung tính


Ánh sáng trắng

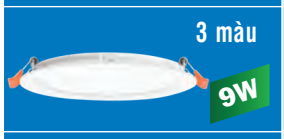
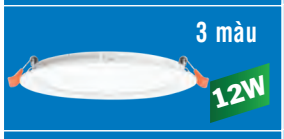
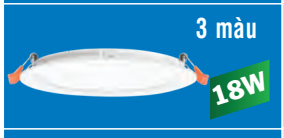
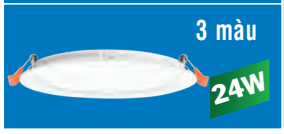
2 trong 1 có thể lắp âm và lắp nổi



LED Panel Âm Trần seri RPE

CE | RoHS compliant | Điện áp 110-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 120° | Instant Light 100% 0s

Seri RPE	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	RPE-6T RPE-6V	500 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø150x25mm	Ø133mm	1 cái/hộp 60 cái/thùng	167.000
	RPE-9T RPE-9V	750 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø150x25mm	Ø133mm	1 cái/hộp 60 cái/thùng	201.800
	RPE-12T RPE-12V	950 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø170x25mm	Ø152mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	248.700
	RPE-18T RPE-18V	1500 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø223x25mm	Ø203mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	359.200
	RPE-24T RPE-24V	1800 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø296x25mm	Ø279mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	514.100

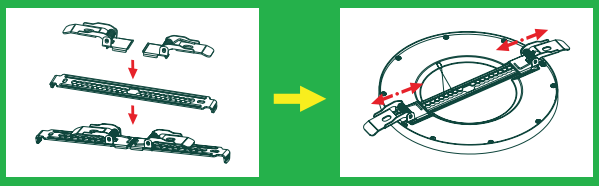
Seri RPE 3 màu	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	RPE-6/3C	500 Lm	3000-6500-4000K	Ø150x25mm	Ø133mm	1 cái/hộp 60 cái/thùng	239.100
	RPE-9/3C	750 Lm	3000-6500-4000K	Ø150x25mm	Ø133mm	1 cái/hộp 60 cái/thùng	273.800
	RPE-12/3C	950 Lm	3000-6500-4000K	Ø170x25mm	Ø152mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	342.400
	RPE-18/3C	1500 Lm	3000-6500-4000K	Ø223x25mm	Ø203mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	523.700
	RPE-24/3C	1800 Lm	3000-6500-4000K	Ø296x25mm	Ø279mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	729.100

Khung lắp nổi	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	**SRPE-9** Khung lắp nổi dùng cho RPE 6W & 9W cao 25mm	57.800
	**SRPE-12** Khung lắp nổi dùng cho RPE 12W cao 25mm	69.300

Khung lắp nổi	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	**SRPE-18** Khung lắp nổi dùng cho RPE 18W cao 25mm	80.900
	**SRPE-24** Khung lắp nổi dùng cho RPE 24W cao 25mm	92.400

LED PANEL ĐA NĂNG SERI MRPL

- Có thể lắp nổi hoặc lắp âm.
- 3 chế độ màu : trắng, vàng, trung tính.
- Siêu mỏng, độ dày chỉ 15mm.
- Có 5 viền màu thích hợp.
- Tản nhiệt nhôm bên trong.
- Vừa vặn với tất cả cỡ khoét trần do có cấu trúc lò xo di chuyển
- Dễ lắp đặt và tháo rời.
- Khoét lỗ tròn hoặc lỗ vuông đều lắp đặt được.





Viền Màu LED Panel Đa Năng



Viền màu niken (NL)



Viền màu đỏ sẫm (RG)



Viền màu bạc (SL)



Viền màu vàng đồng (BR)

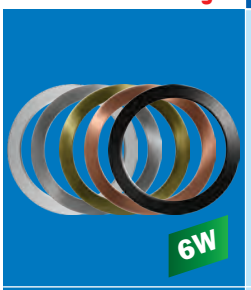
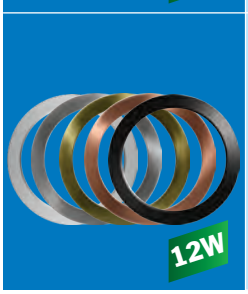


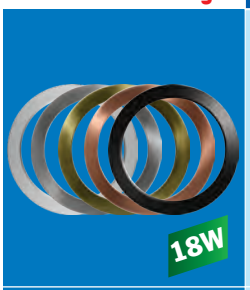
Viền màu đen (BL)

LED Panel Đa Năng seri MRPL

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 120° | Instant Light 100% 0s

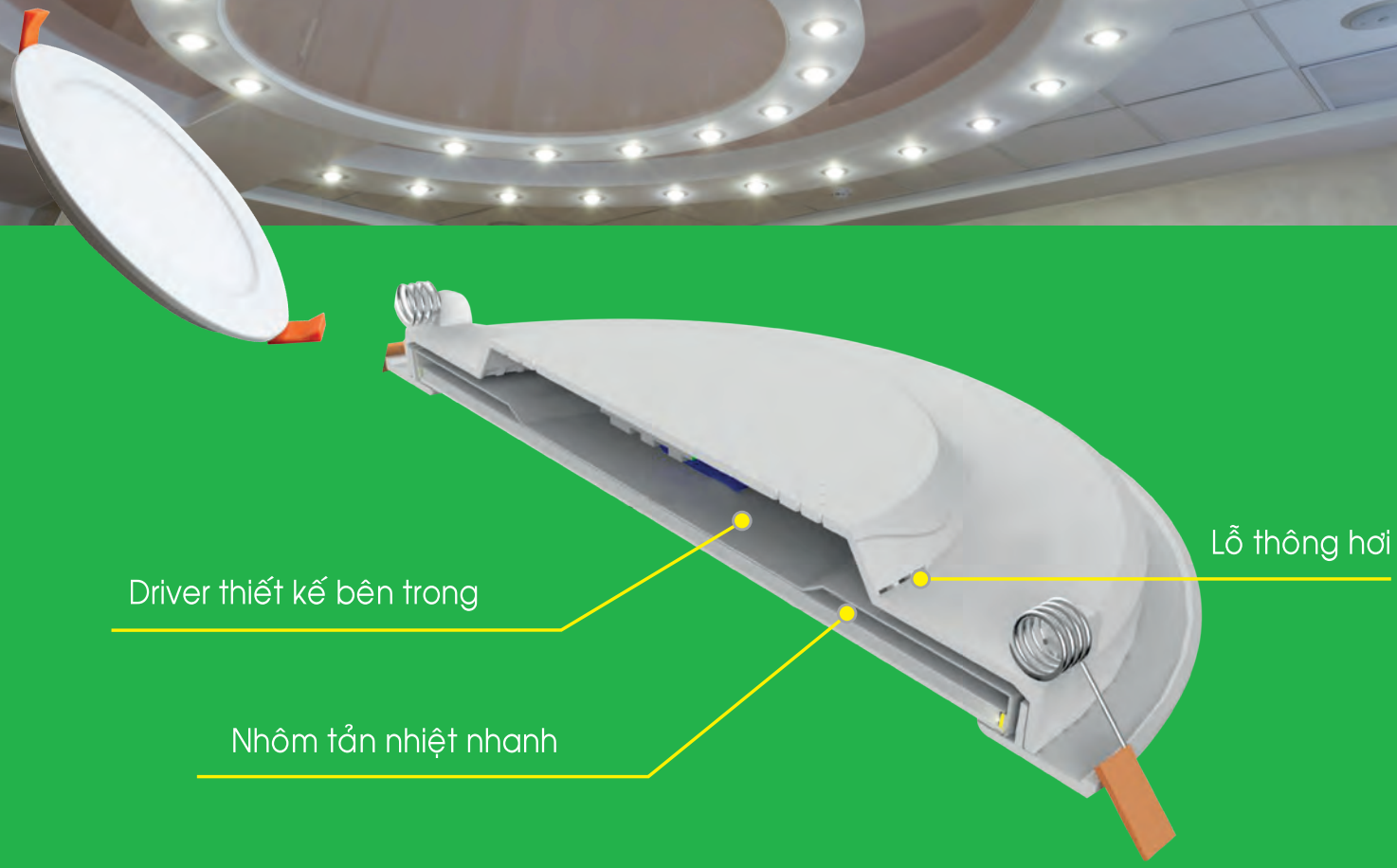
Seri MRPL	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	**MRPL-6/3C**	470 Lm	3000-6500-4000K	Ø140x15 mm	Ø55<->100 mm ☐ 55x55 mm ☐ 85x85 mm	1 cái/hộp 60 cái/thùng	**322.300**
	**MRPL-12/3C**	1060 Lm	3000-6500-4000K	Ø165x15 mm	Ø55<->125 mm ☐ 55x55 mm ☐100x100 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**426.300**
	**MRPL-18/3C**	1650 Lm	3000-6500-4000K	Ø217x15 mm	Ø55<->175 mm ☐ 55x55 mm ☐140x140 mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**600.600**
	**MRPL-24/3C**	2500 Lm	3000-6500-4000K	Ø290x15 mm	Ø60<->250 mm ☐ 60x60 mm ☐190x190 mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	**851.300**

Viền LED Panel Đa Năng	Diễn giải	Đơn giá (VNĐ)
	BD-6/RG: Màu đỏ sẫm BD-6/SL: Màu bạc BD-6/BR: Màu vàng đồng BD-6/NL: Màu niken BD-6/BL: Màu đen	**92.400**
	BD-12/RG: Màu đỏ sẫm BD-12/SL: Màu bạc BD-12/BR: Màu vàng đồng BD-12/NL: Màu niken BD-12/BL: Màu đen	**114.400**

Viền LED Panel Đa Năng	Diễn giải	Đơn giá (VNĐ)
	BD-18/RG: Màu đỏ sẫm BD-18/SL: Màu bạc BD-18/BR: Màu vàng đồng BD-18/NL: Màu niken BD-18/BL: Màu đen	**143.200**
	BD-24/RG: Màu đỏ sẫm BD-24/SL: Màu bạc BD-24/BR: Màu vàng đồng BD-24/NL: Màu niken BD-24/BL: Màu đen	**205.600**

LED PANEL ÂM TRẦN SERI RP





*** Thiết kế nhỏ, gọn, lắp đặt nhanh**
*** Tích hợp Driver bên trong, tiết kiệm không gian lắp đặt**

Đặc tính sản phẩm

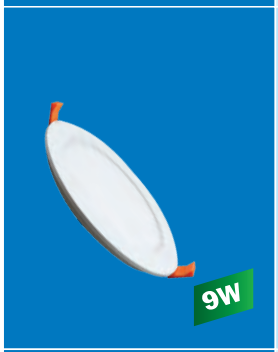
- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn Châu Âu.
- Thiết kế mỏng, nhỏ gọn.
- Driver tích hợp bên trong đèn.
- Khởi động tức thì, ánh sáng liên tục không nhấp nháy.
- Không tia hồng ngoại & tia cực tím.
- Không chói mắt, tốt cho thị lực.
- Hiệu suất cao, tiêu thụ điện năng ít.
- Thân thiện với môi trường.

Hướng dẫn lắp đặt

1. Tạo lỗ khoét kích thước theo hướng dẫn.
2. Cụp 2 thanh chắn nối lò xo lên trên, đưa đèn lên lỗ khoét.
3. Đẩy đèn vào khi bề mặt đèn chạm bề mặt trần nhà.

LED Panel Âm Trần seri RP

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 120° | Instant Light 100% 0s

Seri RP	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	**RP-6T** **RP-6N** **RP-6V**	500 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø120x25 mm	Ø105 mm	1 cái/hộp 60 cái/thùng	**160.600**
	**RP-9T** **RP-9N** **RP-9V**	750 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø150x25 mm	Ø130 mm	1 cái/hộp 60 cái/thùng	**194.000**
	**RP-12T** **RP-12N** **RP-12V**	950 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø170x25 mm	Ø150 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**239.100**
	**RP-18T** **RP-18N** **RP-18V**	1500 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø225x25 mm	Ø205 mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**345.400**
	**RP-24T** **RP-24N** **RP-24V**	1800 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø300x25 mm	Ø275 mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	**494.300**

LED Panel Âm Trần Seri RPL2

New

CE | RoHS compliant | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 110° | Instant Light 100% 0s

Seri RPL2	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 6W	RPL2-6T RPL2-6N RPL2-6V	600Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø120x32mm	Ø100mm	1 cái/hộp 60 cái/thùng	158.000
	RPL2-6/3C		6500-3000-4000K				189.000
 9W	RPL2-9T RPL2-9N RPL2-9V	900Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø147x32mm	Ø125mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	187.400
	RPL2-9/3C		6500-3000-4000K				211.000
 12W	RPL2-12T RPL2-12N RPL2-12V	1200 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø170x32mm	Ø150mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	232.900
	RPL2-12/3C		6500-3000-4000K				264.400
 18W	RPL2-18T RPL2-18N RPL2-18V	1800 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø220x32mm	Ø195mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	348.100
	RPL2-18/3C		6500-3000-4000K				337.200



LED Panel Cảm Biến Chuyển Động, LED Panel Điều Chỉnh Độ Sáng

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 120° | Instant Light 100% 0s

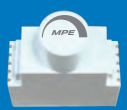
Panel Âm Trần cảm biến chuyển động Seri RPL/MS

	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	RPL-12T/MS	950 Lm	6000 - 6500K	Ø170x25 mm	Ø150 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	646.200
	RPL-18T/MS	1500 Lm	6000 - 6500K	Ø225x25 mm	Ø205 mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	780.800

Panel Âm Trần điều chỉnh độ sáng Seri RPL/DIM

	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	RPL-6T/DIM RPL-6N/DIM RPL-6V/DIM	500 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø120x25 mm	Ø105 mm	1 cái/hộp 60 cái/thùng	487.700
	RPL-6ST/DIM RPL-6SN/DIM RPL-6SV/DIM	500 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø110x25 mm	Ø90 mm	1 cái/hộp 60 cái/thùng	487.700
	RPL-9T/DIM RPL-9N/DIM RPL-9V/DIM	750 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø150x25 mm	Ø130 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	563.600
	RPL-12T/DIM RPL-12N/DIM RPL-12V/DIM	950 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø170x25 mm	Ø150 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	622.700
	RPL-15T/DIM RPL-15N/DIM RPL-15V/DIM	1300 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø190x25 mm	Ø180 mm	1 cái/hộp 30 cái/thùng	690.100
	RPL-18T/DIM RPL-18N/DIM RPL-18V/DIM	1500 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø225x25 mm	Ø205 mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	795.600
	RPL-24T/DIM RPL-24N/DIM RPL-24V/DIM	1800 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø300x25 mm	Ø280 mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	1.003.100

Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn LED (Dimmer)

	Mã hàng Model	Đơn giá Price
	AV200-LED	698.800
	A6V200-LED	698.800
	ASV200-LED	914.800

LED Panel Điều Chỉnh Độ Sáng seri SPL

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 120° | Instant Light 100% 0s

Panel Âm Trần điều chỉnh độ sáng Seri SPL/DIM	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	SPL-6T/DIM SPL-6V/DIM	500 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	120x120x25 mm	105x105 mm	1 cái/hộp 60 cái/thùng	**504.600**
	SPL-9T/DIM SPL-9V/DIM	750 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	150x150x25 mm	130x130 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**582.200**
	SPL-12T/DIM SPL-12V/DIM	950 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	170x170x25 mm	150x150 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**640.000**
	SPL-15T/DIM SPL-15V/DIM	1300 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	190x190x25 mm	180x180 mm	1 cái/hộp 30 cái/thùng	**709.200**
	SPL-18T/DIM SPL-18V/DIM	1500 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	225x225x25 mm	205x205 mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**847.400**
	SPL-24T/DIM SPL-24V/DIM	1800 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	300x300x25 mm	275x275 mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	**1.029.100**

LED DOWNLIGHT ÂM TRẦN SERI DLB, DLV, DLT





Series DLV



Series DLB



Series DLT

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000 Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 110° | Instant Light 100% 0s

DIALux
German Technology

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT:

- Hiệu suất chiếu sáng cao, ánh sáng đều
- Đèn được đúc nhôm nguyên khối, sơn tĩnh điện cao cấp giúp tản nhiệt nhanh
- Đa dạng công suất và kích cỡ phù hợp cho nhu cầu sử dụng
- Ánh sáng: Trắng (6500K), trung tính (4000K), vàng (3000K), 3CCT
- 3 loại viền màu vàng, bạc, trắng
- Sử dụng bộ nguồn (driver) cách ly chống nhiễu tốt, giảm nhiệt độ cho bộ nguồn (driver), tăng tuổi thọ đèn
- Lắp đặt nhanh, tiết kiệm chi phí
- Tiết kiệm điện năng, thân thiện môi trường

ỨNG DỤNG:

- Chiếu sáng hộ gia đình, căn hộ, văn phòng, trung tâm thương mại...

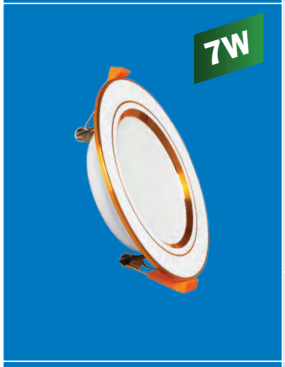
LED Downlight Âm Trần seri DLB

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 110° | Instant Light 100% 0s

LED Downlight Viền Bạc	Mã hàng Model	Nhiệt độ màu CCT	Quang thông Lumen	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	**DLB-5T** **DLB-5N** **DLB-5V**	6000-6500K 4000-4500K 2800-3200K	550lm	Ø110x35mm	Ø74mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**175.600**
	DLB-5/3C	6500-3000-4000K					**217.100**
	**DLB-7T** **DLB-7N** **DLB-7V**	6000-6500K 4000-4500K 2800-3200K	770lm	Ø118x35mm	Ø80mm	1 cái/hộp 30 cái/thùng	**194.000**
	DLB-7/3C	6500-3000-4000K					**254.100**
 (Ø118mm)	**DLB-9T** **DLB-9N** **DLB-9V**	6000-6500K 4000-4500K 2800-3200K	990lm	Ø118x35mm	Ø80mm	1 cái/hộp 30 cái/thùng	**204.500**
	DLB-9/3C	6500-3000-4000K					**265.700**
 (Ø140mm)	**DLBL-9T** **DLBL-9N** **DLBL-9V**	6000-6500K 4000-4500K 2800-3200K	990lm	Ø140x35mm	Ø105mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**225.300**
	DLBL-9/3C	6500-3000-4000K					**286.400**
	**DLB-12T** **DLB-12N** **DLB-12V**	6000-6500K 4000-4500K 2800-3200K	1320lm	Ø140x35mm	Ø105mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**283.000**
	DLB-12/3C	6500-3000-4000K					**346.500**

LED Downlight âm trần seri DLV

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 110° | Instant Light 100% 0s

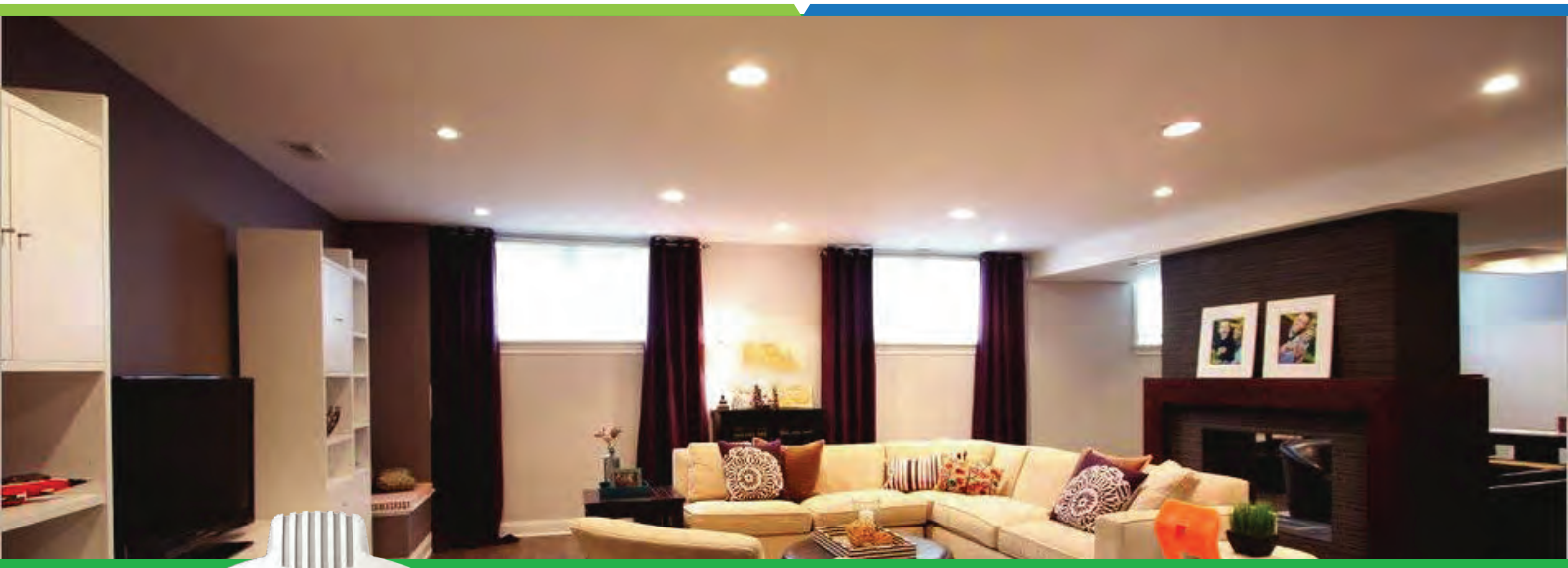
LED Downlight Viền Vàng	Mã hàng Model	Nhiệt độ màu CCT	Quang thông Lumen	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 5W	**DLV-5T** **DLV-5N** **DLV-5V**	6000-6500K 4000-4500K 2800-3200K	550lm	Ø110x35mm	Ø74mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**175.600**
	DLV-5/3C	6500-3000-4000K					**217.100**
 7W	**DLV-7T** **DLV-7N** **DLV-7V**	6000-6500K 4000-4500K 2800-3200K	770lm	Ø118x35mm	Ø80mm	1 cái/hộp 30 cái/thùng	**194.000**
	DLV-7/3C	6500-3000-4000K					**254.100**
 9W (Ø118mm)	**DLV-9T** **DLV-9N** **DLV-9V**	6000-6500K 4000-4500K 2800-3200K	990lm	Ø118x35mm	Ø80mm	1 cái/hộp 30 cái/thùng	**204.500**
	DLV-9/3C	6500-3000-4000K					**265.700**
 9W (Ø140mm)	**DLVL-9T** **DLVL-9N** **DLVL-9V**	6000-6500K 4000-4500K 2800-3200K	990lm	Ø140x35mm	Ø105mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**225.300**
	DLVL-9/3C	6500-3000-4000K					**286.400**
 12W	**DLV-12T** **DLV-12N** **DLV-12V**	6000-6500K 4000-4500K 2800-3200K	1320lm	Ø140x35mm	Ø105mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**283.000**
	DLV-12/3C	6500-3000-4000K					**346.500**

LED Downlight âm trần seri DLT

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 110° | Instant Light 100% 0s

LED Downlight Viền Trắng	Mã hàng Model	Nhiệt độ màu CCT	Quang thông Lumen	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	**DLT-5T** **DLT-5N** **DLT-5V**	6000-6500K 4000-4500K 2800-3200K	550lm	Ø110x35mm	Ø74mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**175.600**
	DLT-5/3C	6500-3000-4000K					**217.100**
	**DLT-7T** **DLT-7N** **DLT-7V**	6000-6500K 4000-4500K 2800-3200K	770lm	Ø118x35mm	Ø80mm	1 cái/hộp 30 cái/thùng	**194.000**
	DLT-7/3C	6500-3000-4000K					**254.100**
 (Ø118mm)	**DLT-9T** **DLT-9N** **DLT-9V**	6000-6500K 4000-4500K 2800-3200K	990lm	Ø118x35mm	Ø80mm	1 cái/hộp 30 cái/thùng	**204.500**
	DLT-9/3C	6500-3000-4000K					**265.700**
 (Ø140mm)	**DLTL-9T** **DLTL-9N** **DLTL-9V**	6000-6500K 4000-4500K 2800-3200K	990lm	Ø140x35mm	Ø105mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**225.300**
	DLTL-9/3C	6500-3000-4000K					**286.400**
	**DLT-12T** **DLT-12N** **DLT-12V**	6000-6500K 4000-4500K 2800-3200K	1320lm	Ø140x35mm	Ø105mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**283.000**
	DLT-12/3C	6500-3000-4000K					**346.500**

LED DOWNLIGHT ÂM TRẦN SERI DLE





- Thiết kế 2 trong 1, lắp âm và lắp nổi
- Tấm dẫn sáng cho ánh sáng phân bổ đồng đều, không bị ngả vàng sau thời gian dài sử dụng
- Hiệu suất chiếu sáng cao
- Ánh sáng 3 màu.
- Có khung riêng cho panel nổi.
- Giảm thời gian lắp đặt, tiết kiệm chi phí

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 110° | Instant Light 100% 0s

DIALux German Technology

2 trong 1 có thể lắp âm và lắp nổi



Khung lắp nổi cho DLE

Downlight DLE

Downlight nổi DLE

6W



6000 - 6500K (Trắng)
2800 - 3200K (Vàng)
6000 - 3000 - 4000 (3 màu)

9W



6000 - 6500K (Trắng)
2800 - 3200K (Vàng)
6000 - 3000 - 4000 (3 màu)

12W



6000 - 6500K (Trắng)
2800 - 3200K (Vàng)
6000 - 3000 - 4000 (3 màu)

18W



6000 - 6500K (Trắng)
2800 - 3200K (Vàng)
6000 - 3000 - 4000 (3 màu)

LED Downlight âm trần seri DLE - DLEL

CE | RoHS compliant | Votalge 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 110° | Instant Light 100% 0s

Seri DLE	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 6W	DLEL-6T DLEL-6V	600Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø102x50mm	Ø90mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	110.900
	DLEL-6/3C		6000-3000-4000K				151.300
 7W	DLE-7T DLE-7V	700Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø102x50mm	Ø90mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	110.900
	DLE-7/3C		6000-3000-4000K				151.300
 9W	DLEL-9T DLEL-9V	900Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø122x50mm	Ø100mm	1 cái/hộp 30 cái/thùng	130.500
	DLEL-9/3C		6000-3000-4000K				187.100
 12W	DLE-12T DLE-12V	1200Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø166x54mm	Ø150mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	189.400
	DLE-12/3C		6000-3000-4000K				283.000
 18W	DLE-18T DLE-18V	1800Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø216x55mm	Ø200mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	294.500
	DLE-18/3C		6000-3000-4000K				376.500

Khung lắp nổi

	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
 6W 7W	**SRDLE-6** Khung lắp nổi dùng cho DLEL 6W, DLE 7W cao 50mm	37.000
 9W	**SRDLE-9** Khung lắp nổi dùng cho DLEL 9W cao 50mm	43.900

Khung lắp nổi

	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
 12W	**SRDLE-12** Khung lắp nổi dùng cho DLE 12W cao 55mm	55.400
 18W	**SRDLE-18** Khung lắp nổi dùng cho DLE 18W cao 55mm	67.000

LED Downlight âm trần seri DLC

CE | RoHS compliant | Votalge 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 100° | Instant Light 100% 0s

Seri DLC	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 18W	DLC-18T	2160 lm	6000 - 6500K	Ø225x64mm	Ø200mm	1 cái/hộp 8 cái/thùng	537.100
 24W	DLC-24T	2880 lm	6000 - 6500K	Ø225x64mm	Ø200mm	1 cái/hộp 8 cái/thùng	577.500

Seri DLC 3 màu	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 3 màu 6W	DLC-6/3C	720 lm	6500-3000-4000K	Ø115x63mm	Ø90mm	1 cái/hộp 24 cái/thùng	221.800
 3 màu 9W	DLC-9/3C	1080 lm	6500-3000-4000K	Ø115x63mm	Ø90mm	1 cái/hộp 24 cái/thùng	236.800
 3 màu 12W	DLC-12/3C	1440 lm	6500-3000-4000K	Ø175x64mm	Ø150mm	1 cái/hộp 12 cái/thùng	399.600
 3 màu 18W	DLC-18/3C	2160 lm	6500-3000-4000K	Ø225x64mm	Ø200mm	1 cái/hộp 8 cái/thùng	626.000
 3 màu 24W	DLC-24/3C	2880 lm	6500-3000-4000K	Ø225x64mm	Ø200mm	1 cái/hộp 8 cái/thùng	713.800

Viền đèn dùng cho DLC 6W - 9W

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	RDLC9-GD màu vàng đồng	22.000
	RDLC9-CR màu Crom	22.000
	RDLC9-BL màu xanh da trời	22.000

Viền đèn dùng cho DLC 6W - 9W

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	RDLC9-GR màu xanh lá	22.000
	RDLC9-PK màu hồng	22.000
	RDLC9-SL màu bạc	22.000

LED Downlight âm trần seri DLF

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED COB | RA >80 | PF >0.9 | 60° | Instant Light 100% 0s

Seri DLF	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	**DLF-7T** **DLF-7V**	609 lm	6000k 3000k	Ø98x41mm	Ø80mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**404.300**
	**DLF-12T** **DLF-12V**	1200 lm	6000k 3000k	Ø113x44mm	Ø95mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**492.000**
	**DLF-20T** **DLF-20V**	1800 lm	6000k 3000k	Ø148x56mm	Ø125mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**1.025.600**
	**DLF-25T** **DLF-25V**	2500 lm	6000k 3000k	Ø198x68mm	Ø170mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**1.153.900**
	**DLF-30T** **DLF-30V**	2800 lm	6000k 3000k	Ø245x99mm	Ø225mm	1 cái/hộp 12 cái/thùng	**1.443.800**

LED Downlight âm trần seri DLF2

New

CE | RoHS compliant | Votalge 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 80° | Instant Light 100% 0s

Seri DLF2	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	DLF2-7T DLF2-7N	630Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K	Ø87x50mm	Ø65mm	1 cái/hộp 50 cái/thùng	213.400
	DLF2-12T DLF2-12N	1080Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K	Ø120x50mm	Ø100mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	260.200
	DLF2-20T DLF2-20N	1800Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K	Ø172x70mm	Ø150mm	1 cái/hộp 24 cái/thùng	372.800
	DLF2-30T DLF2-30N	2700Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K	Ø230x95mm	Ø180mm	1 cái/hộp 8 cái/thùng	536.800
	DLF2-40T DLF2-40N	3600Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K	Ø230x95mm	Ø180mm	1 cái/hộp 8 cái/thùng	598.300



LED Downlight Âm Trần Chống Ẩm IP65



- Đèn có hiệu suất cao 90 Lm/W
- Thân đèn làm nhôm cao cấp, phủ sơn tĩnh điện
- Thân đèn với khe tỏa nhiệt giúp tăng tuổi thọ đèn
- Đèn thiết kế tiêu chuẩn IP65 giúp chống nước, bụi bẩn
- Mặt đèn lõm giúp tăng chiều sâu cho chùm sáng
- Tiết kiệm điện năng, dễ dàng lắp đặt
- Không gian sang trọng, hài hòa
- Ứng dụng: Công trình nhà ở, Showroom, trung tâm thương mại...

Seri DL65	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 IP65 12W	DL65-12V	1080 lm	3000k	Ø95x98mm	Ø85mm	1 cái/hộp 48 cái/thùng	1.054.600
 IP65 20W	DL65-20V	1800 lm	3000k	Ø125x120mm	Ø115mm	1 cái/hộp 27 cái/thùng	1.582.400
 IP65 30W	DL65-30V	2700 lm	3000k	Ø150x132mm	Ø140mm	1 cái/hộp 18 cái/thùng	2.042.000

LED SURFACE LIGHT / LED ỐP TRẦN

Seri SRPL 41-41 

Seri SSPL 41-41 

Seri SRPLB 42-42 

Seri SSPLB 42-42 

Seri RPE 43-43 

Seri MRPL 44-44 

Seri SRPL/MS 45-45 

Seri SSPL/MS 45-45 

Seri SRPL/DIM 46-46 

Seri SSPL/DIM 46-46 

Seri SRDL 49-50 

Seri SSDL 49-50 

Seri SRDLB 51-51 

Seri SSDLB 51-51 

Seri DLE 52-52 

Seri MCL 53-53 

Seri CL, CL/3C 54-54 

Seri RCL, RCLH, SCL 55-55 

Thiết bị cảm biến chuyển động Wifi, Microwave, hồng ngoại, photocell 47-48

LED Panel Ốp Trần seri SRPL-SSPL

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 120° | Instant Light 100% 0s | CCT 2800-3200K 6000-6500K

Seri SRPL (Thân đèn tròn màu trắng)

Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
					
SRPL-6T SRPL-6V	500 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø120x35 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	265.100
SRPL-6/3C		3000-6500-4000K			344.300
					
SRPL-12T SRPL-12V	950 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø170x35 mm	1 cái/hộp 30 cái/thùng	390.500
SRPL-12/3C		3000-6500-4000K			508.200
					
SRPL-18T SRPL-18V	1500 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø217x35 mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	523.600
SRPL-18/3C		3000-6500-4000K			680.900
					
SRPL-24T SRPL-24V	1800 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø300x35 mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	700.700
SRPL-24/3C		3000-6500-4000K			910.800

Seri SSPL (Thân đèn vuông màu trắng)

Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
					
SSPL-6T SSPL-6V	500 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	120x120x35 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	281.600
SSPL-6/3C		3000-6500-4000K			366.300
					
SSPL-12T SSPL-12V	950 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	170x170x35 mm	1 cái/hộp 30 cái/thùng	416.900
SSPL-12/3C		3000-6500-4000K			542.300
					
SSPL-18T SSPL-18V	1500 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	217x217x35 mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	554.400
SSPL-18/3C		3000-6500-4000K			720.500
					
SSPL-24T SSPL-24V	1800 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	300x300x35 mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	742.500
SSPL-24/3C		3000-6500-4000K			965.800

LED Panel Ốp Trần seri SRPLB-SSPLB

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 120° | Instant Light 100% 0s | CCT 2800-3200K 6000-6500K

Seri SRPLB (Thân đèn tròn màu đen)	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	SRPLB-18T SRPLB-18V	1500 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø217x35 mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	576.400
	SRPLB-18/3C		3000-6500-4000K			749.100
	SRPLB-24T SRPLB-24V	1800 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø300x35 mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	770.000
	SRPLB-24/3C		3000-6500-4000K			1.002.100

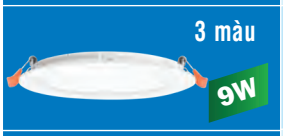
Seri SSPLB (Thân đèn vuông màu đen)	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	SSPLB-18T SSPLB-18V	1500 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	217x217x35 mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	609.400
	SSPLB-18/3C		3000-6500-4000K			793.100
	SSPLB-24T SSPLB-24V	1800 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	300x300x35 mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	817.300
	SSPLB-24/3C		3000-6500-4000K			1.062.600



LED Panel Ốp Trần Seri RPE

CE | RoHS compliant | Điện áp 110-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 120° | Instant Light 100% 0s

Seri RPE	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	RPE-6T RPE-6V	500 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø150x25mm	Ø133mm	1 cái/hộp 60 cái/thùng	167.000
	RPE-9T RPE-9V	750 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø150x25mm	Ø133mm	1 cái/hộp 60 cái/thùng	201.800
	RPE-12T RPE-12V	950 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø170x25mm	Ø152mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	248.700
	RPE-18T RPE-18V	1500 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø223x25mm	Ø203mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	359.200
	RPE-24T RPE-24V	1800 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø296x25mm	Ø279mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	514.100

Seri RPE 3 màu	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	RPE-6/3C	500 Lm	3000-6500-4000K	Ø150x25mm	Ø133mm	1 cái/hộp 60 cái/thùng	239.100
	RPE-9/3C	750 Lm	3000-6500-4000K	Ø150x25mm	Ø133mm	1 cái/hộp 60 cái/thùng	273.800
	RPE-12/3C	950 Lm	3000-6500-4000K	Ø170x25mm	Ø152mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	342.400
	RPE-18/3C	1500 Lm	3000-6500-4000K	Ø223x25mm	Ø203mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	523.700
	RPE-24/3C	1800 Lm	3000-6500-4000K	Ø296x25mm	Ø279mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	729.100

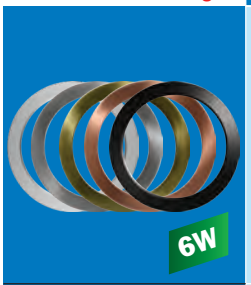
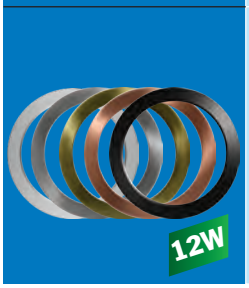
Khung lắp nổi	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	**SRPE-9** Khung lắp nổi dùng cho RPE 6W & 9W cao 25mm	57.800
	**SRPE-12** Khung lắp nổi dùng cho RPE 12W cao 25mm	69.300

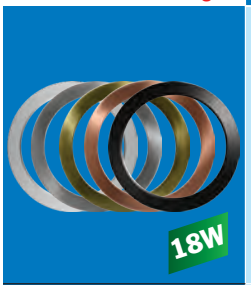
Khung lắp nổi	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	**SRPE-18** Khung lắp nổi dùng cho RPE 18W cao 25mm	80.900
	**SRPE-24** Khung lắp nổi dùng cho RPE 24W cao 25mm	92.400

LED Panel Đa Năng seri MRPL

CE | RoHS compliant | Điện áp 170-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 120° | Instant Light 100% 0s

Seri MRPL	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	**MRPL-6/3C**	470 Lm	3000-6500-4000K	Ø140x15 mm	Ø55<->100 mm ☐55x55 mm ☐85x85 mm	1 cái/hộp 60 cái/thùng	**322.300**
	**MRPL-12/3C**	1060 Lm	3000-6500-4000K	Ø165x15 mm	Ø55<->125 mm ☐55x55 mm ☐100x100 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**426.300**
	**MRPL-18/3C**	1650 Lm	3000-6500-4000K	Ø217x15 mm	Ø55<->175 mm ☐55x55 mm ☐140x140 mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**600.600**
	**MRPL-24/3C**	2500 Lm	3000-6500-4000K	Ø290x15 mm	Ø60<->250 mm ☐60x60 mm ☐190x190 mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	**851.300**

Viền LED Panel Đa Năng	Diễn giải	Đơn giá (VNĐ)
	BD-6/RG: Màu đỏ sẫm BD-6/SL: Màu bạc BD-6/BR: Màu vàng đồng BD-6/NL: Màu niken BD-6/BL: Màu đen	**92.400**
	BD-12/RG: Màu đỏ sẫm BD-12/SL: Màu bạc BD-12/BR: Màu vàng đồng BD-12/NL: Màu niken BD-12/BL: Màu đen	**114.400**

Viền LED Panel Đa Năng	Diễn giải	Đơn giá (VNĐ)
	BD-18/RG: Màu đỏ sẫm BD-18/SL: Màu bạc BD-18/BR: Màu vàng đồng BD-18/NL: Màu niken BD-18/BL: Màu đen	**143.200**
	BD-24/RG: Màu đỏ sẫm BD-24/SL: Màu bạc BD-24/BR: Màu vàng đồng BD-24/NL: Màu niken BD-24/BL: Màu đen	**205.600**

LED Panel Ốp Trần Cảm Biến Chuyển Động

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5

Seri SRPL/MS Cảm biến chuyển động	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	SRPL-12T/MS	950 Lm	6000 - 6500K	Ø170x35 mm	1 cái/hộp 30 cái/thùng	688.400
	SRPL-18T/MS	1500 Lm	6000 - 6500K	Ø217x35 mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	839.700
	SRPL-24T/MS	1800 Lm	6000 - 6500K	Ø300x35 mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	1.016.400

Seri SSPL/MS Cảm biến chuyển động	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	SSPL-12T/MS	950 Lm	6000 - 6500K	170x170x35 mm	1 cái/hộp 30 cái/thùng	726.600
	SSPL-18T/MS	1500 Lm	6000 - 6500K	217x217x35 mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	914.200
	SSPL-24T/MS	1800 Lm	6000 - 6500K	300x300x35 mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	1.101.900

LED Ốp Trần điều khiển độ sáng

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 120° | Instant Light 100% 0s | CCT 2800-3200K 6000-6500K

Seri SRPL/DIM Có thể điều chỉnh độ sáng	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	SRPL-6T/DIM SRPL-6V/DIM	500 Lm	Ø120x35 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	517.100
	SRPL-12T/DIM SRPL-12V/DIM	950 Lm	Ø170x35 mm	1 cái/hộp 30 cái/thùng	690.200
	SRPL-18T/DIM SRPL-18V/DIM	1500 Lm	Ø217x35 mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	898.100
	SRPL-24T/DIM SRPL-24V/DIM	1800 Lm	Ø300x35 mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	1.129.000

Seri SSPL/DIM Có thể điều chỉnh độ sáng	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	SSPL-6T/DIM SSPL-6V/DIM	500 Lm	120x120x35 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	540.600
	SSPL-12T/DIM SSPL-12V/DIM	950 Lm	170x170x35 mm	1 cái/hộp 30 cái/thùng	723.500
	SSPL-18T/DIM SSPL-18V/DIM	1500 Lm	217x217x35 mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	939.700
	SSPL-24T/DIM SSPL-24V/DIM	1800 Lm	300x300x35 mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	1.185.100

CẢM BIẾN HỒNG NGOẠI - ĐIỀU KHIỂN WIFI



ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT:

- Sản phẩm có mạch tích hợp và độ nhạy cao
- Cảm biến chuyển động hồng ngoại
- Cảm biến sáng tối tự động
- Tiện lợi, an toàn và tiết kiệm năng lượng
- Thiết kế hiện đại, dễ dàng cài đặt và sử dụng
- Điều khiển bằng App MPE Smart Control

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**MIR1-NT/DW** Cảm biến chuyển động hồng ngoại WIFI - Công suất tiêu thụ: 0.5W - Công suất tải: <200W - Góc quét: 90^0 - Bán kính làm việc: ≤ 4m (<24^{0}C) - Điện áp: 220-240VAC - Chiều cao lắp đặt: 2.2~4m - IP20	**865.600**
	**MIR1-NT/EW** Cảm biến chuyển động hồng ngoại WIFI - Công suất tiêu thụ: 0.5W - Công suất tải: <200W - Góc quét: 90^0 - Bán kính làm việc: ≤ 4m (<24^{0}C) - Điện áp: 220-240VAC - Chiều cao lắp đặt: 2.2~4m - IP20	**967.000**

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**MIR1-OD/W** Cảm biến chuyển động hồng ngoại WIFI - Công suất tiêu thụ: 0.5W - Công suất tải: <200W - Góc quét: 180^0 - Khoảng cách hoạt động: ≤ 12m (<24^{0}C) - Điện áp: 220-240VAC - Chiều cao lắp đặt: 1.8~2.5m - IP44	**883.000**
	**MIR2-AT/W** Cảm biến chuyển động hồng ngoại WIFI - Công suất tiêu thụ: 0.5W - Công suất tải: <200W - Góc quét: 90^0 - Khoảng cách hoạt động: ≤ 4m (<24^{0}C) - Điện áp: 220-240VAC - Chiều cao lắp đặt: 2.2~4m - IP20	**866.600**

New

Thiết bị cảm biến chuyển động Microwave, hồng ngoại, photocell

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**MWS1-NT** Cảm biến chuyển động Microwave gắn nổi Công suất tải: ≤ 200W Góc quét: 360⁰ Khoảng cách hoạt động: ≤ 8m (bán kính) IP20	**371.800**
	**MWS1-AT** Cảm biến chuyển động Microwave gắn âm Công suất tải: ≤ 200W Góc quét: 360⁰ Khoảng cách hoạt động: ≤ 8m (bán kính) IP20	**407.000**
	**MWS2-NT** Cảm biến chuyển động Microwave gắn nổi Công suất tải: ≤ 200W Góc quét: 360⁰ Khoảng cách hoạt động: ≤ 8m (bán kính) IP20	**371.800**
	**MWHD1** Đui đèn cảm biến Microwave Công suất tải: ≤ 60W Góc quét: 360⁰ Khoảng cách hoạt động: ≤ 5m (bán kính) IP20	**455.400**
	**PTC1** Cảm biến quang Photocell Công suất tải: ≤ 10A Hoạt động khi ánh sáng: < 5-15 Lux IP44	**227.700**

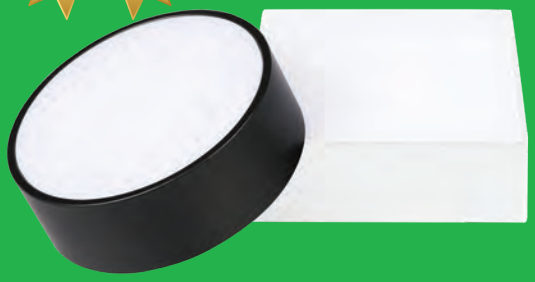
	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**IRHD1** Đui đèn cảm biến chuyển động hồng ngoại E27 Công suất tải: ≤ 60W Góc quét: 360⁰ Khoảng cách hoạt động: ≤ 6m (bán kính) Điện áp:110-240VAC Có thể điều chỉnh thời gian, độ nhạy sáng IP20	**235.400**
	**IRHD2** Đui đèn cảm biến chuyển động hồng ngoại E27 Công suất tải: ≤ 60W Góc quét: 120⁰ Khoảng cách hoạt động: ≤ 6m (bán kính) IP20	**249.700**
	**IRS1-V** Cảm biến chuyển động Hồng ngoại vuông Công suất tải: ≤ 200W Góc quét: 160⁰ Khoảng cách hoạt động: ≤ 9m (bán kính) IP20	**269.500**
	**IRS2-V** Cảm biến chuyển động Hồng ngoại vuông (mặt kính) Công suất tải: ≤ 200W Góc quét: 160⁰ Khoảng cách hoạt động: ≤ 9m (bán kính) IP20	**407.000**
	**IRS1-H** Cảm biến chuyển động Hồng ngoại chữ nhật Công suất tải: ≤ 200W Góc quét: 180⁰ Khoảng cách hoạt động: ≤ 9m (bán kính) IP20	**255.200**

LED DOWNLIGHT ỐP TRẦN TRÀN VIỀN SERI SRDL - SSDL



BẢO HÀNH 3 NĂM

New



New



Đặc tính sản phẩm

- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn Châu Âu
- Thiết kế nhỏ gọn, dễ dàng lắp đặt
- Không hồng ngoại & tia cực tím
- Không nhấp nháy, khởi động tức thì
- Thiết kế hiện đại, sang trọng
- Hiệu suất cao, tiết kiệm điện năng
- Thân thiện môi trường
- Viền đèn siêu mỏng
- Diện tích phát sáng lớn hơn, ánh sáng tràn ra các cạnh của viền

DIALux
German Technology

CE | RoHS compliant | Điện áp 110-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 110° | Instant Light 100% 0s

LED Downlight Ốp Trần Tràn Viền

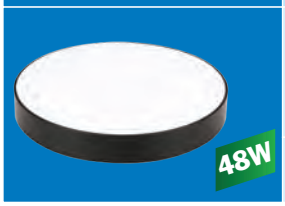
CE | RoHS compliant | Điện áp 110-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 110° | Instant Light 100% 0s

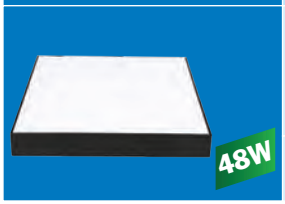
Seri SRDL (Thân đèn tròn màu trắng)	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 16W	SRDL-16T SRDL-16N SRDL-16V	1600 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø120x40mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	394.900
	SRDL-16/3C		6500-3000-4000K			568.700
 24W	SRDL-24T SRDL-24N SRDL-24V	2400 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø175x40mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	547.800
	SRDL-24/3C		6500-3000-4000K			759.000
 32W	SRDL-32T SRDL-32N SRDL-32V	3200 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø225x40mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	775.500
	SRDL-32/3C		6500-3000-4000K			1.149.500
 48W	SRDL-48T SRDL-48N SRDL-48V	4800 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø300x40mm	1 cái/hộp 8 cái/thùng	1.427.800
	SRDL-48/3C		6500-3000-4000K			2.152.700

Seri SSDL (Thân đèn vuông màu trắng)	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 16W	SSDL-16T SSDL-16N SSDL-16V	1600 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	120x120x40mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	410.300
	SSDL-16/3C		6500-3000-4000K			588.500
 24W	SSDL-24T SSDL-24N SSDL-24V	2400 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	175x175x40mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	569.800
	SSDL-24/3C		6500-3000-4000K			797.500
 32W	SSDL-32T SSDL-32N SSDL-32V	3200 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	225x225x40mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	814.000
	SSDL-32/3C		6500-3000-4000K			1.206.700
 48W	SSDL-48T SSDL-48N SSDL-48V	4800 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	300x300x40mm	1 cái/hộp 8 cái/thùng	1.499.300
	SSDL-48/3C		6500-3000-4000K			2.261.600

LED Downlight Ốp Trần Tràn Viền

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 120° | Instant Light 100% 0s

Seri SRDLB (Thân đèn tròn màu đen)	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 16W	SRDLB-16T SRDLB-16N SRDLB-16V	1600 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø120x40mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	394.900
	SRDLB-16/3C		6500-3000-4000K			568.700
 24W	SRDLB-24T SRDLB-24N SRDLB-24V	2400 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø175x40mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	547.800
	SRDLB-24/3C		6500-3000-4000K			759.000
 32W	SRDLB-32T SRDLB-32N SRDLB-32V	3200 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø225x40mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	775.500
	SRDLB-32/3C		6500-3000-4000K			1.149.500
 48W	SRDLB-48T SRDLB-48N SRDLB-48V	4800 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø300x40mm	1 cái/hộp 8 cái/thùng	1.427.800
	SRDLB-48/3C		6500-3000-4000K			2.152.700

Seri SSDLB (Thân đèn vuông màu đen)	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 16W	SSDLB-16T SSDLB-16N SSDLB-16V	1600 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	120x120x40mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	410.300
	SSDLB-16/3C		6500-3000-4000K			588.500
 24W	SSDLB-24T SSDLB-24N SSDLB-24V	2400 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	175x175x40mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	569.800
	SSDLB-24/3C		6500-3000-4000K			797.500
 32W	SSDLB-32T SSDLB-32N SSDLB-32V	3200 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	225x225x40mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	814.000
	SSDLB-32/3C		6500-3000-4000K			1.206.700
 48W	SSDLB-48T SSDLB-48N SSDLB-48V	4800 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	300x300x40mm	1 cái/hộp 8 cái/thùng	1.499.300
	SSDLB-48/3C		6500-3000-4000K			2.261.600

LED Downlight âm trần seri DLE - DLEL

CE | RoHS compliant | Votalge 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 110° | Instant Light 100% 0s

Seri DLE	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 6W	DLEL-6T DLEL-6V	600Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø102x50mm	Ø90mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	110.900
	DLEL-6/3C		6000-3000-4000K				151.300
 7W	DLE-7T DLE-7V	700Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø102x50mm	Ø90mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	110.900
	DLE-7/3C		6000-3000-4000K				151.300
 9W	DLEL-9T DLEL-9V	900Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø122x50mm	Ø100mm	1 cái/hộp 30 cái/thùng	130.500
	DLEL-9/3C		6000-3000-4000K				187.100
 12W	DLE-12T DLE-12V	1200Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø166x54mm	Ø150mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	189.400
	DLE-12/3C		6000-3000-4000K				283.000
 18W	DLE-18T DLE-18V	1800Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø216x55mm	Ø200mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	294.500
	DLE-18/3C		6000-3000-4000K				376.500

Khung lắp nổi

	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
 6W 7W	**SRDLE-6** Khung lắp nổi dùng cho DLEL 6W, DLE 7W cao 50mm	37.000
 9W	**SRDLE-9** Khung lắp nổi dùng cho DLEL 9W cao 50mm	43.900

Khung lắp nổi

	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
 12W	**SRDLE-12** Khung lắp nổi dùng cho DLE 12W cao 55mm	55.400
 18W	**SRDLE-18** Khung lắp nổi dùng cho DLE 18W cao 55mm	67.000

LED ỐP TRẦN ĐA NĂNG SERI MCL



- Driver tích hợp bên trong thân đèn siêu mỏng, thuận tiện cho việc lắp đặt
- Tấm chống chói và khuếch tán ánh sáng tốt giúp không bị chói mắt
- Đèn được thiết kế sang trọng và chắc chắn có thể lắp nổi hoặc treo
- Đèn có 3 chế độ màu

DIALux
German Technology



Đèn có thể lắp nổi, lắp treo, 3 chế độ màu

CE | RoHS compliant | Votalge 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 120° | Instant Light 100% 0s

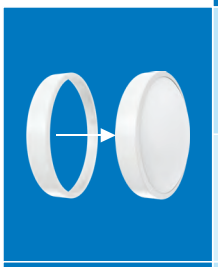
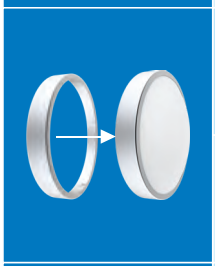
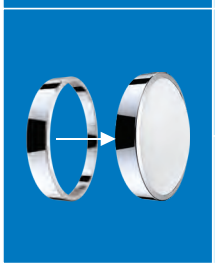
Seri MCL	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	MCL-10/3C	1200 Lm	6500-3000-4000K	Ø208x24mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	559.900
10W						
15W	MCL-15/3C	1800 Lm	6500-3000-4000K	Ø293x24mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	816.200
20W	MCL-20/3C	2400 Lm	6500-3000-4000K	Ø397x24mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	1.277.100

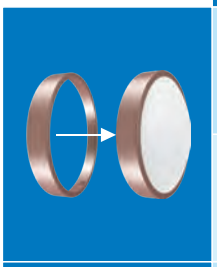
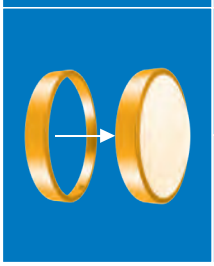
	Mã hàng Model	Công suất Watt	Diễn giải	Đơn giá (VNĐ)
	PKTCL-10	10W	Phụ kiện gắn treo cho đèn ốp trần Multi Ceiling Cáp treo dài 0.8m	218.900
	PKTCL-15	15W		244.200
	PKTCL-20	20W		271.700

LED Ốp Trần

LED ốp trần	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Điện áp Voltage	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	CL-16T CL-16N CL-16V	1200 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø300x85 mm	100 - 240V	1 cái/hộp 5 cái/thùng	380.100
	CL-22T CL-22N CL-22V	1800 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø350x85 mm	100 - 240V	1 cái/hộp 5 cái/thùng	557.900

LED ốp trần 3 chế độ	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Điện áp Voltage	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	CL-16/3C	1200 Lm	3000-6500-4000K	Ø300x85 mm	100 - 240V	1 cái/hộp 5 cái/thùng	421.600
	CL-22/3C	1800 Lm	3000-6500-4000K	Ø350x85 mm	100 - 240V	1 cái/hộp 5 cái/thùng	635.300

Viền Đèn	Diễn giải	Đơn giá (VNĐ)
	BD30-W Màu trắng (White) 16W	206.800
	BD35-W Màu trắng (White) 22W	244.900
	BD30-S Màu xám bạc (Silver) 16W	206.800
	BD35-S Màu xám bạc (Silver) 22W	244.900
	BD30-C Màu crôm (Chromi) 16W	206.800
	BD35-C Màu crôm (Chromi) 22W	244.900

Viền Đèn	Diễn giải	Đơn giá (VNĐ)
	BD30-R Màu đỏ (Red) 16W	206.800
	BD35-R Màu đỏ (Red) 22W	244.900
	BD30-G Màu vàng (Gold) 16W	206.800
	BD35-G Màu vàng (Gold) 22W	244.900

LED Ốp Trần Seri RCL, SCL

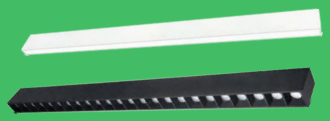
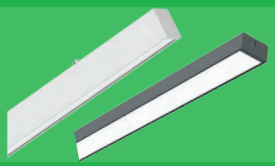
New

CE | RoHS compliant | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80



LED ốp trần Seri RCL, SCL	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Điện áp Voltage	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	RCL-30/3C	2400 Lm	4000-6500-3000K	Ø400x65mm	175 - 265V	1 cái/hộp 10 cái/thùng	1.621.300
	RCL-40/3C	3200 Lm	4000-6500-3000K	Ø480x65mm	175 - 265V	1 cái/hộp 5 cái/thùng	2.013.800
	RCLH-40/3C	2800 Lm	4000-6500-3000K	Ø540x75mm	175 - 265V	1 cái/hộp 5 cái/thùng	2.992.700
	SCL-40/3C	2400 Lm	4000-6500-3000K	540x540x80mm	175 - 265V	1 cái/hộp	3.365.600

LED SPOT LIGHT / LED CHIẾU ĐIỂM

Seri TSL, TSLB	57-58	
Seri TSL2, TSLB2	59-60	
Seri SSL	61-61	
Seri DLA, DLA2	62-63	
Seri DL65	64-64	
Seri SDL	65-65	
Seri DLS	66-66	
Seri LSE, LSR	67-67	
Seri LNC, LNE	68-69	
Seri RLS	70-70	
Seri DPL	71-71	

LED Chiếu Điểm (Gắn Ray)

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.9 | 36° | Instant Light 100% 0s

Seri TSL (Thân đèn màu trắng)	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Góc chiếu Angle	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 8W	TSL-8T TSL-8N TSL-8V	800 lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø50X159 mm	36°	1 cái/hộp 40 cái/thùng	500.700
 12W	TSL-12T TSL-12N TSL-12V	1200 lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø50X159 mm	36°	1 cái/hộp 40 cái/thùng	541.900
 20W	TSL-20T TSL-20N TSL-20V	2000 lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø60X173 mm	36°	1 cái/hộp 40 cái/thùng	829.400
 25W	TSL-25T TSL-25N TSL-25V	2500 lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø80X204 mm	36°	1 cái/hộp 5 cái/thùng	1.111.000
 30W	TSL-30T TSL-30N TSL-30V	3200 lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø80X204 mm	36°	1 cái/hộp 5 cái/thùng	1.175.800

Phụ Kiện	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**TR2** Thanh Ray 2 dây	164.000
	**I** Thanh nối I	56.700
	**L** Thanh nối L	56.700

Phụ Kiện	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**T** Thanh nối T	83.200
	**X** Thanh nối X	97.000

LED Chiếu Điểm (Gắn Ray)

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.9 | 36° | Instant Light 100% 0s

Seri TSLB (Thân đèn màu đen)	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Góc chiếu Angle	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 8W	TSLB-8T TSLB-8N TSLB-8V	800 lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø50X159 mm	36°	1 cái/hộp 40 cái/thùng	500.700
 12W	TSLB-12T TSLB-12N TSLB-12V	1200 lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø50X159 mm	36°	1 cái/hộp 40 cái/thùng	541.900
 20W	TSLB-20T TSLB-20N TSLB-20V	2000 lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø60X173 mm	36°	1 cái/hộp 40 cái/thùng	829.400
 25W	TSLB-25T TSLB-25N TSLB-25V	2500 lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø80X204 mm	36°	1 cái/hộp 5 cái/thùng	1.111.000
 30W	TSLB-30T TSLB-30N TSLB-30V	3200 lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø80X204 mm	36°	1 cái/hộp 5 cái/thùng	1.175.800

Phụ Kiện	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**TR2B** Thanh Ray 2 dây	164.000
	**IB** Thanh nối I	56.700
	**LB** Thanh nối L	56.700

Phụ Kiện	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**TB** Thanh nối T	83.200
	**XB** Thanh nối X	97.000

LED Chiếu Điểm (Gắn Ray)

New

CE | RoHS compliant | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 36° | Instant Light 100% 0s

Seri TSL2 (Thân đèn màu trắng)	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước WxHxL(mm)	Góc chiếu Angle	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	TSL2-8T TSL2-8N TSL2-8V	720Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø50x195mm	36°	1 cái/hộp 10 cái/thùng	410.600
	TSL2-12T TSL2-12N TSL2-12V	1080Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø65x220mm	36°	1 cái/hộp 10 cái/thùng	487.800
	TSL2-20T TSL2-20N TSL2-20V	1800Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø75x245mm	36°	1 cái/hộp 8 cái/thùng	663.500
	TSL2-25T TSL2-25N TSL2-25V	2250Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø75x245mm	36°	1 cái/hộp 8 cái/thùng	722.200
	TSL2-30T TSL2-30N TSL2-30V	2700Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø75x265mm	36°	1 cái/hộp 8 cái/thùng	823.000

Phụ Kiện	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**TR2** Thanh Ray 2 dây	164.000
	**I** Thanh nối I	56.700
	**L** Thanh nối L	56.700

Phụ Kiện	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**T** Thanh nối T	83.200
	**X** Thanh nối X	97.000

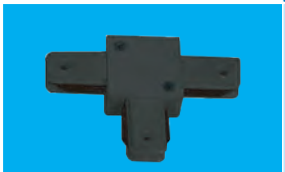
LED Chiếu Điểm (Gắn Ray)

New

CE | RoHS compliant | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 36° | Instant Light 100% 0s

Seri TSLB2 (Thân đèn màu đen)	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước WxHxL(mm)	Góc chiếu Angle	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	**TSLB2-8T** **TSLB2-8N** **TSLB2-8V**	720Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø50x195mm	36°	1 cái/hộp 10 cái/thùng	**410.600**
	**TSLB2-12T** **TSLB2-12N** **TSLB2-12V**	1080Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø65x220mm	36°	1 cái/hộp 10 cái/thùng	**487.800**
	**TSLB2-20T** **TSLB2-20N** **TSLB2-20V**	1800Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø75x245mm	36°	1 cái/hộp 8 cái/thùng	**663.500**
	**TSLB2-25T** **TSLB2-25N** **TSLB2-25V**	2250Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø75x245mm	36°	1 cái/hộp 8 cái/thùng	**722.200**
	**TSLB2-30T** **TSLB2-30N** **TSLB2-30V**	2700Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø75x265mm	36°	1 cái/hộp 8 cái/thùng	**823.000**

Phụ Kiện	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**TR2B** Thanh Ray 2 dây	**164.000**
	**IB** Thanh nối I	**56.700**
	**LB** Thanh nối L	**56.700**

Phụ Kiện	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**TB** Thanh nối T	**83.200**
	**XB** Thanh nối X	**97.000**

LED Chiếu Điểm (Gắn Nổi)

CE | RoHS compliant | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED COB | RA >80 | PF >0.5 | Instant Light 100% 0s

Seri SSL Gắn Nổi	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Góc chiếu Angle	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 7W	**SSL-7V**	609 lm	3000k	Ø56.2x97x160 mm	24⁰	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**479.500**
 12W	**SSL-12V**	1044 lm	3000k	Ø56.2x97x160 mm	24⁰	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**550.200**
 20W	**SSL-20V**	1740 lm	3000k	Ø73.2x130x210 mm	36⁰	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**1.022.600**
 25W	**SSL-25V**	2175 lm	3000k	Ø73.2x130x210 mm	36⁰	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**1.135.700**
 30W	**SSL-30V**	3045 lm	3000k	Ø89.9x140x220 mm	36⁰	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**1.500.900**

LED Downlight Điều Chỉnh Hướng Chiếu Sáng

CE | RoHS compliant | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED COB | RA >80 | PF >0.9 | 36° | Instant Light 100% 0s



- Đèn có hiệu suất cao 90 Lm/W
- Đèn xoay có thể điều chỉnh hướng sáng theo ý muốn
- 3 chế độ màu : Trắng, vàng, trung tính
- Nhôm đúc nguyên khối cao cấp, tản nhiệt tốt
- LED chip COB cao cấp, tuổi thọ 30.000 giờ
- Mặt đèn lõm giúp tăng chiều sâu cho chùm sáng
- Tiết kiệm điện năng, dễ dàng lắp đặt
- Không gian sang trọng, hài hòa
- Ứng dụng: Công trình nhà ở, Showroom, trung tâm thương mại...

Seri DLA Gắn âm	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 12W	DLA-12T DLA-12N DLA-12V	1044 lm	6000K 4000K 3000K	Ø96x75.5mm	Ø85mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	728.100
 20W	DLA-20T DLA-20N DLA-20V	1740 lm	6000K 4000K 3000K	Ø125X100mm	Ø112mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	1.227.600
 35W	DLA-35T DLA-35N DLA-35V	3045 lm	6000K 4000K 3000K	Ø164x131mm	Ø148mm	1 cái/hộp 18 cái/thùng	1.665.900
 50W	DLA-50T DLA-50N DLA-50V	4350 lm	6000K 4000K 3000K	Ø200x170mm	Ø188mm	1 cái/hộp 8 cái/thùng	2.840.500

LED Downlight Điều Chỉnh Hướng Chiếu Sáng

New

CE | RoHS compliant | Votalge 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 36° | Instant Light 100% 0s

Seri DLA2	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 Mặt Tròn 3W	**DLA2R-3T** **DLA2R-3V**	250Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø90x40mm	Ø68mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**104.900**
 Mặt Tròn 5W	**DLA2R-5T** **DLA2R-5V**	450Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø90x40mm	Ø68mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**108.100**
 Mặt Tròn 7W	**DLA2R-7T** **DLA2R-7V**	630Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø90x40mm	Ø68mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**112.400**
 Mặt vuông 3W	**DLA2S-3T** **DLA2S-3V**	250Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø90x40mm	Ø68mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**104.900**
 Mặt vuông 5W	**DLA2S-5T** **DLA2S-5V**	450Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø90x40mm	Ø68mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**108.100**
 Mặt vuông 7W	**DLA2S-7T** **DLA2S-7V**	630Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	Ø90x40mm	Ø68mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**112.400**



LED Downlight Âm Trần Chống Ẩm IP65

CE | RoHS compliant | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED COB | RA >80 | PF >0.5 | 24° | Instant Light 100% 0s



- Đèn có hiệu suất cao 90 Lm/W
- Thân đèn làm nhôm cao cấp, phủ sơn tĩnh điện
- Thân đèn với khe tỏa nhiệt giúp tăng tuổi thọ đèn
- Đèn thiết kế tiêu chuẩn IP65 giúp chống nước, bụi bẩn
- Mặt đèn lõm giúp tăng chiều sâu cho chùm sáng
- Tiết kiệm điện năng, dễ dàng lắp đặt
- Không gian sang trọng, hài hòa
- Ứng dụng: Công trình nhà ở, Showroom, trung tâm thương mại...

Seri DL65	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 IP65 12W	**DL65-12V**	1080 lm	3000k	Ø95x98mm	Ø85mm	1 cái/hộp 48 cái/thùng	**1.054.600**
 IP65 20W	**DL65-20V**	1800 lm	3000k	Ø125x120mm	Ø115mm	1 cái/hộp 27 cái/thùng	**1.582.400**
 IP65 30W	**DL65-30V**	2700 lm	3000k	Ø150x132mm	Ø140mm	1 cái/hộp 18 cái/thùng	**2.042.000**

LED Chiếu Điểm (Gắn Nổi)

CE | RoHS compliant | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED COB | RA >80 | PF >0.5 | 24⁰ | Instant Light 100% 0s

Seri SDL Gắn Nổi	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Góc chiếu Angle	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 12W	**SDL-12T** **SDL-12V**	1044 lm	6000k 3000k	Ø80.6x100mm	24⁰	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**653.900**
 18W	**SDL-18T** **SDL-18V**	2000 lm	6000k 3000k	Ø105x135mm	24⁰	1 cái/hộp 12 cái/thùng	**1.115.700**
 24W	**SDL-25T** **SDL-25V**	2600 lm	6000k 3000k	Ø145.8x170mm	24⁰	1 cái/hộp 18 cái/thùng	**1.323.000**



LED Downlight Âm Trần

New

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED COB | RA >80 | PF >0.5 | 24° | Instant Light 100% 0s

Seri DLS	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 7W	DLS-107T DLS-107N DLS-107V	595Lm	6500k 4000k 3000k	122x122x115 mm	100x100mm	1 cái/hộp 18 cái/thùng	**839.800**
 7Wx2	DLS-207T DLS-207N DLS-207V	595x2Lm	6500k 4000k 3000k	122x220x115 mm	100x200mm	1 cái/hộp 12 cái/thùng	**1.347.500**
 12W	DLS-112T DLS-112N DLS-112V	1020Lm	6500k 4000k 3000k	140x140x130 mm	120x120mm	1 cái/hộp 18 cái/thùng	**966.500**
 12Wx2	DLS-212T DLS-212N DLS-212V	1020x2Lm	6500k 4000k 3000k	140x270x130 mm	120x250mm	1 cái/hộp 6 cái/thùng	**1.722.700**
 12Wx3	DLS-312T DLS-312N DLS-312V	1020x3Lm	6500k 4000k 3000k	140x390x130 mm	120x370mm	1 cái/hộp 4 cái/thùng	**2.662.100**
 20W	DLS-120T DLS-120N DLS-120V	1650Lm	6500k 4000k 3000k	140x140x130 mm	120x120mm	1 cái/hộp 12 cái/thùng	**1.354.900**
 20Wx2	DLS-220T DLS-220N DLS-220V	1650x2Lm	6500k 4000k 3000k	140x270x130 mm	120x250mm	1 cái/hộp 9 cái/thùng	**2.697.900**
 20Wx3	DLS-320T DLS-320N DLS-320V	1650x3Lm	6500k 4000k 3000k	140x390x130 mm	120x370mm	1 cái/hộp 9 cái/thùng	**4.022.100**

LED THANH / LINEAR





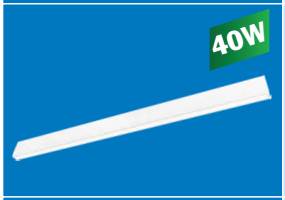
ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT:

- Hiệu suất chiếu sáng cao, ánh sáng trung thực
- Công suất chiếu sáng: 40W
- Ánh sáng: Trắng, vàng, trung tính
- Đèn được thiết kế 2 màu trắng, đen
- Thấu kính truyền sáng cao giúp phân bổ ánh sáng đồng đều
- Lắp đặt nhanh, tiết kiệm chi phí
- Tiết kiệm điện năng, thân thiện môi trường

ỨNG DỤNG:

- Chiếu sáng văn phòng, Showroom, nhà ở, căn hộ, siêu thị, bệnh viện, trung tâm thương mại...

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | RA >80 | PF >0.5 | 36-120° | Instant Light 100% 0s | DIALux German Technology

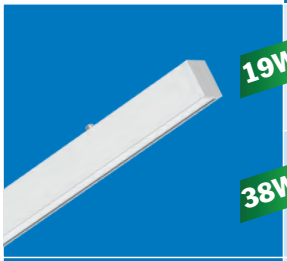
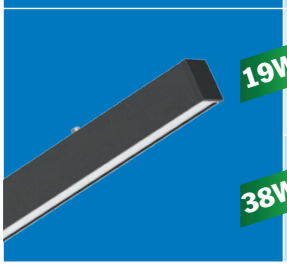
LED Thanh Gắn Treo	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Góc chiếu Angle	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	**LSEW-40T** **LSEW-40N** **LSEW-40V**	3200 lm	6000K 4000K 3000K	1200X43.3X66 mm	15⁰	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**3.161.400**
	**LSEB-40T** **LSEB-40N** **LSEB-40V**	3200 lm	6000K 4000K 3000K	1200X43.3X66 mm	15⁰	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**3.161.400**
	**LSRW-40T** **LSRW-40N** **LSRW-40V**	1800 lm	6000K 4000K 3000K	1200X43.3X66 mm	120⁰	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**1.563.100**
	**LSRB-40T** **LSRB-40N** **LSRB-40V**	1800 lm	6000K 4000K 3000K	1200X43.3X66 mm	120⁰	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**1.563.100**

LED Thanh / Linear

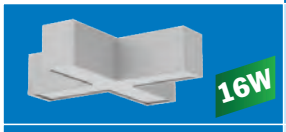
New

CE | RoHS compliant | EMC | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD2835 | RA >80 | PF >0.9 | 110° | Instant Light 100% 0s

LED Thanh Điểm Nối Có Đèn seri LNC

Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size (LxWxH)	Góc chiếu Angle	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 19W LNCW-19T LNCW-19N	1900Lm	6500K 4000K	600x49x58 mm	110°	1 cái/hộp 6 cái/thùng	2.379.500
38W LNCW-38T LNCW-38N	4180Lm	6500K 4000K	1200x49x58 mm	110°	1 cái/hộp 6 cái/thùng	2.875.400
 19W LNCB-19T LNCB-19N	1900Lm	6500K 4000K	600x49x58 mm	110°	1 cái/hộp 6 cái/thùng	2.379.500
38W LNCB-38T LNCB-38N	4180Lm	6500K 4000K	1200x49x58 mm	110°	1 cái/hộp 6 cái/thùng	2.875.400

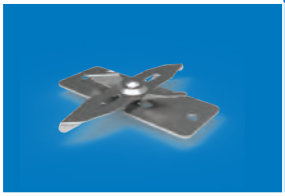
Phụ Kiện có đèn dùng cho seri LNC

Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size (mm)	Diễn giải	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 16W LXW-16T LXW-16N	1600Lm	6500K 4000K	252x252x49x58 mm	Thanh nối X thân màu trắng	1 cái/hộp 16 cái/thùng	2.319.900
 12W LTW-12T LTW-12N	1200Lm	6500K 4000K	252x151x49x58 mm	Thanh nối T thân màu trắng	1 cái/hộp 16 cái/thùng	1.753.300
 8W LLW-8T LLW-8N	800Lm	6500K 4000K	151x151x49x58 mm	Thanh nối L thân màu trắng	1 cái/hộp 16 cái/thùng	1.304.900
 16W LXB-16T LXB-16N	1600Lm	6500K 4000K	252x252x49x58 mm	Thanh nối X thân màu đen	1 cái/hộp 16 cái/thùng	2.319.900
 12W LTB-12T LTB-12N	1200Lm	6500K 4000K	252x151x49x58 mm	Thanh nối T thân màu đen	1 cái/hộp 16 cái/thùng	1.753.300
 8W LLB-8T LLB-8N	800Lm	6500K 4000K	151x151x49x58 mm	Thanh nối L thân màu đen	1 cái/hộp 16 cái/thùng	1.304.900

Phụ Kiện dùng cho seri LNC

Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
 **LH** Phụ kiện treo	279.800
 **LA** Phụ kiện âm	196.600

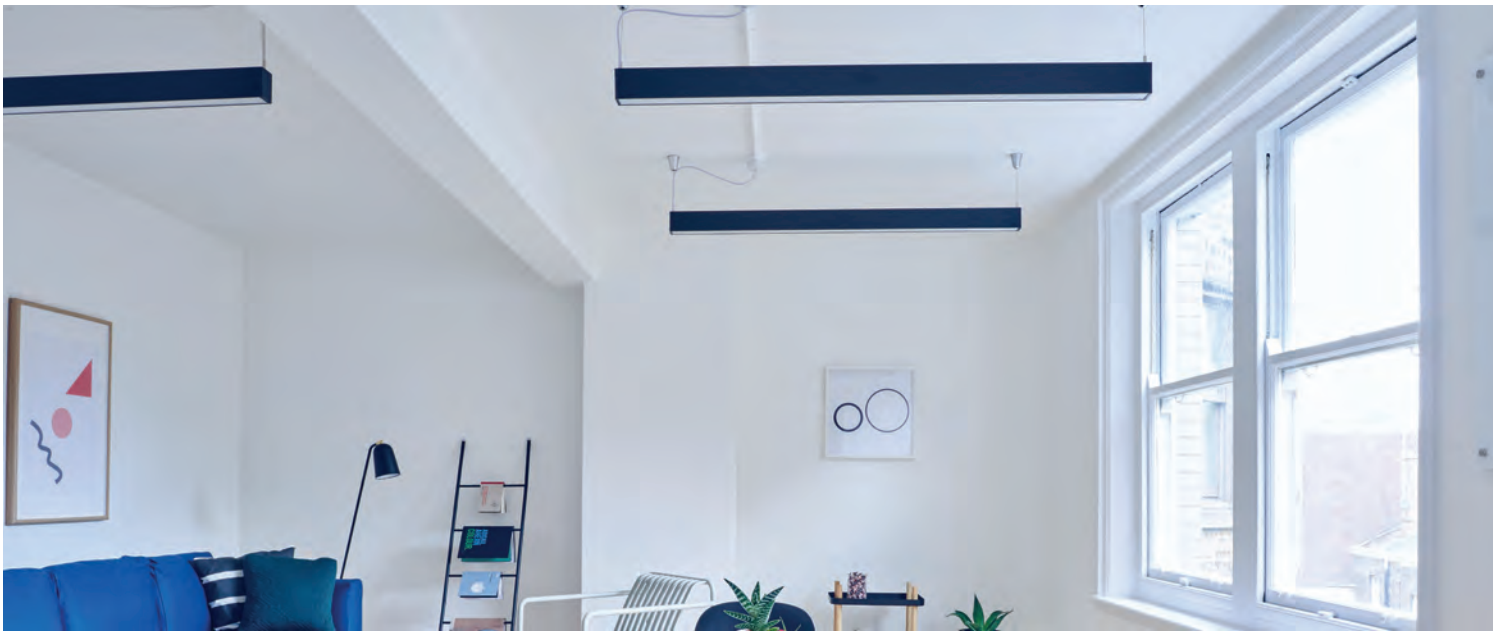
Phụ Kiện dùng cho seri LNC

Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
 **LS** Phụ kiện nổi	103.200

LED Thanh / Linear

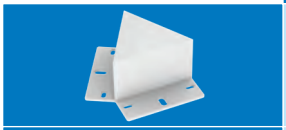
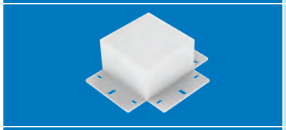
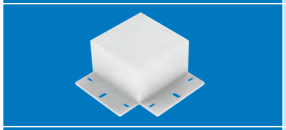
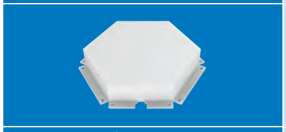
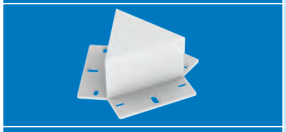
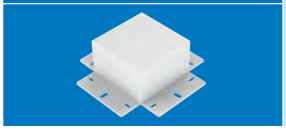
New

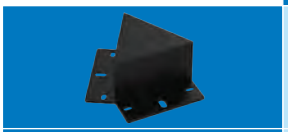
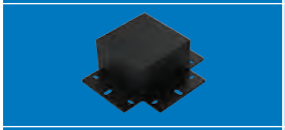
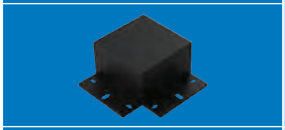
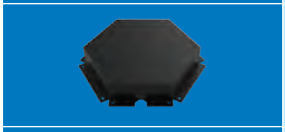
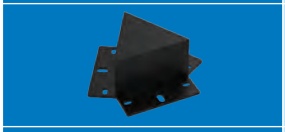
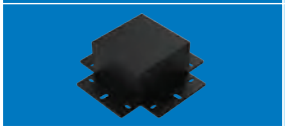
CE | RoHS compliant | EMC | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD2835 | RA >80 | PF >0.9 | 110° | Instant Light 100% 0s



LED Thanh Loại Tiết Kiệm Seri LNE

	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size (LxWxH)	Góc chiếu Angle	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	**LNEB-36T** **LNEB-36N**	3420Lm	6500K 4000K	1200x70x40 mm	110°	1 cái/hộp 10 cái/thùng	**1.734.300**
	**LNEW-36T** **LNEW-36N**	3420Lm	6500K 4000K	1200x70x40 mm	110°	1 cái/hộp 10 cái/thùng	**1.734.300**

Phụ Kiện dùng cho seri LNE	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**LEW-V** - Thanh nối V - Màu trắng	**73.200**
	**LEW-T** - Thanh nối T - Màu trắng	**73.200**
	**LEW-L** - Thanh nối L - Màu trắng	**73.200**
	**LEW-H** - Thanh nối H - Màu trắng	**73.200**
	**LEW-Y** - Thanh nối Y - Màu trắng	**73.200**
	**LEW-X** - Thanh nối X - Màu trắng	**73.200**

Phụ Kiện dùng cho seri LNE	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**LEB-V** - Thanh nối V - Màu đen	**73.200**
	**LEB-T** - Thanh nối T - Màu đen	**73.200**
	**LEB-L** - Thanh nối L - Màu đen	**73.200**
	**LEB-H** - Thanh nối H - Màu đen	**73.200**
	**LEB-Y** - Thanh nối Y - Màu đen	**73.200**
	**LEB-X** - Thanh nối X - Màu đen	**73.200**

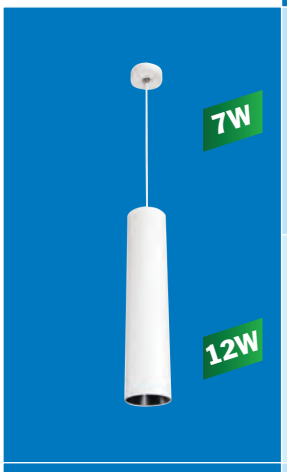
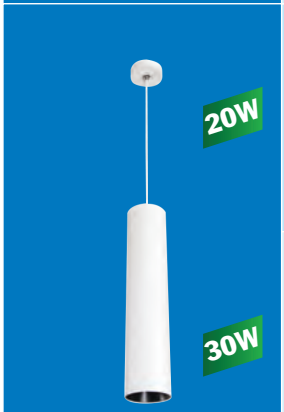
Đèn LED Thanh Chiếu Điểm

CE | RoHS compliant | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED COB | RA >80 | PF >0.5 | Instant Light 100% 0s

Seri RLS	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Góc chiếu Angle	Kích thước Size	Kích thước đục lỗ Cut out	Đơn giá (VNĐ)
 4W	RLS-02	300 lm	4000K	10⁰ 36⁰ 48⁰	74x56x80mm	58x42mm	384.700
 6W	RLS-03	450 lm	4000K	10⁰ 36⁰ 48⁰	101x56x80mm	85x42mm	443.500
 10W	RLS-05	750 lm	4000K	10⁰ 36⁰ 48⁰	154x56x80mm	138x42mm	567.200
 20W	RLS-10	1500 lm	4000K	10⁰ 36⁰ 48⁰	287x56x80mm	271x42mm	1.860.800
 30W	RLS-15	2500 lm	4000K	10⁰ 36⁰ 48⁰	420x56x80mm	402x42mm	2.389.800
 20W	RLS-10-2C	1300 lm	4000K	10⁰ 36⁰ 48⁰	1017x56x80mm	1000x48mm	2.646.200
 30W	RLS-12-3C	1950 lm	4000K	10⁰ 36⁰ 48⁰	1217x56x80mm	1200x48mm	3.224.800
 40W	RLS-15-4C	2600 lm	4000K	10⁰ 36⁰ 48⁰	1517x56x80mm	1500x48mm	3.868.200
 30W	RLS-10-F	2700 lm	4000K	10⁰ 36⁰ 48⁰	1017x56x80mm	1000x48mm	3.143.900
 40W	RLS-12-F	3600 lm	4000K	10⁰ 36⁰ 48⁰	1217x56x80mm	1200x48mm	3.564.300
 50W	RLS-15-F	4500 lm	4000K	10⁰ 36⁰ 48⁰	1517x56x80mm	1500x48mm	4.636.200

LED Chiếu Điểm (Dạng Treo)

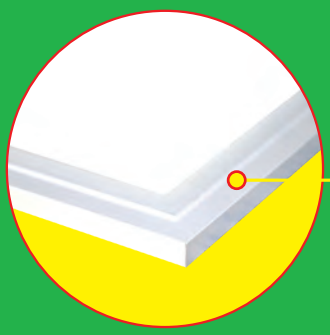
CE | RoHS compliant | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED COB | RA >80 | PF >0.5 | 24° | Instant Light 100% 0s

Seri DPL	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Góc chiếu Angle	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	DPL-7V	490 lm	3000k	Ø45x300 mm Dây treo dài 1m	24⁰	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**688.400**
	DPL-12V	950 lm	3000k	Ø55x300 mm Dây treo dài 1m	24⁰	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**851.300**
	DPL-20V	1500 lm	3000k	Ø65X300 mm Dây treo dài 1m	24⁰	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**1.224.300**
	DPL-30V	2400 lm	3000k	Ø75X300 mm Dây treo dài 1m	24⁰	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**1.490.000**



LED TẤM LOẠI LỚN SERI FPL





Viền đèn làm bằng hợp kim nhôm sơn tĩnh điện, chống oxy hóa, chống rung, chống ăn mòn, tản nhiệt nhanh.



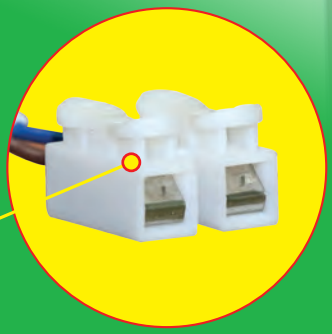
Sử dụng chip LED cao cấp, có tuổi thọ và hiệu suất ánh sáng cao.



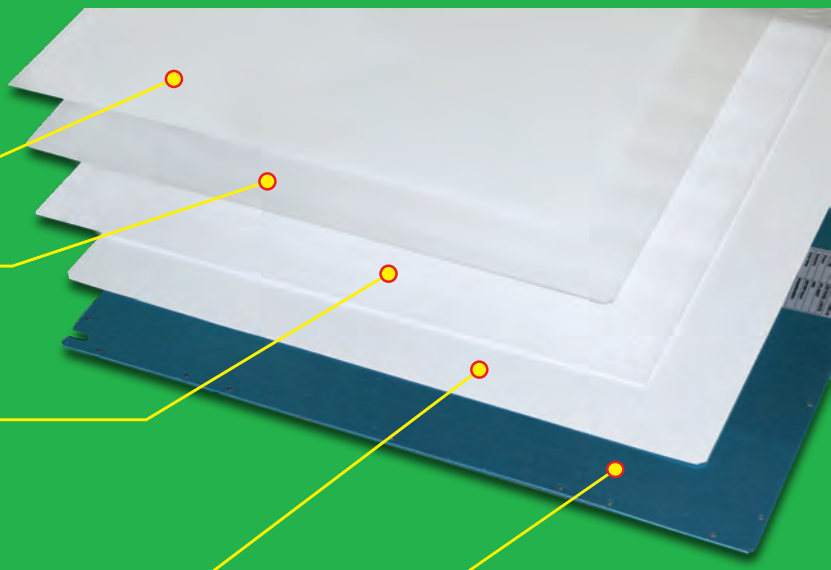
Ánh sáng ổn định, độ bền cao.



Kết nối Driver với đèn dễ dàng an toàn khi sử dụng.



Domino kết nối dễ dàng, an toàn với nguồn điện.



Tấm chống chói mắt (LDP).

Tấm dẫn ánh sáng bằng nhựa PMMA - **MITSUBISHI** cho ánh sáng phân bổ đồng đều.

Tấm cản ánh sáng ngược lại (LRP).

Tấm lót bảo vệ.

Tấm ốp lưng cạnh bo góc ngăn không để ánh sáng phát ra ngoài, độ thẩm mỹ cao.

LED Tấm Loại Lớn

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.9 | 120° | Instant Light 100% 0s

Seri FPL	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VND)
 20W	FPL-3030T FPL-3030N FPL-3030V	1800 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	300x300x10 mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	**766.500**
 25W	FPL-6030T FPL-6030N FPL-6030V	2250 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	600x300x10 mm	1 cái/hộp 5 cái/thùng	**1.040.700**
 40W	FPL-6060T FPL-6060N FPL-6060V	3600 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	600x600x10 mm	1 cái/hộp 5 cái/thùng	**1.354.800**
	New FPL-6060/3C		3000-6500-4000K			**1.845.800**
 40W	FPL-12030T FPL-12030N FPL-12030V	3600 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	1200x300x10 mm	1 cái/hộp 5 cái/thùng	**1.581.600**
 60W	FPL-12060T FPL-12060N FPL-12060V	5400 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	1200x600x10 mm	1 cái/hộp 5 cái/thùng	**4.064.200**

MPE LED TẤM LOẠI LỚN SERI FPD - FPL2





- Bảo hành 3 năm
- Hiệu suất sáng 100 lm/W
- Ánh sáng trung thực Ra>80
- Giải nhiệt tốt, tuổi thọ cao
- Chất liệu: Khung bộ đèn làm bằng hợp kim nhôm, mặt sau làm bằng kim loại sơn tĩnh điện giúp tản nhiệt nhanh, tăng tuổi thọ của chip LED
- Sử dụng tấm dẫn sáng có hệ số truyền sáng cao, giúp ánh sáng phân bổ đồng đều
- Đèn LED sử dụng chip Led có hiệu suất phát quang cao, tiết kiệm điện, chất lượng ánh sáng tốt cho mắt



CE RoHS compliant

DIALux
German Technology

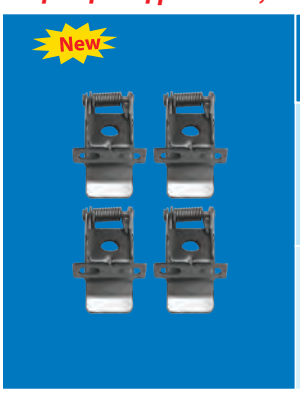
Seri FPD	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VND)
 20W	FPD-3030T FPD-3030N	2000 Lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k	300x300x35 mm	1 cái/hộp 5 cái/thùng	650.800
 40W	FPD-6060T FPD-6060N	4000 Lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k	600x600x35 mm	1 cái/hộp 5 cái/thùng	1.055.200
	FPD-6060/3C		6500-3000-4000K			1.566.900
 40W	FPD-12030T FPD-12030N	4000 Lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k	1200x300x35 mm	1 cái/hộp 5 cái/thùng	1.344.700

Phụ kiện gắn treo dùng cho seri FPD, FPL2 và LCR



Mã hàng Model	Đơn giá (VND)
PKD-60 4 dây treo dài 1m	131.100
PKD-120 6 dây treo dài 1m	195.100

Phụ kiện kẹp 60x60, 120x30 cho seri FPD, FPL2 và LCR



Mã hàng Model	Đơn giá (VND)
CKPD-60 4 cái	64.000
CKPD-120 6 cái	91.300

LED Tấm Điều Chỉnh Độ Sáng

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 120° | Instant Light 100% 0s

Seri FPL điều chỉnh độ sáng

	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VND)
	FPL-3030T/DIM FPL-3030N/DIM FPL-3030V/DIM	1800 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	300x300x10 mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	1.177.800
	FPL-6030T/DIM FPL-6030N/DIM FPL-6030V/DIM	2250 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	600x300x10 mm	1 cái/hộp 5 cái/thùng	1.476.100
	FPL-6060T/DIM FPL-6060N/DIM FPL-6060V/DIM	3600 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	600x600x10 mm	1 cái/hộp 5 cái/thùng	2.119.900
	FPL-12030T/DIM FPL-12030N/DIM FPL-12030V/DIM	3600 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	1200x300x10 mm	1 cái/hộp 5 cái/thùng	2.307.100

Seri FPL2

	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VND)
	FPL2-6060T FPL2-6060N	4000 Lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k	600x600x27 mm	1 cái/hộp 5 cái/thùng	1.278.100
	FPL2-6060/3C		6500-3000-4000K			1.741.900

Phụ kiện gắn treo cho seri FPL



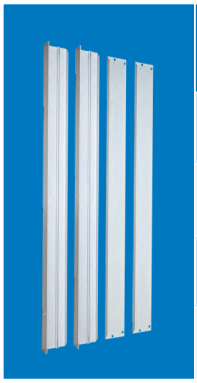
Mã hàng Model	Đơn giá (VND)
PKL-60 4 dây treo dài 1m	131.100
PKL-120 6 dây treo dài 1m	195.100

Phụ kiện kẹp 60x60, 120x30 cho seri FPL



Mã hàng Model	Đơn giá (VND)
CKPL-60 4 cái	64.000
CKPL-120 6 cái	91.300

Phụ kiện gắn nổi cho seri FPL



Mã hàng Model	Đơn giá (VND)
SMPL-3030	302.600
SMPL-6030	375.400
SMPL-6060	485.100
SMPL-12030	519.800

LED Lớp Học

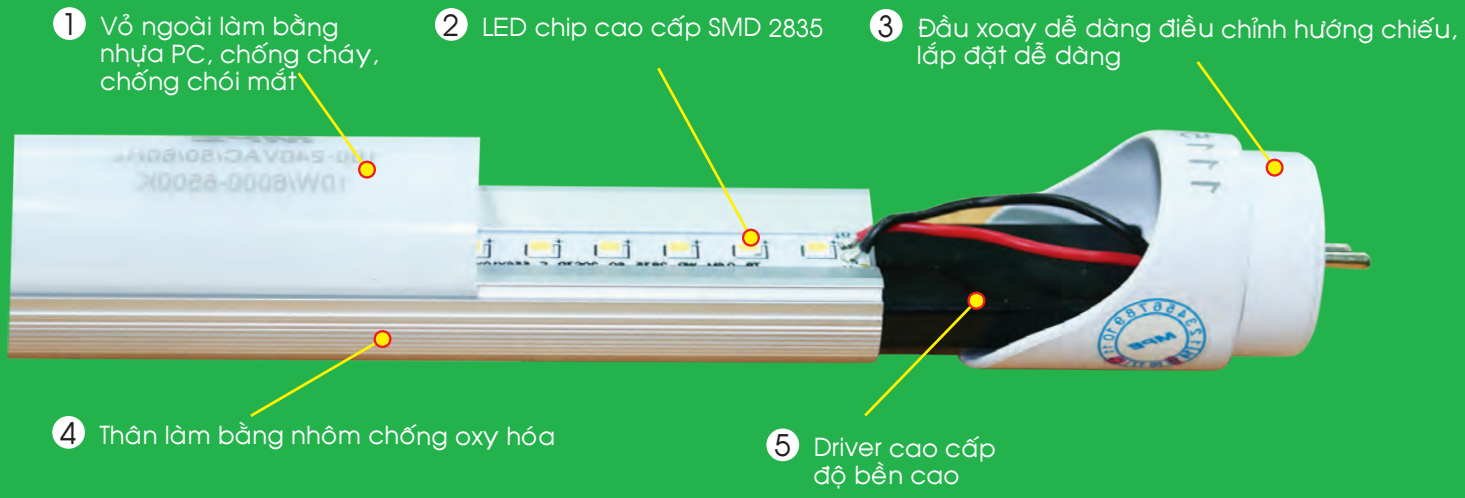
New

CE | RoHS compliant | EMC | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >95 | UGR <16 | PF >0.9 | 110°

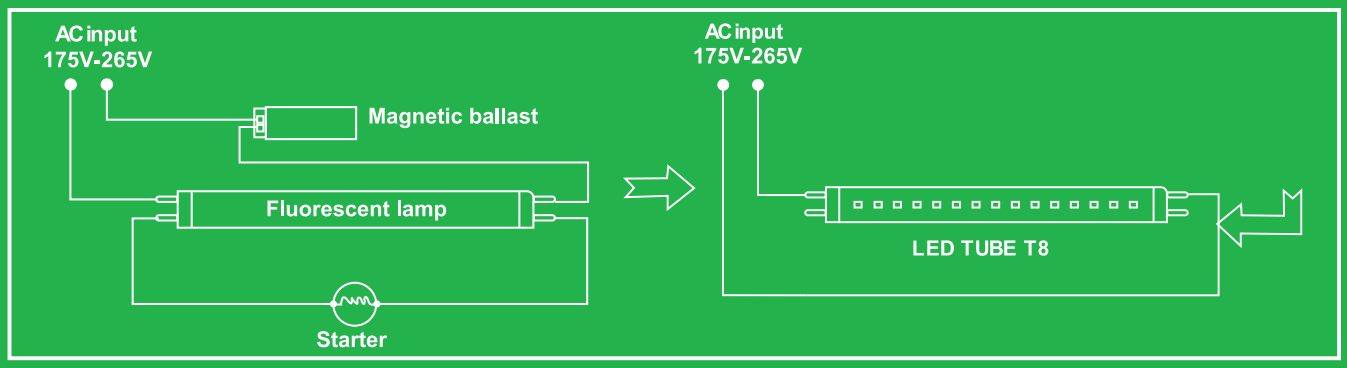


Seri LCR

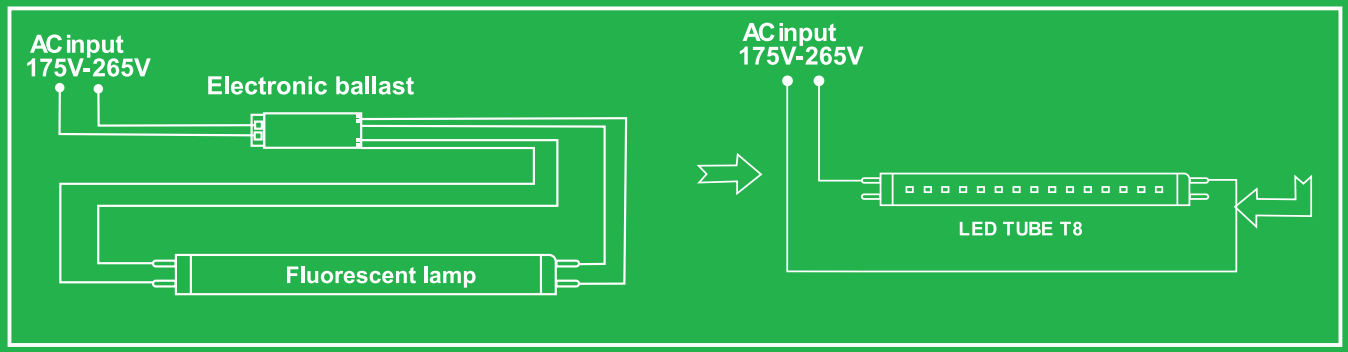
Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VND)
 RA > 95 UGR < 16 40W	**LCR-6060T**	3600 Lm	5500K	600x600x35mm	1 cái/hộp 5 cái/thùng	**1.919.700**
 RA > 95 UGR < 16 40W	**LCR-12030T**	3600 Lm	5500K	1200x300x35mm	1 cái/hộp 5 cái/thùng	**2.080.200**



1. Cách nối dây tăng phô cơ từ huỳnh quang sang LED



1. Cách nối dây tăng điện tử từ huỳnh quang sang LED

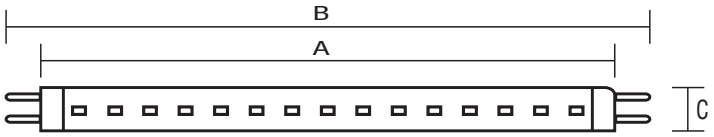


LED Tube nhôm

CE | RoHS compliant | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | Instant Light 100% 0s

LED Tube Nhôm	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Góc chiếu Angle	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	LT8-60T LT8-60V	950 lm	6000 - 6500k 2800 - 3200k	160°	A - 588 B - 603 C -ø26	1 cái/hộp 25 cái/thùng	213.700
	LT8-120T LT8-120V	1850 lm	6000 - 6500k 2800 - 3200k	160°	A - 1197 B - 1213 C - ø 26	1 cái/hộp 25 cái/thùng	254.100

Kích thước:



Máng Batten LED Tube T8	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**EMDK-110** Máng Batten LED Tube 1x10W, 0.6m	55.400
	EMDK-120 Máng Batten LED Tube 1x20W, 1.2m	64.700

Máng Batten LED Tube T8	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**EMDK-210** Máng Batten LED Tube 2x10W, 0.6m	71.600
	EMDK-220 Máng Batten LED Tube 2x20W, 1.2m	83.200

Bộ Máng LED Tube Nhôm (bao gồm bóng)	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**MLT-110T** Bộ máng Batten LED Tube 1x10W, 0,6m Ánh sáng trắng	269.200
	MLT-110V Bộ máng Batten LED Tube 1x10W, 0,6m Ánh sáng vàng	269.200
	**MLT-210T** Bộ máng Batten LED Tube 2x10W, 0,6m Ánh sáng trắng	499.000
	MLT-210V Bộ máng Batten LED Tube 2x10W, 0,6m Ánh sáng vàng	499.000

Bộ Máng LED Tube Nhôm (bao gồm bóng)	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**MLT-120T** Bộ máng Batten LED Tube 1x20W, 1,2m Ánh sáng trắng	318.800
	MLT-120V Bộ máng Batten LED Tube 1x20W, 1,2m Ánh sáng vàng	318.800
	**MLT-220T** Bộ máng Batten LED Tube 2x20W, 1,2m Ánh sáng trắng	591.400
	MLT-220V Bộ máng Batten LED Tube 2x20W, 1.2m Ánh sáng vàng	591.400

LED Tube Thủy Tinh

CE | RoHS compliant | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | Instant Light 100% 0s

LED Tube Thủy Tinh	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Góc chiếu Angle	Kích thước Size (mm)	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	GT-60T GT-60V	1000 lm	6000 - 6500k 2800 - 3200k	330⁰	600x26mm	1 cái/hộp 25 cái/thùng	82.400
	GT-120T GT-120V	2000 lm	6000 - 6500k 2800 - 3200k	330⁰	1200x26mm	1 cái/hộp 25 cái/thùng	113.700
	GT8-60T GT8-60V	1200 lm	6000 - 6500k 2800 - 3200k	330⁰	600x26mm	1 cái/hộp 25 cái/thùng	82.400
	GT8-120T GT8-120V	2400 lm	6000 - 6500k 2800 - 3200k	330⁰	1200x26mm	1 cái/hộp 25 cái/thùng	113.700

Bộ Máng LED Tube Thủy tinh (bao gồm bóng)	Mã hàng Model	Diễn giải	Kích thước	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	MGT-110T MGT8-110T	Bộ máng Batten LED Tube thủy tinh 1x9W 0.6m, ánh sáng trắng	600mm	12 cái/thùng	137.800
	MGT-110V MGT8-110V	Bộ máng Batten LED Tube thủy tinh 1x9W 0.6m, ánh sáng vàng			
	MGT-120T MGT8-120T	Bộ máng Batten LED Tube thủy tinh 1x18W 1.2m, ánh sáng trắng	1200mm	12 cái/thùng	161.300
	MGT-120V MGT8-120V	Bộ máng Batten LED Tube thủy tinh 1x18W 1.2m, ánh sáng vàng			
	MGT-210T MGT8-210T	Bộ máng Batten LED Tube thủy tinh 2x9W 0.6m, ánh sáng trắng	600mm	-	236.400
	MGT-210V MGT8-210V	Bộ máng Batten LED Tube thủy tinh 2x9W 0.6m, ánh sáng vàng			
	MGT-220T MGT8-220T	Bộ máng Batten LED Tube thủy tinh 2x18W 1.2m, ánh sáng trắng	1200mm	-	287.400
	MGT-220V MGT8-220V	Bộ máng Batten LED Tube thủy tinh 2x18W 1.2m, ánh sáng vàng			

MPE



LED TUBE THỦY TINH GT2



LED TUBE THỦY TINH GT3



LED TUBE THỦY TINH GT5



LED TUBE THỦY TINH GT8

EMC

RA >80

Siêu Bền
Siêu Sáng - Siêu Tiết Kiệm

Bảo Hành 5 Năm Đầu Tiên Và Duy Nhất Trên Thị Trường

CE RoHS compliant

DIALux German Technology

LED Tube Thủy Tinh	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Góc chiếu Angle	Kích thước Size (mm)	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	GT8-120T GT8-120V	2400 lm	6000 - 6500k 2800 - 3200k	330⁰	1200x26mm	1 cái/hộp 25 cái/thùng	113.700
	GT2-120T GT2-120V	2500 lm	6000 - 6500k 2800 - 3200k	330⁰	1200x26mm	1 cái/hộp 25 cái/thùng	120.000
	GT5-120T GT5-120V	2600 lm	6000 - 6500k 2800 - 3200k	330⁰	1200x26mm	1 cái/hộp 25 cái/thùng	125.000
	GT3-120T GT3-120V	3000 lm	6000 - 6500k 2800 - 3200k	330⁰	1200x26mm	1 cái/hộp 25 cái/thùng	130.000

LED Tube Nhựa Nano

CE | RoHS compliant | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | Instant Light 100% 0s

LED Tube Nhựa Nano+PC

Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Góc chiếu Angle	Kích thước Size (mm)	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 NT8-60T NT8-60V	950 lm	6000 - 6500k 2800 - 3200k	270°	600 x 26	1 cái/hộp 25 cái/thùng	129.400
 NT8-120T NT8-120V	1850 lm	6000 - 6500k 2800 - 3200k	270°	1200 x 26	1 cái/hộp 25 cái/thùng	164.000

Bộ Máng LED Tube Nhựa Nano+PC (bao gồm bóng)

Mã hàng Model	Diễn giải	Kích thước	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 MNT-110T	Bộ máng Batten LED Tube Nano 1x9W 0.6m, ánh sáng trắng	600mm	12 cái/thùng	184.800
MNT-110V	Bộ máng Batten LED Tube Nano 1x9W 0.6m, ánh sáng vàng			
 MNT-120T	Bộ máng Batten LED Tube Nano 1x18W 1.2m, ánh sáng trắng	1200mm	12 cái/thùng	228.700
MNT-120V	Bộ máng Batten LED Tube Nano 1x18W 1.2m, ánh sáng vàng			
 MNT-210T	Bộ máng Batten LED Tube Nano 2x9W 0.6m, ánh sáng trắng	600mm	-	330.300
MNT-210V	Bộ máng Batten LED Tube Nano 2x9W 0.6m, ánh sáng vàng			
 MNT-220T	Bộ máng Batten LED Tube Nano 2x18W 1.2m, ánh sáng trắng	1200mm	-	411.200
MNT-220V	Bộ máng Batten LED Tube Nano 2x18W 1.2m, ánh sáng vàng			

Bộ máng LED Tube Siêu mỏng (bao gồm bóng)

Mã hàng Model	Diễn giải	Kích thước	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 BT8-60T	Bộ máng Batten LED Tube siêu mỏng 0.6m, ánh sáng trắng	600mm	12 cái/thùng	224.100
BT8-60V	Bộ máng Batten LED Tube siêu mỏng 0.6m, ánh sáng vàng			
 BT8-120T	Bộ máng Batten LED Tube siêu mỏng 1.2m, ánh sáng trắng	1200mm	12 cái/thùng	290.000
BT8-120V	Bộ máng Batten LED Tube siêu mỏng 1.2m, ánh sáng vàng			

LED Tube Diệt Khuẩn, Cảm Biến Chuyển Động, Chống Nổ

CE | RoHS compliant | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | Instant Light 100% 0s

LED Tube diệt khuẩn Có Cảm Biến Chuyển Động

	Mã hàng Model	Khoảng cách cảm biến	Không gian khử khuẩn	Bước sóng UVC & UVA	Góc chiếu Angle	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	LT8-60UV	5m	8m³	275-400nm	120°	600mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	2.942.500
	LT8-120UV	5m	8m³	275-400nm	120°	1200mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	5.494.500

LED Tube T8 Cảm Biến Chuyển Động

	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Góc chiếu Angle	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	LT8-60T/MS	950 lm	6000 - 6500k	160°	A - 588 B - 603 C - Ø26	1 cái/hộp 25 cái/thùng	452.800
	LT8-120T/MS	1850 lm	6000 - 6500k	160°	A - 1197 B - 1213 C - Ø26	1 cái/hộp 25 cái/thùng	579.800

Bộ LED Chống Nổ

	Mã hàng Model	Diễn giải	Kích thước	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	LE-60T	Bộ LED chống nổ 20W ánh sáng trắng	600mm	-	3.444.200
	LE-60V	Bộ LED chống nổ 20W ánh sáng vàng			
	LE-120T	Bộ LED chống nổ 40W ánh sáng trắng	1200mm	-	5.259.900
	LE-120V	Bộ LED chống nổ 40W ánh sáng vàng			

LED Bán Nguyệt

CE | RoHS compliant | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | Instant Light 100% 0s

LED Bán Nguyệt Seri BN	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Góc chiếu Angle	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	BN-9T BN-9N BN-9V	900Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	120⁰	300x74x24 mm	1 cái/hộp 12 cái/thùng	258.500
	BN-9/3C (3CCT)		3000-4000-6000K				310.200
	BN-9T/MS (Motion Sensor)		6000 - 6500K				456.500
	BN-18T BN-18N BN-18V	1800Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	120⁰	600x74x24 mm	1 cái/hộp 1 pc/box	311.900
	BN-18/3C (3CCT)		3000-4000-6000K				374.000
	BN-18T/MS (Motion Sensor)		6000 - 6500K				511.500
	BN-36T BN-36N BN-36V	3600Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	120⁰	1200x74x24 mm	1 cái/hộp 1 pc/box	508.200
	BN-36/3C (3CCT)		3000-4000-6000K				627.000
	BN-36T/MS (Motion Sensor)		6000 - 6500K				764.500

LED Bán Nguyệt Seri BN2	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Góc chiếu Angle	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	BN2-18T BN2-18V	1800Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	120⁰	600x74x27 mm	1 cái/hộp 12 cái/thùng	218.900
	BN2-36T BN2-36V	3600Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	120⁰	1200x74x27 mm	1 cái/hộp 12 cái/thùng	328.900

LED BÁN NGUYỆT SERI BN3



New

DIALux

German Technology



Siêu Bền
Siêu Sáng
Siêu Tiết Kiệm

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT:

- Thiết kế sang trọng, tính thẩm mỹ rất cao, thanh mảnh, hình dáng bán nguyệt, phù hợp cho nhiều không gian
- Thân đèn bằng nhôm
- Tiết kiệm điện năng và chi phí đầu tư
- Tuổi thọ cao (30.000 giờ)
- Phát sáng tốt, màu sắc trung thực

ỨNG DỤNG:

- Chiếu sáng tòa nhà, bệnh viện, trường học, trung tâm thương mại, tầng hầm,...

CE | RoHS compliant | Tuổi thọ 30.000Hrs | RA >80 | PF >0.5 | CCT 2800-3200K 4000-4500K 6000-6500K | Instant Light 100% 0s

Seri BN3	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size (mm)	Góc chiếu Angle	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 18W	**BN3-18T** **BN3-18V**	2000Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	600x75x30mm	120⁰	1 cái/hộp 12 cái/thùng	**234.600**
 36W	**BN3-36T** **BN3-36V**	4000Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	1200x75x30mm	120⁰	1 cái/hộp 12 cái/thùng	**325.900**

LED CHỐNG THẤM SERI LWP2



New



ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT:

- Thân đèn kín, chống ẩm tối ưu
- Cấp bảo vệ IP65 chống nước
- Bền, nhẹ, dễ dàng lắp đặt
- Tiết kiệm năng lượng
- Sử dụng đèn LED thay thế đèn truyền thống

ỨNG DỤNG:

- Chiếu sáng tòa nhà, bệnh viện, trường học, trung tâm thương mại, tầng hầm,...

DIALux
German Technology

CE | RoHS compliant | EMC | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 130° | Instant Light 100% 0s

Seri LWP2	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size (mm)	PF	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 IP65 20W	LWP2-20T LWP2-20V	2000Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	637x78x59mm	0.5	1 cái/hộp 12 cái/thùng	678.500
 IP65 40W	LWP2-40T LWP2-40V	4000Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	1237x78x59mm	0.9	1 cái/hộp 12 cái/thùng	1.059.300

Bộ Máng Xương Cá Âm Trần

CE | RoHS compliant | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | Instant Light 100% 0s

Bộ Máng Xương Cá (bao gồm bóng Tube Thủy Tinh)

Mã hàng Model	Diễn giải	Kích thước WxLxH	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
				
MATL-210T	Bộ máng xương cá LED tube 2 bóng 0.6m ánh sáng trắng (6000-6500K)	605x300x83mm	2 cái/thùng	701.700
MATL-210V	Bộ máng xương cá LED tube 2 bóng 0.6m ánh sáng vàng (2800-3200K)			
MATL-220T	Bộ máng xương cá LED tube 2 bóng 1.2m ánh sáng trắng (6000-6500K)	1215x300x83mm		1.131.700
MATL-220V	Bộ máng xương cá LED tube 2 bóng 1.2m ánh sáng vàng (2800-3200K)			
				
MATL-310T	Bộ máng xương cá LED tube 3 bóng 0.6m ánh sáng trắng (6000-6500K)	605x600x83mm	2 cái/thùng	1.113.300
MATL-310V	Bộ máng xương cá LED tube 3 bóng 0.6m ánh sáng vàng (2800-3200K)			
MATL-320T	Bộ máng xương cá LED tube 3 bóng 1.2m ánh sáng trắng (6000-6500K)	1215x605x83mm		1.773.200
MATL-320V	Bộ máng xương cá LED tube 3 bóng 1.2m ánh sáng vàng (2800-3200K)			

Thân đèn bằng kim loại, sơn. Điện năng: 220V-50/60Hz. Công suất tối đa: 100W

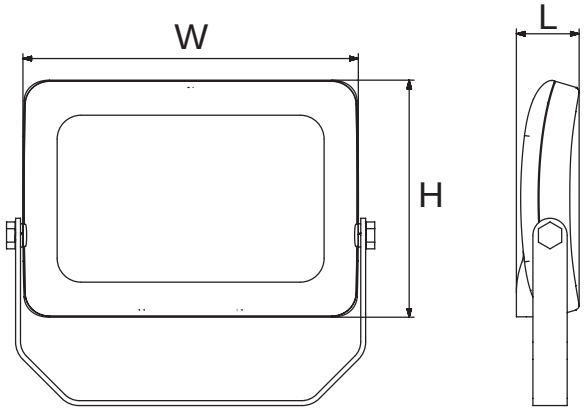
Đèn Lon

Mã số / Diễn giải	Đơn giá (VNĐ)
	
DL - 3 (Ø 3.0) Đèn Downlight âm trần phi 80 Downlight D80	86.700
DL - 3.5 (Ø 3.5) Đèn Downlight âm trần phi 90 Downlight D90	104.000
DL - 4 (Ø4.0) Đèn Downlight âm trần phi 115 Downlight D115	138.600

LED Pha seri FLD

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.95 | 120° | Instant Light 100% 0s

Seri FLD	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size (WxHxL)	Đóng gói Package	Đơn giá (VND)
	FLD-10RGB	-	RGB	115x135x40mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	563.600
	FLD-20RGB	-	RGB	115x200x50mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	939.100
	FLD-10T FLD-10V	800Lm	6000-6500k 2800-3200k	137x97x26mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	369.900
	FLD-20T FLD-20V	1600Lm	6000-6500k 2800-3200k	205x145x36mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	581.900
	FLD-30T FLD-30V	2400Lm	6000-6500k 2800-3200k	205x145x36mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	768.900
	FLD-50T FLD-50V	4000Lm	6000-6500k 2800-3200k	274x194x48mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	1.098.900
	FLD-80T FLD-80V	6400Lm	6000-6500k 2800-3200k	301x246x100mm	4 cái/thùng	2.475.000
	FLD-100T FLD-100V	8000Lm	6000-6500k 2800-3200k	350x295x65mm	4 cái/thùng	2.721.400
	FLD-150T FLD-150V	12.000Lm	6000-6500k 2800-3200k	395x315x75mm	1 cái/thùng	3.463.900
	FLD-200T FLD-200V	16.000Lm	6000-6500k 2800-3200k	400x350x53.5mm	1 cái/thùng	5.174.400



LED Pha seri FLD2

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.9 | 120° | Instant Light 100% 0s

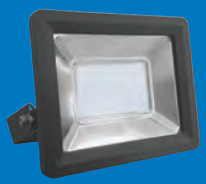


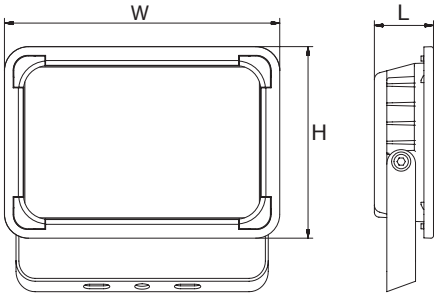
New



- Bảo hành 3 năm
- Hiệu suất 90 Lm/W
- Cấp độ bảo vệ IP65
- Thân nhôm bền bỉ, thiết kế gọn nhẹ
- Tiết kiệm điện năng, tuổi thọ cao 30.000 giờ
- Dễ dàng lắp đặt và sử dụng
- Ánh sáng đều tốt cho mắt
- Không có tia hồng ngoại, tia cực tím
- Ánh sáng tức thì, không nhấp nháy, không gây ồn.

DIALux
German Technology

Seri FLD2	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VND)
	10W FLD2-10T FLD2-10V	900 lm	6000-6500k 2800-3200k	115x102x25mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	369.900
	20W FLD2-20T FLD2-20V	1800 lm	6000-6500k 2800-3200k	150x133x29mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	581.900
	30W FLD2-30T FLD2-30V	2700 lm	6000-6500k 2800-3200k	180x157x32mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	768.900
	50W FLD2-50T FLD2-50V	4500 lm	6000-6500k 2800-3200k	233x205x40mm	1 cái/hộp 5 cái/thùng	1.098.900
	100W FLD2-100T FLD2-100V	10.000 lm	6000-6500k 2800-3200k	338x248x98mm	1 cái/thùng	2.721.400
	150W FLD2-150T FLD2-150V	15.000 lm	6000-6500k 2800-3200k	338x248x98mm	1 cái/thùng	3.463.900
	200W FLD2-200T FLD2-200V	20.000 lm	6000-6500k 2800-3200k	414x305x103mm	1 cái/thùng	5.174.400



MPE

LED PHA SERI FLD3



BẢO HÀNH
3 NĂM

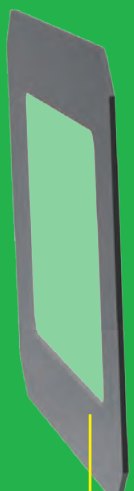


Công suất đa dạng 10W - 20W - 30W - 50W - 100W - 150W - 200W - 300W - 400W - 500W - 600W - 800W - 1000W

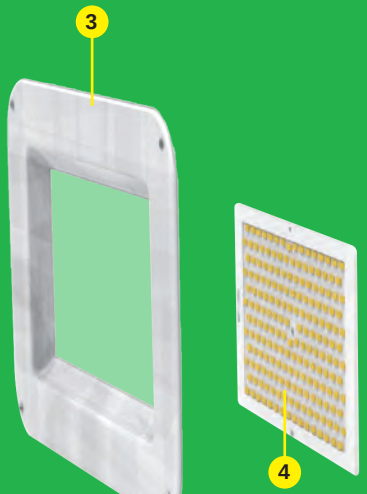
1 Viền đèn làm bằng hợp kim nhôm, bề mặt được sơn tĩnh điện truyền nhiệt tốt



2 Mặt kính trong suốt, chịu va đập cao, tốc độ truyền sáng lên đến 95%



3 Ngăn phản chiếu qua kiếng, hệ số phản xạ lên đến 96%



4 PCB làm bằng nhôm dẫn nhiệt cao, cách điện 100%, tiêu chuẩn UL Chip LED có độ bền, hiệu suất phát sáng cao

5 Vòng đai: sử dụng chất liệu cao su bảo vệ môi trường, chống chịu các tác động thời tiết tốt



6 Driver có độ bền, ổn định cao

7 Dây cáp cao su chịu được các tác động thời tiết tốt

9 Viền đèn làm bằng hợp kim nhôm, bề mặt được sơn tĩnh điện truyền nhiệt tốt



8 Giá đỡ sắt chịu lực cao, bề mặt sơn tĩnh điện



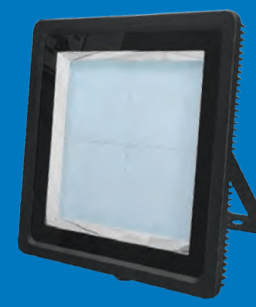
DIALux
German Technology

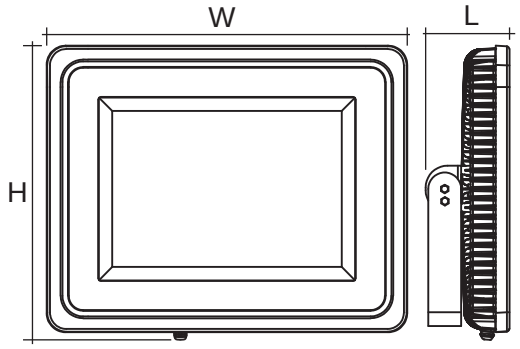
CE

RoHS compliant

Led Pha seri FLD3

CE | RoHS compliant | Điện áp 220-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.9 | 120° | Instant Light 100% 0s

Seri FLD3	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size (WxHxL)	Đóng gói Package	Đơn giá (VND)
	10W FLD3-10T FLD3-10V	1200Lm	6000-6500k 2800-3200k	162x147x36mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	369.900
	20W FLD3-20T FLD3-20V	2400Lm	6000-6500k 2800-3200k	180x161x36mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	581.900
	30W FLD3-30T FLD3-30V	3600Lm	6000-6500k 2800-3200k	235x205x36mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	768.900
	50W FLD3-50T FLD3-50V	6000Lm	6000-6500k 2800-3200k	235x205x36mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	1.098.900
	100W FLD3-100T FLD3-100V	12.000Lm	6000-6500k 2800-3200k	347x290x47mm	1 cái/hộp 4 cái/thùng	2.721.400
	150W FLD3-150T FLD3-150V	18.000Lm	6000-6500k 2800-3200k	435x352x60mm	1 cái/thùng	3.463.900
	200W FLD3-200T FLD3-200V	24.000Lm	6000-6500k 2800-3200k	435x352x60mm	1 cái/thùng	5.174.400
	300W FLD3-300T FLD3-300V	36.000Lm	6000-6500k 2800-3200k	542x443x70mm	1 cái/thùng	9.075.000
	400W FLD3-400T FLD3-400V	48.000Lm	6000-6500k 2800-3200k	658x537x154mm	1 cái/thùng	20.130.000
	500W FLD3-500T FLD3-500V	60.000Lm	6000-6500k 2800-3200k	658x537x154mm	1 cái/thùng	23.397.000
	600W FLD3-600T FLD3-600V	72.000Lm	6000-6500k 2800-3200k	658x537x154mm	1 cái/thùng	26.125.000
	800W FLD3-800T FLD3-800V	96.000Lm	6000-6500k 2800-3200k	748x762x154mm	1 cái/thùng	51.018.000
	1000W FLD3-1000T FLD3-1000V	120.000Lm	6000-6500k 2800-3200k	748x762x154mm	1 cái/thùng	58.245.000

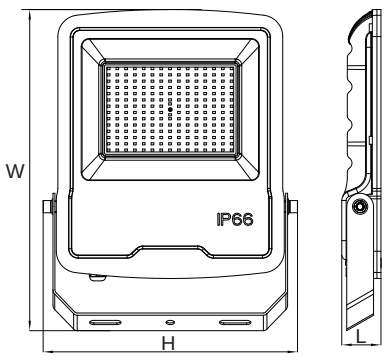


Led Pha seri FLD5

New

CE | RoHS compliant | Điện áp 175-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | 120° | Instant Light 100% 0s

Seri FLD5	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size (WxHxL)	PF	Đóng gói Package	Đơn giá (VND)
	10W FLD5-10T FLD5-10V	1100Lm	6000-6500k 2800-3200k	104x128x27mm	0.5	1 cái/hộp 36 cái/thùng	257.300
	20W FLD5-20T FLD5-20V	2200Lm	6000-6500k 2800-3200k	125x155x28mm	0.5	1 cái/hộp 30 cái/thùng	416.400
	30W FLD5-30T FLD5-30V	3300Lm	6000-6500k 2800-3200k	168x213x30mm	0.9	1 cái/hộp 20 cái/thùng	524.000
	50W FLD5-50T FLD5-50V	5500Lm	6000-6500k 2800-3200k	200x241x36mm	0.9	1 cái/hộp 12 cái/thùng	655.000
	100W FLD5-100T FLD5-100V	12000Lm	6000-6500k 2800-3200k	282x321x38mm	0.9	1 cái/hộp 4 cái/thùng	1.487.700
	150W FLD5-150T FLD5-150V	18000Lm	6000-6500k 2800-3200k	420x333x51mm	0.9	1 cái/hộp 4 cái/thùng	2.481.900
	200W FLD5-200T FLD5-200V	24000Lm	6000-6500k 2800-3200k	470x385x51mm	0.9	1 cái/hộp 3 cái/thùng	3.560.200
	300W FLD5-300T FLD5-300V	36000Lm	6000-6500k 2800-3200k	599x442x62mm	0.9	1 cái/thùng	7.998.800
	400W FLD5-400T FLD5-400V	48000Lm	6000-6500k 2800-3200k	599x442x62mm	0.9	1 cái/thùng	9.470.700



LED PHA NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

New



DIALux

German Technology

CE | RoHS compliant | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | Instant Light 100% 0s

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT:

- Hiệu suất chiếu sáng cao, tản nhiệt tốt.
- Có nhiều công suất chiếu sáng: 20W, 30W, 50W, 100W, 200W, 300W
- Ánh sáng: Trắng, vàng
- Sử dụng điện năng lượng mặt trời
- Pin tích điện Lithium
- Màn hình hiển thị sạc năng lượng trên đèn
- Cấp bảo vệ IP 65, khả năng chống nước, chống bụi, va đập...
- Tuổi thọ cao: 30.000 giờ
- Lắp đặt nhanh, tiết kiệm chi phí
- Không tốn chi phí tiền điện khi sử dụng
- Thời gian sử dụng khi sạc đầy là 12 giờ

ỨNG DỤNG:

- Chiếu sáng khu sân vườn, công viên, đường phố, khu đô thị, khu nghỉ dưỡng, resort...

LED Pha Năng Lượng Mặt Trời

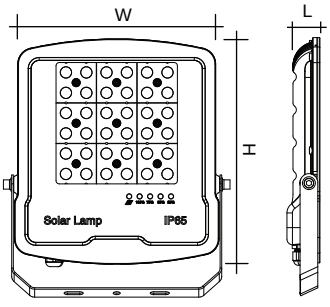
New

CE | RoHS compliant | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | 120° | CCT 2800-3200K 6000-6500K

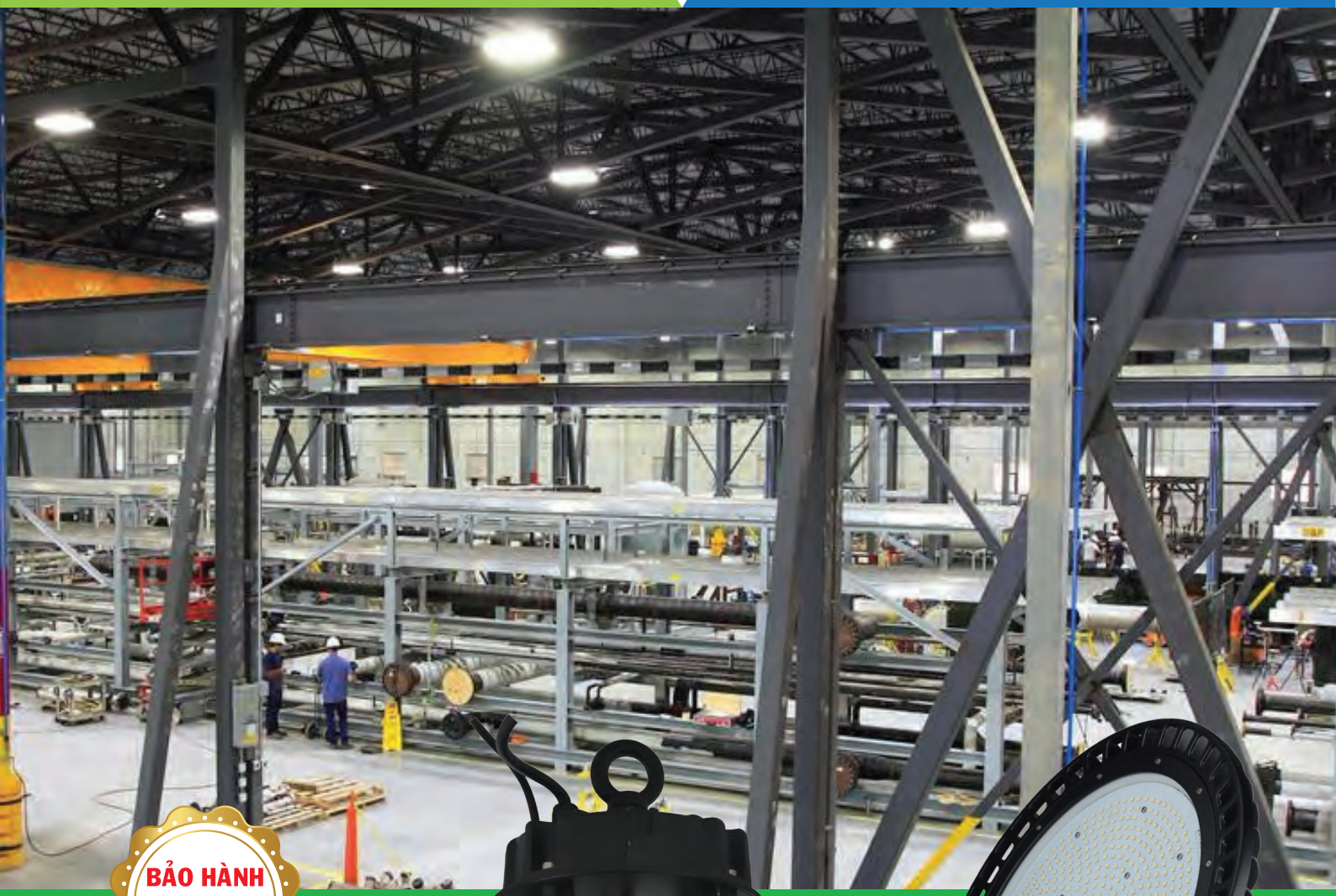
Seri SFLD	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Công suất tấm pin (Wp)	Kích thước đèn WxHxL (mm)	Kích thước tấm pin WxHxL (mm)	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	SFLD-20T SFLD-20V	360Lm	6Wp	203x237x40	368x190x20	1 cái/hộp 12 cái/thùng	1.672.000
	SFLD-30T SFLD-30V	480Lm	9Wp	203x237x40	368x240x20	1 cái/hộp 12 cái/thùng	1.888.000
	SFLD-50T SFLD-50V	960Lm	15Wp	203x237x40	373x316x20	1 cái/hộp 12 cái/thùng	2.188.000
	SFLD-100T SFLD-100V	2100Lm	20Wp	282x321x41	374x376x20	1 cái/hộp 4 cái/thùng	3.704.000
	SFLD-200T SFLD-200V	4000Lm	35Wp	333x420x51	723x361x27	1 cái/hộp 4 cái/thùng	6.800.000
	SFLD-300T SFLD-300V	5800Lm	40Wp	385x470x51	703x451x27.5	1 cái/hộp 3 cái/thùng	9.180.000

1-5 giờ đầu độ sáng 80-100%	6-10 giờ sau độ sáng 40-50%	2 giờ cuối độ sáng 20%

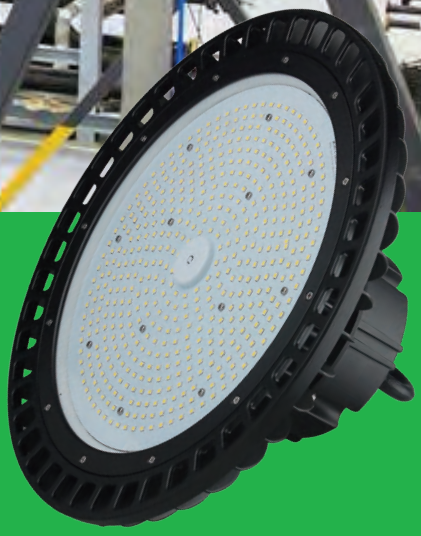
Dây điện nối dài cho đèn Solar	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**DCW275-5** Dây điện nối dài 2x0.75mm², 5m, dùng cho SFLD 20W-200W	331.900
	DCW275-10 Dây điện nối dài 2x0.75mm², 10m, dùng cho SFLD 20W-200W	536.000
	DCW2150-5 Dây điện nối dài 2x1.5mm², 5m, dùng cho SFLD 300W	553.000
	DCW2150-10 Dây điện nối dài 2x1.5mm², 10m, dùng cho SFLD 300W	919.000



LED NHÀ XƯỞNG SERI HBE







BẢO HÀNH
5 NĂM

DIALux

German Technology

- Bảo hành 5 năm
- Hiệu suất chiếu sáng cao 130 lm/W
- Cấp độ bảo vệ IP65
- Thân nhôm bền bỉ, thiết kế gọn nhẹ
- Tiết kiệm điện năng, tuổi thọ cao 50.000 giờ
- Dễ dàng lắp đặt và sử dụng
- Ánh sáng đều tốt cho mắt
- Không có tia hồng ngoại, tia cực tím
- Ánh sáng tức thì, không nhấp nháy, không gây ồn.

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 50.000Hrs | Chip LED SMD | RA >80 | PF >0.95 | 110° | Instant Light 100% 0s

Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 50.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.95 | 110° | Instant Light 100% 0s

Bảo Hành 5 Năm

Seri HBE

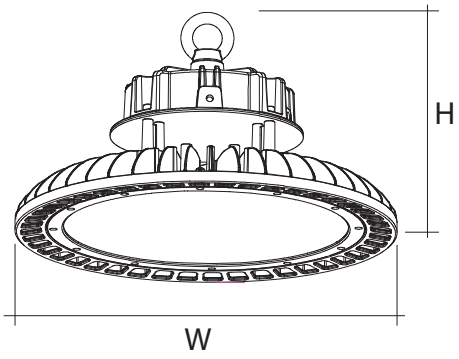
Mã hàng Model	Công suất Watt	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước WxH mm	Đóng gói Package	Đơn giá (VND)
 HBE-100T	100W	13.000Lm	6500 - 6800k	Ø298x168mm	1 cái/thùng	3.234.000
HBE-150T	150W	19.500Lm	6500 - 6800k	Ø298x193mm	1 cái/thùng	3.733.000
 HBE-200T	200W	26.000Lm	6500 - 6800k	Ø360x215mm	1 cái/thùng	5.852.400
HBE-240T	240W	32.000Lm	6500 - 6800k	Ø360x215mm	1 cái/thùng	6.906.900

Bảo Hành 5 Năm

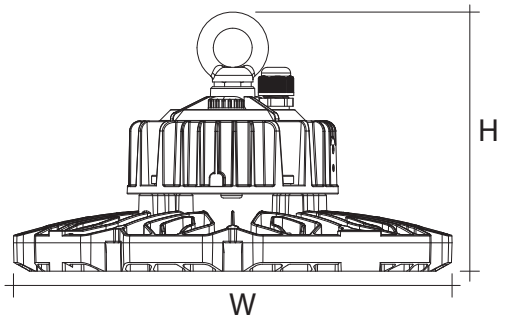
Seri HBE2

Mã hàng Model	Công suất Watt	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước WxH mm	Đóng gói Package	Đơn giá (VND)
New  HBE2-100T	100W	14.000Lm	6500 - 6800k	Ø270x160mm	1 cái/thùng	3.234.000
HBE2-150T	150W	21.000Lm	6500 - 6800k	Ø310x160mm	1 cái/thùng	3.733.000
HBE2-200T	200W	28.000Lm	6500 - 6800k	Ø310x170mm	1 cái/thùng	5.852.400
New  MS-HBE2	Cảm biến Microwave sử dụng cho đèn HBE2					1.149.200

HBE



HBE2

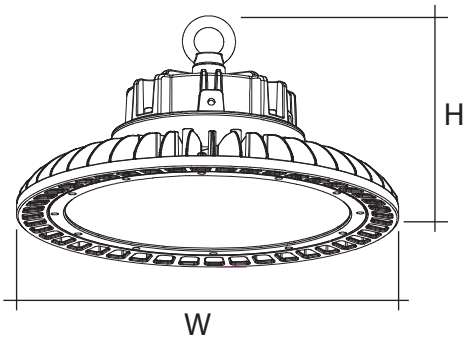


CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 50.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.95 | 110° | Instant Light 100% 0s

Bảo Hành 5 Năm

Seri HBU

Mã hàng Model	Công suất Watt	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước WxH mm	Đóng gói Package	Đơn giá (VND)
 HBU-100T	100W	12.000Lm	6500 - 6800k	Ø280x220mm	1 cái/thùng	4.997.200
HBU-150T	150W	18.000Lm	6500 - 6800k	Ø340x220mm	1 cái/thùng	6.249.800
 HBU-200T	200W	24.000Lm	6500 - 6800k	Ø400x220mm	1 cái/thùng	9.543.800
HBU-240T	240W	28.800Lm	6500 - 6800k	Ø400x220mm	1 cái/thùng	10.645.700





LED NHÀ XƯỞNG SERI HBV2





- Hiệu suất sáng 120 lm/W
- Ánh sáng trung thực Ra>80
- Giải nhiệt tốt, tuổi thọ cao
- Chất liệu: Khung bộ đèn làm bằng hợp kim nhôm, mặt sau làm bằng kim loại sơn tĩnh điện giúp tản nhiệt nhanh, tăng tuổi thọ của chip LED
- Sử dụng tấm dẫn sáng có hệ số truyền sáng cao, giúp ánh sáng phân bổ đồng đều
- Đèn LED sử dụng chip Led có hiệu suất phát sáng cao, tiết kiệm điện, chất lượng ánh sáng tốt cho mắt
- Lắp đặt dễ dàng, gọn nhẹ, tiết kiệm chi phí, đui đèn E40

RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 50.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.95 | 90° | Instant Light 100% 0s

DIALux
German Technology

Seri HBV2	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VND)
 80W	HBV2-80T	8500 lm	6500 - 6800k	278x206mm	1 cái/hộp 2 cái/thùng	1.137.700
 100W	HBV2-100T	12000 lm	6500 - 6800k	278x206mm	1 cái/hộp 2 cái/thùng	1.612.400
 150W	HBV2-150T	18000 lm	6500 - 6800k	340x213mm	1 cái/hộp 2 cái/thùng	2.477.500

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.95 | 120° | Instant Light 100% 0s

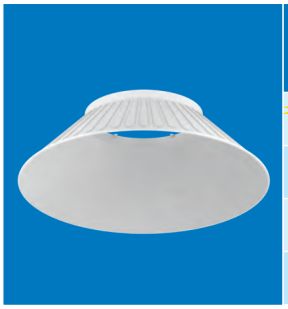
Bảo Hành 3 Năm

Seri HBV (không bao gồm chóa)

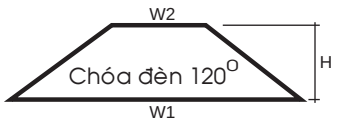


Mã hàng Model	Công suất Watt	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VND)
New HBV-65T	65W	5800Lm	6500 - 6800k	145x217mm	1 cái/hộp 4 cái/thùng	822.200
HBV-80T	80W	7800Lm	6500 - 6800k	179x229mm	1 cái/hộp 4 cái/thùng	1.032.000
HBV-100T	100W	9500Lm	6500 - 6800k	190x270mm	1 cái/hộp 4 cái/thùng	1.531.500
HBV-120T	120W	10.800Lm	6500 - 6800k	230x306mm	1 cái/hộp 4 cái/thùng	2.194.500

Chóa Đèn Nhà Xưởng sử dụng cho seri HBV



Mã hàng Model	Công suất Watt	Kích thước W1xW2xHmm	Đơn giá (VNĐ)
New RFL-65	65W	Ø345x145x11mm	111.100
RFL-80	80W	Ø366x170x11mm	202.200
RFL-100	100W	Ø412x190x12mm	202.200
RFL-120	120W	Ø412x190x12mm	273.800



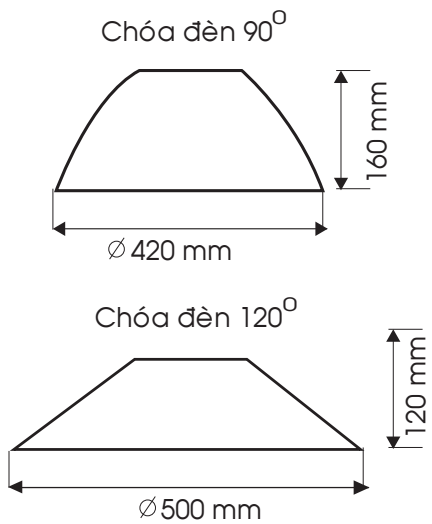
Seri HBS (bao gồm chóa)

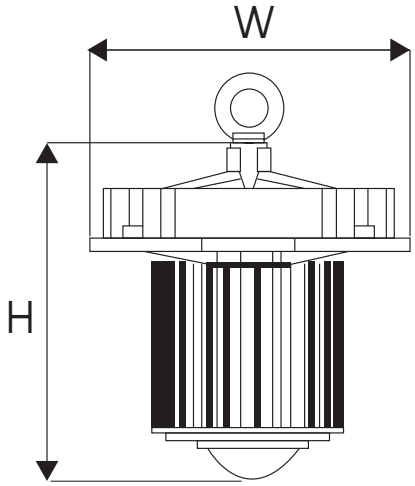


Mã hàng Model	Công suất Watt	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Chóa đèn	Đóng gói Package	Đơn giá (VND)
HBS-60T	60W	5300 lm	6500 - 6800k	120⁰	1 cái/hộp 9 cái/thùng	1.234.800
HBS-80T	80W	7200 lm	6500 - 6800k	120⁰	1 cái/hộp 9 cái/thùng	1.490.000
HBS-100T	100W	10.000 lm	6500 - 6800k	120⁰	1 cái/hộp 9 cái/thùng	2.148.300

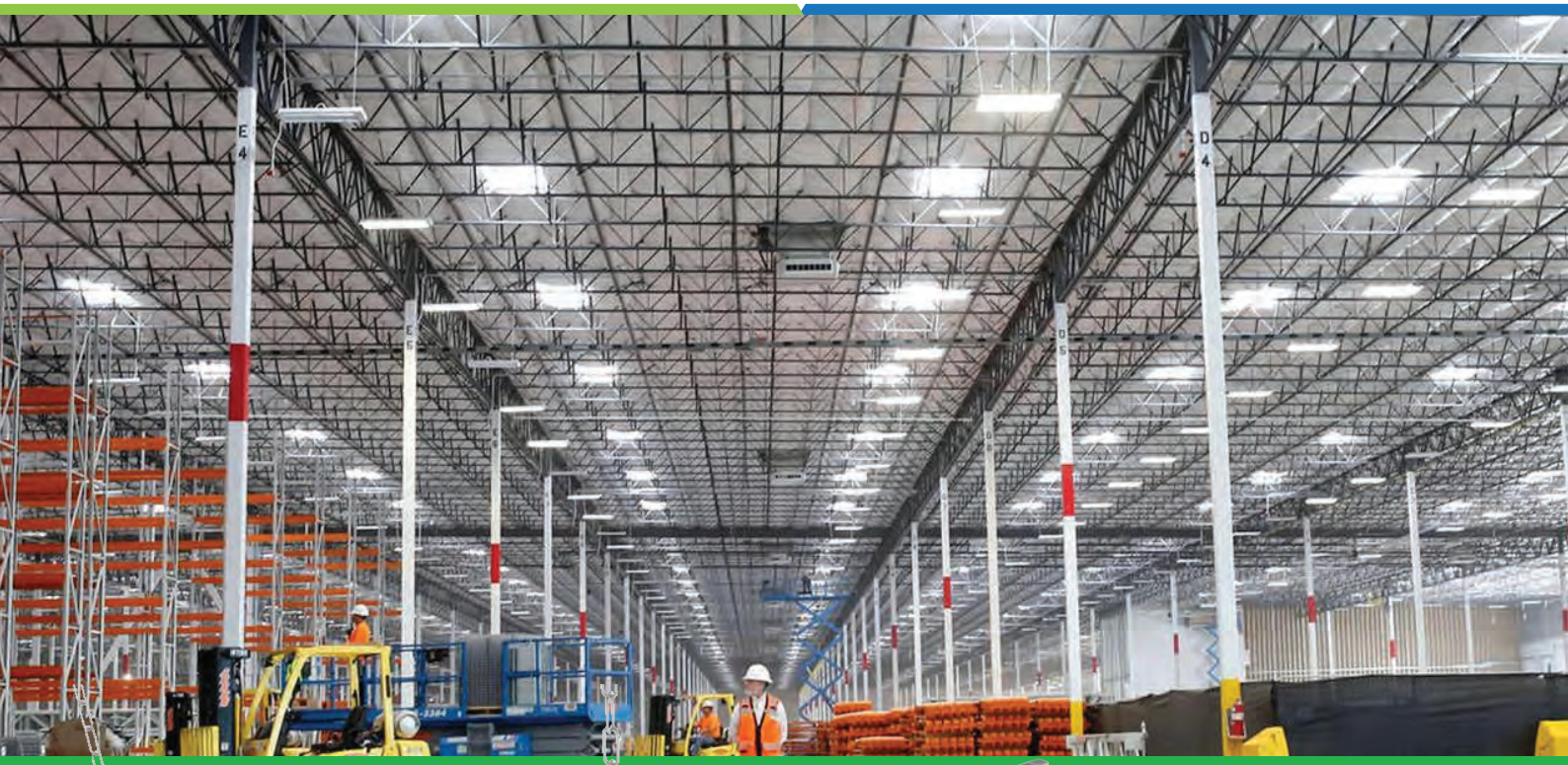
LED Nhà Xưởng

Seri HBL (bao gồm chóa)	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size (WxH)	Chóa đèn	Đóng gói Package	Đơn giá (VND)
	**HBL-100T**	10.000Lm	6500K	272x230mm	90^0	1 cái/hộp 1 cái/thùng	**5.385.300**
	**HBL-150T**	15.000Lm	6500K	272x288mm	120^0	1 cái/hộp 1 cái/thùng	**7.985.700**
	**HBL-200T**	20.000Lm	6500K	272x338mm	120^0	1 cái/hộp 1 cái/thùng	**11.070.200**
	**HBL-240T**	24.000Lm	6500K	272x306mm	120^0	1 cái/hộp 1 cái/thùng	**12.843.600**





LED THANH NHÀ XƯỞNG







New

DIALux

German Technology

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT:

- Hiệu suất chiếu sáng cao, 130 Lm/W
- Đèn được đúc nhôm nguyên khối, sơn tĩnh điện cao cấp giúp tản nhiệt nhanh
- Đa dạng công suất từ 100W đến 400W phù hợp cho nhu cầu sử dụng
- Ánh sáng: Trắng (6500K), Ra>80
- Góc chiếu $110^{0,}$ phân bổ ánh sáng đều.
- Lắp đặt nhanh, tiết kiệm chi phí
- Tiết kiệm điện năng, thân thiện môi trường

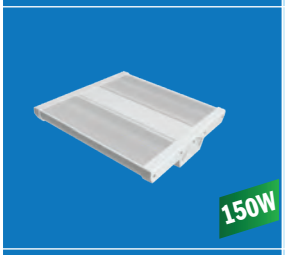
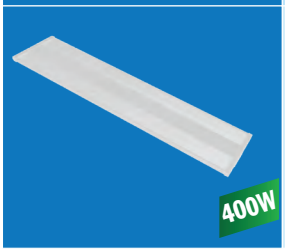
ỨNG DỤNG:

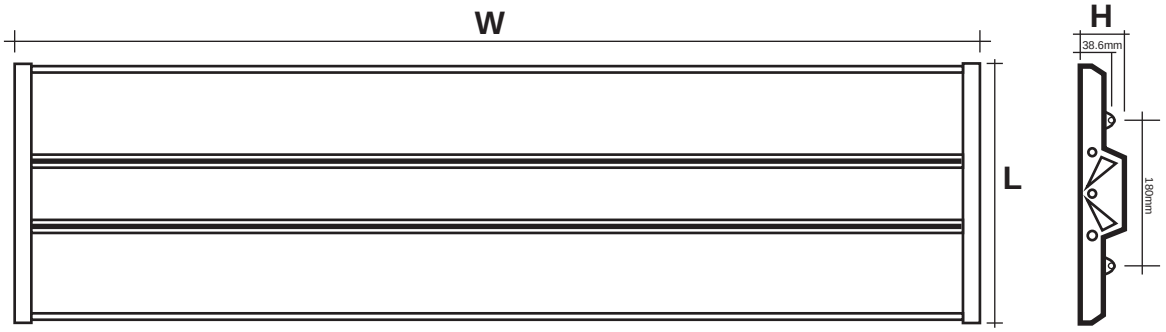
- Chiếu sáng kho xưởng, nhà máy, nhà xe, sân bay, khu thể thao, siêu thị...

LED Thanh Nhà Xưởng

New

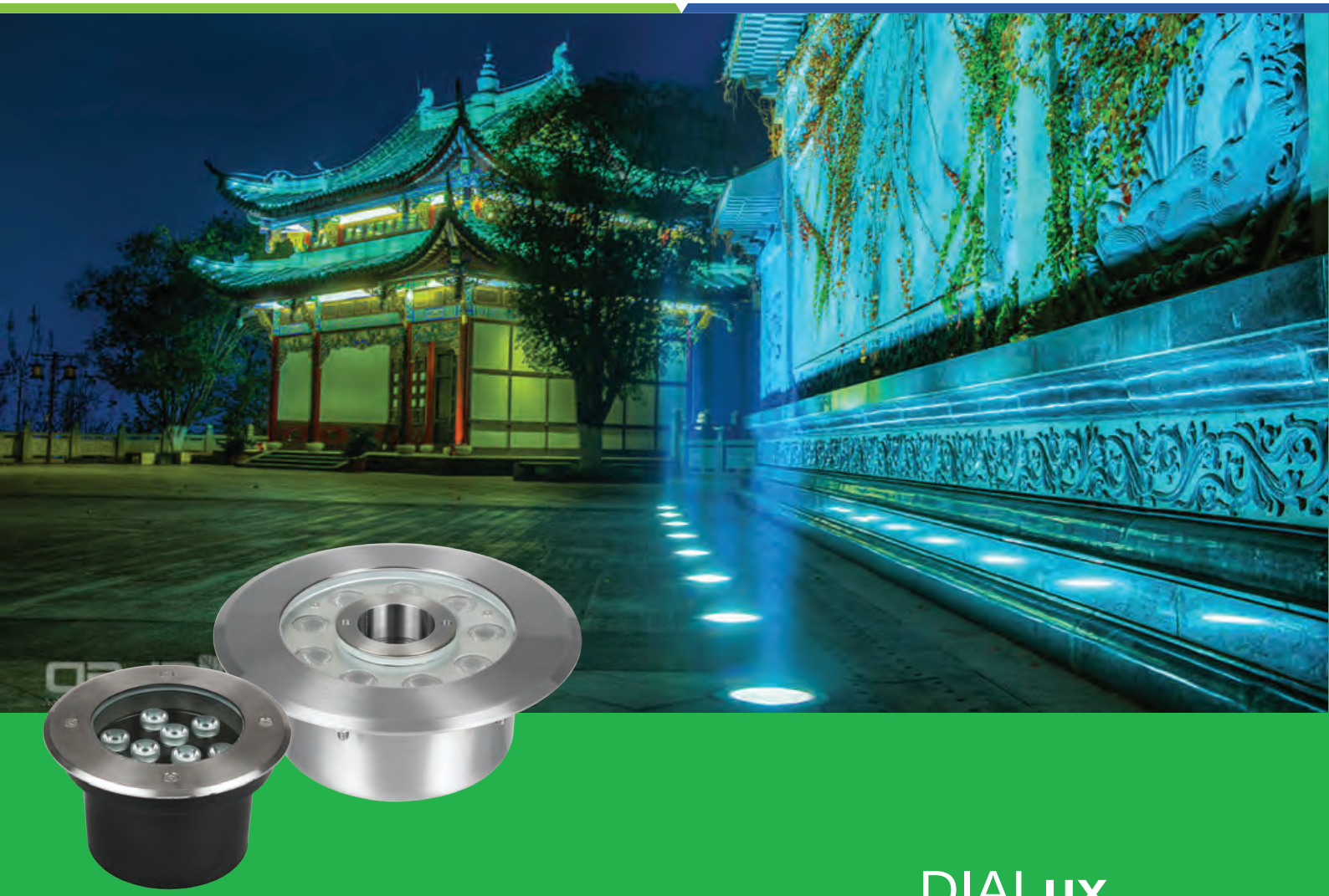
CE | RoHS compliant | Votalge 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.9 | 110° | Instant Light 100% 0s

Seri LHB	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size (WxLxH)	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 100W	LHB-100T LHB-100V LHB-100N	13.000 Lm	6000-6500K 2800-3200K 4000-4500K	415x319x59mm	1 cái/thùng	3.380.300
 150W	LHB-150T LHB-150V LHB-150N	19.500 Lm	6000-6500K 2800-3200K 4000-4500K	615x319x59mm	1 cái/thùng	4.257.000
 200W	LHB-200T LHB-200V LHB-200N	26.000 Lm	6000-6500K 2800-3200K 4000-4500K	815x319x59mm	1 cái/thùng	6.150.100
 240W	LHB-240T LHB-240V LHB-240N	31.200 Lm	6000-6500K 2800-3200K 4000-4500K	815x319x59mm	1 cái/thùng	6.979.500
 300W	LHB-300T LHB-300V LHB-300N	39.000 Lm	6000-6500K 2800-3200K 4000-4500K	1215x319x59mm	1 cái/thùng	8.919.900
 400W	LHB-400T LHB-400V LHB-400N	52.000 Lm	6000-6500K 2800-3200K 4000-4500K	1215x319x59mm	1 cái/thùng	11.830.500



MPE

LED ÂM ĐẤT



DIALux
German Technology

CE | RoHS compliant | Điện áp 110-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.9 | 24/36/56° | Instant Light 100% 0s

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT:

- Thân làm bằng chất liệu nhôm và kính cường lực cao cấp.
- Vỏ làm bằng thép không gỉ, chống va đập
- Có nhiều dòng công suất: 6W, 9W, 12W, 18W, 24W, 32W
- Chế độ màu: Trắng, vàng, trung tính, RGB
- Chống thấm nước IP65, IP68
- Tản nhiệt tốt, tuổi thọ cao: 30.000 giờ
- Tiết kiệm điện năng, thân thiện môi trường

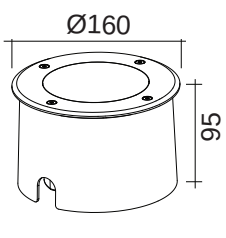
ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng rộng rãi trong vườn, quảng trường, biệt thự, nhà ở, nhà hàng, bãi đậu xe...

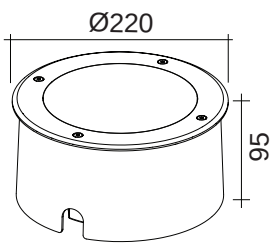
LED Âm Đất

CE | RoHS compliant | Điện áp 220-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.9 | IP 65 | 24° 36° 45° | Instant Light 100% 0s

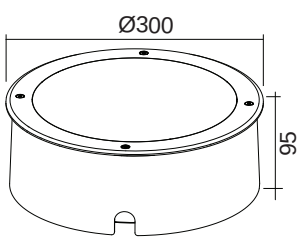
Seri LUG	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 IP65 9W	LUG-9T LUG-9V	720Lm	6500K 3000K	Ø160x95mm	Ø110mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**1.098.900**
 IP65 12W	LUG-12T LUG-12V	960Lm	6500K 3000K	Ø160x95mm	Ø140mm	1 cái/hộp 12 cái/thùng	**1.185.800**
 IP65 18W	LUG-18T LUG-18V	1440Lm	6500K 3000K	Ø220x95mm	Ø180mm	1 cái/hộp 8 cái/thùng	**1.760.000**
 IP65 24W	LUG-24T LUG-24V	1920Lm	6500K 3000K	Ø220x95mm	Ø200mm	1 cái/hộp 6 cái/thùng	**2.070.200**
 IP65 32W	LUG-32T LUG-32V	2560Lm	6500K 3000K	Ø300x95mm	Ø200mm	1 cái/hộp 6 cái/thùng	**2.652.100**



9W - 12W



18W - 24W

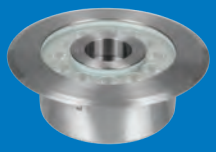
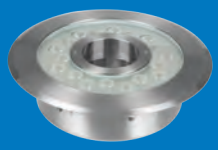
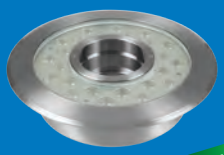


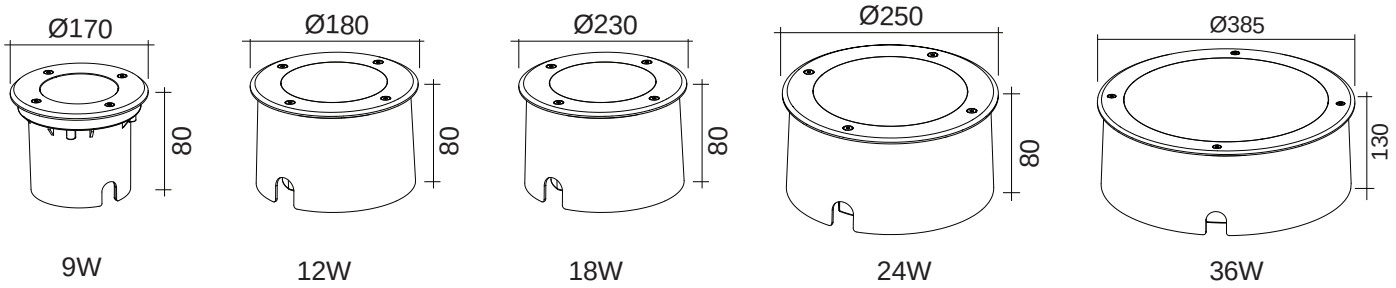
32W

LED Âm Đất

New

CE | RoHS compliant | Điện áp 220-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.9 | IP 68 | 24° 36° 45° | Instant Light 100% 0s

Seri LUG2	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 IP68 9W	LUG2-9T LUG2-9V	720Lm	6500K 3000K	Ø170x80mm	Ø115mm	1 cái/hộp 4 cái/thùng	2.197.000
 IP68 12W	LUG2-12T LUG2-12V	960Lm	6500K 3000K	Ø180x80mm	Ø126mm	1 cái/hộp 4 cái/thùng	2.457.000
 IP68 18W	LUG2-18T LUG2-18V	1440Lm	6500K 3000K	Ø230x80mm	Ø172mm	1 cái/thùng	2.846.000
 IP68 24W	LUG2-24T LUG2-24V	1920Lm	6500K 3000K	Ø250x80mm	Ø191mm	1 cái/thùng	3.399.000
 IP68 36W	LUG2-36T LUG2-36V	2880Lm	6500K 3000K	Ø385x130mm	Ø192mm	1 cái/thùng	4.306.000





DIALux

German Technology

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT:

- Hiệu suất chiếu sáng cao, 150 Lm/W
- Thấu kính truyền sáng cao giúp phân bổ ánh sáng đồng đều
- Có nhiều dòng công suất 400W, 500W, 600W, 750W, 1000W, 1200W
- Đèn thiết kế cấp độ bảo vệ cao: IP67
- Tuổi thọ cao: 50.000 giờ
- Chịu được sức gió cấp 17
- Lắp đặt nhanh, tiết kiệm chi phí
- Tiết kiệm điện năng, thân thiện môi trường

ỨNG DỤNG:

- Chiếu sáng sân thể thao, nhà hát, sân bay, công viên, quảng trường...

LED Sân Thể Thao

Seri LSL	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Góc chiếu Angle	Kích thước Size (mm)	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 400W	**LSL-400T** **LSL-400V** **LSL-400N**	52.000 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	30⁰	Ø360x410	1 cái/thùng	**28.303.000**
 500W	**LSL-500T** **LSL-500V** **LSL-500N**	65.000 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	30⁰	Ø360x410	1 cái/thùng	**29.425.000**
 600W	**LSL-600T** **LSL-600V** **LSL-600N**	78.000 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	15⁰	Ø460x521	1 cái/thùng	**57.238.500**
 750W	**LSL-750T** **LSL-750V** **LSL-750N**	97.000 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	15⁰	Ø460x521	1 cái/thùng	**67.138.500**
 1000W	**LSL-1000T** **LSL-1000V** **LSL-1000N**	130.000 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	12⁰	Ø521x571	1 cái/thùng	**77.038.500**
 1200W	**LSL-1200T** **LSL-1200V** **LSL-1200N**	156.000 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	12⁰	Ø521x571	1 cái/thùng	**87.318.000**

LED SÂN VƯỜN SERI LGL



New

DIALux
German Technology

CE | RoHS compliant | Điện áp 110-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.9 | 60° | Instant Light 100% 0s

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT:

- Thân làm bằng chất liệu nhôm nguyên khối cao cấp
- Có nhiều dòng công suất: 35W, 55W, 75W, 100W, 150W
- Chế độ màu: Trắng, vàng, trung tính
- Cấp bảo vệ IP65 chống nước
- Tản nhiệt tốt, tuổi thọ cao: 50.000 giờ
- Bền, nhẹ, khó vỡ, chịu lực, chịu nhiệt cao
- Sử dụng đèn LED thay thế đèn truyền thống
- Tiết kiệm điện năng, thân thiện môi trường

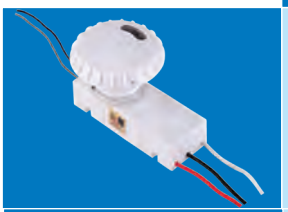
ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng khu dân cư, công cộng, sân vườn, khu resort, hành lang đô thị...

LED Sân Vườn

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 50.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.9 | Instant Light 100% 0s

Seri LGL	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size (mm)	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 35W	LGL-35T LGL-35V LGL-35N	4025Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	Ø380x670mm	1 cái/thùng	5.551.700
 55W	LGL-55T LGL-55V LGL-55N	6325Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	Ø380x670mm	1 cái/thùng	6.028.000
 75W	LGL-75T LGL-75V LGL-75N	8625Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	Ø380x670mm	1 cái/thùng	8.143.300
 100W	LGL-100T LGL-100V LGL-100N	11.800Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	Ø450x770mm	1 cái/thùng	10.593.000
 150W	LGL-150T LGL-150V LGL-150N	17.800Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	Ø450x670mm	1 cái/thùng	11.803.000

Phụ kiện Seri LGL	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	**MS/LGL** Cảm biến chuyển động cho đèn Garden Light	1.586.200
	**SP/LGL** Bảo vệ quá điện áp cho đèn Garden Light	316.800

Phụ kiện Seri LGL	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	**PTC/LGL** Cảm biến quang cho đèn Garden Light	632.500
	**SC/LGL** Cảm biến quang cho đèn Garden Light	444.400

LED SÂN VƯỜN SERI LGL2





DIALux
German Technology

CE | RoHS compliant | Điện áp 110-240VAC | Tuổi thọ 50.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 360° | Instant Light 100% 0s

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT:

- Hiệu suất chiếu sáng cao, 130 Lm/W
- Có nhiều dòng công suất: 30W, 40W, 50W, 60W, 80W
- Đui đèn có thể lắp ở 2 đầu, chiếu sáng 360^0
- Cấp bảo vệ IP65 chống nước
- Tản nhiệt tốt, tuổi thọ cao: 50.000 giờ
- Phù hợp thay thế cho đèn Halogen truyền thống
- Tiết kiệm điện năng, thân thiện môi trường

ỨNG DỤNG:

- Chiếu sáng cảnh quan, sân vườn, đường trục đô thị, vỉa hè...

LED Sân Vườn

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 50.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.9 | Instant Light 100% 0s

Seri LGL2	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size (mm)	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	**LGL2-30T** **LGL2-30V** **LGL2-30N**	3900Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	Ø132x170mm	1 cái/thùng	**1.815.000**
	**LGL2-40T** **LGL2-40V** **LGL2-40N**	5200Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	Ø132x170mm	1 cái/thùng	**1.906.300**
	**LGL2-50T** **LGL2-50V** **LGL2-50N**	6500Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	Ø132x170mm	1 cái/thùng	**2.086.700**
	**LGL2-60T** **LGL2-60V** **LGL2-60N**	7800Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	Ø132x170mm	1 cái/thùng	**2.522.300**
	**LGL2-80T** **LGL2-80V** **LGL2-80N**	10.400Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	Ø132x200mm	1 cái/thùng	**3.045.900**

LED CHỐNG NỔ DẠNG THẲNG



ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT:

- Hiệu suất chiếu sáng cao, 130 Lm/W
- Có nhiều công suất chiếu sáng: 40W, 80W, 120W
- Ánh sáng: Trắng, vàng, trung tính
- Thấu kính truyền sáng cao giúp phân bổ ánh sáng đồng đều
- Cấp bảo vệ IP 67, khả năng chống nước, chống bụi, va đập...
- Hạn chế tối đa các trường hợp xảy ra sự cố cháy nổ
- Lắp đặt nhanh, tiết kiệm chi phí
- Tiết kiệm điện năng, thân thiện môi trường



ỨNG DỤNG:

- Chiếu sáng cho hầm khai thác, mỏ khoáng sản, nhà máy xăng dầu, khí đốt hầm để xe, đường hầm, các nhà máy khu công nghiệp...

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 50.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | Instant Light 100% 0s

DIALux
German Technology

Seri LEPL	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước WxHxL(mm)	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 40W	**LEPL-40T** **LEPL-40V** **LEPL-40N**	5200Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	650x130x206mm	1 cái/thùng	**14.595.900**
 80W	**LEPL-80T** **LEPL-80V** **LEPL-80N**	10.400Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	1298x130x206mm	1 cái/thùng	**19.122.400**
 120W	**LEPL-120T** **LEPL-120V** **LEPL-120N**	15.600Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	1298x130x206mm	1 cái/thùng	**28.556.000**

MPE

LED CHỐNG NỔ DẠNG TRÒN





ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT:

- Có nhiều công suất chiếu sáng: 60W, 100W, 150W
- Ánh sáng: Trắng, vàng, trung tính
- Thấu kính truyền sáng cao giúp phân bổ ánh sáng đồng đều
- Cấp bảo vệ IP 67, khả năng chống nước, chống bụi, va đập...
- Có vỏ bọc bên ngoài bảo vệ đèn
- Hạn chế tối đa các trường hợp xảy ra sự cố cháy nổ
- Lắp đặt nhanh, tiết kiệm chi phí
- Tiết kiệm điện năng, thân thiện môi trường

ỨNG DỤNG:

- Chiếu sáng cho hầm khai thác, mỏ khoáng sản, nhà máy xăng dầu, khí đốt hầm để xe, đường hầm, các nhà máy khu công nghiệp...

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 50.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.9 | Instant Light 100% 0s

DIALux German Technology

Seri LEPR	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước (mm)	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 60W	**LEPR-60T** **LEPR-60V** **LEPR-60N**	7500Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	Ø215x196mm	2 cái/thùng	**12.437.700**
 100W	**LEPR-100T** **LEPR-100V** **LEPR-100N**	12.500Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	Ø345x225mm	1 cái/thùng	**16.245.900**
 150W	**LEPR-150T** **LEPR-150V** **LEPR-150N**	18.750Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	Ø345x225mm	1 cái/thùng	**22.844.800**

LED ĐƯỜNG ĐI SERI LST



DIALux
German Technology

CE | RoHS compliant | Điện áp 110-240VAC | Tuổi thọ 50.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.9 | 150° | Instant Light 100% 0s

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT:

- Đèn trang bị cảm biến chuyển động và cảm biến quang giúp tiết kiệm điện
- Thân làm bằng chất liệu nhôm nguyên khối cao cấp chống oxy hóa
- Kính cường lực, trong suốt giúp phân bổ ánh sáng đều, bảo vệ chip LED
- Có nhiều dòng công suất: 30W, 60W, 90W, 120W, 150W
- Chế độ màu: Trắng, vàng, trung tính
- Cấp bảo vệ IP65 chống nước
- Tản nhiệt tốt, tuổi thọ cao: 50.000 giờ
- Bền, nhẹ, khó vỡ, chịu lực, chịu nhiệt cao
- Khả năng chống sét
- Sử dụng đèn LED thay thế đèn truyền thống

ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng đèn sân thể thao, sân vườn, đường phố, giao thông công cộng, bệnh viện, trường học...

LED Đường Đi Seri LST

Seri LST	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size (mm)	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	LST-30T LST-30V LST-30N	3900Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	601x250x95mm	1 cái/thùng	4.125.000
	LST-60T LST-60V LST-60N	7800Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	601x250x95mm	1 cái/thùng	4.706.900
	LST-90T LST-90V LST-90N	11.700Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	601x250x95mm	1 cái/thùng	5.816.800
	LST-120T LST-120V LST-120N	15.600Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	601x250x95mm	1 cái/thùng	6.050.000
	LST-150T LST-150V LST-150N	19.500Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	601x250x95mm	1 cái/thùng	6.380.000

Phụ kiện Seri LST	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	**MS/LST** Cảm biến chuyển động cho đèn Street Light	1.480.600

Phụ kiện Seri LST	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	**PTC/LST** Cảm biến quang cho đèn Street Light	605.000

LED ĐƯỜNG ĐI SERI LST2



DIALux
German Technology

CE | RoHS compliant | Điện áp 110-240VAC | Tuổi thọ 50.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.9 | 150° | Instant Light 100% 0s

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT:

- Thân làm bằng chất liệu nhôm nguyên khối cao cấp chống oxy hóa
- Kính cường lực, trong suốt giúp phân bổ ánh sáng đều, bảo vệ chip LED
- Đèn trang bị phụ kiện Sensor tắt/mở khi trời sáng hay tối
- Có nhiều dòng công suất: 100W, 150W, 200W, 240W, 300W
- Chế độ màu: Trắng, vàng, trung tính
- Cấp bảo vệ IP65 chống nước
- Tản nhiệt tốt, tuổi thọ cao: 50.000 giờ
- Bền, nhẹ, khó vỡ, chịu lực, chịu nhiệt cao
- Khả năng chống sét
- Sử dụng đèn LED thay thế đèn truyền thống

ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng đèn đường phố, giao thông công cộng, bệnh viện, trường học...

LED Đường Đi Seri LST2

CE | RoHS compliant | Điện áp 110-240VAC | Tuổi thọ 50.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.9 | Instant Light 100% 0s | 150°

Seri LST2	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size (mm)	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 100W	**LST2-100T** **LST2-100V** **LST2-100N**	14.600Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	488x326x80mm	1 cái/thùng	**4.020.500**
 150W	**LST2-150T** **LST2-150V** **LST2-150N**	21.000Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	488x326x80mm	1 cái/thùng	**4.455.000**
 200W	**LST2-200T** **LST2-200V** **LST2-200N**	28.000Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	688x326x80mm	1 cái/thùng	**6.600.000**
 240W	**LST2-240T** **LST2-240V** **LST2-240N**	33.600Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	688x326x80mm	1 cái/thùng	**9.391.800**
 300W	**LST2-300T** **LST2-300V** **LST2-300N**	42.000Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	688x326x80mm	1 cái/thùng	**11.422.400**

Phụ kiện LED Đường Đi seri LST2

Phụ kiện Seri LST2	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	**SF/LST2** Bộ nối dạng trượt	632.500
	**AM/LST2** Bộ nối gắn tường	632.500
	**TM/LST2** Bát treo hình vuông	380.600
	**YM150/LST2** Bát treo hình chữ U dùng cho đèn 100-150W	380.600
	**YM300/LST2** Bát treo hình chữ U dùng cho đèn 200-300W	507.100
	**UM/LST2** Bộ nối đa năng	1.268.300

Phụ kiện Seri LST2	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	**PTC/LST2** Cảm biến quang	632.500
	**PIR/LST2** Cảm biến thân nhiệt chuyển động	1.480.600
	**MS/LST2** Cảm biến chuyển động	1.589.500
	**SC/LST2** Đầu nối cáp	380.600
	**SP12/LST2** Bảo vệ quá điện áp 12Kv	316.800
	**SP20/LST2** Bảo vệ quá điện áp 20Kv	609.400

LED ĐƯỜNG ĐI SERI LST3





ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT:

- Thân làm bằng chất liệu nhựa và nhôm nguyên khối cao cấp
- Kính cường lực, trong suốt giúp phân bổ ánh sáng đều, bảo vệ chip LED
- Chế độ màu: Trắng, vàng
- Cấp bảo vệ IP65 chống nước
- Tản nhiệt tốt, tuổi thọ cao: 50.000 giờ
- Bền, nhẹ, khó vỡ, chịu lực, chịu nhiệt cao
- Khả năng chống sét
- Sử dụng đèn LED thay thế đèn truyền thống

ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng đường phố, giao thông công cộng, bệnh viện, trường học...

DIALux
German Technology

CE | RoHS compliant | Điện áp 110-240VAC | Tuổi thọ 50.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.9 | Instant Light 100% 0s

Seri LST3	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size (mm)	Góc chiếu Angle	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	**LST3-30T** **LST3-30V**	3600Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	335x180x78mm	120⁰	1 cái/hộp 6 cái/thùng	**1.915.400**
	**LST3-50T** **LST3-50V**	5000Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	335x180x78mm	120⁰	1 cái/hộp 6 cái/thùng	**2.211.300**
	**LST3-100T** **LST3-100V**	12.000Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	301x152x75mm	100⁰	1 cái/hộp 6 cái/thùng	**3.488.000**

MPE LED ĐƯỜNG ĐI NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI SERI LSS



New

DIALux

German Technology

CE | RoHS compliant | Điện áp 110-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.9 | Instant Light 100% 0s

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT:

- Sử dụng 100% nguồn điện từ năng lượng mặt trời
- Thân làm bằng chất liệu nhôm nguyên khối cao cấp chống oxy hóa
- Kính cường lực, trong suốt giúp phân bổ ánh sáng đều, bảo vệ chip LED
- Cấp bảo vệ IP65 chống nước
- Tản nhiệt tốt, tuổi thọ cao: 50.000 giờ
- Bền, nhẹ, khó vỡ, chịu lực, chịu nhiệt cao
- Khả năng chống sét
- Sử dụng đèn LED thay thế đèn truyền thống

ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng đèn sân thể thao, sân vườn, đường phố, giao thông công cộng, bệnh viện, trường học...

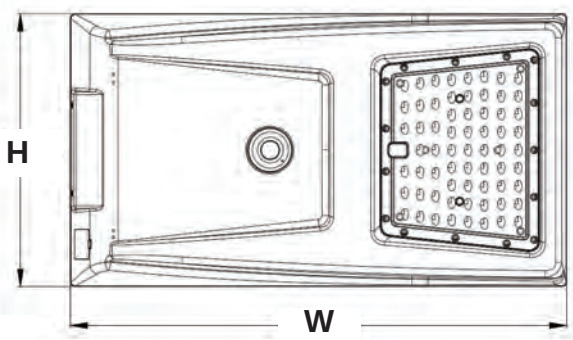
LED Đường Đi NLMT Seri LSS

CE | RoHS compliant | Điện áp 220-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.9 | IP 65 | Instant Light 100% 0s

Seri LSS	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước WxHxL(mm)	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 12W	LSS-12T LSS-12V LSS-12N	1650Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	580x318x72mm	1 cái/thùng	10.184.900
 18W	LSS-18T LSS-18V LSS-18N	2520Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	580x318x72mm	1 cái/thùng	10.549.000
 24W	LSS-24T LSS-24V LSS-24N	3360Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	580x318x72mm	1 cái/thùng	10.946.100

Phụ kiện Seri LSS	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	**BRA/LSS** Phụ kiện cho đèn LSS	507.100
	**BRB/LSS** Phụ kiện cho đèn LSS	380.600

Phụ kiện Seri LSS	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	**UM/LSS** Phụ kiện cho đèn LSS	1.268.300





LED ĐƯỜNG ĐI NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI SERI LSS2



New

DIALux

German Technology

CE | RoHS compliant | Điện áp 110-240VAC | Tuổi thọ 50.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.9 | Instant Light 100% 0s

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT:

- Sử dụng 100% nguồn điện từ năng lượng mặt trời
- Thân làm bằng chất liệu nhôm nguyên khối cao cấp chống oxy hóa
- Hiệu suất sáng cao: 160 Lm/W
- Cấp bảo vệ IP65 chống nước
- Tản nhiệt tốt, tuổi thọ cao: 50.000 giờ
- Bền, nhẹ, khó vỡ, chịu lực, chịu nhiệt cao
- Khả năng chống sét
- Sử dụng đèn LED thay thế đèn truyền thống

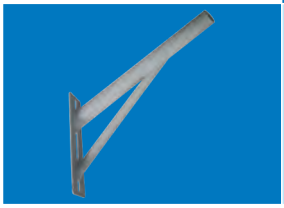
ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng đèn sân thể thao, sân vườn, đường phố, giao thông công cộng, bệnh viện, trường học...

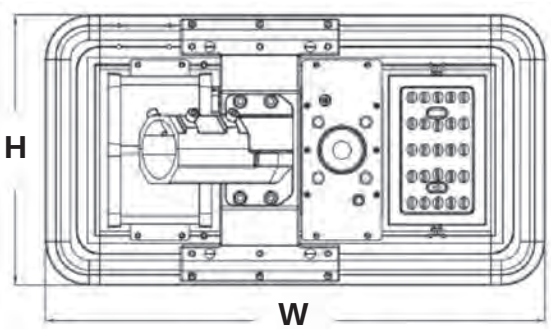
LED Đường Đi NLMT Seri LSS2

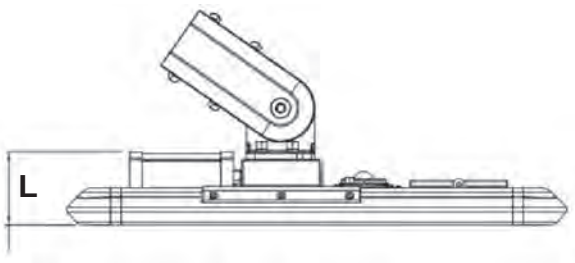
CE | RoHS compliant | Điện áp 220-240VAC | Tuổi thọ 50.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.9 | IP 65 | Instant Light 100% 0s

Seri LSS2	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước WxHxL(mm)	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	**LSS2-10T** **LSS2-10V** **LSS2-10N**	1700Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	567x306x276mm	1 cái/thùng	**10.279.500**
	**LSS2-20T** **LSS2-20V** **LSS2-20N**	3400Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	741x306x276mm	1 cái/thùng	**13.040.500**
	**LSS2-30T** **LSS2-30V** **LSS2-30N**	5100Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	926x306x276mm	1 cái/thùng	**16.847.600**
	**LSS2-40T** **LSS2-40V** **LSS2-40N**	7200Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	1130x306x276mm	1 cái/thùng	**20.845.000**
	**LSS2-50T** **LSS2-50V** **LSS2-50N**	8500Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	1304x306x276mm	1 cái/thùng	**22.843.700**

Phụ kiện Seri LSS2	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	**EWM/LSS2** Giá đỡ cho đèn LSS2	**1.427.800**

Phụ kiện Seri LSS2	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	**CHA/LSS2** Nguồn điện cho đèn LSS2	**898.700**





LED ĐƯỜNG ĐI NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI SERI LSS3



DIALux
German Technology

CE | RoHS compliant | Điện áp 110-240VAC | Tuổi thọ 50.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.9 | Instant Light 100% 0s

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT:

- Sử dụng 100% nguồn điện từ năng lượng mặt trời
- Thân làm bằng chất liệu nhôm nguyên khối cao cấp chống oxy hóa
- Kính cường lực, trong suốt giúp phân bổ ánh sáng đều, bảo vệ chip LED
- Cấp bảo vệ IP65 chống nước
- Tản nhiệt tốt, tuổi thọ cao: 50.000 giờ
- Bền, nhẹ, khó vỡ, chịu lực, chịu nhiệt cao
- Khả năng chống sét
- Sử dụng đèn LED thay thế đèn truyền thống

ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng đèn sân thể thao, sân vườn, đường phố, giao thông công cộng, bệnh viện, trường học...

Seri LSS3	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước WxHxL(mm)	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	**LSS3-60T** **LSS3-60V** **LSS3-60N**	8400Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K 4000 - 4500K	602x251x95mm	1 cái/thùng	**29.590.000**

LED Thoát Hiểm

LED thoát hiểm đa năng Seri EXM

Mã hàng Model	Điện áp Voltage	Thời gian sạc Charge time	Thời gian sử dụng Emegency duration	Đơn giá (VNĐ)
 EX/M (Đèn báo Exit 1 mặt)	220V - 50Hz	24 giờ	3 giờ	1.419.600
 EXR/M (Một mặt phải)	220V - 50Hz	24 giờ	3 giờ	1.419.600
 EXL/M (Một mặt trái)	220V - 50Hz	24 giờ	3 giờ	1.419.600
 EXLR/M (Một mặt trái & phải)	220V - 50Hz	24 giờ	3 giờ	1.419.600
 EX2/M (Hai mặt trái)	220V - 50Hz	24 giờ	3 giờ	1.465.800
 EX2LR/M (Hai mặt trái & phải)	220V - 50Hz	24 giờ	3 giờ	1.465.800

Phụ Kiện Thoát Hiểm Đa Năng Seri EXM



PKEX 46.200



PKEXR 46.200



PKEXL 46.200



PKEXLR 46.200

LED thoát hiểm Seri EX

Mã hàng Model	Điện áp Voltage	Thời gian sạc Charge time	Thời gian sử dụng Emegency duration	Đơn giá (VNĐ)
 EX (Đèn báo Exit 1 mặt)	220V - 50Hz	24 giờ	3 giờ	1.419.600
 EXR (Một mặt phải)	220V - 50Hz	24 giờ	3 giờ	1.419.600
 EXL (Một mặt trái)	220V - 50Hz	24 giờ	3 giờ	1.419.600
 EXLR (Một mặt trái & phải)	220V - 50Hz	24 giờ	3 giờ	1.419.600
 EX2 (Hai mặt trái)	220V - 50Hz	24 giờ	3 giờ	1.465.800
 EX2LR (Hai mặt trái & phải)	220V - 50Hz	24 giờ	3 giờ	1.465.800

Phụ Kiện Thóat Hiểm Seri EX



PEX 46.200



PEXR 46.200



PEXL 46.200



PEXLR 46.200

LED Chiếu Sáng Khẩn Cấp

LED chiếu sáng khẩn cấp	Mã hàng Model	Điện áp Voltage	Thời gian sạc Charge time	Thời gian sử dụng Emegency duration	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	EML	220V - 50Hz	20 giờ	3 giờ	1 cái/hộp 6 cái/thùng	1.116.900
	EML2	220V - 50Hz	20 giờ	3 giờ	1 cái/hộp 5 cái/thùng	866.800

LED bulb tích điện	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Góc chiếu Angle	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	LB10T/E	1000 lm	230⁰	Ø68x145mm	1 cái/hộp 100 cái/thùng	265.700
	LB12T/E	1200 lm	230⁰	Ø78x158mm	1 cái/hộp 100 cái/thùng	288.800

LED downlight âm trần khẩn cấp	Mã hàng Model	Thời gian khẩn cấp	Đục lỗ Cut out	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	EM-AT	2 giờ	Ø60mm	Ø140mm	1 cái/hộp 100 cái/thùng	1.239.900

LED downlight gắn nổi khẩn cấp	Mã hàng Model	Thời gian khẩn cấp	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	EM-NT	2 giờ	215x215x42	1 cái/hộp 100 cái/thùng	1.609.000

Bộ nguồn khẩn cấp	Mã hàng Model	Thời gian khẩn cấp	Diễn giải	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	EM-LT	3 giờ	Sử dụng cho : LED Tube, Bulb, Panel, Downlight Công suất tối đa 20W dung lượng Pin 4000mAHx2	1 cái/hộp 100 cái/thùng	2.348.200

ĐÈN BÀN 3 CHẾ ĐỘ - TL5



- LED chip tuổi thọ cao
- Chất liệu đèn cao cấp, độ bên cao
- Đèn 1 chế độ màu: trung tính
- Điều chỉnh được độ sáng nhiều mức phù hợp
- Kiểu dáng đẹp, hiện đại
- Không phát tia UV, không gây hại mắt
- Đèn được tích hợp đế sạc không dây 10W
- Tổng công suất: 24W - 100-240V/50Hz
- Kích thước: 359 x 420 mm

	Mã hàng Model	Công suất Watt	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Điện áp VAC	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	TL5	24W	420Lm	4000-4500K	100-240VAC	1 cái/hộp 12 cái/thùng	**1.061.500**

ĐÈN BÀN TÍCH HỢP QUẠT + SẠC USB - TL6

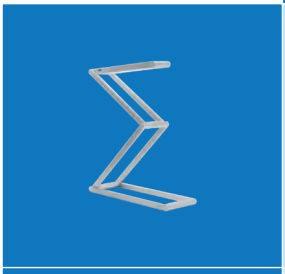
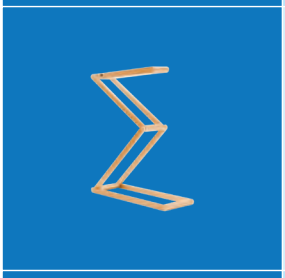
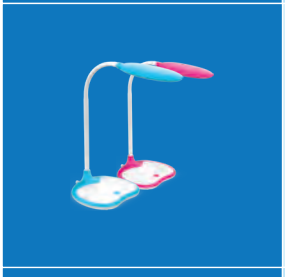


- Số lượng LED: 60 con
- Nút điều khiển cảm ứng chuyển đổi
- Đèn 3 chế độ màu: trắng, vàng, trung Tính
- 2 tốc độ quạt không cánh
- Tính năng hẹn giờ tắt (đếm ngược 40 phút)
- Tính năng lọc không khí
- Đế đèn có đèn LED chuyển màu RGB
- 2 đầu ra sạc USB: 5V 2.4A, 5V 1A
- Kích thước: 382 x 100 x 415 mm

	Mã hàng Model	Công suất Watt	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Điện áp VAC	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	TL6	5W	270Lm	6500K 3000K 4000K	220VAC	1 cái/hộp 6 cái/thùng	**1.848.000**

Đèn bàn + đèn Pin đa năng

Đèn bàn

Mã hàng Model	Công suất Watt	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Điện áp VAC	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 **TL1S**	2.2W	150Lm	6500K 3000K 4000K	220VAC	1 cái/hộp 50 cái/thùng	**852.400**
 **TL1G**	2.2W	150Lm	6500K 3000K 4000K	220VAC	1 cái/hộp 50 cái/thùng	**852.400**
 **TL2**	6W	300Lm	6500K 3000K 4000K	220VAC	1 cái/hộp 8 cái/thùng	**651.400**
 **TL3**	4W	220Lm	6500K 3000K 4000K	220VAC	1 cái/hộp 16 cái/thùng	**449.400**
 **LDL1**	1.8W	270Lm	4000K	220VAC	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**455.000**

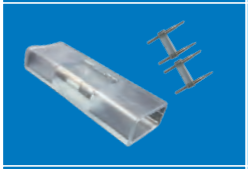
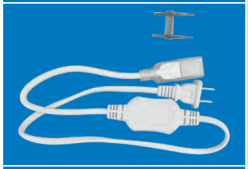
Đèn Pin đa năng + USB

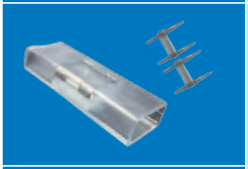
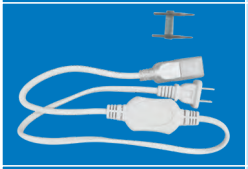
Mã hàng Model	Công suất Watt	Dung lượng Pin	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 **DPM1**	3W/6W	4000mAh	6500K	Ø150x235 mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**518.100**
	- Đầu ra nguồn USB 5V - 0.5A - 3 bóng 6W trên thân đèn và 1 đèn soi 3W mặt trước - Có quai cầm và móc treo thuận tiện khi sử dụng					

LED Dây Seri LS2

New



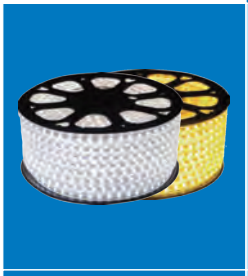
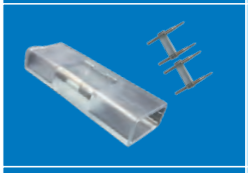
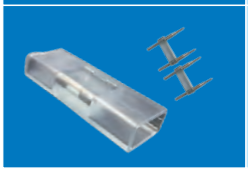
LED Dây AC 5050	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**LS2 5050AC-T** **LS2 5050AC-V** LED Dây AC 5050 - Công suất: 7W/m - Lumens : 400Lm/m - Chiều dài: 50m/cuộn - 72LED/m - KT: 12.3x6.5mm - IP 65	**95.900/m**
	**MC2-LS5050AC** Khớp nối giữa LED Dây 5050AC	**18.400**
	**BCL2 5050-AC** Power cord 5050 - AC - Bộ chỉnh lưu LED dây 5050 - AC	**91.300**
	**KLS2 AC-5050** Kẹp cho LED dây AC 5050	**9.200**

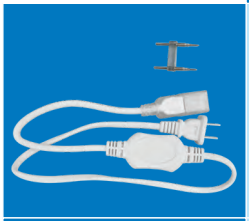
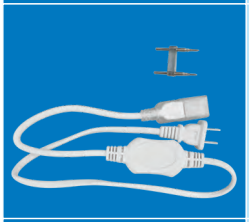
LED Dây AC 2835	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**LS2 2835AC-T** **LS2 2835AC-V** LED Dây AC 2835 - Công suất: 9W/m - Lumens : 750Lm/m - Chiều dài: 50m/cuộn - 180LED/m - KT: 14x7mm - IP 65	**121.300/m**
	**MC2-LS2835AC** Khớp nối giữa LED Dây 2835AC	**19.400**
	**BCL2 2835-AC** Power cord 2835 - AC - Bộ chỉnh lưu LED dây 2835 - AC	**91.300**
	**KLS2 AC-2835** Kẹp cho LED dây AC 2835	**9.200**

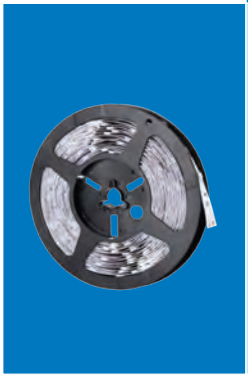
LED Dây AC	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**LS2835/90-RGB/AC** LED Dây AC - RGB - Công suất: 9W/m - 90LED/m - Chiều dài: 50m/cuộn - KT: 16x8mm - IP 65	**159.000/m**

Phụ kiện LED Dây	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**RF-2835RGB** Driver + remote RF - Khoảng cách điều khiển : 5-20m - Điện áp: 220V - Remote: <5m - IP 20 - Công suất: 400W	**629.800**

LED Dây Seri LS

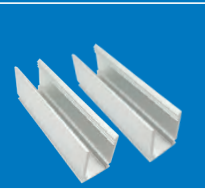
LED Dây AC	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**LS5050AC-T** **LS5050AC-V** LED Dây AC 5050 - Công suất: 8W/1m - Lumens : 300Lm/m - Chiều dài: 50m/cuộn - 60 LED/m - KT: 14x7.3mm - IP 65	95.900/m
	**MC-LS5050AC** Khớp nối giữa LED Dây 5050AC	18.400
	**LS2835AC-T** **LS2835AC-V** LED Dây AC2835 - Công suất: 8W/1m - Lumens : 700Lm/m - Chiều dài: 50m/cuộn - 120 LED/m - KT: 18x8mm - IP 65	121.300/m
	**MC-LS2835AC** Khớp nối giữa LED Dây 2835AC	19.400

Phụ kiện LED Dây AC	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**BCL5050-AC** Power cord 5050 - AC - Bộ chỉnh lưu LED dây 5050 - AC	91.300
	**BCL2835-AC** Power cord 2835-AC - Bộ chỉnh lưu LED dây 2835-AC	91.300
	**KLSAC - 2835** Kẹp cho LED dây AC 2835	9.200
	**KLSAC - 5050** Kẹp cho LED dây AC 5050	9.200

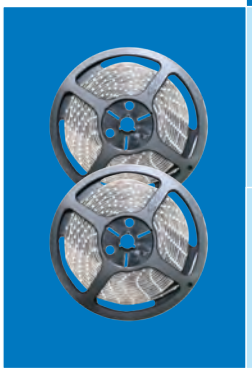
LED Dây DC	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**LS2835DC-T** **LS2835DC-V** LED Dây DC2835 - Công suất: 9W/m - chiều dài: 5m/cuộn - Điện áp: 12V - IP 44	130.600/m

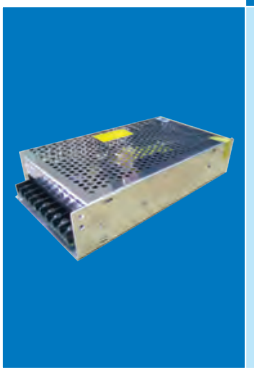
Phụ kiện LED Dây DC	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**DLS-60** Driver LED Dây DC - Điện áp vào 220V - Điện áp ra: 12V - Công suất 60W - IP 20	502.500

LED Dây Neon AC	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**LSN2-RGB** LED Dây Neon - Công suất: 8W/m - Chiều dài: 25m/cuộn - KT: 11x22mm - IP 65	302.600/m
	**MC-LSN2** Khớp nối giữa LED Dây Neon AC	28.600

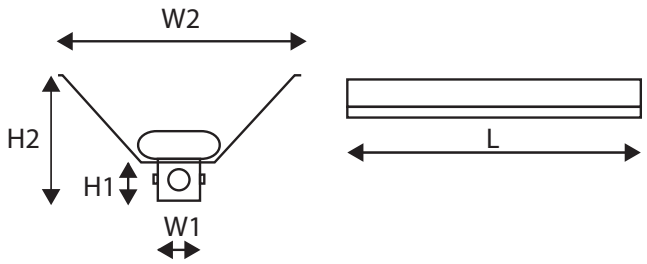
Phụ kiện LED Dây Neon AC	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**CLSN2** Bộ Nguồn Dây LED Neon - Điện áp: 220V - Remote: <5m - IP 20 - Công suất: 1000W	404.300
	**KLSN2** Kẹp cho LED Dây Neon	18.500

LED dây/ Máng đèn (không bao gồm bóng)

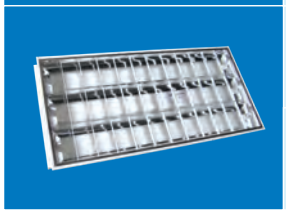
LED Dây	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**LSWH** LED dây hắt trần màu trắng, 6500K 14,4w/m,12V DC - Chip SMD 50x50 - 60 LED /m - Có phủ keo, IP65	**130.600/m**
	LSWW LED dây hắt trần màu vàng, 2800K 14,4w/m,12V DC - Chip SMD 50x50 - 60 LED /m - Có phủ keo, IP65	**130.600/m**

Driver LED Dây	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**DLR-75W** Driver LED dây Công suất: 75W Điện áp: 12V	**502.500**

Máng Đèn Công Nghiệp	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**MCN-120** Máng đèn công nghiệp đơn 1.2m, chóa sơn tĩnh điện	**241.500**
	**MCN-220** Máng đèn công nghiệp đôi 1.2m, chóa sơn tĩnh điện	**264.600**

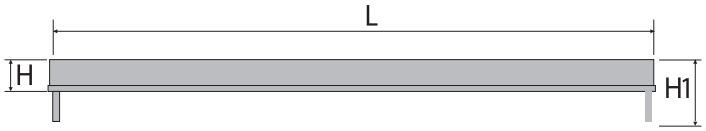


Mã hàng	Đóng gói	L	W1	W2	H1	H2
MCN-120	12 cái/thùng	1230	170	50	35	75
MCN-220	12 cái/thùng	1230	182	50	35	75

	Mã hàng Model	Diễn giải	Kích thước WxLxH	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	**MWP 118**	Máng đèn chống thấm (không bao gồm bóng) 0,6m đơn	660x86x90mm	15 cái/thùng	**418.100**
	MWP 136	Máng đèn chống thấm (không bao gồm bóng) 1.2m đơn	1270x86x90mm	9 cái/thùng	**639.900**
	**MWP 218**	Máng đèn chống thấm (không bao gồm bóng) 0,6m đôi	660x136x90mm	10 cái/thùng	**556.700**
	MWP 236	Máng đèn chống thấm (không bao gồm bóng) 1.2m đôi	1270x136x90mm	6 cái/thùng	**843.200**
	**MAT 218**	Máng đèn xương cá âm trần 2 bóng 0.6m (không bao gồm bóng)	605x300x83mm	2 cái/thùng	**537.100**
	MAT 236	Máng đèn xương cá âm trần 2 bóng 1.2m (không bao gồm bóng)	1215x300x83mm		**927.500**
	**MAT 318**	Máng đèn xương cá âm trần 3 bóng 0.6m (không bao gồm bóng)	605x600x83mm		**866.300**
	MAT 336	Máng đèn xương cá âm trần 3 bóng 1.2m (không bao gồm bóng)	1215x600x83mm		**1.466.900**

Máng đèn batten/ Phụ kiện (không bao gồm bóng)

Máng đèn Batten	Mã hàng Model	Diễn giải	Kích thước LxHxH1xL1 mm	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	MBT 118	Máng đèn 1 bóng 0.6m (tăng phô + chuột)	595x24x60x45 mm	1 cái/hộp 12 cây/thùng	150.200
	MBT 118/BL	Máng đèn 1 bóng 0.6m (tăng phô + chuột) chân màu xanh dương			
	EBT 118	Máng đèn 1 bóng, siêu mỏng 0.6m ballast điện tử (tăng phô + chuột)			
	EBT 118/BL	Máng đèn 1 bóng, siêu mỏng 0.6m ballast điện tử (tăng phô + chuột) chân màu xanh dương			
	MBT 136	Máng đèn 1 bóng 1.2m (tăng phô + chuột)	1200x24x60x45 mm	1 cái/hộp 12 cây/thùng	161.700
	MBT 136/BL	Máng đèn 1 bóng 1.2m (tăng phô + chuột) chân màu xanh dương			
	EBT 136	Máng đèn 1 bóng, siêu mỏng 1.2m ballast điện tử (tăng phô + chuột)			
	EBT 136/BL	Máng đèn 1 bóng, siêu mỏng 1.2m ballast điện tử (tăng phô + chuột) chân màu xanh dương			
	MBT 236	Máng đèn 2 bóng 1.2m (tăng phô + chuột)	1200x24x60x45 mm	1 cái/hộp 12 cây/thùng	265.700
	MBT 236/BL	Máng đèn 2 bóng 1.2m (tăng phô + chuột) chân màu xanh dương			
	EBT 236	Máng đèn 2 bóng, siêu mỏng 1.2m ballast điện tử (tăng phô + chuột)			
	EBT 236/BL	Máng đèn 2 bóng, siêu mỏng 1.2m ballast điện tử (tăng phô + chuột) chân màu xanh dương			



Phụ Kiện Batten	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**MS** Con mồi Starer	5.600
	**BL-18** Chấn lưu 18W Ballasts 18W	83.200
	**BL-36** Chấn lưu 36W Ballasts 36W	83.200

Phụ Kiện Batten	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**EBL-18** Ballast điện tử 18W Electronic Ballast 18W	76.200
	**EBL-36** Ballast điện tử 36W Electronic Ballast 36W	76.200

CÔNG TẮC & Ổ CẮM / *Switch & Socket*



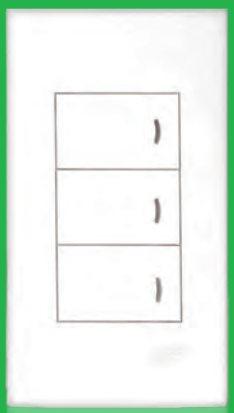
Series A50



Series A60



Series A70 Plus



Series A80



- Sản xuất từ nhựa PC chống cháy
- Có màng che bảo vệ
- Ổ cắm đa năng dùng cho các loại phích cắm
- Module USB sạc được tất cả thiết bị Iphone, Ipad...

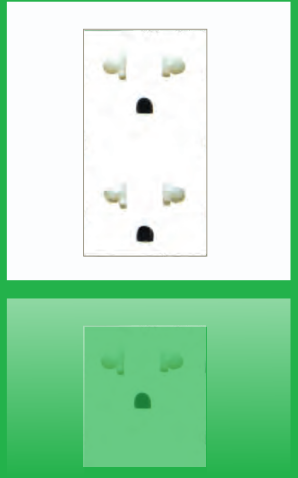
Series A90



Series A20 Plus



Series S60

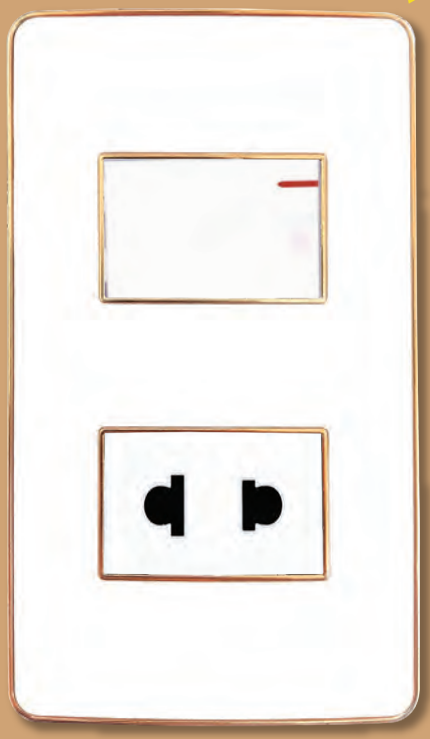


Series S70



Seri A60
Viền màu

New



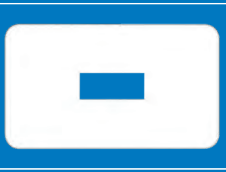


	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**A601G** Mặt dùng cho 1 thiết bị viền vàng KT: 120x70mm	35.700
	**A602G** Mặt dùng cho 2 thiết bị viền vàng KT: 120x70mm	35.700
	**A603G** Mặt dùng cho 3 thiết bị viền vàng KT: 120x70mm	35.700
	**A60SBG** Mặt dùng cho SB viền vàng KT: 120x70mm	41.600

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**A601S** Mặt dùng cho 1 thiết bị viền bạc KT: 120x70mm	35.700
	**A602S** Mặt dùng cho 2 thiết bị viền bạc KT: 120x70mm	35.700
	**A603S** Mặt dùng cho 3 thiết bị viền bạc KT: 120x70mm	35.700
	**A60SBS** Mặt dùng cho SB viền bạc KT: 120x70mm	41.600

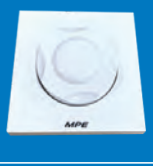
Mặt công tắc & ổ cắm series A60, S60, A50

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**A601** Mặt dùng cho 1 thiết bị KT: 120x70mm	16.900
	**A602** Mặt dùng cho 2 thiết bị KT: 120x70mm	16.900
	**A620** Mặt dùng cho 2 thiết bị KT: 120x70mm	16.900
	**A603** Mặt dùng cho 3 thiết bị KT: 120x70mm	16.900
	**A60456** Mặt dùng cho 4,5,6 thiết bị KT: 120x116mm	30.500
	**A6SB** Module rời lắp SB	6.500
	**A60SB** Mặt dùng cho cầu dao an toàn KT: 120x70mm	19.400
	**A60MCB1** Mặt dùng cho MCB 1 cực KT: 120x70mm	19.400
	**A60MCB2** Mặt dùng cho MCB 2 cực KT: 120x70mm	19.400

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**S601** Mặt vuông dùng cho 1 thiết bị KT: 86x86mm	19.700
	**S615** Mặt vuông dùng cho 1 thiết bị cỡ trung KT: 86x86mm	19.700
	**S602** Mặt vuông dùng cho 2 thiết bị KT: 86x86mm	19.700
	**S603** Mặt vuông dùng cho 3 thiết bị KT: 86x86mm	19.700
	**A501** Mặt dùng cho 1 thiết bị KT: 120x70mm	16.900
	**A502** Mặt dùng cho 2 thiết bị KT: 120x70mm	16.900
	**A503** Mặt dùng cho 3 thiết bị KT: 120x70mm	16.900
	**A50456** Mặt dùng cho 4,5,6 thiết bị KT: 120x116mm	30.500
	**A50SB** Mặt dùng cho cầu dao an toàn KT: 120x70mm	19.400
	**A50MCB1** Mặt dùng cho MCB 1 cực KT: 120x70mm	19.400
	**A50MCB2** Mặt dùng cho MCB 2 cực KT: 120x70mm	19.400

Thiết bị rời series A60, S60, A50

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**A6USB-A/C** Ổ cắm sạc USB type A & type C DC 5V-2.1A	482.800
	**A6USB** Ổ cắm sạc USB DC 5V-2.1A	306.100
	**A6US** Ổ cắm 2 chấu	32.400
	**A6UES2** Ổ cắm đôi 3 chấu	81.800
	**A6UESM** Ổ cắm đa năng 1.5 module	68.200
	**A6M/1** Công tắc 1 chiều	20.300
	**A6M/2** Công tắc 2 chiều	33.900
	**A6NGN** Đèn báo xanh seri A60	38.800
	**A6NRD** Đèn báo đỏ seri A60	38.800
	**A6TV75** Ổ cắm đồng trục TV loại 75 Ohm	73.700

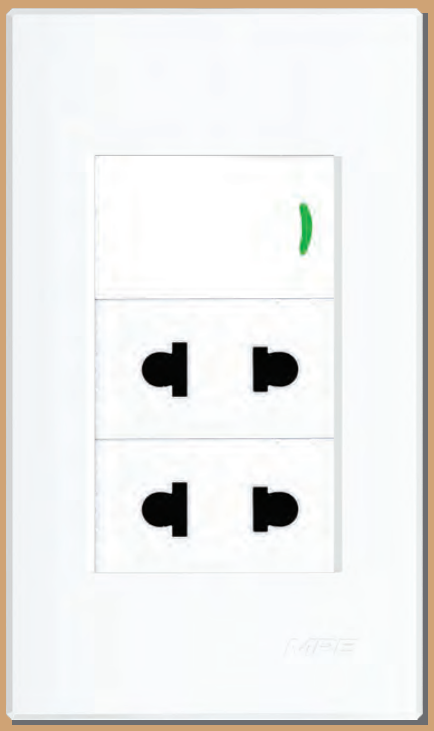
	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**A6RJ64** Ổ cắm điện thoại 4 dây	73.700
	**A6RJ88** Ổ cắm mạng LAN 8 dây	144.900
	**A6MBP** Nút nhấn chuông 3A	42.400
	**A6F** Cầu chì	22.900
	**A6V200-LED** Dimmer điều chỉnh độ sáng LED (dùng cho LED Dimmable) Điện áp: 220VAC Công suất: 200W	698.800
	**ASV200-LED** Dimmer điều chỉnh độ sáng LED (dùng cho LED Dimmable) Điện áp:220VAC Công suất: 200W	914.800
	**A6V800F** Bộ điều chỉnh tốc độ quạt 800VA-220VAC	107.600
	**A6V800L** Bộ điều chỉnh độ sáng đèn 800W-220VAC	118.600
	**A6V1200L** Bộ điều chỉnh độ sáng đèn 1.200W-220VAC	131.900
	**A6MD20** Công tắc 2 cực 20A	89.900

Thiết bị rời vặn vít series A50, A60, S60

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**A6USV (Vặn vít)** Ổ cắm 2 chấu	32.400
	**A6M/1V (Vặn vít)** Công tắc 1 chiều	20.300
	**A6M/2V (Vặn vít)** Công tắc 2 chiều	33.900
	**A6M/1M (Vặn vít)** Công tắc 1 chiều cỡ trung	40.400
	**A6M/2M (Vặn vít)** Công tắc 2 chiều cỡ trung	72.600
	**A6M/1L (Vặn vít)** Công tắc 1 chiều cỡ lớn	40.400
	**A6M/2L (Vặn vít)** Công tắc 2 chiều cỡ lớn	72.600
	**A6P2** Nút che trơn 1.5 module	5.100
	**A6P** Nút che trơn 1 module	5.100

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**A6UESM-2 (Vặn vít)** Ổ cắm đa năng A60 2 module	68.200
	**A6UESMV (Vặn vít)** Ổ cắm đa năng A60 1.5 module	68.200
	**A6NGNV** Đèn báo xanh	38.800
	**A6NRDV** Đèn báo đỏ	38.800
	**A6DDI** Đèn báo đừng làm phiền	90.800
	**A6CLR** Đèn báo dọn phòng	90.800
	**DBP** Nút nhấn chuông KT: 118x72x28mm	118.300
	**DB** Chuông điện KT: 163x98x40mm	193.300
	**A267BP** Nút ấn chuông KT: 120x70mm IP44	118.300
	**DB2** Chuông cửa không dây, không pin - 32 âm tùy chọn - 4 mức âm lượng - Tần số: 433Mhz	756.000

Seri A70 Plus



- Tiêu chuẩn IEC-60884-1
- Nhựa PC được sử dụng cho sản phẩm mang lại độ chống trầy xước lớn.
- Khả năng chống va đập, chịu nhiệt tốt, chống ăn mòn hiệu quả.
- Bề mặt cong, bóng tạo nét thẩm mỹ cao
- Lò xo trợ lực hạn chế phát sinh tia lửa điện rất an toàn cho người sử dụng nhất là đối với các gia đình có trẻ nhỏ.
- Vít đồng tròn tăng lực siết và không làm đứt dây.
- Thiết kế nhỏ gọn, hình chữ nhật mỏng ôm sát bề mặt tường lắp đặt

Mặt công tắc, ổ cắm, thiết bị rời series A70 Plus

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**A701N** Mặt dùng cho 1 thiết bị KT: 120x70mm	16.900
	**A702N** Mặt dùng cho 2 thiết bị KT: 120x70mm	16.900
	**A703N** Mặt dùng cho 3 thiết bị KT: 120x70mm	16.900
	**A70456N** Mặt dùng cho 4,5,6 thiết bị KT: 120x115mm	30.500
	**A70SB** Mặt dùng cho cầu dao an toàn	19.400
	**A70MCB1** Mặt dùng cho MCB 1 cực	19.400
	**A70MCB2** Mặt dùng cho MCB 2 cực	19.400
	**A70KT** Bộ công tắc dùng thẻ từ 25A có thời gian chậm	451.100

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**A7M/1** Công tắc 1 chiều	20.300
	**A7M/2** Công tắc 2 chiều	33.900
	**A7MD20** Công tắc 2 cực 20A	89.900
	**A7MBP** Nút nhấn chuông	42.400
	**A7US** Ổ cắm 2 chấu	32.400
	**A7UESM** Ổ cắm đa năng 2 module	68.200
	**A7UES2** Ổ cắm đôi 3 chấu	81.800
	**KT** Thẻ từ (dùng cho BKT, A70KT)	52.100

Mặt công tắc, ổ cắm, thiết bị rời series A70 Plus

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**A7TV75** Ổ cắm Tivi	73.700
	**A7RJ64** Ổ cắm Điện thoại	73.700
	**A7RJ88** Ổ cắm mạng Lan	144.900
	**A7NRD** Đèn báo đỏ	38.800
	**A7NGN** Đèn báo xanh	38.800
	**A800F** Bộ điều chỉnh tốc độ quạt 800VA-220VAC	107.600
	**A800L** Bộ điều chỉnh độ sáng đèn 800W-220VAC	118.600
	**A1200L** Bộ điều chỉnh độ sáng đèn 1.200W-220VAC	131.900
	**A7USB** Ổ cắm sạc USB	306.100

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**A7USB-A/C** Ổ cắm sạc USB type A & type C DC 5V-2.1A	482.800
	**DB** Chuông điện KT: 163x98x40mm	193.200
	**DBP** Nút nhấn chuông KT: 118x72x28mm	118.300
	**A267BP** Nút ấn chuông Kt: 120x70mm IP44	118.300
	**DB2** Chuông cửa không dây, không pin - 32 âm tùy chọn - 4 mức âm lượng - Tần số: 433Mhz	756.000
	**A7CLR** Đèn báo dọn phòng	90.800
	**A7DDI** Đèn báo đừng làm phiền	90.800
	**A78F** Cầu chì 10A	22.900
	**FS** Cầu chì 10A	6.500
	**A7P** Nút che trơn 1 module	5.100

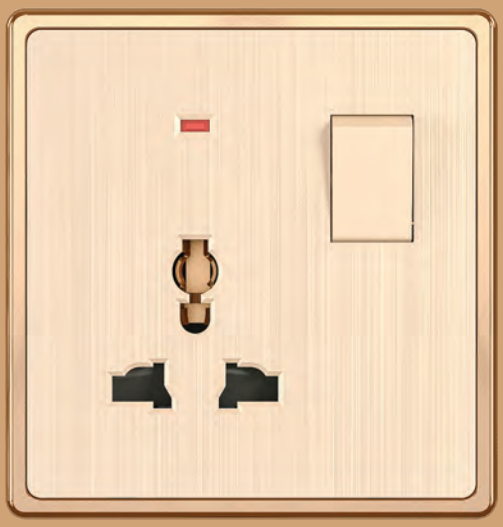
Mặt công tắc & ổ cắm series A80, A90

Thiết bị rời dùng chung với series A70 Plus

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**A801** Mặt dùng cho 1 thiết bị KT: 120x70mm	**16.900**
	**A802** Mặt dùng cho 2 thiết bị KT: 120x70mm	**16.900**
	**A803** Mặt dùng cho 3 thiết bị KT: 120x70mm	**16.900**
	**A80456** Mặt dùng cho 4,5,6 thiết bị KT: 120x116mm	**30.500**
	**A80SB** Mặt dùng cho cầu dao an toàn KT: 120x70mm	**19.800**
	**A80MCB1** Mặt dùng cho MCB 1 cực KT: 120x70mm	**19.800**
	**A80MCB2** Mặt dùng cho MCB 2 cực KT: 120x70mm	**19.800**

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**A901** Mặt dùng cho 1 thiết bị KT: 120x70mm	**16.900**
	**A902** Mặt dùng cho 2 thiết bị KT: 120x70mm	**16.900**
	**A903** Mặt dùng cho 3 thiết bị KT: 120x70mm	**16.900**
	**A90456** Mặt dùng cho 4,5,6 thiết bị KT: 120x116mm	**30.500**
	**A90SB** Mặt dùng cho cầu dao an toàn KT: 120x70mm	**19.800**
	**A90MCB1** Mặt dùng cho MCB 1 cực KT: 120x70mm	**19.800**
	**A90MCB2** Mặt dùng cho MCB 2 cực KT: 120x70mm	**19.800**

Seri S70



- Tiêu chuẩn IEC-60884-1
- Siêu đẹp, Siêu bền, Siêu an toàn.
- Sang trọng để tôn thêm vẻ đẹp cho ngôi nhà bạn. Công tắc ổ cắm điện mặt Vuông theo phong cách hiện đại
- Sản xuất theo công nghệ Germany (Đức)
- Mẫu mã đa dạng, màu sắc sang trọng và đẳng cấp, phù hợp với mọi không gian kiến trúc
- Bật/ Tắt 50,000 lần với công tắc.
- Cách lắp đặt dễ dàng



	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**S701** Mặt 1 công tắc 1 chiều 16A - 250V KT: 86x89mm	**110.600**
	**S701M** Mặt 1 công tắc 2 chiều 16A - 250V KT: 86x89mm	**116.900**
	**S702** Mặt 2 công tắc 1 chiều 16A - 250V KT: 86x89mm	**142.300**

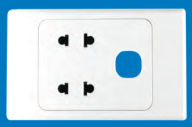
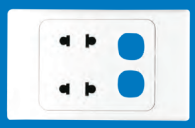
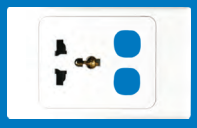
	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**S702M** Mặt 2 công tắc 2 chiều 16A - 250V KT: 86x89mm	**146.200**
	**S703** Mặt 3 công tắc 1 chiều 16A - 250V KT: 86x89mm	**153.800**
	**S704** Mặt 4 công tắc 1 chiều 16A - 250V KT: 86x89mm	**216.000**

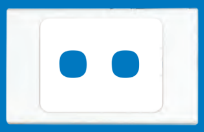
Mặt công tắc & ổ cắm series S70

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**S7MS** Ổ cắm đa năng + công tắc 10A - 250V KT: 86x89mm	139.800
	**S7MS/USB** Ổ cắm đa năng + ổ cắm đơn 2 chấu+ 2USB KT: 86x89mm	433.300
	**S7UES2** 2 ổ cắm 3 chấu KT: 86x89mm	240.000
	**S7TEL** Ổ cắm điện thoại KT: 86x89mm	123.300
	**S7LAN** Ổ cắm mạng Lan KT: 86x89mm	177.900
	**S7TEL/LAN** Ổ cắm điện thoại + mạng Lan KT: 86x89mm	227.500
	**S7TV/LAN** Ổ cắm Tivi + mạng Lan KT: 86x89mm	227.500
	**S7TV/TEL** Ổ cắm Tivi + điện thoại KT: 86x89mm	227.500

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**S7TV** Ổ cắm tivi KT: 86x89mm	125.800
	**S7LAN/2** 2 ổ cắm mạng Lan KT: 86x89mm	277.000
	**S7TEL/2** 2 ổ cắm điện thoại KT: 86x89mm	197.000
	**S7DIM/L** Dimmer điều chỉnh độ sáng đèn 400W KT: 86x89mm	457.400
	**S7DIM/F** Dimmer điều chỉnh tốc độ quạt 250W KT: 86x89mm	457.400
	**S7DBP** Nút nhấn chuông 6A - 250V KT: 86x89mm	171.600
	**S7MD20** Công tắc 2 cực 20A KT: 86x89mm	304.900
	**S7MS2** 2 ổ cắm đa năng + 2 công tắc 10A-250V KT: 145x89mm	279.500
	**S7CDP** Nút nhấn chuông + đèn báo không làm phiền + đèn báo dọn phòng KT: 86x89mm	412.900

Mặt công tắc & ổ cắm series A20 Plus

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**A20US2N** Ổ cắm đôi 2 chấu đế liền 16A KT: 120x72mm	54.800
	**A20US3N** Ổ cắm 3, 2 chấu đế liền 16A KT: 120x72mm	66.100
	**A20UES2N** Ổ cắm đôi 3 chấu đế liền 16A KT: 120x72mm	68.600
	**A20UESM2N** Ổ cắm đôi đa năng đế liền 16A KT: 120x72mm	68.600
	**A20US2MN** Ổ cắm đa năng Ổ cắm đơn 16A KT: 120x72mm	62.400
	**A20US2XN** Ổ cắm đôi 2 chấu 16A + 1 lỗ KT: 120x72mm	53.400
	**A20US2XXN** Ổ cắm đôi 2 chấu 16A + 2 lỗ KT: 120x72mm	53.400
	**A20USMXN** Ổ cắm đơn đa năng 16A + 1 lỗ KT: 120x72mm	46.100
	**A20USMXXN** Ổ cắm đơn đa năng 16A + 2 lỗ KT: 120x72mm	46.100
	**A20USMN** Ổ cắm đơn đa năng 16A KT: 120x72mm	46.100

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**A201N** Mặt 1 lỗ KT: 120x72mm	15.800
	**A202N** Mặt 2 lỗ KT: 120x72mm	15.800
	**A203N** Mặt 3 lỗ KT: 120x72mm	15.800
	**A204N** Mặt 4 lỗ KT: 120x72mm	20.400
	**A205N** Mặt 5 lỗ KT: 120x72mm	20.400
	**A206N** Mặt 6 lỗ KT: 120x72mm	20.400
	**ASBN** Mặt dùng cho cầu dao an toàn KT: 120x72mm	17.400
	**AMCB1N** Mặt dùng cho MCB 1 cực KT: 120x72mm	15.800
	**AMCB2N** Mặt dùng cho MCB 2 cực KT: 120x72mm	15.800
	**A201VXN** Mặt nạ trơn KT: 120x72mm	15.800

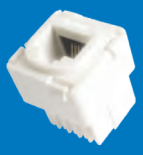
Mặt công tắc & ổ cắm series B20

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**B2US2** Mặt ổ cắm đôi 2 chấu KT: 86x86mm	63.600
	**B215S** Mặt ổ cắm 3 chấu vuông + 1 công tắc KT: 86x86mm	119.800
	**DB2** Chuông cửa không dây, không pin - 32 âm tùy chọn - 4 mức âm lượng - Tần số: 433Mhz	756.000
	**DBP** Nút nhấn chuông KT: 118x72x28mm	118.300
	**DB** Chuông điện KT: 163x98x40mm	193.200
	**A267BP** Nút ấn chuông Kt: 120x70mm IP44	118.300
	**BKT** Bộ công tắc dùng thẻ từ 16A có thời gian chậm KT: 86x86mm	453.600
	**B727** Ổ cắm cạo râu 110/250V vuông 1.200W-220VAC KT: 86x86mm	893.200
	**A727** Ổ cắm cạo râu 110/250V thẳng đứng	893.200

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**B201** Mặt đơn KT: 86x86mm	17.200
	**B202** Mặt đôi KT: 86x86mm	17.200
	**B203** Mặt ba KT: 86x86mm	17.200
	**B204** Mặt bốn KT: 86x86mm	24.200
	**B2UESM** Ổ cắm đa năng + 1 công tắc KT: 86x86mm	60.400
	**B2US** Mặt ổ cắm đơn 2 chấu KT: 86x86mm	39.500
	**B2USX** Mặt cắm đơn 2 chấu + 1 lỗ KT: 86x86mm	50.800
	**B2TDS** Công tắc cảm ứng có Delay KT: 86x86mm	648.000
	**B2DDI** Mặt nạ hiển thị "đừng làm phiền" KT: 86x86mm	648.000

Thiết bị rời dùng chung series A20 plus, series B20

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**A20-IP** Mặt viền đơn màu trắng kiểu Iphone KT: 120x71.5mm	8.000
	**A20-WND** Mặt viền đôi màu trắng KT: 120x142mm	15.300
	**A20-WN** Mặt viền đơn màu trắng KT: 120x71.5mm	8.000
	**A20-WE** Mặt viền đơn màu trắng KT: 115x75mm	8.000
	**A30/1** Công tắc 1 chiều 10A	13.100
	**A30M** Công tắc 2 chiều 10A	22.700
	**A30MD20** Công tắc 2 cực 20A	78.800

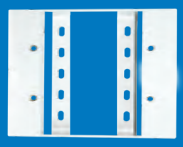
	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**DBP** Nút nhấn chuông KT: 118x72x28mm	118.300
	**DB** Chuông điện KT: 163x98x40mm	193.200
New 	**A267BP** Nút ấn chuông KT: 120x70mm IP44	118.300
	**DB2** Chuông cửa không dây, không pin - 32 âm tùy chọn - 4 mức âm lượng - Tần số: 433Mhz	756.000
	**A30RJ88** Ổ cắm mạng Lan 8 dây	79.100
	**A30RJ64** Ổ cắm điện thoại 4 dây	54.700
	**A30TV75** Ổ cắm tivi loại 75 Ohm	49.600

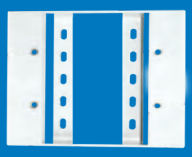
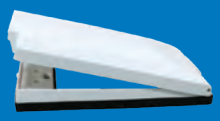
Thiết bị rời dùng chung series A20 plus, series B20

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**A30NGN** Đèn báo xanh	17.600
	**A30NRD** Đèn báo đỏ	17.600
	**ASV200-LED** Dimmer điều chỉnh độ sáng LED (dùng cho LED Dimmable) Điện áp: 220VAC Công suất: 200W	914.800
	**AV200-LED** Dimmer điều chỉnh độ sáng LED (dùng cho LED Dimmable) Điện áp: 220VAC Công suất: 200W	698.800
	**A30P** Nắp che trơn	4.500
	**A30MBP** Nút nhấn chuông 3A	28.700

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**A30USB** Ổ cắm sạc USB DC 5V-1000mA	306.100
	**AV600** Bộ điều chỉnh tốc độ quạt 600VA-220VAC	113.200
	**AV800** Bộ điều chỉnh độ sáng đèn 800W-220VAC	113.200
	**AV1200** Bộ điều chỉnh độ sáng đèn 1.200W-220VAC	139.800
	**AKT** Chìa khóa dùng cho A20KTN	48.300
	**A20KTN** Công tắc 2 cực 20A dùng chìa khóa	256.600

Nhóm hộp âm, hộp nổi, hộp chống thấm

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**CA157N** Nắp che dùng cho hộp A157N	6.300
	**A157N** Hộp nhựa âm tường đơn Kt: 105x65x40mm	6.300
	**A157ND** Hộp nhựa âm tường dùng cho 2 mặt đơn Kt: 134x105x40mm	16.500
	**A157V** Đế âm chống cháy dùng cho các mặt nạ vuông Kt: 75x75x50mm	11.000
	**A157V2** Hộp đế nhựa vuông đôi kiểu Anh Kt: 135x75x50mm	26.300
	**A157 MCB** Hộp nhựa âm tường dùng cho MCB Kt: 114x65x57mm	12.800
	**AK2237N** Hộp nhựa nổi dùng cho các mặt, ổ cắm A20 và viền A20-WN Kt: 120x72x34mm	14.700
	**AK2237ND** Hộp nhựa nổi dùng cho viền A20-WND Kt: 120x142x34mm	28.900
	**A157N2** Hộp nhựa âm tường dùng cho mặt đôi Kt: 110x106x40mm	16.700

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**S223** Hộp chống thấm vuông cho series B20, S60, S70 KT: 100x118x48 mm	126.500
	**AKSB** Hộp nhựa nổi dùng cho SB Kt: 104x44x40mm	11.100
	**AK01** Hộp nhựa nổi đơn Kt: 120x70x34mm	9.900
	**AK02** Hộp nhựa nổi đôi Kt: 120x116x34mm	19.700
	**A6K01** Đế nổi dùng cho mặt nạ đơn seri A60, A70 plus Kt: 120x70x33mm	13.100
	**A6K02** Đế nổi dùng cho mặt nạ đôi seri A60, A70 plus Kt: 120x117x33mm	19.700
	**A223V** Mặt che phòng thấm nước dùng cho các mặt & ổ cắm chữ nhật	119.900
	**A223** Mặt che phòng thấm nước dùng cho các mặt & ổ cắm A30	275.000
	**A223S** Mặt che phòng thấm nước dùng cho các mặt & ổ cắm chữ nhật	108.900



Khả năng chịu lực



Chịu nhiệt độ cao

Đặc điểm :

- Ống luồn cứng PVC được làm từ nhựa PVC cao cấp, sản xuất theo tiêu chuẩn BSEN 61386-21
- Ống PVC có 3 loại: Medium duty (chịu được lực nén 750N) và Heavy duty (chịu được lực nén 1250N).
- Ống PVC có các tính chất ưu việt sau:
  + Chịu được lực nén cao: không bị nứt, vỡ khi lắp đặt trong âm tường, âm sàn và dưới đất.
  + Chịu được va đập mạnh
  + Độ uốn dẻo cao: dễ dàng uốn cong theo ý muốn, có thể uốn cong đến 90^0.
  + Cách điện tốt: chịu được điện áp đến 2,000V
  + Khả năng tự chống cháy: không cháy thành ngọn lửa khi đốt cháy trực tiếp, ngọn lửa tự dập tắt trong thời gian nhỏ hơn 30 giây.
  + Chống ăn mòn và chống tia UV

Ứng dụng :

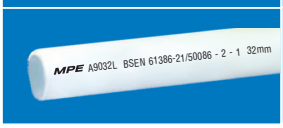
- Dùng để lắp đặt trong các công trình xây dựng: lắp nổi trên trần, âm trong tường, sàn bê tông hoặc chôn dưới đất.
- Dùng trong các nơi đòi hỏi độ va đập cao, chống cháy, chống ăn mòn và cách điện…





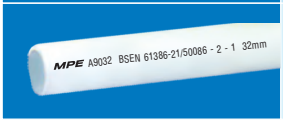
Ống luồn

Ống Luồn 320N

	Mã hàng Model	Chiều dài (mm)	Đường kính ngoài +/- 0.15mm	Độ dày (+/- 0.1mm)	Đóng gói Package	Trọng lượng (kg/bó)	Đơn giá (VNĐ/cây)
	A9016L	2920mm	Ø 16mm	1.3mm	50 ống/bó	13 kg	31.100
	A9020L	2920mm	Ø 20mm	1.4mm	30 ống/bó	10.2 kg	40.100
	A9025L	2920mm	Ø 25mm	1.6mm	25 ống/bó	12.75 kg	61.000
	A9032L	2920mm	Ø 32mm	1.9mm	15 ống/bó	10.95 kg	98.900

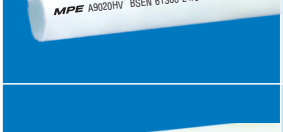
Tiêu chuẩn: BSEN 50086-2-1/BSEN 61386-21

Ống Luồn 750N

	Mã hàng Model	Chiều dài (mm)	Đường kính ngoài +/- 0.15mm	Độ dày (+/- 0.05mm)	Đóng gói Package	Trọng lượng (kg/bó)	Đơn giá (VNĐ/cây)
	A9016	2920mm	Ø 16mm	1.3mm	50 ống/bó	13 kg	34.500
	A9020	2920mm	Ø 20mm	1.5mm	30 ống/bó	11.55 kg	47.700
	A9025	2920mm	Ø 25mm	1.7mm	25 ống/bó	14.12 kg	69.900
	A9032	2920mm	Ø 32mm	1.9mm	15 ống/bó	13.05 kg	111.600

Tiêu chuẩn: BSEN 50086-2-1/BSEN 61386-21

Ống Luồn Heavy 1250N

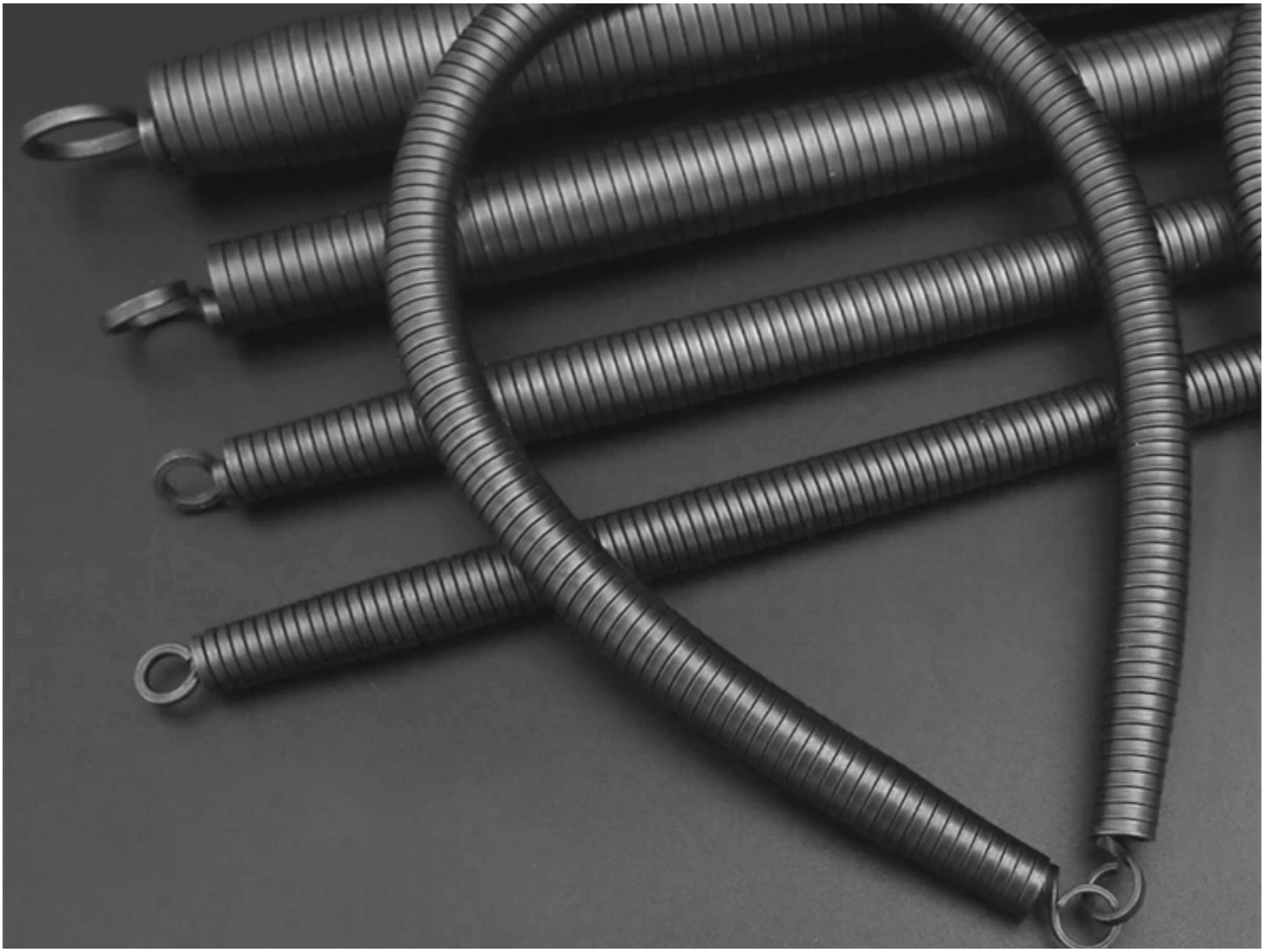
	Mã hàng Model	Chiều dài (mm)	Đường kính ngoài +/- 0.15mm	Độ dày (+/- 0.05mm)	Đóng gói Package	Trọng lượng (kg/bó)	Đơn giá (VNĐ/cây)
	A9020HV	2920mm	Ø 20mm	1.8mm	30 ống/bó	13.95 kg	62.700
	A9025HV	2920mm	Ø 25mm	1.9mm	25 ống/bó	16.87 kg	89.400
	A9032HV	2920mm	Ø 32mm	2.1mm	15 ống/bó	14.47 kg	166.700

Tiêu chuẩn: BSEN 50086-2-1/BSEN 61386-21

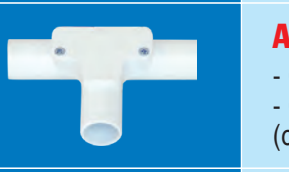
Lò xo uốn ống

New

Lò xo uốn ống dùng cho ống 320N và 750N	Mã hàng Model	Đường kính +/- 0.2mm	Chiều dài (mm)	Đơn giá (VNĐ/cây)
	**BS-16**	12mm	55mm	**42.400**
	**BS-20**	15.9mm	55mm	**59.100**
	**BS-25**	21.2mm	55mm	**89.400**
	**BS-32**	27.8mm	55mm	**140.600**



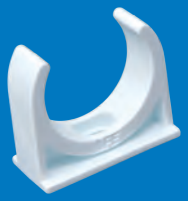
	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**A258/16** Khớp nối răng 16mm	3.900
	**A258/20** Khớp nối răng 20mm	4.200
	**A258/25** Khớp nối răng 25mm	5.200
	**A258/32** Khớp nối răng 32mm	8.600
	**A244N/20** - Co chữ L - Co nối 20mm (có nắp)	7.400
	**A244N/25** - Co chữ L - Co nối 25mm (có nắp)	12.700
	**A244/16** - Co chữ L - Co nối 16mm (không nắp)	2.600
	**A244/20** - Co chữ L - Co nối 20mm (không nắp)	4.000
	**A244/25** - Co chữ L - Co nối 25mm (không nắp)	6.000
	**A244/32** - Co chữ L - Co nối 32mm (không nắp)	8.500
	**A240L** - Nắp hộp nối tròn - Tiêu chuẩn BS4607	2.500

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**A246N/20** - Co chữ T - Co nối 20mm (có nắp)	10.800
	**A246N/25** - Co chữ T - Co nối 25mm (có nắp)	15.000
	**A246/16** - Co chữ T - Co nối 16mm (không nắp)	5.500
	**A246/20** - Co chữ T - Co nối 20mm (không nắp)	6.700
	**A246/25** - Co chữ T - Co nối 25mm (không nắp)	9.100
	**A246/32** - Co chữ T - Co nối 32mm (không nắp)	12.000
	**A242/16** Khớp nối trơn 16mm	1.300
	**A242/20** Khớp nối trơn 20mm	1.500
	**A242/25** Khớp nối trơn 25mm	2.300
	**A242/32** Khớp nối trơn 32mm	5.200
	**A242/20-16** Nối trơn giảm 20-16mm	2.000

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**A242/25-20** Nối trơn giảm 25-20mm	5.800
	**A242/32-16** Nối trơn giảm 32-16mm	5.800
	**A242/32-20** Nối trơn giảm 32-20mm	5.800
	**A242/32-25** Nối trơn giảm 32-25mm	5.800
	**A240/16/1** Hộp nối 1 đường thẳng Ø 16mm	10.700
	**A240/16/2** Hộp nối 2 đường thẳng Ø 16mm	10.700
	**A240/16/2A** Hộp nối 2 đường vuông Ø 16mm	10.700
	**A240/16/3** Hộp nối 3 đường Ø 16mm	10.700
	**A240/16/4** Hộp nối 4 đường Ø 16mm	10.700

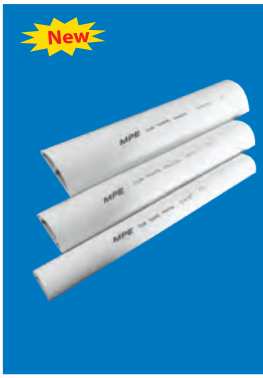
	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**A240/20/1** Hộp nối dây 1 đường Ø 20mm	11.100
	**A240/20/2** Hộp nối dây 2 đường Ø 20mm	11.100
	**A240/20/2A** Hộp nối dây 2 đường Ø 20mm	11.100
	**A240/20/3** Hộp nối dây 3 đường Ø 20mm	11.100
	**A240/20/4** Hộp nối dây 4 đường Ø 20mm	11.100
	**A240/25/1** Hộp nối 1 đường thẳng Ø 25mm	12.500
	**A240/25/2** Hộp nối 2 đường thẳng Ø 25mm	12.500
	**A240/25/2A** Hộp nối 2 đường vuông Ø 25mm	12.500
	**A240/25/3** Hộp nối 3 đường Ø 25mm	12.500

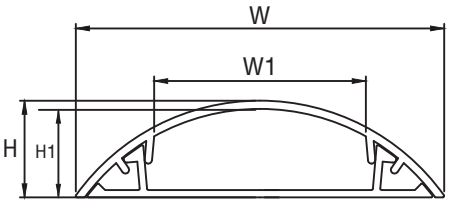
	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**A240/25/4** Hộp nối 4 đường Ø 25mm	12.500
	**A240/32/1** Hộp nối 1 đường thẳng Ø 32mm	17.200
	**A240/32/2** Hộp nối 2 đường thẳng Ø 32mm	17.200
	**A240/32/2A** Hộp nối 2 đường vuông Ø 32mm	17.200
	**A240/32/3** Hộp nối 3 đường Ø 32mm	17.200
	**A240/32/4** Hộp nối 4 đường Ø 32mm	17.200
	**A332** Hộp nối 76x76x50mm	28.000

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**A442** Hộp nối (101x101x50)mm	35.000
	**A662** Hộp nối (152x152x50)mm	63.400
	**A882** Hộp nối (190x190x50)mm	112.200
	**A280/16** Kẹp đỡ ống 16mm	1.500
	**A280/20** Kẹp đỡ ống 20mm	1.700
	**A280/25** Kẹp đỡ ống 25mm	2.700
	**A280/32** Kẹp đỡ ống 32mm	4.500

Ống luồn đàn hồi

Ống luồn	Mã hàng	Diễn giải	Kích thước cuộn			Trọng lượng (Kg)	Đóng gói (m/cuộn)	Đơn giá (VNĐ/cuộn)
			Đường kính trong (mm)	Đường kính ngoài (mm)	Chiều cao (mm)			
	A9016CM	Ống luồn đàn hồi Ø 16	Ø 240	Ø 280	165mm	1.6Kg	50m/cuộn	229.300
	A9016CT	Ống luồn đàn hồi màu trắng Ø 16						
	A9020CM	Ống luồn đàn hồi Ø 20	Ø 250	Ø 430	190mm	2.3Kg	50m/cuộn	284.700
	A9020CT	Ống luồn đàn hồi màu trắng Ø 20						
	A9025CM	Ống luồn đàn hồi Ø 25	Ø 270	Ø 440	240mm	2.5Kg	40m/cuộn	327.200
	A9025CT	Ống luồn đàn hồi màu trắng Ø 25						
	A9032CM	Ống luồn đàn hồi Ø 32	Ø 280	Ø 350	240mm	2.4Kg	25m/cuộn	402.900
	A9032CT	Ống luồn đàn hồi màu trắng Ø 32						

Nẹp bán nguyệt	Mã hàng Model	Kích thước (WxW1xHxH1xL)	Đơn giá (VNĐ)
	**NBN40/13** Nẹp bán nguyệt 40x13mm - 1.2m	40x16x13x11x1200 mm	-
	NBN60/20 Nẹp bán nguyệt 60x20mm - 1.2m	60x27x20x17x1200 mm	-
	NBN80/22 Nẹp bán nguyệt 80x22mm - 1.2m	80x46x22x19x1200 mm	-



Kích thước

	**MP 20/10** Ống luồn dẹp 20x10mm, dài 2m	15.000
	MP 25/14 Ống luồn dẹp 25x14mm, dài 2m	21.800
	MP 30/16 Ống luồn dẹp 30x16mm, dài 2m	28.100
	MP 40/22 Ống luồn dẹp 40x22mm, dài 2m	45.500

	**MP 50/35** Ống luồn dẹp 50x35mm, dài 2m	74.600
	MP 60/40 Ống luồn dẹp 60x40mm, dài 2m	93.300
	MP 80/50 Ống luồn dẹp 80x50mm, dài 2m	150.700
	MP 100/40 Ống luồn dẹp 100x40mm, dài 2m	185.300
	MP 100/60 Ống luồn dẹp 100x60mm, dài 2m	236.200

THIẾT BỊ ĐÓNG CẮT, TỦ ĐIỆN



- MCB, MCCB dòng cắt cao 4.5kA, 6kA, 10kA, 35kA, 50kA, 75kA
- RCBO bảo vệ quá tải & chống giật

Thiết bị đóng ngắt, bảo vệ MCB

	Mã hàng Model	Số cực	Dòng định mức In (A)	Icu (kA)	Đơn giá (VNĐ)
 4.5kA - 6kA	MP6-C106	1P	6A	6kA	72.500
	MP6-C110	1P	10A	6kA	72.500
	MP6-C116	1P	16A	6kA	72.500
	MP6-C120	1P	20A	6kA	72.500
	MP6-C125	1P	25A	6kA	72.500
	MP6-C132	1P	32A	6kA	72.500
	MP6-C140	1P	40A	6kA	72.500
	MP4-C150	1P	50A	4.5kA	97.700
	MP4-C163	1P	63A	4.5kA	97.700
 6kA	MP6-C150	1P	50A	6kA	108.900
	MP6-C163	1P	63A	6kA	108.900
 4.5kA - 6kA	MP6-C206	2P	6A	6kA	158.200
	MP6-C210	2P	10A	6kA	158.200
	MP6-C216	2P	16A	6kA	158.200
	MP6-C220	2P	20A	6kA	158.200

Thiết bị đóng ngắt, bảo vệ MCB

	Mã hàng Model	Số cực	Dòng định mức In (A)	Icu (kA)	Đơn giá (VNĐ)
 4.5kA - 6kA	MP6-C225	2P	25A	6kA	158.200
	MP6-C232	2P	32A	6kA	158.200
	MP6-C240	2P	40A	6kA	158.200
	MP4-C250	2P	50A	4.5kA	208.100
	MP4-C263	2P	63A	4.5kA	208.100
 6kA	MP6-C250	2P	50A	6kA	234.700
	MP6-C263	2P	63A	6kA	234.700
 10kA	MP10-C250	2P	50A	10kA	417.500
	MP10-C263	2P	63A	10kA	417.500
	MP10-C280	2P	80A	10kA	592.900
	MP10-C2100	2P	100A	10kA	592.900
 4.5kA - 6kA	MP6-C310	3P	10A	6kA	248.400
	MP6-C316	3P	16A	6kA	248.400
	MP6-C320	3P	20A	6kA	248.400
	MP6-C325	3P	25A	6kA	248.400

Thiết bị đóng ngắt, bảo vệ MCB

	Mã hàng Model	Số cực	Dòng định mức In (A)	Icu (kA)	Đơn giá (VNĐ)
 4.5kA - 6kA	MP6-C332	3P	32A	6kA	248.400
	MP6-C340	3P	40A	6kA	248.400
	MP4-C350	3P	50A	4,5kA	334.000
	MP4-C363	3P	63A	4,5kA	334.000
 6kA	MP6-C350	3P	50A	6kA	369.100
	MP6-C363	3P	63A	6kA	369.100
 10kA	MP10-C380	3P	80A	10kA	907.500
	MP10-C3100	3P	100A	10kA	907.500
 6kA	MP6-C410	4P	10A	6kA	346.400
	MP6-C416	4P	16A	6kA	346.400
 6kA	MP6-C420	4P	20A	6kA	346.400
	MP6-C425	4P	25A	6kA	346.400
	MP6-C432	4P	32A	6kA	346.400
	MP6-C440	4P	40A	6kA	346.400
	MP6-C450	4P	50A	6kA	508.200
	MP6-C463	4P	63A	6kA	508.200

Thiết bị đóng ngắt, bảo vệ dòng rò & quá tải

RCCB

Mã hàng Model	Số cực	Dòng định mức In (A)	Dòng rò $I_{\Delta n}$ (mA)	Đơn giá (VNĐ)
MEL-30/225	2P	25A	30mA	492.000
MEL-30/232	2P	32A	30mA	529.000
MEL-30/240	2P	40A	30mA	529.000
MEL-30/263	2P	63A	30mA	748.400
MEL-30/425	4P	25A	30mA	762.300
MEL-30/432	4P	32A	30mA	813.100
MEL-30/440	4P	40A	30mA	813.100
MEL-30/463	4P	63A	30mA	1.083.400

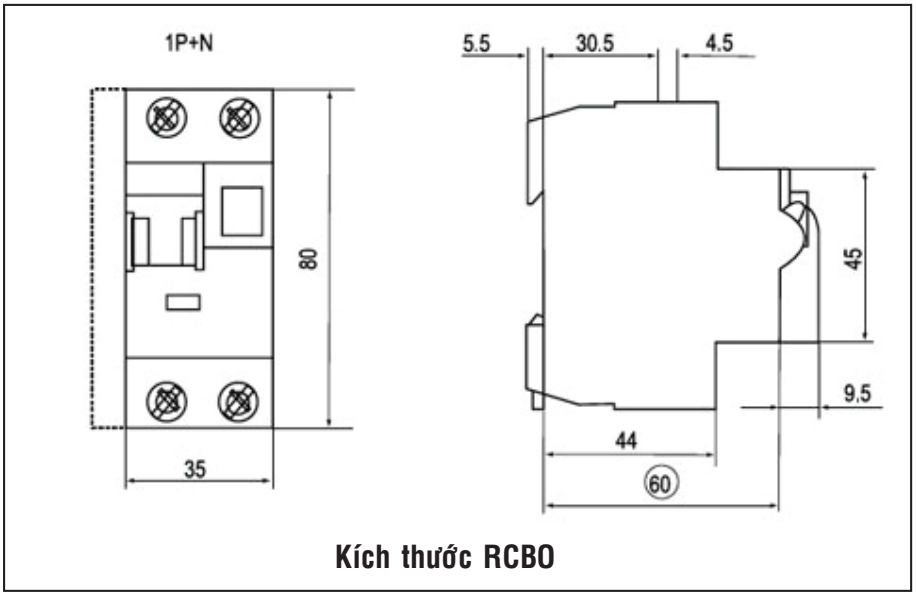
RCBO

Mã hàng Model	Số cực	Dòng định mức In (A)	Dòng rò $I_{\Delta n}$ (mA)	Icu (kA)	Đơn giá (VNĐ)
RCBO-15/216	2P	16A	15mA	6kA	518.100
RCBO-30/216	2P	16A	30mA	6kA	518.100
RCBO-30/220	2P	20A	30mA	6kA	518.100
RCBO-30/225	2P	25A	30mA	6kA	518.100
RCBO-30/232	2P	32A	30mA	6kA	518.100
RCBO-30/240	2P	40A	30mA	6kA	562.100
RCBO-30/263	2P	63A	30mA	6kA	795.300

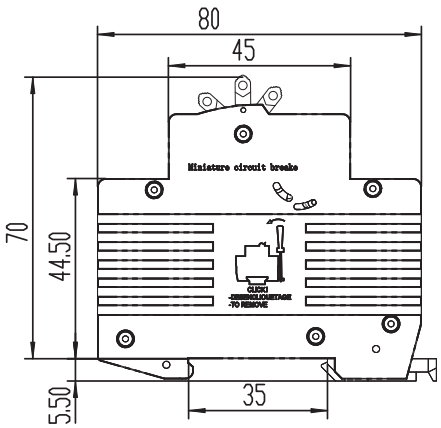
Cầu dao an toàn

SB	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**SB-10** Cầu dao an toàn 10A 10A Safety Breaker	59.400
	SB-15 Cầu dao an toàn 15A 15A Safety Breaker	59.400
	SB-20 Cầu dao an toàn 20A 20A Safety Breaker	59.400
	SB-30 Cầu dao an toàn 30A 30A Safety Breaker	59.400
	SB-40 Cầu dao an toàn 40A 40A Safety Breaker	59.400

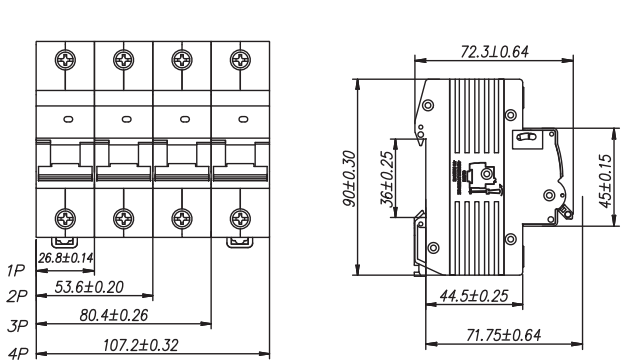
Kích Thước MCB - RCBO



Kích thước RCBO



Kích thước MCB 6A - 63A ; 4.5kA & 6kA



Kích thước MCB 50A - 100A ; 10kA



Thanh ray lắp CB
di chuyển linh hoạt

Thanh dẫn điện bằng đồng







Tủ điện âm tường MPE - Nét độc đáo trong thiết kế

- Sản phẩm có thiết kế tinh tế, hiện đại
- Thanh ray lắp CB có thể điều chỉnh hướng lắp đặt
- Thanh dẫn điện bằng đồng được cách điện bằng đế nhựa
- Thân tủ bằng thép và phủ sơn tĩnh điện, chống va đập cao
- Không gian bên trong tủ rộng rãi, dễ dàng cho việc đấu nối
- Kích thước, mẫu mã đa dạng

DIALux
German Technology

CE RoHS compliant

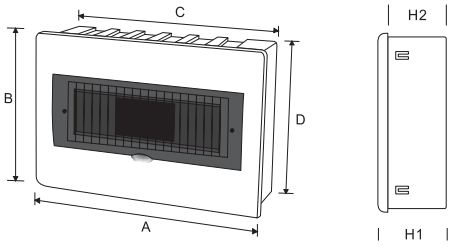
ỨNG DỤNG:

- Sử dụng cho văn phòng, căn hộ, nhà phố,...

Tủ điện seri TS

Tủ Điện Seri TS	Mã hàng Model	Số cực	Kích thước (AxBxCxDxH1xH2)mm	Đơn giá (VNĐ)
	Tủ TS-4	2-4	148x160x128x148x90x70	162.900
	Tủ TS-6	5-6	200x216x180x190x90x70	216.000
	New Tủ TS-10	7-10	290x217x267x185x90x70	336.000
	Tủ TS-12	10-12	311x248x286x226x90x70	346.500
	Tủ TS-14	11-14	349x248x326x228x90x70	450.500
	Tủ TS-20	15-20	468x248x434x228x96x76	680.400
	Tủ TS-24	21-24	311x404x290x385x96x76	970.200
	Tủ TS-32	25-32	396x496x372x475x96x76	1.192.000
	Tủ TS-40	33-40	468x496x443x475x96x76	1.375.700
	Tủ TS-48	41-48	395x745x371x724x96x76	2.574.000
	Tủ TS-60	49-60	468x745x444x724x96x76	3.289.000

Kích Thước Tủ Điện





Phần thanh ray có thể thay đổi hướng lắp đặt



Thanh dẫn điện bằng đồng

Tủ điện seri TN + seri WP (chống thấm nước)

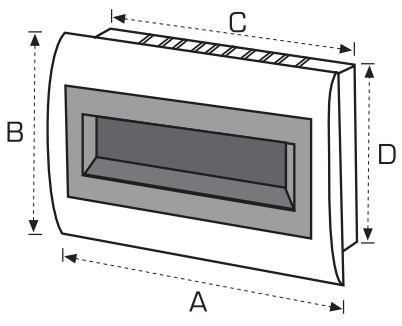
Tủ Điện Seri TN - IP30	Mã hàng Model	Số cực	Kích thước (LxHxW)mm	Đơn giá (VNĐ)
	Tủ TN-2	1-2	66x125x85 mm	60.500
	Tủ TN-4	3-4	93x124x85 mm	78.100

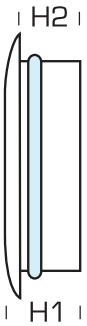
Tủ Điện chống thấm Seri WP - IP65	Mã hàng Model	Số cực	Kích thước (LxHxW)mm	Đơn giá (VNĐ)
	Tủ WP-4	2-4	107x212x92 mm	750.800
	Tủ WP-6	5-6	165x200x100 mm	935.600
	Tủ WP-9	7-9	219x200x100 mm	1.150.400
	Tủ WP-12	10-12	273x230x110 mm	1.556.900
	Tủ WP-18	13-18	381x230x110 mm	2.106.700
	Tủ WP-24	19-24	273x380x110 mm	2.743.200
	Tủ WP-36	25-36	381x380x110 mm	3.768.800

Tủ điện seri T

Tủ Điện Seri T	Mã hàng Model	Số cực	Kích thước (AxBxCxDxH1xH2)mm	Đơn giá (VNĐ)
	Tủ T4	2-4	148x160x128x135x89x70 mm	170.500
	Tủ T6	5-6	215x199x188x170x89x70 mm	226.600
	Tủ T10	7-10	287x213x258x185x89x70 mm	363.000
	Tủ T14	11-14	362x248x330x216x89x70 mm	471.900
	Tủ T20	15-20	470x248x440x216x95x76 mm	712.800
	Tủ T24	21-24	323x382x300x355x95x76 mm	1.016.400
	Tủ T32	25-32	398x500x365x460x105x76 mm	1.248.500
	Tủ T40	33-40	470x500x440x460x105x76 mm	1.441.000

Kích Thước Tủ Điện





- Thay đổi linh kiện linh hoạt đáp ứng nhu cầu sử dụng, dễ lắp đặt, an toàn cao
- Sử dụng đế sắt



- Làm bằng nhựa cao cấp chịu nhiệt và cách điện cao
- Thân nhựa kín nước hoàn toàn
- Dễ lắp đặt, độ an toàn cao



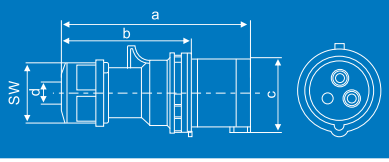
Phích cắm công nghiệp

MPN-013
MPN-023



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực		3	
Kích thước (mm)	a	118	146
	b	82	100
	c	47	63
	d	6-15	10-20
	sw	38	50
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 240 ~2P+E
Protection degree: IP44



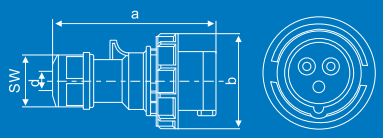
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-013 16A, 240V 2P+E-IP44	75.100
MPN-023 32A, 240V 2P+E-IP44	132.800

MPN-0132
MPN-0232



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực		3	
Kích thước (mm)	a	118	146
	b	82	100
	d	6-15	10-20
	sw	38	50
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 220-240V~2P+E
Protection degree: IP67



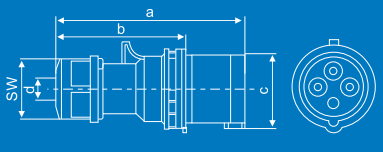
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-0132 16A, 240V 2P+E-IP67	244.900
MPN-0232 32A, 240V 2P+E-IP67	300.300

MPN-014
MPN-024



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực		4	
Kích thước (mm)	a	124	146
	b	88	100
	c	53	63
	d	6-15	10-20
	sw	38	50
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 380-415V~3P+E
Protection degree: IP44



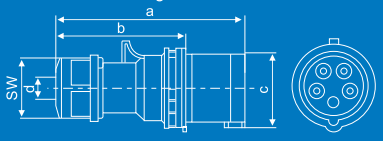
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-014 16A, 380-415V 3P+E-IP44	104.000
MPN-024 32A, 380-415V 3P+E-IP44	137.400

MPN-015
MPN-025



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực		5	
Kích thước (mm)	a	131	152
	b	95	106
	c	61	70
	d	8-16	10-20
	sw	42	50
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 220-380V~ / 240-415V~ 3P+N+E
Protection degree: IP44



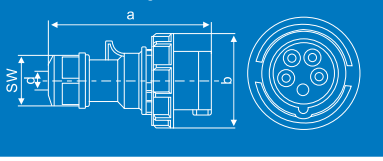
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-015 16A, 380-415V 3P+N+E-IP44	116.700
MPN-025 32A, 380-415V 3P+N+E-IP44	172.100

MPN-0142
MPN-0242



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực		4	
Kích thước (mm)	a	124	146
	b	79	93
	d	6-15	10-20
	sw	38	50
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 380-415V~3P+E
Protection degree: IP67



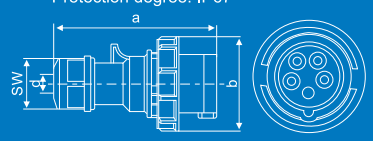
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-0142 16A, 380-415V 3P+E-IP67	258.700
MPN-0242 32A, 380-415V 3P+E-IP67	317.600

MPN-0152
MPN-0252



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực		5	
Kích thước (mm)	a	131	152
	b	87	100
	d	8-16	10-20
	sw	42	50
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 220-380V~ / 240-415V~ 3P+N+E
Protection degree: IP67



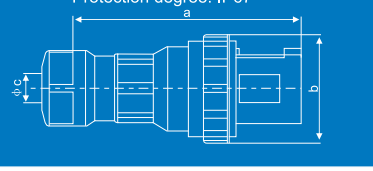
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-0152 16A, 380-415V 3P+N+E-IP67	277.200
MPN-0252 32A, 380-415V 3P+N+E-IP67	337.300

MPN-0342
MPN-044K



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		63	125
Số cực		4	
Kích thước (mm)	a	240	295
	b	115	126
	c	30	44.5
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		6-16	16-50

Current(A): 63A. 125A
Voltage(V): 380-415V~3P+E
Protection degree: IP67



Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-0342 63A, 380-415V 3P+E-IP67	702.200
MPN-044K 125A, 380-415V 3P+E-IP67	1.790.300

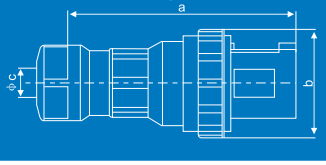
Phích cắm công nghiệp & ổ cắm công nghiệp lắp âm

MPN-0352
MPN-045K



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		63	125
Số cực		5	
Kích thước (mm)	a	240	295
	b	115	126
	c	30	44.5
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		6-16	16-50

Current(A): 63A. 125A
Voltage(V): 220-380V~ / 240-415V~ 3P+N+E
Protection degree: IP67



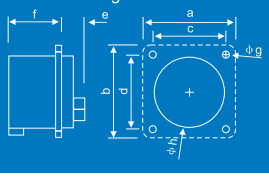
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-0352 63A, 380-415V 3P+N+E-IP67	669.900
MPN-045K 125A, 380-415V 3P+N+E-IP67	2.021.300

MPN-623



Vị trí cực nối đất		6h
Dòng điện định mức (A)		32
Số cực		3
Kích thước (mm)	a	75
	b	75
	c	61
	d	61
	e	30
	f	50
	g	5
	h	55
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		2.5-6

Current(A): 32A
Voltage(V): 220-240V~2P+E
Protection degree: IP44



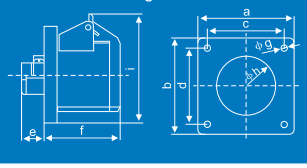
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-623 32A, 240V 2P+E-IP44	169.800

MPN-313
MPN-323



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực	pole	3	
Kích thước (mm)	axb	76	76
	cxd	61	61
	e	16	20
	f	60	70
	g	5.5	5.5
	h	46	61
	i	85	95
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 220-240V~2P+E
Protection degree: IP44



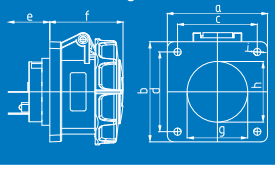
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-313 16A, 240V 2P+E-IP44	134.200
MPN-323 32A, 240V 2P+E-IP44	182.000

MPN-3132
MPN-3232



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực		3	5
Kích thước (mm)	a	75	75
	b	75	75
	c	61	61
	d	61	61
	e	18	24
	f	63	70
	g	43	54
	h	43	54
	i	5	5
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 220-240V~2P+E
Protection degree: IP67



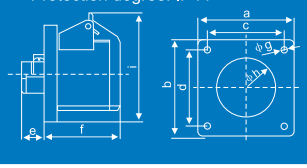
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-3132 16A, 240V 2P+E-IP67	300.300
MPN-3232 32A, 240V 2P+E-IP67	378.800

MPN-314
MPN-324



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực	pole	4	
Kích thước (mm)	axb	76	76
	cxd	61	61
	e	17	20
	f	60	70
	g	5.5	5.5
	h	53	61
	i	88	95
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 380-415V~3P+E
Protection degree: IP44



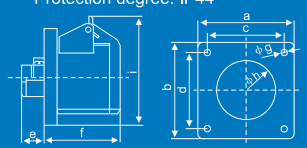
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-314 16A, 380-415V 3P+E-IP44	145.500
MPN-324 32A, 380-415V 3P+E-IP44	187.100

MPN-315
MPN-325



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực	pole	5	
Kích thước (mm)	axb	76	76
	cxd	61	61
	e	18	22
	f	58	71
	g	5.5	5.5
	h	60	62
	i	91	98
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 220-380V~ / 240-415V~ 3P+N+E
Protection degree: IP44



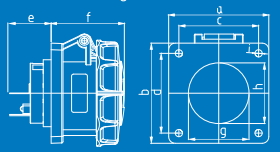
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-315 16A, 380-415V 3P+N+E-IP44	164.000
MPN-325 32A, 380-415V 3P+N+E-IP44	215.500

MPN-3142
MPN-3242



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực		4	
Kích thước (mm)	a	75	75
	b	75	75
	c	61	61
	d	61	61
	e	18	24
	f	63	73
	g	48	55
	h	48	55
	i	5	5
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 380-415V~3P+E
Protection degree: IP67



Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-3142 16A, 380-415V 3P+E-IP67	345.300
MPN-3242 32A, 380-415V 3P+E-IP67	396.200

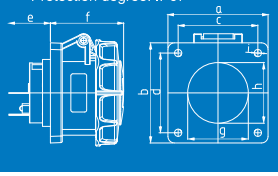
Ổ cắm công nghiệp lắp âm tủ điện & Ổ cắm công nghiệp lắp âm mặt nghiêng

MPN-3152
MPN-3252



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực		5	5
Kích thước (mm)	a	75	75
	b	75	75
	c	61	61
	d	61	61
	e	18	24
	f	63	76
	g	53	60
	h	53	60
	i	5	5
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 220-380V~ / 240-415V~ 3P+N+E
Protection degree: IP67



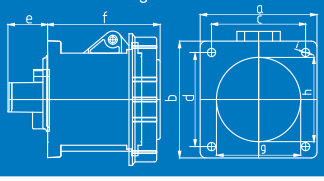
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-3152 16A, 380-415V 3P+N+E-IP67	368.400
MPN-3252 32A, 380-415V 3P+N+E-IP67	415.800

MPN-3342
MPN-3442



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		63	125
Số cực		4	4
Kích thước (mm)	a	100	120
	b	100	120
	c	80	101
	d	80	101
	e	35	44
	f	96	106
	g	73	84
	h	73	84
	i	7	7
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		6-25	16-50

Current(A): 63A. 125A
Voltage(V): 380-415V~3P+E
Protection degree: IP67



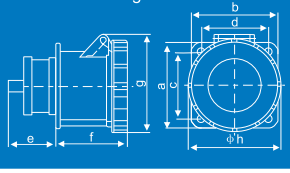
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-3342 63A, 380-415V 3P+E-IP67	691.800
MPN-3442 125A, 380-415V 3P+E-IP67	1.851.900

MPN-3352
MPN-3452



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		63	125
Số cực	pole	5	
Kích thước (mm)	a	100	120
	b	100	120
	c	80	100
	d	80	100
	e	39	45
	f	94.5	104
	g	114	127
	h	80	90
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		6-16	16-50

Current(A): 63A. 125A
Voltage(V): 220-380V~ / 240-415V~ 3P+N+E
Protection degree: IP67



Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-3352 63A, 380-415V 3P+N+E-IP67	779.600
MPN-3452 125A, 380-415V 3P+N+E-IP67	1.963.500

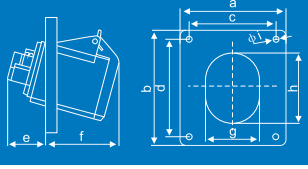
MPN-413
MPN-423



Loại Nghiêng

Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực		3	
Kích thước (mm)	a	85	85
	b	85	85
	c	70	70
	d	70	70
	e	33	47
	f	52	56
	g	51	64
	h	54	75
	i	5.5	5.5
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 220-240V~2P+E
Protection degree: IP44



Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-413 16A, 240V 2P+E-IP44	145.500
MPN-423 32A, 240V 2P+E-IP44	226.400

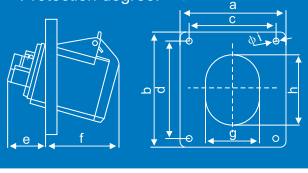
MPN-4132
MPN-4232



Loại Nghiêng

Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực		3	
Kích thước (mm)	a	85	85
	b	85	85
	c	70	70
	d	70	70
	e	33	47
	f	52	56
	g	51	64
	h	54	75
	i	5.5	5.5
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 220-240V~2P+E
Protection degree: IP67



Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-4132 16A, 240V 2P+E-IP67	229.800
MPN-4232 32A, 240V 2P+E-IP67	404.300

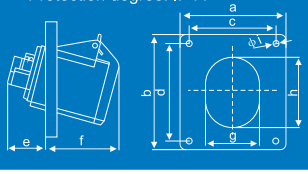
MPN-414
MPN-424



Loại Nghiêng

Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực		4	
Kích thước (mm)	a	85	85
	b	85	85
	c	70	70
	d	70	70
	e	33	47
	f	52	56
	g	57	64
	h	58	76
	i	5.5	5.5
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 380-415V~3P+E
Protection degree: IP44



Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-414 16A, 380-415V 3P+E-IP44	170.900
MPN-424 32A, 380-415V 3P+E-IP44	249.500

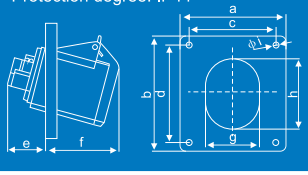
MPN-415
MPN-425



Loại Nghiêng

Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực		5	
Kích thước (mm)	a	85	85
	b	85	85
	c	70	70
	d	70	70
	e	35	47
	f	52	62
	g	64	69
	h	68	79
	i	5.5	5.5
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 220-380V~ / 240-415V~ 3P+N+E
Protection degree: IP44



Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-415 16A, 380-415V 3P+N+E-IP44	190.600
MPN-425 32A, 380-415V 3P+N+E-IP44	272.600

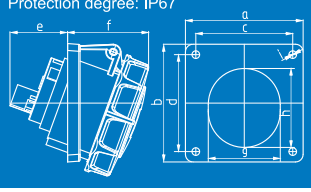
Ổ cắm công nghiệp lắp âm mặt nghiêng & Ổ cắm công nghiệp di động có kẹp giữ dây

MPN-4142
MPN-4242



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực		4	4
Kích thước (mm)	a	85	85
	b	85	85
	c	70	70
	d	70	70
	e	33	50
	f	60	60
	g	56	64
	h	65	76
	i	5.5	5.5
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 380-415V~3P+E
Protection degree: IP67



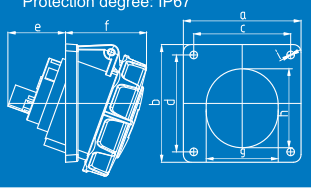
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-4142 16A, 380-415V 3P+E-IP67	244.900
MPN-4242 32A, 380-415V 3P+E-IP67	434.300

MPN-4152
MPN-4252



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực		5	5
Kích thước (mm)	a	85	85
	b	85	85
	c	70	70
	d	70	70
	e	33	50
	f	52	62
	g	64	70
	h	68	80
	i	5.5	5.5
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 220-380V~ / 240-415V~ ~3P+N+E
Protection degree: IP67



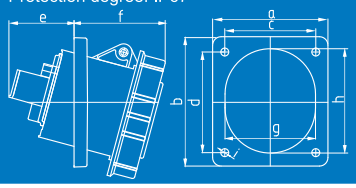
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-4152 16A, 380-415V 3P+N+E-IP67	254.100
MPN-4252 32A, 380-415V 3P+N+E-IP67	467.800

MPN-4342
MPN-4442



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		63	125
Số cực		4	4
Kích thước (mm)	a	101	120
	b	113	131
	c	80	100
	d	89	108
	e	64	87
	f	83	82
	g	79	92
	h	92	104
	i	7	7.5
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		6-25	16-50

Current(A): 63A. 125A
Voltage(V): 380-415V~3P+E
Protection degree: IP67



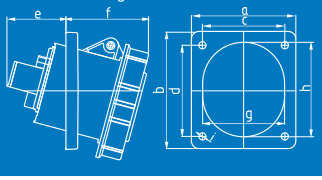
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-4342 63A, 380-415V 3P+E-IP67	693.000
MPN-4442 125A, 380-415V 3P+E-IP67	1.848.000

MPN-4352
MPN-4452



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		63	125
Số cực		5	5
Kích thước (mm)	a	101	120
	b	113	131
	c	80	100
	d	89	108
	e	64	87
	f	83	82
	g	79	92
	h	92	104
	i	7	7.5
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		6-25	16-50

Current(A): 63A. 125A
Voltage(V): 220-380V~ / 240-415V~ ~3P+N+E
Protection degree: IP67



Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-4352 63A, 380-415V 3P+N+E-IP67	739.200
MPN-4452 125A, 380-415V 3P+N+E-IP67	2.044.400

MPN-1013
MPN-1023



MPN-1013
Code: 1 plug 16A

Input: 220V 2P+E
3 Connector

Output: 16A 220V 2P+E

Protection degree: IP44

Color: Blue

MPN-1023
Code: 1 plug 32A

Input: 220V 2P+E
3 Connector

Output: 32A 220V 2P+E

Protection degree: IP44

Color: Blue



3
2P+E

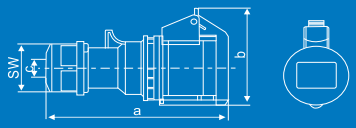
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-1013 16A, 220V 2P+E-IP44, 6h	606.400
MPN-1023 32A, 220V 2P+E-IP44, 6h	902.600

MPN-213
MPN-223



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực		3	
Kích thước (mm)	a	129	159
	b	76	92
	c	6-15	10-20
	sw	38	50
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 220-240V~2P+E
Protection degree: IP44



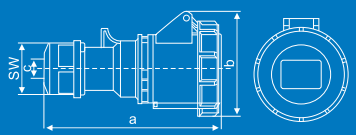
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-213 16A, 240V 2P+E-IP44	106.300
MPN-223 32A, 240V 2P+E-IP44	164.000

MPN-2132
MPN-2232



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực		3	
Kích thước (mm)	a	133	162
	b	78	96
	c	6-15	10-20
	sw	38	50
Tiết diện định mức dây cáp (mm2))		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 220-240V~2P+E
Protection degree: IP67



Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-2132 16A, 240V 2P+E-IP67	274.900
MPN-2232 32A, 240V 2P+E-IP67	404.300

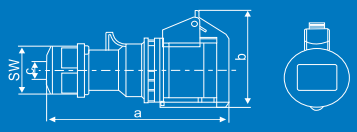
Ổ cắm công nghiệp di động có kẹp giữ dây & Ổ cắm công nghiệp lắp nổi

MPN-214
MPN-224



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực		4	
Kích thước (mm)	a	129	159
	b	76	92
	c	6-15	10-20
	sw	38	50
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 220-240V~3P+E
Protection degree: IP44



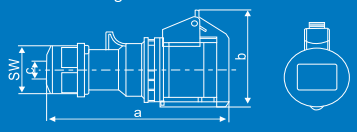
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-214 16A, 380-415V 3P+E-IP44	132.800
MPN-224 32A, 380-415V 3P+E-IP44	190.600

MPN-215
MPN-225



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực		5	
Kích thước (mm)	a	142	165
	b	89	98
	c	8-16	10-20
	sw	42	50
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 220-380V~ / 240-415V~ 3P+N+E
Protection degree: IP44



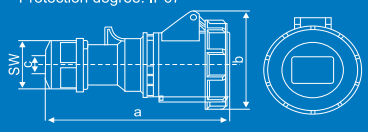
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-215 16A, 380-415V 3P+N+E-IP44	165.200
MPN-225 32A, 380-415V 3P+N+E-IP44	241.400

MPN-2142
MPN-2242



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực		4	
Kích thước (mm)	a	139	162
	b	84	96
	c	6-15	10-20
	sw	38	50
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 380-415V~3P+E
Protection degree: IP67



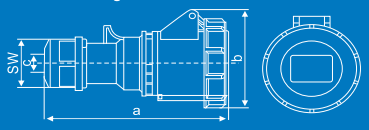
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-2142 16A, 380-415V 3P+E-IP67	304.900
MPN-2242 32A, 380-415V 3P+E-IP67	421.600

MPN-2152
MPN-2252



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực		5	
Kích thước (mm)	a	145	168
	b	92	102
	c	8-16	12-22
	sw	42	50
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 220-380V~ / 240-415V~ 3P+N+E
Protection degree: IP67



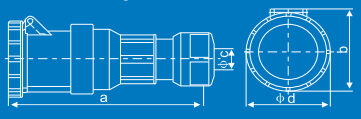
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-2152 16A, 380-415V 3P+N+E-IP67	386.900
MPN-2252 32A, 380-415V 3P+N+E-IP67	444.700

MPN-2342
MPN-2442



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		63	125
Số cực	pole	4	
Kích thước (mm)	a	261	305
	b	114	115
	c	30	44.5
	d	112	130
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		6-16	16-50

Current(A): 63A. 125A
Voltage(V): 380-415V~3P+E
Protection degree: IP67



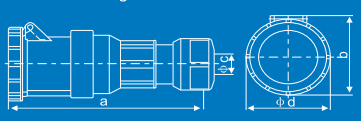
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-2342 63A, 380-415V 3P+E-IP67	895.100
MPN-2442 125A, 380-415V 3P+E-IP67	2.148.300

MPN-2352
MPN-2452



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		63	125
Số cực		5	
Kích thước (mm)	a	261	305
	b	114	115
	c	30	44.5
	d	112	130
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		6-16	16-50

Current(A): 63A. 125A
Voltage(V): 220-380V~ / 240-415V~ 3P+N+E
Protection degree: IP67



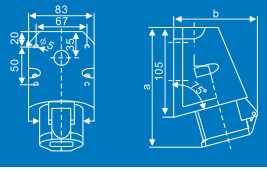
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-2352 63A, 380-415V 3P+N+E-IP67	966.700
MPN-2452 125A, 380-415V 3P+N+E-IP67	2.298.500

MPN-113
MPN-123



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực		3	
Kích thước (mm)	a	137	153
	b	87	101
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1 2 5	2 5 6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 220-240V~2P+E
Protection degree: IP44



Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-113 16A, 240V 2P+E-IP44	144.400
MPN-123 32A, 240V 2P+E-IP44	204.400

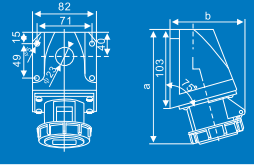
Ổ cắm công nghiệp lắp nổi

MPN-1132
MPN-1232



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực		3	
Kích thước (mm)	a	151	165
	b	96	107
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 220-240V~2P+E
Protection degree: IP67



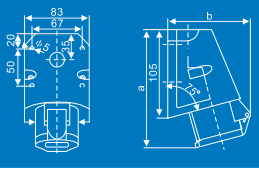
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-1132 16A, 240V 2P+E-IP67	422.700
MPN-1232 32A, 240V 2P+E-IP67	542.900

MPN-114
MPN-124



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực		4	
Kích thước (mm)	a	139	153
	b	95	101
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 380-415V~3P+E
Protection degree: IP44



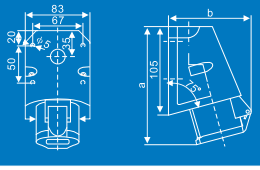
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-114 16A, 380-415V 3P+E-IP44	175.600
MPN-124 32A, 380-415V 3P+E-IP44	213.700

MPN-115
MPN-125



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực		5	
Kích thước (mm)	a	138	154
	b	99	104
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 220-380V~ / 240-415V~ 3P+N+E
Protection degree: IP44



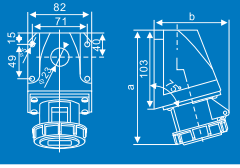
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-115 16A, 380-415V 3P+N+E-IP44	186.000
MPN-125 32A, 380-415V 3P+N+E-IP44	228.700

MPN-1142
MPN-1242



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực		4	
Kích thước (mm)	a	155	165
	b	98	107
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 380-415V~3P+E
Protection degree: IP67



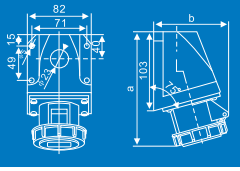
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-1142 16A, 380-415V 3P+E-IP67	460.800
MPN-1242 32A, 380-415V 3P+E-IP67	576.300

MPN-1152
MPN-1252



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		16	32
Số cực		5	
Kích thước (mm)	a	153	166
	b	103	109
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		1-2.5	2.5-6

Current(A): 16A. 32A
Voltage(V): 220-380V~ / 240-415V~ 3P+N+E
Protection degree: IP67



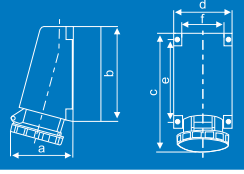
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-1152 16A, 380-415V 3P+N+E-IP67	504.700
MPN-1252 32A, 380-415V 3P+N+E-IP67	614.500

MPN-1342
MPN-1442



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		63	125
Số cực	pole	4	
Kích thước (mm)	a	171	220
	b	170	220
	c	250	285
	d	118	140
	e	137	185
	f	104	130
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		6-16	16-50

Current(A): 63A. 125A
Voltage(V): 380-415V~3P+E
Protection degree: IP67



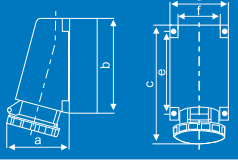
Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-1342 63A, 380-415V 3P+E-IP67	1.060.300
MPN-1442 125A, 380-415V 3P+E-IP67	2.650.700

MPN-1352
MPN-1452



Vị trí cực nối đất		6h	
Dòng điện định mức (A)		63	125
Số cực	pole	5	
Kích thước (mm)	a	171	220
	b	170	220
	c	250	285
	d	118	140
	e	137	185
	f	104	130
Tiết diện định mức dây cáp (mm2)		6-16	16-50

Current(A): 63A. 125A
Voltage(V): 220-380V~ / 240-415V~ 3P+N+E
Protection degree: IP67



Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
MPN-1352 63A, 380-415V 3P+N+E-IP67	1.153.800
MPN-1452 125A, 380-415V 3P+N+E-IP67	2.702.700

Phích & Ổ cắm công nghiệp

Cầu dao chống thấm nước IP66



Mã hàng Model	Số cực	Dòng điện (Ampe)	Điện áp (Voltage)	IP	Kích thước (AxBxC)mm	Đơn giá (VNĐ)
SW-120	1P	20A	250V	IP66	108x101x101	497.900
SW-132	1P	32A	250V	IP66	108x101x101	629.500
SW-220	2P	20A	250V	IP66	108x101x101	642.200
SW-232	2P	32A	250V	IP66	108x101x101	668.800
SW-263	2P	63A	250V	IP66	108x101x101	904.400
SW-320	3P	20A	500V	IP66	108x101x101	760.000
SW-332	3P	32A	500V	IP66	108x101x101	786.600
SW-350	3P	50A	500V	IP66	108x101x101	825.000
SW-363	3P	63A	500V	IP66	108x101x101	1.218.600

Ổ cắm kết hợp công tắc 3 cực IP66



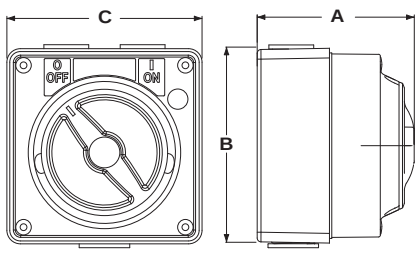
Mã hàng Model	Số cực	Dòng điện (Ampe)	Điện áp (Voltage)	IP	Kích thước (AxBxC)mm	Đơn giá (VNĐ)
S-315	2P+E	15A	250V	IP66	108x197x101	983.000
S-332	2P+E	32A	250V	IP66	108x197x101	1.232.400

Phích Cắm Plug IP66

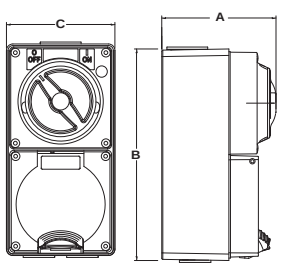




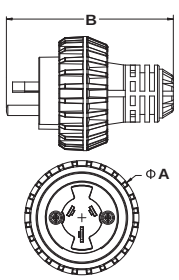
Mã hàng Model	Số cực	Dòng điện (Ampe)	Điện áp (Voltage)	IP	Kích thước (⌀AxB)mm	Đơn giá (VNĐ)
P-315	2P+E	15A	250V	IP66	Ø 71x118	274.900
P-332	2P+E	32A	250V	IP66	Ø 78x180	655.500
MPN-C	Nút che ổ cắm công nghiệp loại bắt tường					3.500



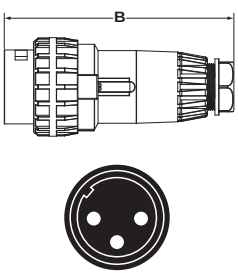
Cầu dao chống thấm nước IP66



Ổ cắm kết hợp công tắc 3 cực IP66

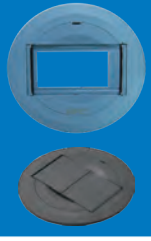
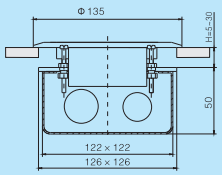


Phích Cắm Plug IP66 P-315

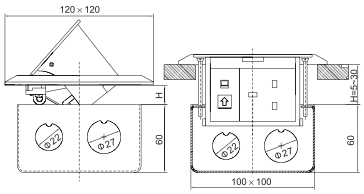
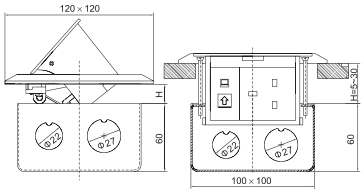
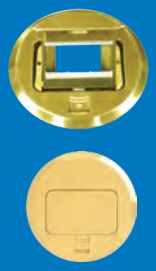
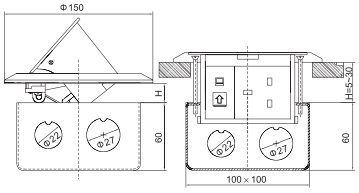
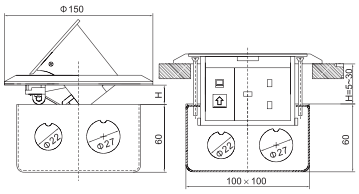


Phích Cắm Plug IP66 P-332

Ổ cắm âm bàn

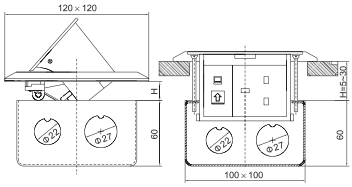
	Mã hàng	Diễn giải	Kích thước đục lỗ (mm)	Kích thước bề mặt (mm)	Dây nguồn	Đơn giá (VNĐ)
	**TBS1**	Ổ cắm âm bàn - 2 ổ cắm đa năng - 2 cổng kết nối USB - 2 cổng kết nối mạng	Dài: 222mm Rộng: 109mm Cao: 65mm	Dài: 264mm Rộng: 118mm	1800mm	**3.257.100**
	**TBS2**	Ổ cắm âm bàn - 3 ổ cắm 3 chấu (2 chấu dẹp + 1 chấu tròn) - 2 cổng kết nối USB - 2 cổng kết nối mạng	Dài: 287mm Rộng: 132mm Cao: 79mm	Dài: 318mm Rộng: 159mm	1800mm	**3.003.000**
	**TBS3**	Ổ cắm âm bàn - 1 ổ cắm 3 chấu (2 chấu dẹp + 1 chấu tròn) - 1 cổng kết nối USB - 1 cổng kết nối mạng - 1 bộ sạc không dây	Ø 80mm Cao: 69mm	Ø 96mm	1800mm	**3.453.500**
	**TBS4**	Ổ cắm âm bàn - 3 ổ cắm 3 chấu (2 chấu dẹp + 1 chấu tròn) - 2 cổng kết nối USB - Có thể cắm phích từ 2 phía	Ø 100mm Cao: 222mm	Ø 115mm	1800mm	**2.656.500**
	**TBS5**	Ổ cắm âm bàn - 3 ổ cắm 3 chấu (2 chấu dẹp + 1 chấu tròn) - 2 cổng kết nối USB - 2 cổng kết nối mạng	Ø 100mm Cao: 264mm	Ø 115mm	1800mm	**3.003.000**
	**TBS6**	Ổ cắm âm bàn - 3 ổ cắm 3 chấu (2 chấu dẹp + 1 chấu tròn) - 2 cổng kết nối USB - Điều khiển ổ cắm nâng lên & hạ xuống bằng điện	Ø 92mm Cao: 420mm	Ø 110mm	2100mm	**10.247.300**
	**FGP** (bao gồm đế)	Ổ cắm âm bàn - Kiểu tròn ,3 lỗ, bằng nhựa 	Dài: 126mm Rộng: 126mm Cao: 50mm	Ø 135mm Cao: 5-30mm	-	**762.300**

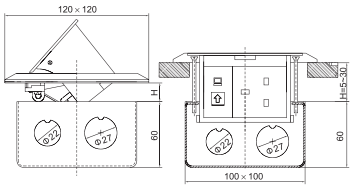
Ổ cắm âm sàn

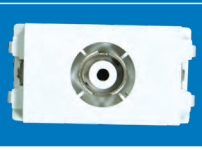
	Mã hàng	Diễn giải	Kích thước bề mặt (mm)	Kích thước âm sàn (mm)	Đơn giá (VNĐ)	
	**FY-60**	Ổ cắm âm sàn - Kiểu vuông - Màu vàng - Không bao gồm đế	Dài: 120mm Rộng: 120mm Cao: 5-30mm	Dài: 100mm Rộng: 100mm Cao: 60mm	**855.900**	
	**FA-60**	Ổ cắm âm sàn - Kiểu vuông - Màu xám - Không bao gồm đế	Dài: 120mm Rộng: 120mm Cao: 5-30mm	Dài: 100mm Rộng: 100mm Cao: 60mm	**855.900**	
	**FCY-60**	Ổ cắm âm sàn - Kiểu tròn - Màu vàng - Không bao gồm đế	Ø 150mm Cao: 5-30mm	Dài: 100mm Rộng: 100mm Cao: 60mm	**855.900**	
	**FCA-60**	Ổ cắm âm sàn - Kiểu tròn - Màu xám - Không bao gồm đế	Ø 150mm Cao: 5-30mm	Dài: 100mm Rộng: 100mm Cao: 60mm	**855.900**	

Ổ cắm âm sàn và thiết bị rời A60

	Mã hàng	Diễn giải	Kích thước bề mặt (mm)	Kích thước âm sàn (mm)	Đơn giá (VNĐ)
	F2Y-60	Ổ cắm âm sàn - Kiểu vuông - Màu vàng - Mặt phẳng - Đóng mở êm - Không bao gồm đế	Dài: 120mm Rộng: 120mm Cao: 5-30mm	Dài: 100mm Rộng: 100mm Cao: 60mm	855.900
	F2A-60	Ổ cắm âm sàn - Kiểu vuông - Màu bạc - Mặt phẳng - Đóng mở êm - Không bao gồm đế	Dài: 120mm Rộng: 120mm Cao: 5-30mm	Dài: 100mm Rộng: 100mm Cao: 60mm	855.900





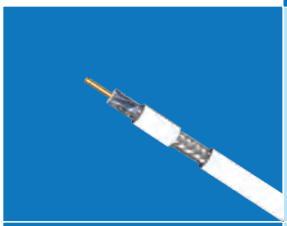
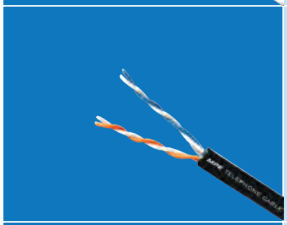
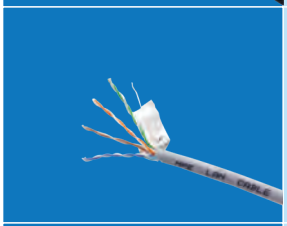
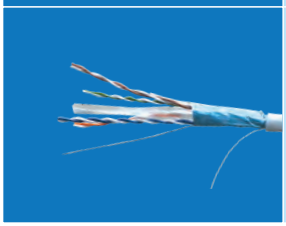
	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**A6USV** Ổ cắm 2 chấu	32.400
	**A6UESMV** Ổ cắm đa năng A60 (1.5 module)	68.200
	**A6UESM-2** Ổ cắm đa năng A60 (2 module)	68.200
	**A6UES2** Ổ cắm đôi 3 chấu	81.800
	**A6RJ64** Ổ cắm điện thoại 4 dây	73.700
	**A6RJ88** Ổ cắm mạng LAN 8 dây	144.900
	**A6TV75** Ổ cắm đồng trục TV loại 75 Ohm	73.700

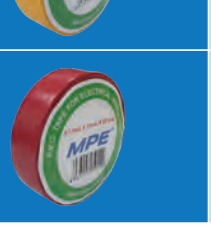
	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**A6USB** Ổ cắm sạc USB DC 5V-2.1A	306.100
	**A6USB-A/C** Ổ cắm sạc USB Ổ cắm sạc USB C DC 5V-2.1A	482.800
	**A6NGNV** Đèn báo xanh	38.800
	**A6NRDV** Đèn báo đỏ	38.800
	**A6P** Nút che trơn	5.100
	**A6P2** Nút che trơn 1.5 module	5.100
	**F115** Đế sắt dùng cho ổ cắm âm sàn KT: 100x100x60 mm	67.000

Ổ cắm du lịch, ổ cắm di động

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**PL1** Phích cắm chân dẹp	10.000
	**PL2** Phích cắm 2 chấu tròn 4.5mm, 10A-250V	19.100
	**PL3** Phích cắm cái 10A-250V	19.100
	**AD1** Ổ cắm du lịch, chân cắm dẹp-tròn	27.900
	**AD2** Ổ cắm du lịch, 3 chân cắm kiểu Anh	36.200

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**TA1** Ổ cắm du lịch	107.500
	**TA2** Ổ cắm du lịch, tích hợp cổng USB	302.600
	**TA3** Ổ cắm du lịch, tích hợp cổng USB	242.600
	**TA4** Ổ cắm du lịch đa năng 2 cổng USB	313.100
	**TA5** Ổ cắm du lịch đa năng chân cắm kiểu Châu Âu, Châu Úc, Châu Mỹ 2 sạc USB 3.4A	693.000

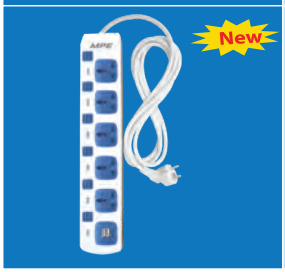
Dây Cáp	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**RG6-112** Cáp tivi 75 Ohm Lớp chống nhiễu 112 sợi Đóng gói:305m/cuộn	9.200
	**TLC-2P** Cáp điện thoại 2 đôi (1/0.5mmx2P) đóng gói:100m/cuộn 200m/cuộn	6.500
	**CAT5E-4P** Cáp mạng FTP 4 đôi Đóng gói: 305m/cuộn có giáp bạc chống nhiễu	17.100
	**CAT6E-4P** Cáp mạng FTP 4 đôi Đóng gói: 305m/cuộn có giáp bạc chống nhiễu	26.000

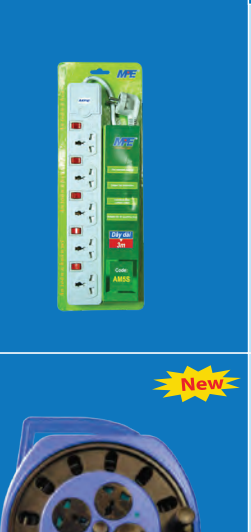
Băng Keo Điện	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**BKD-20** Băng keo điện P.V.C 0.12mmx19mmx20 yds - màu đen	12.000
	**BKW-20** Băng keo điện P.V.C 0.12mmx19mmx20 yds - màu trắng	12.000
	**BKG-20** Băng keo điện P.V.C 0.12mmx19mmx20 yds - màu xanh lá	12.000
	**BKY-20** Băng keo điện P.V.C 0.12mmx19mmx20 yds - màu vàng	12.000
	BKR-20 Băng keo điện P.V.C 0.12mmx19mmx20 yds - màu đỏ	12.000

Ổ cắm du lịch, ổ cắm di động

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**AM6S1** Ổ cắm di động - 3 ổ cắm đôi 3 chấu	460.800
	**AM6S2** Ổ cắm di động - 3 ổ cắm đơn 2 chấu - 3 ổ cắm đơn đa năng 2.0	460.800

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**AM6S3** Ổ cắm di động - 1 công tắc 2 cực 20A - 1 ổ cắm đôi 3 chấu - 2 ổ cắm đơn đa năng 1.5	444.700
	**AM6S4** Ổ cắm di động - 1 công tắc 1 chiều - 1 ổ cắm sạc USB + Type C - 1 ổ cắm đôi 3 chấu - 2 ổ cắm đơn đa năng 1.5	1.019.700

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**AM2S-3USB** Ổ cắm di động - 2 ổ cắm đơn đa năng - 3 ổ cắm sạc USB	456.500
	**AM3S-2USB** Ổ cắm di động - 3 ổ cắm đa năng - 2 ổ cắm sạc USB 5VDC - 2.4A	376.200
	**AM4S-2USB** Ổ cắm di động - 4 ổ cắm đa năng - 2 ổ cắm sạc USB 5VDC - 2.4A	409.200
	**AM5S-2USB** Ổ cắm di động - 5 ổ cắm đa năng - 2 ổ cắm sạc USB 5VDC - 2.4A	442.200

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**AM5S** Ổ cắm di động - 5 ổ cắm đơn đa năng	264.400
	**AMRL-10** Ổ cắm di động - 4 ổ cắm đơn đa năng - Dây dài 10m	573.100
	**AMRL-15** Ổ cắm di động - 4 ổ cắm đơn đa năng - Dây dài 15m	746.900

QUẠT HÚT ỐP TRẦN SERI AFCL

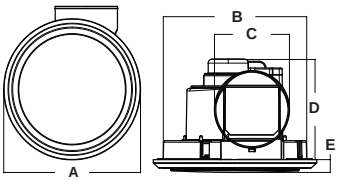


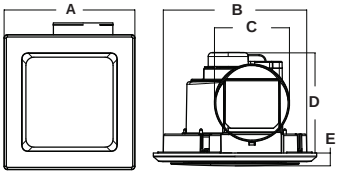


Quạt hút tích hợp đèn LED downlight

Seri AFCL

Mã hàng	Diễn giải	Đơn giá (VNĐ)
AFCL-130R6	**Quạt hút loại ốp trần Ceiling có đèn** ■ Công suất tiêu thụ điện 30 Watt ■ Công suất hút gió 270m³/h ■ Điện thế 220-240 Volt ■ KT (AxBxCxDxE): 270x240x100x195x26mm ■ Kích thước đục lỗ trần 240mm ■ Dây nguồn dài 1000mm ■ Lỗ lắp đèn Ø90mm ■ Độ ồn 47dB	1.207.800
AFCL-130R9		1.234.200
AFCL-130S6		1.207.800
AFCL-130S9		1.234.200





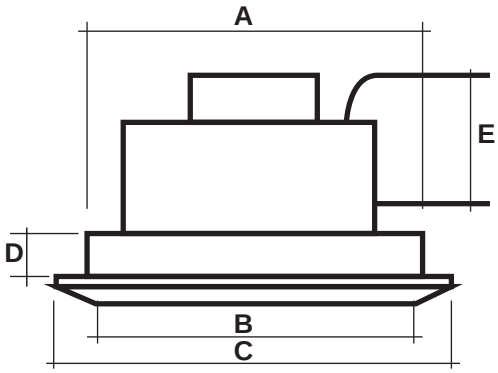
Seri DLC 3 màu



Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
DLC-6/3C	600 lm	6500K 4000K 3000K	Ø115x63mm	Ø90mm	1 cái/hộp 24 cái/thùng	221.800
DLC-9/3C	900 lm	6500K 4000K 3000K	Ø115x63mm	Ø90mm	1 cái/hộp 24 cái/thùng	236.800

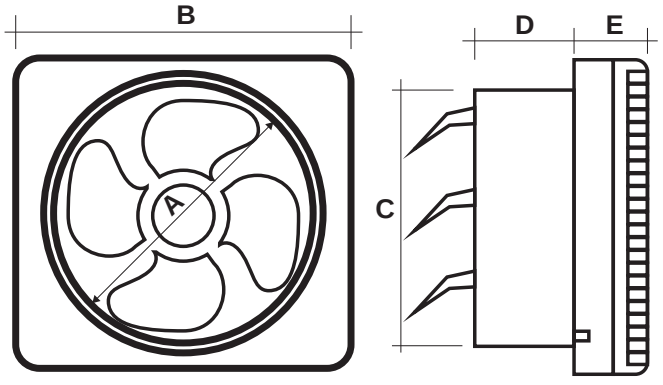
Quạt hút âm trần

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**AFC-130** **Quạt hút loại ốp trần có mặt che bảo vệ** ■ Đường kính cánh quạt 120 mm ■ Công suất tiêu thụ điện 25 Watt ■ Công suất hút gió 2.0m³/min ■ Điện thế 220 Volt ■ KT (AxBxCxDxE): 200x235x245x28x100mm ■ Kích thước đục lỗ trần 200x200mm ■ Độ ồn 40 dB	**654.900**
	**AFC-250** **Quạt hút loại ốp trần có mặt che bảo vệ** ■ Đường kính cánh quạt 160 mm ■ Công suất tiêu thụ điện 33 Watt ■ Công suất hút gió 2.9m³/min ■ Điện thế 220 Volt ■ KT (AxBxCxDxE): 250x302x312x28x100mm ■ Kích thước đục lỗ trần 250x250mm ■ Độ ồn 44 dB	**896.500**
	**AFC-300** **Quạt hút loại ốp trần có mặt che bảo vệ** ■ Đường kính cánh quạt 180 mm ■ Công suất tiêu thụ điện 42 Watt ■ Công suất hút gió 3.1m³/min ■ Điện thế 220 Volt ■ KT (AxBxCxDxE): 292x330x340x37x100mm ■ Kích thước đục lỗ trần 292x292mm ■ Độ ồn 46 dB	**1.096.700**



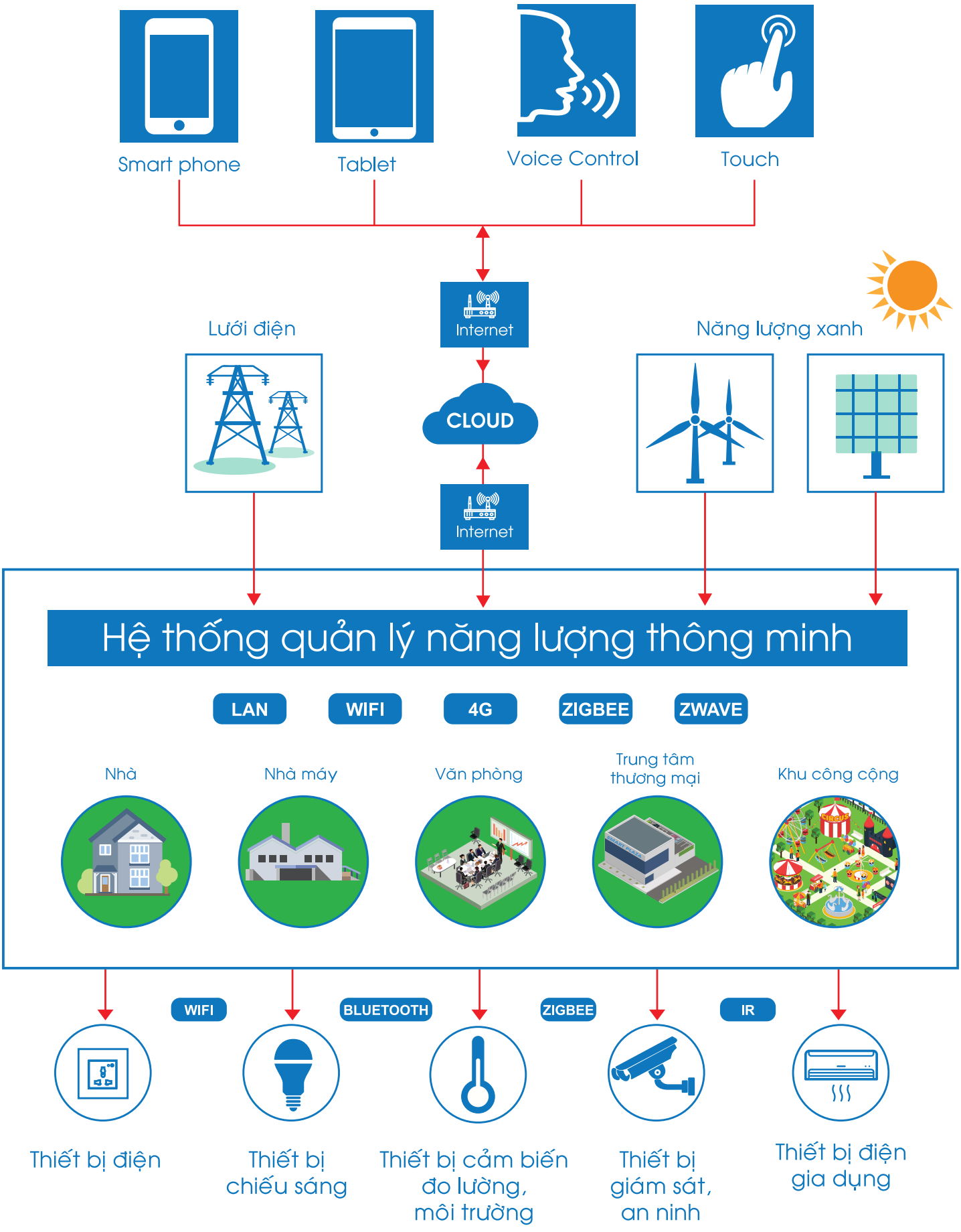
Quạt hút âm tường

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**AF-150** **Quạt hút loại ốp tường có mặt che bảo vệ** ■ Đường kính cánh quạt 150 mm ■ Công suất tiêu thụ điện 25 Watt ■ Công suất hút gió 4.8m3/min ■ Điện thế 220 Volt ■ KT (AxBxCxDxE): 150x235x183x80x61mm ■ Kích thước đục lỗ trần 200x200mm ■ Độ ồn 43 dB	**597.800**
	**AF-200** **Quạt hút loại ốp tường có mặt che bảo vệ** ■ Đường kính cánh quạt 200 mm ■ Công suất tiêu thụ điện 30 Watt ■ Công suất hút gió 8.1m³/min ■ Điện thế 220 Volt ■ KT (AxBxCxDxE): 200x290x230x83x61mm ■ Kích thước đục lỗ trần 250x250mm ■ Độ ồn 46 dB	**717.300**
	**AF-250** **Quạt hút loại ốp tường có mặt che bảo vệ** ■ Đường kính cánh quạt 250 mm ■ Công suất tiêu thụ điện 35 Watt ■ Công suất hút gió 12.6m³/min ■ Điện thế 220 Volt ■ KT (AxBxCxDxE): 250x335x280x83x61mm ■ Kích thước đục lỗ trần 305x305mm ■ Độ ồn 48 dB	**790.400**



HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN THÔNG MINH

MPE SMART CONTROL



HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT VÀ ĐĂNG NHẬP SMART CB (CB THÔNG MINH)

1. Bấm và giữ nút “Wifi Hotspot” trên Module điều khiển trong 10 giây.

2. Kết nối Wifi của CB phát ra và nhập mật khẩu mặc định là 88888888.

3. Mở ứng dụng MPE Smart Breaker và nhập địa chỉ Mac được in trên Module mạng của CB.
   - Mật khẩu (mặc định): admin
   - Đặt tên thiết bị và lưu.
   - Kiểm tra số lượng CB hiển thị trên ứng dụng:
     + Nếu số lượng CB không đúng với thực tế làm bước 4.
     + Nếu số lượng CB đúng với thực tế bỏ qua bước 4 làm bước 5.

4. Chọn mục:
   - Điều khiển ➔ Cài đặt thông số ➔ Set up ➔ Cài đặt địa chỉ ➔ Tắt tất cả các CB và chọn “Bắt Đầu”.
   - Nhấn và giữ nút On/Off (màu cam) trên CB (nên ưu tiên trên CB tổng) cho đến khi đèn sáng nhấp nháy.
   - Chọn kết thúc.

5. Nhấp vào dấu “+” góc phải màn hình
   - Chọn mạng Wifi muốn kết nối.
   - Sửa đổi mật khẩu và chọn múi giờ, thời gian.
     (múi giờ GTM + 07:00 - Asian/Ho_Chi_Minh)

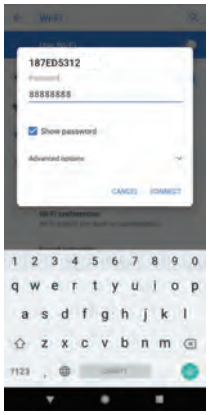
6. Trở về màn hình chính (nhấn vào biểu tượng  trên màn hình)

7. Vào mục điều khiển để điều khiển các CB.

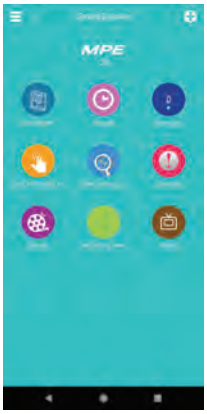


Bước 1


Bước 2.1


Bước 2.2


Bước 3


Bước 4.1


Bước 4.2

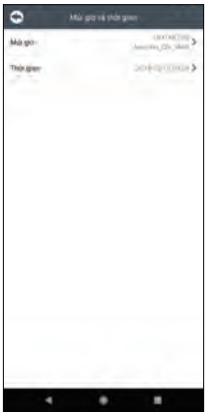

Bước 4.3


Bước 4.4

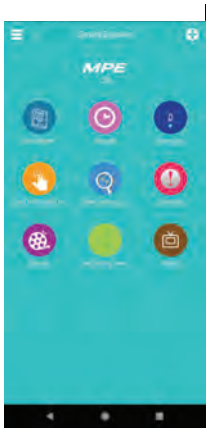

Bước 4.5

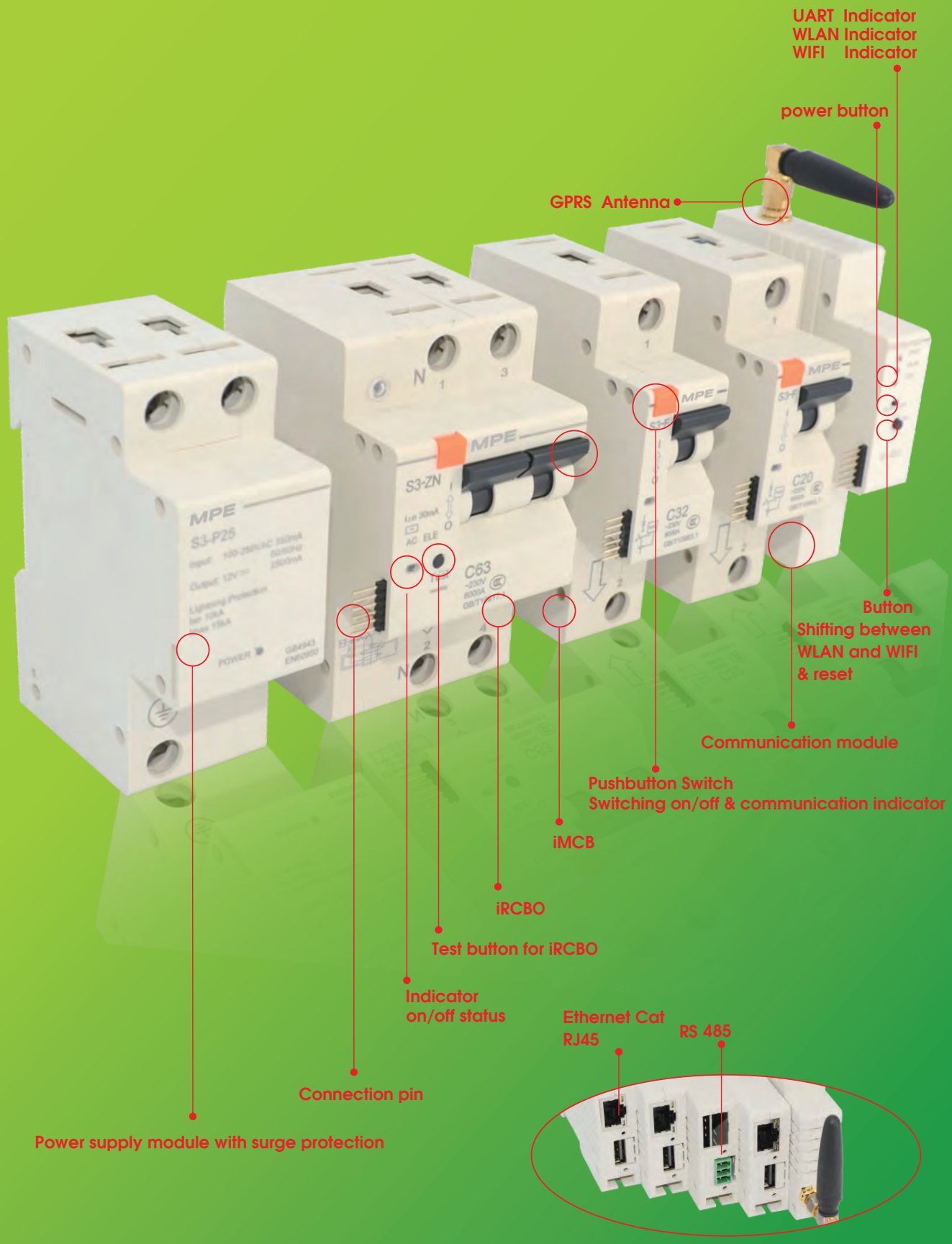

Bước 4.6


Bước 5.1


Bước 5.2


Bước 6


Bước 7


UART Indicator
WLAN Indicator
WIFI Indicator
power button
GPRS Antenna
Button
Shifting between
WLAN and WIFI
& reset
Communication module
Pushbutton Switch
Switching on/off & communication indicator
iMCB
iRCBO
Test button for iRCBO
Indicator
on/off status
Ethernet Cat
RJ45
RS 485
Connection pin
Power supply module with surge protection

MCB 1P, 2P, 3P, 4P	Mã hàng Model	Số cực	Dòng định mức In (A)	Icu (kA)	Đơn giá (VNĐ)
	MCBS-120 (1+20A)	1P	20A	6kA	1.731.400
	MCBS-132 (1+32A)	1P	32A	6kA	1.731.400
	MCBS-163 (1+63A)	1P	63A	6kA	1.731.400
	MCBS-232 (1+32A)	2P	32A	6kA	4.363.600
	MCBS-263 (1+63A)	2P	63A	6kA	4.363.600
	MCBS-280 (1+80A)	2P	80A	6kA	4.363.600
	MCBS-332 (1+32A)	3P	32A	6kA	6.615.800
	MCBS-363 (1+63A)	3P	63A	6kA	6.615.800
	MCBS-380 (1+80A)	3P	80A	6kA	6.615.800
	MCBS-432 (1+32A)	4P	32A	6kA	7.727.000
	MCBS-463 (1+63A)	4P	63A	6kA	7.727.000
	MCBS-480 (1+80A)	4P	80A	6kA	7.727.000

Cầu dao chống giật (RCBO)	Mã hàng Model	Số cực	Dòng định mức In (A)	Dòng rò $I_{\Delta n}$ (mA)	Icu (kA)	Đơn giá (VNĐ)
	RCBOS-232/30	2P	32A	30mA	6kA	4.585.400
	RCBOS-263/30	2P	63A	30mA	6kA	4.585.400
	RCBOS-280/30	2P	80A	30mA	6kA	4.585.400
	RCBOS-432/30	4P	32A	30mA	6kA	8.257.200
	RCBOS-463/30	4P	63A	30mA	6kA	8.257.200
	RCBOS-480/30	4P	80A	30mA	6kA	8.257.200

Module cung cấp nguồn điện DC ổn định cho thiết bị đóng ngắt thông minh

PSS-25, PSS-25D



PSS-25 | PSS-25D (Có màn hình hiển thị)

Mã hàng Model	Điện áp vào In put	Điện áp ra Out put	Dòng điện Ampe	Đơn giá (VNĐ)
PSS-25 Bộ cấp nguồn	110-265 VAC	12 VDC	2.5A	**1.731.400**
PSS-25D Bộ cấp nguồn	110-265 VAC	12 VDC	2.5A	**2.077.900**

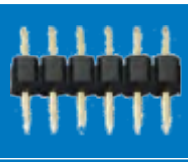
Module cung cấp nguồn điện Wifi, 4G, Zigbee



MD-WF | MD-WF/4G | MD-ZB

Mã hàng Model	Điện áp vào In put	Đơn giá (VNĐ)
MD-WF (Module Wifi)	12 VDC	**2.617.200**
MD-WF/4G (Module Sim 4G)	12 VDC	**4.905.300**
MD-ZB (Module Zigbee)	12 VDC	**1.357.200**

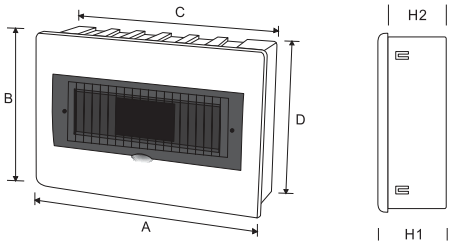
Chân cắm/ Cáp nối

Mã hàng Model	Sản phẩm	Kiểu dáng	Đơn giá (VNĐ)
 **PKMS-P6**	Chân cắm Pin	6 Pin	**3.500**
 **PKMS-CT50**	Cáp nối	50 cm	**277.200**
 **PKMS-CT80**	Cáp nối	80 cm	**519.800**

Tủ điện seri TS

Tủ Điện Seri TS	Mã hàng Model	Số cực	Kích thước (AxBxCxDxH1xH2)mm	Đơn giá (VNĐ)
	Tủ TS-4	2-4	148x160x128x148x90x70	162.900
	Tủ TS-6	5-6	200x216x180x190x90x70	216.000
	New Tủ TS-10	7-10	290x217x267x185x90x70	336.000
	Tủ TS-12	10-12	311x248x286x226x90x70	346.500
	Tủ TS-14	11-14	349x248x326x228x90x70	450.500
	Tủ TS-20	15-20	468x248x434x228x96x76	680.400
	Tủ TS-24	21-24	311x404x290x385x96x76	970.200
	Tủ TS-32	25-32	396x496x372x475x96x76	1.192.000
	Tủ TS-40	33-40	468x496x443x475x96x76	1.375.700
	Tủ TS-48	41-48	395x745x371x724x96x76	2.574.000
	Tủ TS-60	49-60	468x745x444x724x96x76	3.289.000

Kích Thước Tủ Điện





Phần thanh ray có thể thay đổi hướng lắp đặt



Thanh dẫn điện bằng đồng

Tủ điện seri TN + seri WP (chống thấm nước)

Tủ Điện Seri TN - IP30	Mã hàng Model	Số cực	Kích thước (LxHxW)mm	Đơn giá (VNĐ)
	Tủ TN-2	1-2	66x125x85 mm	60.500
	Tủ TN-4	3-4	93x124x85 mm	78.100

Tủ Điện chống thấm Seri WP - IP65	Mã hàng Model	Số cực	Kích thước (LxHxW)mm	Đơn giá (VNĐ)
	Tủ WP-4	2-4	107x212x92 mm	750.800
	Tủ WP-6	5-6	165x200x100 mm	935.600
	Tủ WP-9	7-9	219x200x100 mm	1.150.400
	Tủ WP-12	10-12	273x230x110 mm	1.556.900
	Tủ WP-18	13-18	381x230x110 mm	2.106.700
	Tủ WP-24	19-24	273x380x110 mm	2.743.200
	Tủ WP-36	25-36	381x380x110 mm	3.768.800

Hướng dẫn kết nối thiết bị thông minh với MPE Smart Control

1. Cài đặt ứng dụng MPE SMART CONTROL

- Quét mã QR hoặc tìm kiếm ứng dụng MPE SMART CONTROL trên CH Play / App Store.
- Đăng ký tài khoản, đọc kỹ và đồng ý các chính sách ứng dụng.
- Chọn quốc gia, nhập email. Hệ thống sẽ gửi mã xác minh vào email mà bạn đăng ký.
- Tạo mật khẩu cho tài khoản.
  (Lưu ý mật khẩu bao gồm cả chữ và số từ 6 đến 20 kí tự).

2. Kết nối thiết bị thông minh với MPE Smart Control

B1: Nhấn giữ nút nguồn của thiết bị khoảng 5 giây (ổ cắm, công tắc thông minh, cảm biến,...) hoặc "Tắt và Mở" nguồn điện 3 lần liên tục (đèn thông minh, thiết bị không có nút nguồn,...) cho đến khi đèn báo nhấp nháy nhanh 2 lần/giây.
- Nếu đèn báo nhấp nháy chậm 3 giây/lần thì ngắt thiết bị ra khỏi nguồn điện, đợi 10 giây cấp nguồn điện lại và thực hiện lại B1.

B2: Nhấp vào biểu tượng "+" tại góc phải trên cùng MPE Smart Control, chọn thiết bị tương ứng và làm theo hướng dẫn. Trường hợp bạn không tìm thấy thiết bị tương ứng, vui lòng chọn mục "Sản phẩm khác ".



MPE SMART CONTROL

Available on the App Store

GET IT ON Google Play

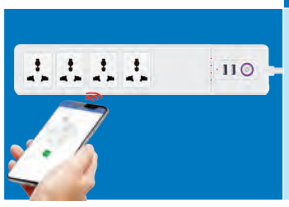
Hệ thống điều khiển thông minh

Mobile control | Voice control | 16 Million Color | Điện áp 220VAC | RA >80 | CE | RoHS compliant | Tần số 50Hz

Ổ Cắm Thông Minh Điều Khiển Wifi

	Mã hàng Model	Công suất Watt	Dòng điện Ampe	Kết nối Wifi	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	SWP15-1	2000W	15A	2.4Ghz, 1T1R	75x37.5x30 mm	1 cái/hộp 200 cái/thùng	508.200
	SWP16-2	2000W	16A	2.4Ghz, 1T1R	85x40x30 mm	1 cái/hộp 200 cái/thùng	559.000
	SWP16-3	2000W	16A	2.4Ghz, 1T1R	85x42x34 mm	1 cái/hộp 200 cái/thùng	559.000
	SWP16-5	2000W	16A+2USB2.4A	2.4Ghz, 1T1R	85x42x34 mm	1 cái/hộp 200 cái/thùng	669.900

Ổ Cắm Di Động Thông Minh Điều Khiển Wifi

	Mã hàng Model	Công suất USB	Dòng điện Ampe	Kết nối Wifi	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	SPS1	5V 2.1A	15A	2.4Ghz	335x65x40 mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	1.231.200

Đèn Ngủ Thông Minh Điều Khiển Wifi

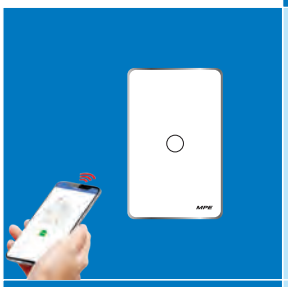
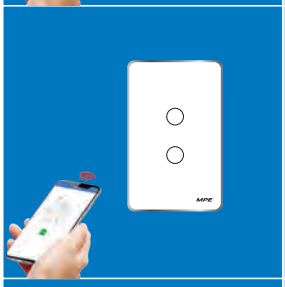
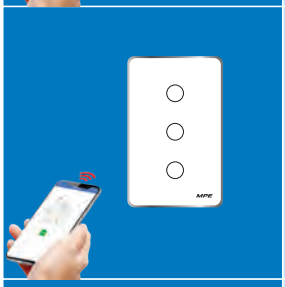
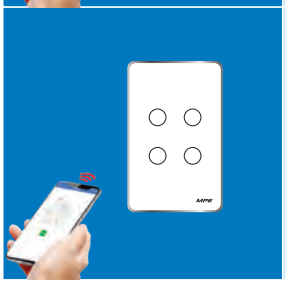
	Mã hàng Model	Công suất Watt	Điện áp VAC	Tần số Hz	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	BHS2/SC	1-9W	220VAC	50Hz	270x270x500 mm	1 cái/hộp 12 cái/thùng	2.246.500

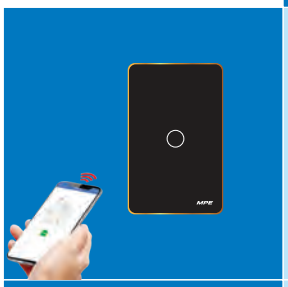
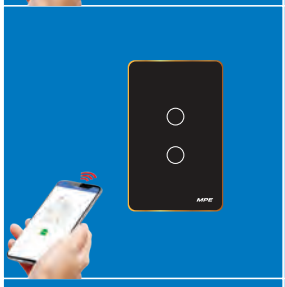
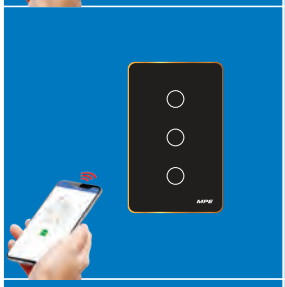
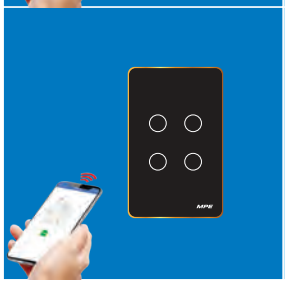
Đèn Bàn Thông Minh Điều Khiển Wifi

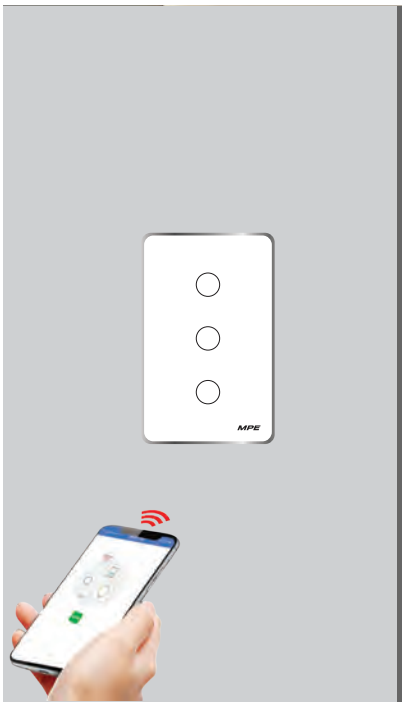
	Mã hàng Model	Công suất Watt	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Tần số Hz	Điện áp VAC	Đơn giá (VNĐ)
	TL4/SC	10W	600Lm	2700-6000K	50Hz	220VAC	2.772.000

Công tắc thông minh điều khiển Wifi viền vàng - bạc

New

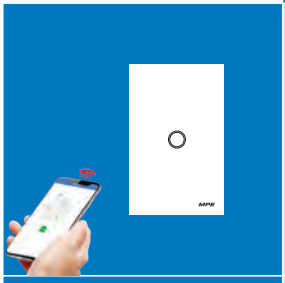
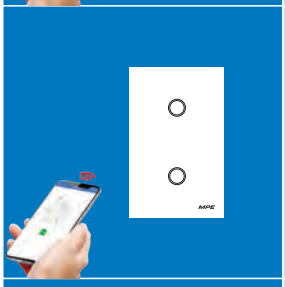
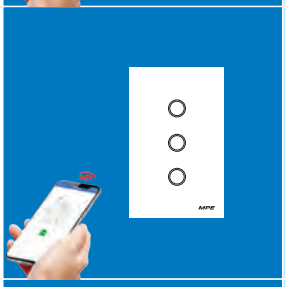
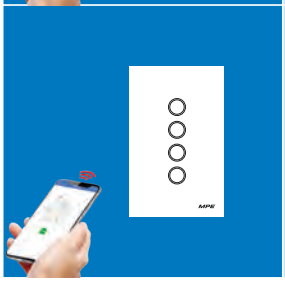
Công Tắc Thông Minh Điều Khiển Wifi	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**SWW1/SC** Mặt 1 công tắc màu trắng viền bạc - KT: 120x72x43 mm - Tải định mức: 1000W/gang (LED: 200W max/gang)	**840.600**
	**SWW2/SC** Mặt 2 công tắc màu trắng viền bạc - KT: 120x72x43 mm - Tải định mức: 1000W/gang (LED: 200W max/gang)	**935.400**
	**SWW3/SC** Mặt 3 công tắc màu trắng viền bạc - KT: 120x72x43 mm - Tải định mức: 1000W/gang (LED: 200W max/gang)	**995.700**
	**SWW4/SC** Mặt 4 công tắc màu trắng viền bạc - KT: 120x72x43 mm - Tải định mức: 1000W/gang (LED: 200W max/gang)	**1.064.700**

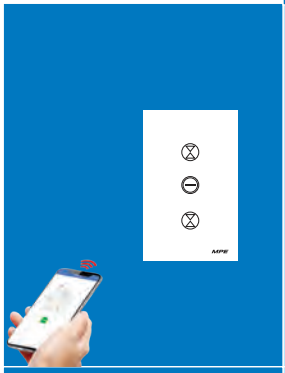
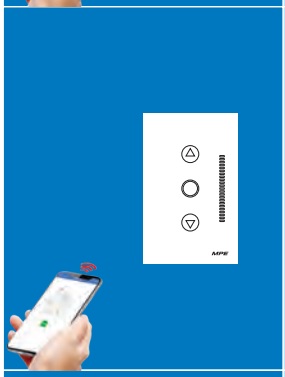
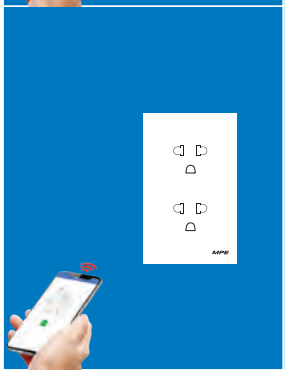
Công Tắc Thông Minh Điều Khiển Wifi	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**SWB1/SC** Mặt 1 công tắc màu đen viền vàng - KT: 120x72x43 mm - Tải định mức: 1000W/gang (LED: 200W max/gang)	**840.600**
	**SWB2/SC** Mặt 2 công tắc màu đen viền vàng - KT: 120x72x43 mm - Tải định mức: 1000W/gang (LED: 200W max/gang)	**935.400**
	**SWB3/SC** Mặt 3 công tắc màu đen viền vàng - KT: 120x72x43 mm - Tải định mức: 1000W/gang (LED: 200W max/gang)	**995.700**
	**SWB4/SC** Mặt 4 công tắc màu đen viền vàng - KT: 120x72x43 mm - Tải định mức: 1000W/gang (LED: 200W max/gang)	**1.064.700**

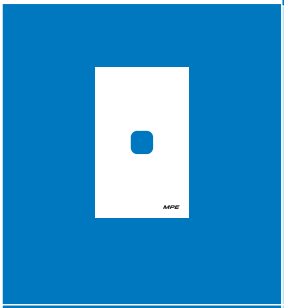
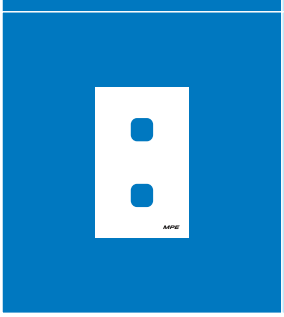


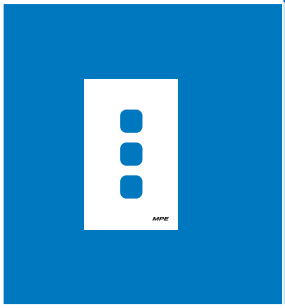


Thiết bị công tắc - ổ cắm thông minh điều khiển Wifi

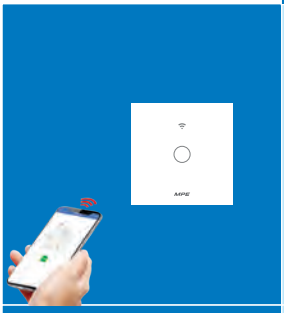
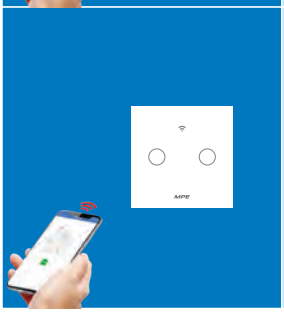
Công Tắc Thông Minh Điều Khiển Wifi	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**SW1/SC** Mặt 1 công tắc - KT: 120x72x43 mm - Tải định mức: 1000W/gang - LED: 150W max/gang	**980.700**
	**SW2/SC** Mặt 2 công tắc - KT: 120x72x43 mm - Tải định mức: 1000W/gang - LED: 150W max/gang	**1.058.000**
	**SW3/SC** Mặt 3 công tắc - KT: 120x72x43 mm - Tải định mức: 1000W/gang - LED: 150W max/gang	**1.140.000**
	**SW4/SC** Mặt 4 công tắc - KT: 120x72x43 mm - Tải định mức: 1000W/gang - LED: 150W max/gang	**1.491.200**

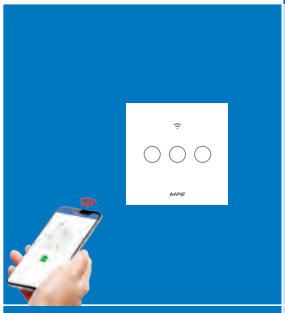
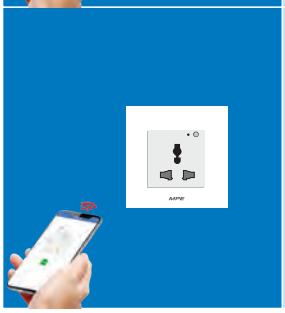
Công Tắc Thông Minh Điều Khiển Wifi	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**CSW/SC** Công tắc rèm cửa - KT: 120x72x43 mm - Tải định mức: 1000W/gang	**1.195.500**
	**DIM1/SC** Dimmer đèn - KT: 120x72x43 mm - Tải định mức: 1000W/gang,	**1.446.100**
	**SO2/SC** Ổ cắm đôi 3 chấu - KT: 120x72x43 mm - 16A	**1.366.400**

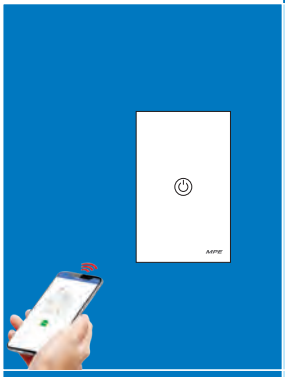
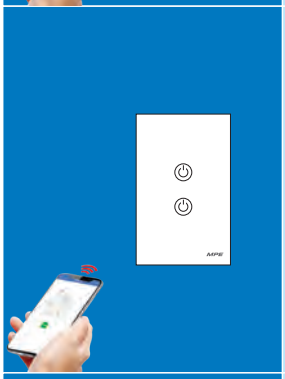
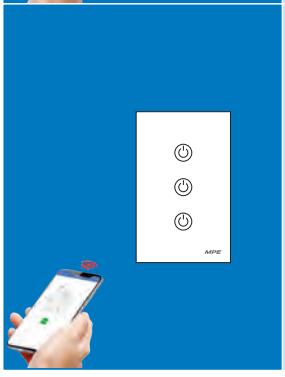
	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**MAT1/SC** Mặt 1 lỗ, dùng cho thiết bị rời A30 - KT: 115x72x43mm	**136.300**
	**MAT2/SC** Mặt 2 lỗ, dùng cho thiết bị rời A30 - KT: 115x72x43mm	**164.000**

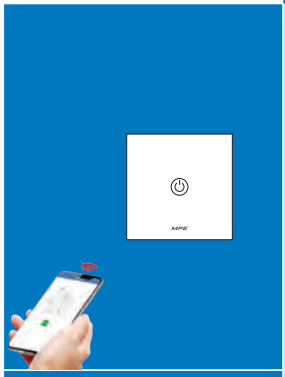
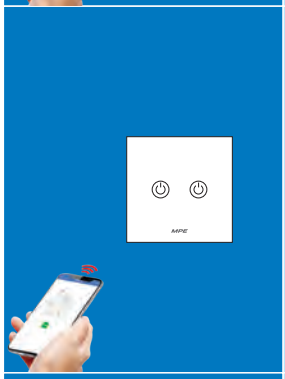
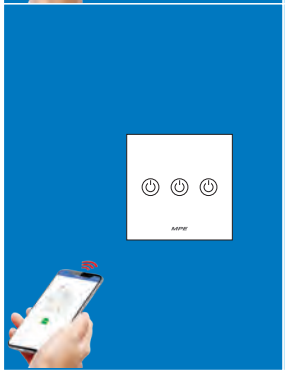
	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**MAT3/SC** Mặt 3 lỗ, dùng cho thiết bị rời A30 - KT: 115x72x43mm	**190.600**

Thiết bị công tắc - ổ cắm thông minh điều khiển Wifi & Zigbee

Công Tắc Thông Minh Điều Khiển Wifi	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**SWV1/SC** Mặt 1 công tắc - KT: 86 x 86 mm - Tải định mức: 700W/gang - LED: 150W max/gang	**980.700**
	**SWV2/SC** Mặt 2 công tắc - KT: 86 x 86 mm - Tải định mức: 700W/gang - LED: 150W max/gang	**1.058.000**

Công Tắc Thông Minh Điều Khiển Wifi	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**SWV3/SC** Mặt 3 công tắc - KT: 86 x 86 mm - Tải định mức: 700W/gang - LED: 150W max/gang	**1.140.000**
	**SOMV/SC** Mặt ổ cắm đa năng - KT: 86 x 86 mm - Tải định mức: 16A	**1.084.600**

Công Tắc Thông Minh Điều Khiển Zigbee	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**SW1/ZB** Mặt 1 công tắc - KT: 120x72x43 mm - Tải định mức: 500W/gang	**1.255.100**
	**SW2/ZB** Mặt 2 công tắc - KT: 120x72x43 mm - Tải định mức: 500W/gang	**1.375.000**
	**SW3/ZB** Mặt 3 công tắc - KT: 120x72x43 mm - Tải định mức: 500W/gang	**1.474.000**

Công Tắc Thông Minh Điều Khiển Zigbee	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**SWV1/ZB** Mặt 1 công tắc - KT: 86 x 86 mm - Tải định mức: 500W/gang	**1.255.100**
	**SWV2/ZB** Mặt 2 công tắc - KT: 86 x 86 mm - Tải định mức: 500W/gang	**1.375.000**
	**SWV3/ZB** Mặt 3 công tắc - KT: 86 x 86 mm - Tải định mức: 500W/gang	**1.474.000**

Đèn LED Thông Minh Điều Khiển Wifi

Mobile control | Voice control | 16 Million Color | Điện áp 220VAC | Ra >80 | CE | RoHS compliant

LED Bulb Điều Khiển Wifi	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đui đèn Base	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	**LB-9/SC**	806 Lm	2700 - 6500K RGB	60x118 mm	E27	1 cái/hộp 100 cái/thùng	**481.700**
	**LB-13/SC**	1200 Lm	2700 - 6500K RGB	95x135 mm	E27	1 cái/hộp 10 cái/thùng	**594.900**
	**LB-20/SC**	1800 Lm	2700 - 6500K RGB	100x185 mm	E27	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**829.300**
	**LB-30/SC**	2700 Lm	2700 - 6500K RGB	118x210 mm	E27	1 cái/hộp 12 cái/thùng	**1.051.100**
	**LB-40/SC**	3600 Lm	2700 - 6500K RGB	135x238 mm	E27	1 cái/hộp 8 cái/thùng	**1.182.700**
	**LB-50/SC**	4500 Lm	2700 - 6500K RGB	135x238 mm	E27	1 cái/hộp 8 cái/thùng	**1.615.900**

LED Bulb Dây Tóc Điều Khiển Wifi	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đui đèn Base	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	**FLM-6/A60SC**	600 Lm	3000K	60x105 mm	E27	1 cái/hộp 50 cái/thùng	**398.500**
	**FLM-6/G95SC**	600 Lm	3000K	95x140 mm	E27	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**444.700**
	**FLM-6/ST64SC**	600 Lm	3000K	64x140 mm	E27	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**421.600**

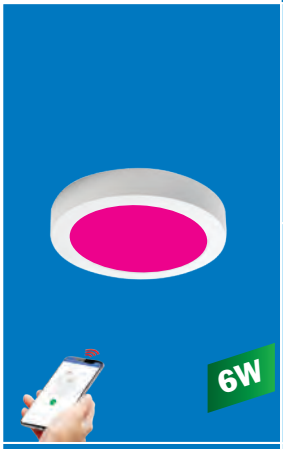
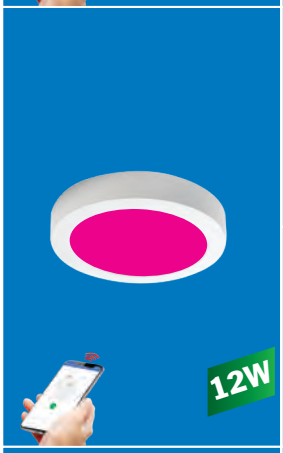
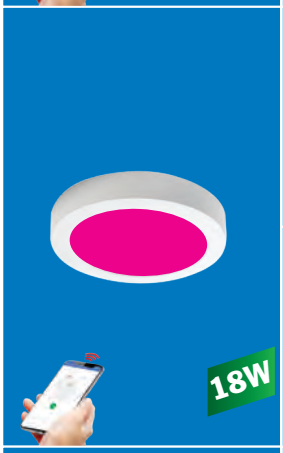
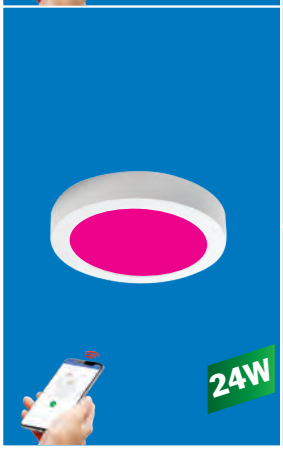
Đèn LED Âm Trần WIFI - ZIGBEE

Mobile control | Voice control | 16 Million Color | CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | RA >80

Panel Tròn Âm Wifi - Zigbee	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	RPL-6/SC RPL-6/ZB	500 Lm	2700-6500K RGB	Ø120x25 mm	Ø 105 mm	1 cái/hộp 60 cái/thùng	**1.098.900**
	RPL-9/SC RPL-9/ZB	750 Lm	2700-6500K RGB	Ø150x25 mm	Ø 130	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**1.166.000**
	RPL-12/SC RPL-12/ZB	950 Lm	2700-6500K RGB	Ø170x25 mm	Ø 150	1 cái/hộp 40 cái/thùng	**1.276.000**
	RPL-18/SC RPL-18/ZB	1500 Lm	2700-6500K RGB	Ø225x25 mm	Ø 205 mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	**1.454.200**
	RPL-24/SC RPL-24/ZB	1800 Lm	2700-6500K RGB	Ø300x25 mm	Ø 280 mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	**1.837.000**

Đèn LED Ốp Trần WIFI - ZIGBEE

Mobile control | Voice control | 16 Million Color | CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | RA >80

Panel Tròn Nổi Wifi - Zigbee	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	PF	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	SRPL-6/SC SRPL-6/ZB	480 Lm	2700-6500K RGB	Ø 217x35 mm	>0.5	1 cái/hộp 20 cái/thùng	1.166.000
	SRPL-12/SC SRPL-12/ZB	950 Lm	2700-6500K RGB	Ø 170x35 mm	>0.5	1 cái/hộp 30 cái/thùng	1.353.000
	SRPL-18/SC SRPL-18/ZB	1500 Lm	2700-6500K RGB	Ø 217x35 mm	>0.5	1 cái/hộp 20 cái/thùng	1.573.000
	SRPL-24/SC SRPL-24/ZB	1800 Lm	2700-6500K RGB	Ø 300x35 mm	>0.5	1 cái/hộp 10 cái/thùng	1.984.400

Đèn LED Ốp Trần WIFI - ZIGBEE

Mobile control | Voice control | 16 Million Color | CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | RA >80

LED Tấm Thông Minh Điều Khiển Wifi - Zigbee	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	PF	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	FPL-3030/SC	1800 Lm	2700-6500K RGB	300x300x11 mm	>0.9	1 cái/hộp 10 cái/thùng	**2.142.600**
	New FPL-3030/ZB						
	FPL-6030/SC	2250 Lm	2700-6500K RGB	600x300x11 mm	>0.9	1 cái/hộp 5 cái/thùng	**2.528.400**
	New FPL-6030/ZB						
	FPL-6060/SC	3600 Lm	2700-6500K RGB	600x600x11 mm	>0.9	1 cái/hộp 5 cái/thùng	**3.411.900**
	New FPL-6060/ZB						
	FPL-12030/SC	3600 Lm	2700-6500K RGB	1200x300x11 mm	>0.9	1 cái/hộp 5 cái/thùng	**4.233.100**
	New FPL-12030/ZB						

Đèn LED Thông Minh Điều Khiển Wifi

Mobile control | Voice control | 16 Million Color | CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | RA >80

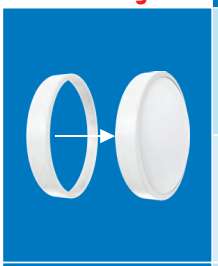
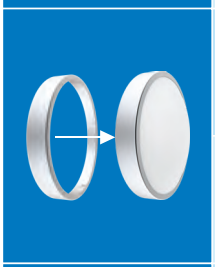
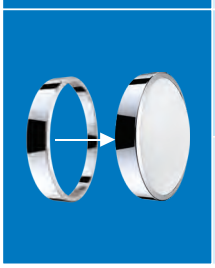
LED Bán Nguyệt Điều Khiển Wifi

Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Góc chiếu Angle	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 BN-18/SC	1800Lm	2700-6500K RGB	120⁰	600x74x24 mm	1 cái/hộp 12 cái/thùng	1.247.400
 BN-36/SC	3600Lm	2700-6500K RGB	120⁰	1200x74x24 mm	1 cái/hộp 12 cái/thùng	2.032.800

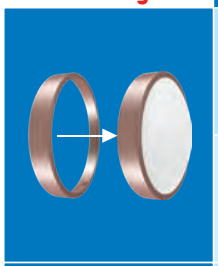
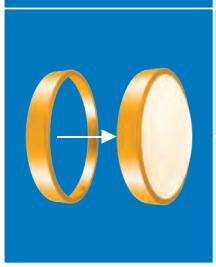
LED Ốp Trần Ceiling Điều Khiển Wifi

Mã hàng Model	Công suất Watt	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
 CL-20/SC	20W	2000 Lm	2700-6500K RGB	Ø300x85 mm	1 cái/hộp 5 cái/thùng	1.153.900
CL-30/SC	30W	3000 Lm	2700-6500K RGB	Ø350x85 mm	1 cái/hộp 5 cái/thùng	1.542.000

Viền Đèn Ceiling

Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
 **BD30-W** Màu trắng (White) 20W	206.800
BD35-W Màu trắng (White) 30W	244.900
 **BD30-S** Màu xám bạc (Silver) 20W	206.800
BD35-S Màu xám bạc (Silver) 30W	244.900
 **BD30-C** Màu crôm (Chromi) 20W	206.800
BD35-C Màu crôm (Chromi) 30W	244.900

Viền Đèn Ceiling

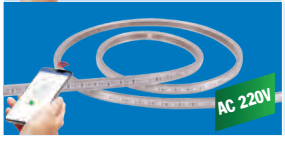
Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
 **BD30-R** Màu đỏ (Red) 20W	206.800
BD35-R Màu đỏ (Red) 30W	244.900
 **BD30-G** Màu vàng (Gold) 20W	206.800
BD35-G Màu vàng (Gold) 30W	244.900

LED DÂY THÔNG MINH WIFI - ZIGBEE





- Điều khiển qua ứng dụng Smart phone
- Đèn được đổi màu tự động hoặc điều khiển đổi màu qua app MPE Smart Control với hệ màu RGB
- Đèn có thể đổi màu sang màu đỏ, xanh lá, xanh dương hoặc bất kỳ màu đơn sắc nào
- Mạch siêu dẫn giúp hiệu suất phát sáng cao hơn, tiết kiệm năng lượng
- Cấu trúc bảo vệ cách nhiệt nhiều lớp an toàn hơn
- Lắp đặt dể dàng, uốn lượn được mọi nơi cần trang trí

LED Dây Thông Minh ZIGBEE - WIFI	Mã hàng Model	Nguồn ra VDC	Nhiệt độ màu CCT	Dòng điện Ampe	Công suất Watt	Chiều dài Meter	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	LS/ZB	12VDC	RGB	5A	14.4W/m	5m	5 m/hộp 5 m/box 40 hộp/thùng 40 box/carton	1.048.700
	LS/SC	12VDC	RGB	5A	14.4W/m	5m	5 m/hộp 5 m/box 40 hộp/thùng 40 box/carton	1.048.700
	LSAC/SC	220VDC	RGB	2A	8W/m	25m	25 m/thùng 25 m/carton	165.200/m

Bộ Nguồn LED Dây WIFI AC 220V	Mã hàng Model	Công suất Watt	Đơn giá (VNĐ)
	CLS/SC	400W	1.107.700

	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	MC-LSAC/SC Khớp nối giữa LED Dây Thông Minh AC	42.800

LED Pha Thông Minh Wifi

Mobile control | Voice control | 16 Million Color | CE | RoHS compliant | Điện áp 220VAC | RA >80 | PF >0.5 | IP 65





- Điều khiển qua ứng dụng Smart phone
- Điều khiển thông minh kết nối qua Amazon Alexa, Google Assistant
- Đèn được đổi màu tự động hoặc điều khiển đổi màu qua app MPE Smart Control với hệ màu RGB
- Đèn có thể đổi màu sang màu đỏ, xanh lá, xanh dương hoặc bất kỳ màu đơn sắc nào
- Cấp độ bảo vệ IP65
- Thân nhôm bền bỉ, thiết kế gọn nhẹ
- Tiết kiệm điện năng, tuổi thọ cao 30.000 giờ
- Dễ dàng lắp đặt và sử dụng

DIALux
German Technology

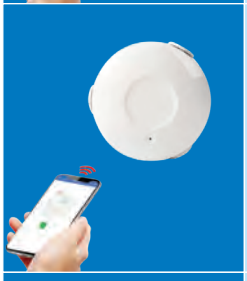
LED Pha Thông Minh WIFI

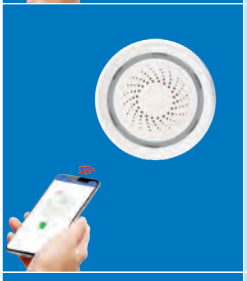
Mã hàng Model	Công suất Walt	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
FLD-50/SC	50W	RGB-W	238x238x100 mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	1.179.200
FLD-100/SC	100W	RGB	290x278x120 mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	2.079.000
FLD-150/SC	150W	RGB	335x323x136 mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	2.898.500

LED Nhà Xưởng Thông Minh WIFI

Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
HB-100T/SC	12.000Lm	6500k Dimmable	280x220mm	1 cái/thùng	6.634.300
HB-150T/SC	18.000Lm	6500k Dimmable	340x220mm	1 cái/thùng	8.448.900
HB-200T/SC	24.000Lm	6500k Dimmable	400x220mm	1 cái/thùng	9.810.600

Cảm biến - đo lường - thiết bị bảo vệ - WIFI

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**DS1/SC** Cảm biến cửa - Phát hiện tình trạng đóng/mở cửa	743.600
	**MS1/SC** Cảm biến chuyển động - Phát hiện chuyển động trong phạm vi 7m	925.100
	**WS1/SC** Cảm biến nước - Có âm thanh và cảnh báo khi có phát hiện rò rỉ nước	825.000
	**SMS1/SC** Cảm biến khói - Phát hiện khói và cảnh báo cháy - Có âm thanh và nháy đèn (85dB)	1.108.800
	**COS1/SC** Cảm biến khí CO - Có âm thanh và nháy đèn (85dB)	3.127.700

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**GAS1/SC** Cảm biến Gas Phát hiện rò rỉ khí Gas và cảnh báo	1.210.000
	**LMS1/SC** Cảm biến quang - Đo độ sáng trong phạm vi 5m, hiển thị trên ứng dụng	771.500
	**SR1/SC** Còi báo động - Âm thanh 85dB - Có nhiều âm thanh để lựa chọn	1.361.800
	**THD1/SC** Máy dò chất lượng không khí - Đo nhiệt độ - Đo độ ẩm - Đo hạt bụi trong không khí	3.656.700
	**EVD1/SC** Máy dò chất lượng không khí đa năng - Đo nhiệt độ - Đo độ ẩm - Đo hạt bụi trong không khí - Đo các thông số CH20, VOC, CO2	9.811.800

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**TMS1/SC** Thiết bị đo nhiệt độ có tích hợp bộ điều khiển - Hiển thị thời gian - Đo nhiệt độ môi trường - Điều khiển trực tiếp quạt (3 tốc độ), van nóng lạnh	3.127.700

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**ARP1/SC** Máy lọc không khí - Lọc sạch bụi bẩn trong không khí - 8 tốc độ quạt cho phép làm sạch nhanh hơn - Đo số lượng hạt bụi trong không khí với kích thước hạt 2.5µm - 3 chế độ - Có tính năng an toàn cho trẻ em - Dễ dàng vệ sinh và thay thế linh kiện	13.854.300

Khóa cửa, rèm cửa smart WIFI - Zigbee

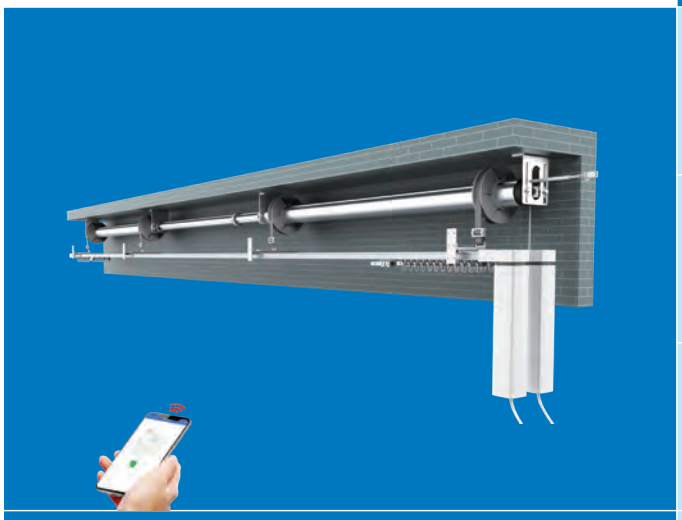
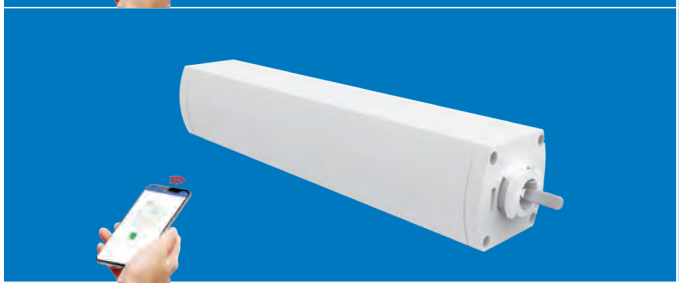
Vân tay | Chìa khóa | Smart Control | Thẻ từ | Password

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**DL1-D/SC** Khóa cửa Smart Wifi - Khóa màu đen - 5 cách mở khóa cửa	9.400.600
	**DL2-V/SC** Khóa cửa Smart Wifi - Khóa màu vàng - 5 cách mở khóa cửa	14.814.000

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**DL2-D/SC** Khóa cửa Smart Wifi - Khóa màu đen - 5 cách mở khóa cửa	14.814.000

Rèm Cửa Thông Minh Wifi	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**CM1/SC** Curtain - Điện áp: 220VAC - Công suất: 6.5W,IP20 - Tốc độ: 16cm/s	4.170.800
	**CR1/SC** Thanh ray rèm cửa - Chiều dài: 1m	1.043.000

Rèm Cửa Thông Minh Wifi	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**RMC/SC** Remote điều khiển rèm cửa - Mỗi remote điều khiển được 2 motor - Khoảng cách: 10m	531.300
	**RB1/SC** Màn chiếu Smart	2.286.900

Rèm Cửa Thông Minh Wifi - Zigbee	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**CM2.2/SC** Bộ rèm cửa 2.2m - Wifi	5.769.000
	CM3.2/SC Bộ rèm cửa 3.2m - Wifi	6.656.100
	CM4.2/SC Bộ rèm cửa 4.2m - Wifi	7.542.700
	**CM1/ZB** Motor rèm cửa Zigbee - Điện áp : 240VAC - Công suất : 40W - IP20 - Khối lượng tải : 50 kg - Phạm vi điều khiển bằng Remote 50m	4.170.800

Camera, Chuông cửa, đui đèn, ổ cắm đa năng, van khóa - WIFI

Camera Thông Minh Wifi	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**CI1/SC** Camera trong nhà Indoor camera - Góc xoay: 355˚ - Góc ảnh: 80˚ - Định dạng video H264 - Ống kính: 3.6mm - Độ phân giải 2MP - Hỗ trợ thẻ nhớ 128GB	**1.952.000**

Camera Thông Minh Wifi	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**CO1/SC** Camera ngoài trời Outdoor Camera - Ống kính: 3.6mm - Góc ảnh: 80˚ - Định dạng H264 - Độ phân giải 2MP - Hồng ngoại: 8-10m - Kết nối APP smart - Độ phân giải 2MP - Hỗ trợ thẻ nhớ 128GB	**2.102.100**

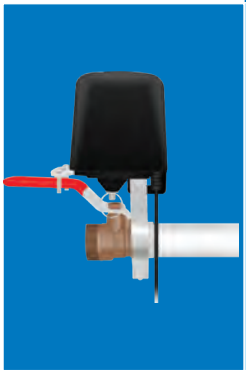
Chuông Cửa Camera Thông Minh WIFI	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**VDB1/SC** Chuông cửa Camera Smart Doorbell with camera - Đàm thoại 2 chiều - Tự động ghi hình khi phát hiện chuyển động	**3.400.300**

Chuông Cửa Camera Thông Minh WIFI	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**SDB1/SC** Chuông cửa Smart Doorbell - Có 5 âm thanh để lựa chọn - Khoảng cách: <50m - Âm lượng: 0-90 dB - Chỉ sử dụng với VDB1/SC	**619.100**

Đui Đèn Thông Minh Wifi	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**LA01/SC** - Đui đèn chuyển bóng đèn thường thành bóng Smart - Đui E27	**566.000**
	**RC-433/SC** Điều khiển thông minh - Tối đa 4 thiết bị - Khoảng cách điều khiển: 30m	**136.300**

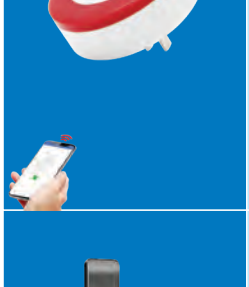
Hộp điều khiển từ xa Wifi	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**SB01/SC** Hộp điều khiển từ xa thông minh	**408.900**

Ổ cắm đa năng	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**WV1/SC** Ổ cắm đa năng chống thấm nước	**2.150.600**

Van Khóa	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**SWP1/SC** Van khóa nước/ gas - Lực mở: 1.6 MPA - Mô men xoắn: 30-60 kg.cm3	**1.247.400**

Cảm biến - đo lường - thiết bị bảo vệ Zigbee, Gateway

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**DS1/ZB** Cảm biến cửa - Phát hiện tình trạng đóng/mở cửa	743.600
	**MS1/ZB** Cảm biến chuyển động - Phát hiện chuyển động trong phạm vi 7m	925.100
	**WS1/ZB** Cảm biến nước - Có âm thanh và cảnh báo khi có phát hiện rò rỉ nước	825.000
	**OCS/ZB** Cảm biến chuyển động và ánh sáng - Phát hiện chuyển động trong phạm vi 10m	2.610.700
	**PRS/ZB** Cảm biến hiện diện - Phát hiện chuyển động trong phạm vi 3-4m	5.201.800

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**SMS1/ZB** Cảm biến khói - Phát hiện khói và cảnh báo cháy - Có âm thanh và nháy đèn (85dB)	1.108.800
	**GAS1/ZB** Cảm biến Gas Phát hiện rò rỉ khí Gas và cảnh báo	1.210.000
	**SR1/ZB** Còi báo động - Âm thanh 85dB - Có nhiều âm thanh để lựa chọn	1.361.800
	**DL2-D/ZB** Khóa cửa Smart Zigbee - Khóa màu đen - 5 cách mở khóa cửa	14.814.000

Gateway Wifi -> Bluetooth



Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
GT02-W/BT Gateway chuyển từ Wifi sang Bluetooth	773.900

Gateway Wifi -> Zigbee



Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
GT02-W/ZB Gateway chuyển từ Wifi sang Zigbee	1.848.000

Gateway Wifi -> IR



Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
GT02-W/IR Gateway chuyển từ Wifi sang IR	831.600

HỆ THỐNG AN NINH THÔNG MINH





New



» Chuông cửa camera
» Cảm biến chuyển động
» Cảm biến cửa và remote

New



» Chuông smart
» Cảm biến cửa/chuyển động
» Remote

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**HASK/W** - Điện áp đầu vào: 5VDC - Giọng nói: Alexa, Google home - Âm lượng: 80-120dB - Mức âm lượng: 8 - Nhiệt độ làm việc: -20~55^{0}C - Độ ẩm làm việc: 20-95% - Điều khiển bằng app MPE Smart Control	7.927.300

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**MFDB/W** - Điện áp đầu vào: 100-240VAC/50Hz - Nhiệt độ làm việc: -20~55^{0}C - Độ ẩm làm việc: 20-95% - Điều khiển bằng app MPE Smart Control	3.963.700

CẢM BIẾN HỒNG NGOẠI - ĐIỀU KHIỂN WIFI



ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT:

- Sản phẩm có mạch tích hợp và độ nhạy cao
- Cảm biến chuyển động hồng ngoại
- Cảm biến sáng tối tự động
- Tiện lợi, an toàn và tiết kiệm năng lượng
- Thiết kế hiện đại, dễ dàng cài đặt và sử dụng
- Điều khiển bằng App MPE Smart Control

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**MIR1-NT/DW** Cảm biến chuyển động hồng ngoại WIFI - Công suất tiêu thụ: 0.5W - Công suất tải: <200W - Góc quét: 90^0 - Bán kính làm việc: ≤ 4m (<24^{0}C) - Điện áp: 220-240VAC - Chiều cao lắp đặt: 2.2~4m - IP20	**865.600**
	**MIR1-NT/EW** Cảm biến chuyển động hồng ngoại WIFI - Công suất tiêu thụ: 0.5W - Công suất tải: <200W - Góc quét: 90^0 - Bán kính làm việc: ≤ 4m (<24^{0}C) - Điện áp: 220-240VAC - Chiều cao lắp đặt: 2.2~4m - IP20	**967.000**

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**MIR1-OD/W** Cảm biến chuyển động hồng ngoại WIFI - Công suất tiêu thụ: 0.5W - Công suất tải: <200W - Góc quét: 180^0 - Khoảng cách hoạt động: ≤ 12m (<24^{0}C) - Điện áp: 220-240VAC - Chiều cao lắp đặt: 1.8~2.5m - IP44	**883.000**
	**MIR2-AT/W** Cảm biến chuyển động hồng ngoại WIFI - Công suất tiêu thụ: 0.5W - Công suất tải: <200W - Góc quét: 90^0 - Khoảng cách hoạt động: ≤ 4m (<24^{0}C) - Điện áp: 220-240VAC - Chiều cao lắp đặt: 2.2~4m - IP20	**866.600**

Thiết bị cảm biến chuyển động Microwave, hồng ngoại, photocell

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**MWS1-NT** Cảm biến chuyển động Microwave gắn nổi Công suất tải: ≤ 200W Góc quét: 360⁰ Khoảng cách hoạt động: ≤ 8m (bán kính) IP20	**371.800**
	**MWS1-AT** Cảm biến chuyển động Microwave gắn âm Công suất tải: ≤ 200W Góc quét: 360⁰ Khoảng cách hoạt động: ≤ 8m (bán kính) IP20	**407.000**
	**MWS2-NT** Cảm biến chuyển động Microwave gắn nổi Công suất tải: ≤ 200W Góc quét: 360⁰ Khoảng cách hoạt động: ≤ 8m (bán kính) IP20	**371.800**
	**MWHD1** Đui đèn cảm biến Microwave Công suất tải: ≤ 60W Góc quét: 360⁰ Khoảng cách hoạt động: ≤ 5m (bán kính) IP20	**455.400**
	**PTC1** Cảm biến quang Photocell Công suất tải: ≤ 10A Hoạt động khi ánh sáng: < 5-15 Lux IP44	**227.700**

	Mã số / Diễn giải	Đơn giá(VNĐ)
	**IRHD1** Đui đèn cảm biến chuyển động hồng ngoại E27 Công suất tải: ≤ 60W Góc quét: 360⁰ Khoảng cách hoạt động: ≤ 6m (bán kính) Điện áp:110-240VAC Có thể điều chỉnh thời gian, độ nhạy sáng IP20	**235.400**
	**IRHD2** Đui đèn cảm biến chuyển động hồng ngoại E27 Công suất tải: ≤ 60W Góc quét: 120⁰ Khoảng cách hoạt động: ≤ 6m (bán kính) IP20	**249.700**
	**IRS1-V** Cảm biến chuyển động Hồng ngoại vuông Công suất tải: ≤ 200W Góc quét: 160⁰ Khoảng cách hoạt động: ≤ 9m (bán kính) IP20	**269.500**
	**IRS2-V** Cảm biến chuyển động Hồng ngoại vuông (mặt kính) Công suất tải: ≤ 200W Góc quét: 160⁰ Khoảng cách hoạt động: ≤ 9m (bán kính) IP20	**407.000**
	**IRS1-H** Cảm biến chuyển động Hồng ngoại chữ nhật Công suất tải: ≤ 200W Góc quét: 180⁰ Khoảng cách hoạt động: ≤ 9m (bán kính) IP20	**255.200**



HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN MPE SMART LIGHTING

LED Bulb Bluetooth

Mobile control | Remote control | 16 Million Color | Dimmer | Music control | Đui đèn E27 | CE | RoHS compliant | Điện áp 220VAC | RA >80 | PF >0.5 | 230°

LED Bulb Điều Khiển Bluetooth

	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Điều khiển Control	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	**LB-9/SM**	850 lm	2700 - 6500K RGB	App, Bluetooth remote control	Ø60x118 mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	**481.700**
	**LB-13/SM**	1200 lm	2700 - 6500K RGB	App, Bluetooth remote control	Ø95x135 mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	**594.900**

LED Bulb Dây Tóc Điều Khiển Bluetooth

	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Điều khiển Control	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	**FLM6/SM**	600 lm	2700K	App, Bluetooth remote control	Ø60x110 mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	**398.500**

Thiết Bị Điều Khiển / Remote

	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	**RCS**	**306.100**

	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	**RCL**	**306.100**

Gateway

	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	**GT01-W/BL**	**773.900**



LED Panel Bluetooth

Mobile control | Remote control | 16 Million Color | Dimmer | Music control | CCT 2700-6500 K/RGB | CE | RoHS compliant | Điện áp 220VAC | RA >80 | PF >0.5

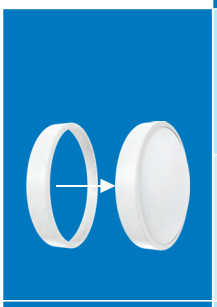
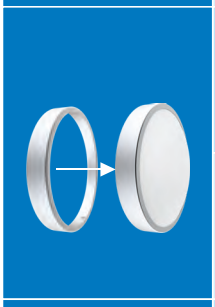
LED Panel Tròn Âm Smart Bluetooth	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Điều khiển Control	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	**RPL-6/SM**	420 lm	App, Bluetooth remote control	Ø120x25 mm	Ø105 mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	**831.600**
	**RPL-12/SM**	800 lm	App, Bluetooth remote control	Ø170x25 mm	Ø155 mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	**980.700**
	**RPL-18/SM**	1100 lm	App, Bluetooth remote control	Ø225x25 mm	Ø210 mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	**1.152.700**

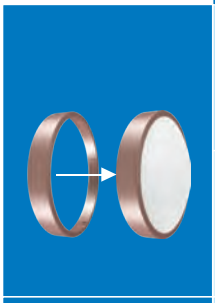
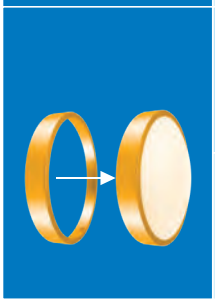
LED Panel Tròn Nổi Smart Bluetooth	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Điều khiển Control	Kích thước Size	Nhiệt độ màu	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	**SRPL-18/SM**	1100 lm	App, Bluetooth remote control	Ø225x38 mm	2700-6500K RGB	1 cái/hộp 10 cái/thùng	**1.244.000**
	**SRPL-24/SM**	1500 lm	App, Bluetooth remote control	Ø300x38 mm	2700-6500K RGB	1 cái/hộp 10 cái/thùng	**1.615.900**

LED Ốp Trần Bluetooth

Mobile control | Remote control | 16 Million Color | Dimmer | Music control | Tuổi thọ 30.000Hrs | CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | RA >80 | Chip LED SMD 2835

LED Ốp Trần Ceiling Bluetooth	Mã hàng Model	Công suất Watt	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	**CL20/SM**	20W	2000 Lm	2700-6500K RGB	Ø300x85 mm	1 cái/hộp 5 cái/thùng	**1.153.900**
	**CL30/SM**	30W	3000 Lm	2700-6500K RGB	Ø350x85 mm	1 cái/hộp 5 cái/thùng	**1.542.000**

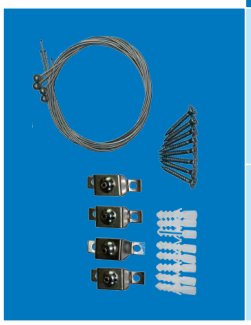
Viền Đèn	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	**BD30-W** Màu trắng (White) 20W	**206.800**
	BD35-W Màu trắng (White) 30W	**244.900**
	**BD30-S** Màu xám bạc (Silver) 20W	**206.800**
	BD35-S Màu xám bạc (Silver) 30W	**244.900**
	**BD30-C** Màu crôm (Chromi) 20W	**206.800**
	BD35-C Màu crôm (Chromi) 30W	**244.900**

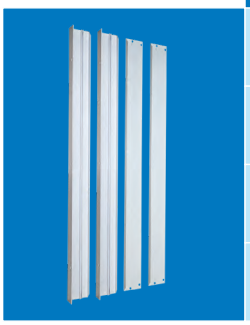
Viền Đèn	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	**BD30-R** Màu đỏ (Red) 20W	**206.800**
	BD35-R Màu đỏ (Red) 30W	**244.900**
	**BD30-G** Màu vàng (Gold) 20W	**206.800**
	BD35-G Màu vàng (Gold) 30W	**244.900**

LED Panel Tấm Bluetooth

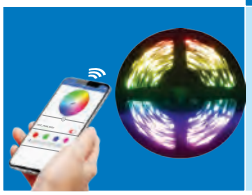
Mobile control | Remote control | 16 Million Color | Dimmer | Music control | 230° | CE | RoHS compliant | Điện áp 220VAC | RA >80

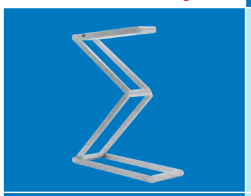
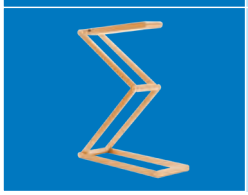
LED Panel Tấm Bluetooth	Mã hàng Model	Hệ số công suất	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Điều khiển Control	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	FPL-3030/SM	>0.9	1700 Lm	2700-6500K RGB	App Bluetooth, remote control	296x296 mm	1 cái/hộp 4 cái/thùng	2.142.600
	FPL-6060/SM	>0.9	3000 Lm	2700-6500K RGB	App Bluetooth, remote control	596x596 mm	1 cái/hộp 4 cái/thùng	3.411.900
	FPL-12030/SM	>0.9	3000 Lm	2700-6500K RGB	App Bluetooth, remote control	1196x296 mm	1 cái/hộp 3 cái/thùng	4.233.100

Phụ kiện Gắn Treo Panel LED Tấm	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	PKL-60	100.900
	PKL-120	201.000

Phụ Kiện Gắn Nổi Panel LED Tấm	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	SMPL-3030	302.600
	SMPL-6030	375.400
	SMPL-6060	485.100
	SMPL-12030	519.800

Đèn ngủ thông minh Bluetooth	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	**BHS1** Đèn ngủ thông minh - 1W-9W - Nhiệt độ màu 2700k-6500k-RGB	2.246.500

LED Dây Bluetooth	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	**LS/SM** Đèn LED dây Smart - 10W/ 5m - Nhiệt độ màu: RGB	1.048.700

Đèn Bàn LED 3 Chế Độ	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	**TL1S** Đèn LED bàn 3 chế độ sáng - 2.2W/5V-500mA - Nhiệt độ màu 3000-4000-6000k	852.400
	**TL1G** Đèn LED bàn 3 chế độ sáng - 2.2W/5V-500mA - Nhiệt độ màu 3000-4000-6000k	852.400

Đèn Bàn LED 3 Chế Độ	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	**TL2** Đèn bàn cảm ứng 6W nhiệt độ màu 3000-4000-6000k màu trắng	651.400
	**TL3** Đèn bàn cảm ứng 4W nhiệt độ màu 3000-4000-6500k màu trắng xanh, trắng hồng	449.400

LED Panel Tròn Điều Chỉnh Độ Sáng Bằng Remote

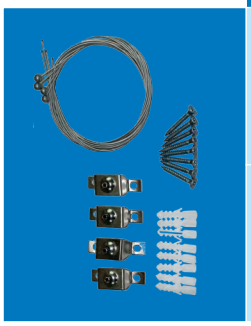
Remote control | CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 120° | Instant Light 100% 0s

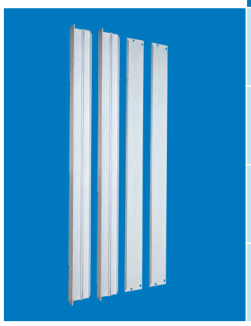
Seri RPL/3C-RC	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	RPL-6/3C-RC	500 Lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	Ø120x25 mm	Ø105 mm	1 cái/hộp 60 cái/thùng	490.900
	RPL-6S/3C-RC	500 Lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	Ø110x25 mm	Ø 90 mm	1 cái/hộp 60 cái/thùng	490.900
	RPL9/3C-RC	750 Lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	Ø150x25 mm	Ø130 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	545.200
	RPL12/3C-RC	950 Lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	Ø170x25 mm	Ø150 mm	1 cái/hộp 40 cái/thùng	592.600
	RPL15/3C-RC	1300 Lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	Ø190x25 mm	Ø180 mm	1 cái/hộp 30 cái/thùng	681.500
	RPL18/3C-RC	1500 Lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	Ø225x25 mm	Ø205 mm	1 cái/hộp 20 cái/thùng	727.700
	RPL24/3C-RC	1800 Lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	Ø300x25 mm	Ø280 mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	981.800

LED Tấm Điều Chỉnh Độ Sáng Bằng Remote

Remote control | CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hrs | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 120° | Instant Light 100% 0s

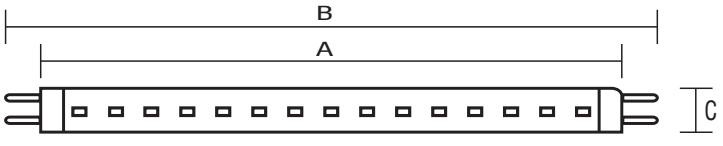
Seri FPL/3C-RC	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	FPL-3030/3C-RC	1800 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	300x300x10 mm	1 cái/hộp 10 cái/thùng	1.247.400
	FPL-6030/3C-RC	2250 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	600x300x10 mm	1 cái/hộp 5 cái/thùng	1.614.700
	FPL-6060/3C-RC	3600 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	600x600x10 mm	1 cái/hộp 5 cái/thùng	2.088.200
	FPL-12030/3C-RC	3600 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	1200x300x10 mm	1 cái/hộp 5 cái/thùng	2.143.700

Phụ Kiện Gắn Treo Cho Seri FPL	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	PKL - 60	100.900
	PKL - 120	201.000

Phụ Kiện Gắn Nổi Cho Seri FPL	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	SMPL-3030	302.600
	SMPL-6030	375.400
	SMPL-6060	485.100
	SMPL-12030	519.800

LED Tube Nhôm T8 Điều Chỉnh Độ Sáng Bằng Remote	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Góc chiếu Angle	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá (VNĐ)
	LT8-60/3C-RC	950 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	160°	A - 588mm B - 603mm C - Ø26mm	1 cái/hộp 25 cái/thùng	706.900
	LT8-120/3C-RC	1850 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	160°	A - 1197mm B - 1213mm C - Ø26mm	1 cái/hộp 25 cái/thùng	822.400

Thiết bị Điều Khiển / Remote RF	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ)
	RC-RF	207.900



MPE
SOLAR



SMA









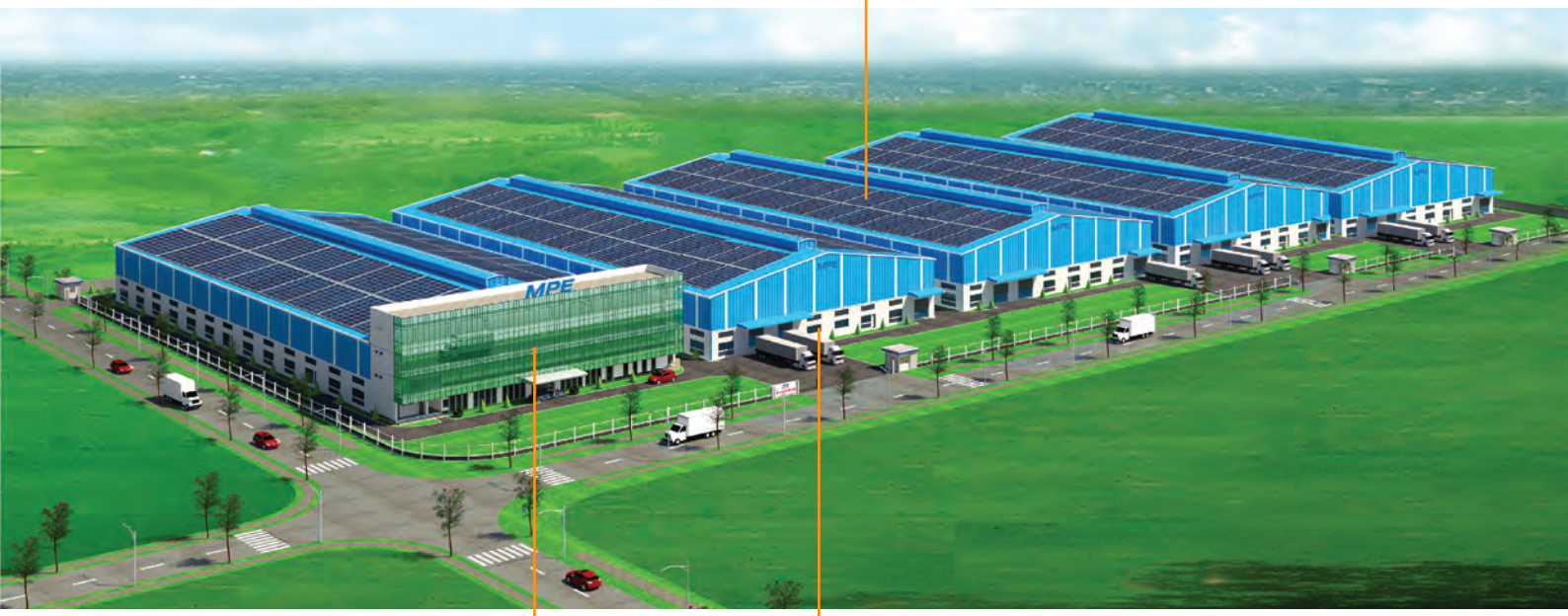
MPE

20 Năm

NHÀ MÁY MPE THÔNG MINH THEO TIÊU CHUẨN LEED

NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

SẢN XUẤT NĂNG LƯỢNG HIỆU QUẢ



THIẾT BỊ THÔNG MINH

QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG THÔNG MINH

ĐÈN LED THIẾT BỊ ĐIỆN

SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM

HỆ THỐNG SIÊU TIẾT KIỆM - DUY NHẤT TẠI MPE

GET IT ON Google Play

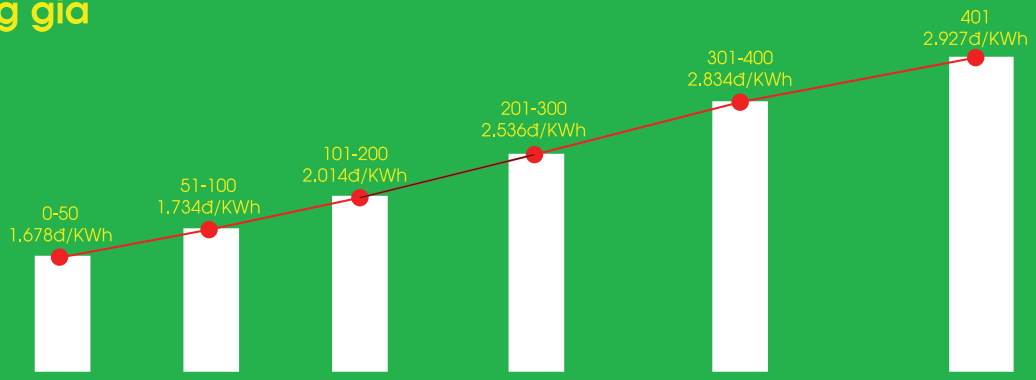
Available on the App Store

CE RoHS

DIALux
German Technology

TẠI SAO PHẢI LẮP ĐẶT HỆ THỐNG MPE SOLAR ?

1. Điện tăng giá



Khách hàng sử dụng 900 KWh/ tháng sẽ phải trả tiền điện theo giá 6 bậc thang tổng cộng là : 2.377.500 đ/tháng

2. MPE Solar sẽ giúp các bạn giảm ngay tiền điện

Nếu khách hàng đầu tư hệ thống MPE SOLAR 3.12 kWp thì:
- Sản lượng điện tạo ra trung bình hàng tháng:
3.12kWp x 4.5 giờ/ngày x 30 ngày = 405 kWh được công tơ 2 chiều của điện lực ghi nhận.
- Sản lượng điện tiêu thụ hàng tháng chỉ còn:
900 kWh - 405 kWh = 495 kWh **(tương đương 1.188.015 đ)**
- Vì vậy chi phí tiền điện hàng tháng giảm 50%





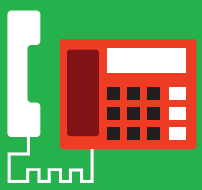
3. MPE Solar sử dụng công nghệ gì mà mang lại hiệu quả như vậy

- Hệ thống MPE SOLAR sử dụng công nghệ Đức.
- Sử dụng tấm Pin công nghệ mới với hiệu suất cao.
- Thiết kế gọn nhẹ, tiết kiệm diện tích lắp đặt.
- Bảo hành hệ thống : 10 năm (Pin, Inverter, giá đỡ, phụ kiện)
- Bảo hành hiệu suất trên 80% sau 25 năm
- Giá MPE SOLAR 3.12kWp : 75tr vnđ (bao gồm VAT)
- Giá MPE SOLAR 5.5kWp : 120tr vnđ (bao gồm VAT)

4. Sử dụng năng lượng tiết kiệm

- Các thiết bị chiếu sáng MPE với hiệu suất cao, tiết kiệm 50% điện năng tiêu thụ.
- Hệ thống phần mềm thiết kế chiếu sáng DIALux - MPE Plug in (Premium) - Germany giúp tiết kiệm điện cho công trình của bạn.
- Hệ thống MPE Smart Breaker, MPE Smart Control giúp chúng ta quản lý, giám sát và vận hành tất cả các thiết bị một cách tiết kiệm, an toàn, mọi lúc, mọi nơi.

5. MPE luôn đồng hành, hỗ trợ và mang lại giải pháp hữu ích cho bạn



Tư vấn miễn phí



Hỗ trợ pháp lý, hướng dẫn từng bước khi giao dịch với các Cty Điện lực

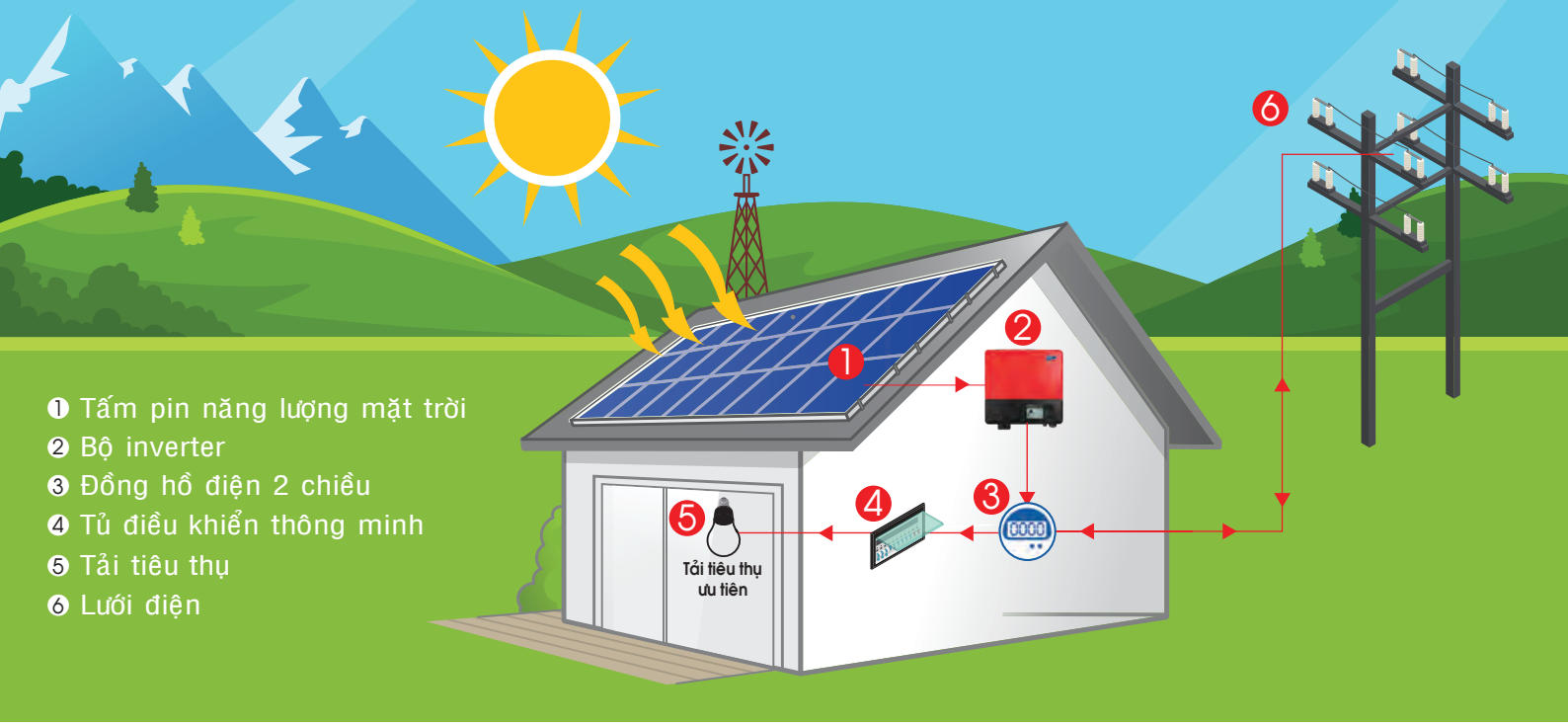


Nhiều chương trình khuyến mãi hấp dẫn



Lắp đặt, bảo hành chuyên nghiệp

MPE MANG NĂNG LƯỢNG XANH VÀO CUỘC SỐNG



NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

Khi không có ánh sáng mặt trời: (buổi tối hoặc trời mưa)

Các tấm Pin năng lượng mặt trời sẽ không sản sinh ra điện nên các phụ tải sẽ sử dụng điện từ lưới một cách bình thường



Khi trời có nắng

Các tấm Pin sẽ hoạt động theo sơ đồ trên:

1

Tấm Pin năng lượng mặt trời hấp thụ quang năng từ mặt trời và tạo ra dòng điện một chiều (DC).

2

Dòng điện một chiều (DC) sẽ đi qua bộ chuyển đổi (Inverter) để biến đổi thành dòng điện xoay chiều (AC).

3

Công tơ điện 2 chiều: nếu công suất điện năng phát ra từ hệ thống điện mặt trời cung cấp cho thiết bị điện trong sinh hoạt sử dụng vẫn còn dư, thì phần dư sẽ đi qua công tơ điện hai chiều để ghi nhận lượng điện tải lên lưới điện quốc gia trong ngày, phần điện dư này được EVN mua lại.

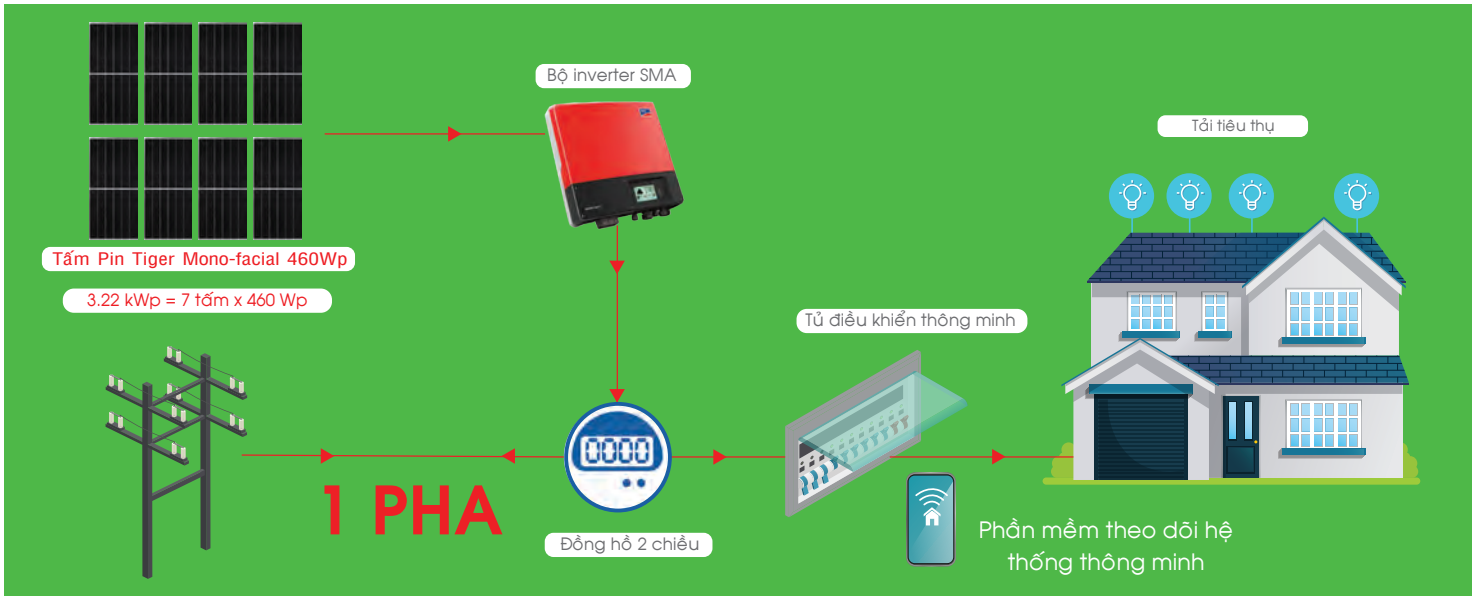
4

Dòng điện xoay chiều (AC) đi qua tủ điện chứa các MCB và sẽ được truyền tải cung cấp cho các thiết bị điện sử dụng.

5

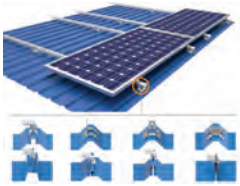
Lưới điện quốc gia: nếu hệ thống điện mặt trời không đủ công suất phát ra cho các thiết bị sử dụng điện, do ảnh hưởng của thời tiết hay lượng nắng ít, lúc này lưới điện quốc gia sẽ tự động bù điện để các thiết bị sử dụng không bị gián đoạn hoạt động.

HỆ THỐNG ĐIỆN MẶT TRỜI 3.22 kWp 1 PHA



GIÁ TRỌN GÓI (BH 5 năm): 78,1 TRIỆU VNĐ (Đã bao gồm VAT, chi phí vận chuyển và lắp đặt)

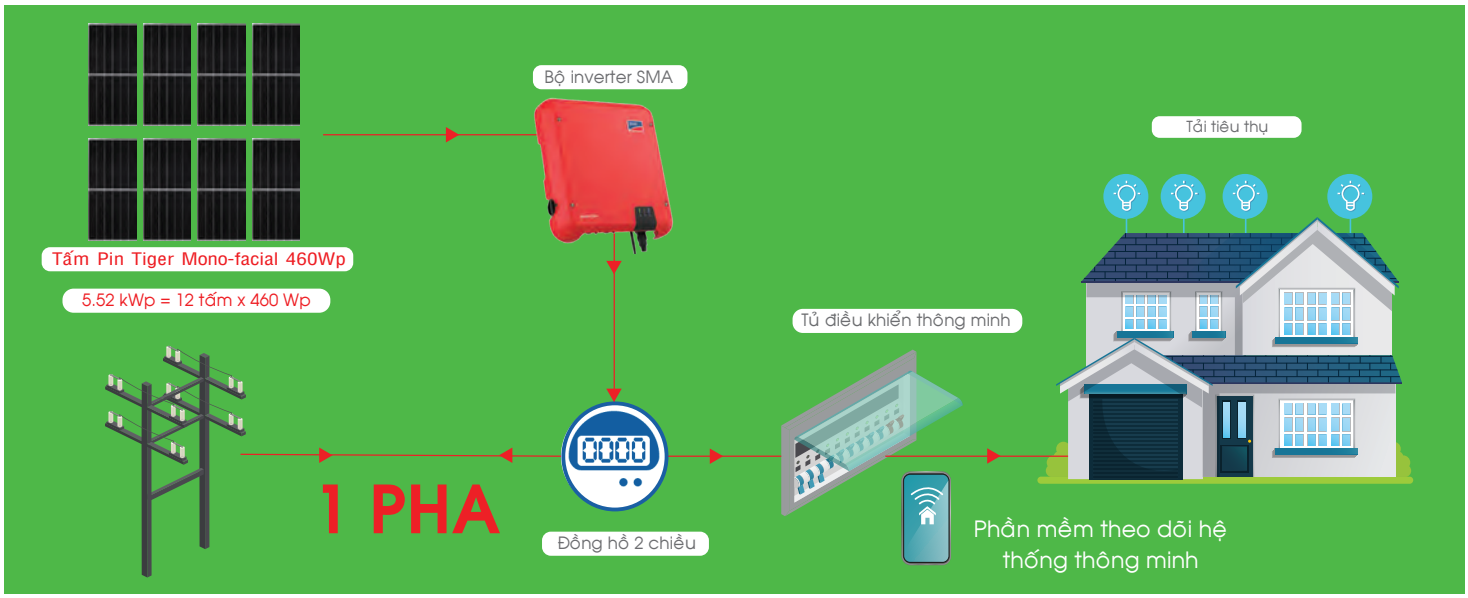
GIÁ TRỌN GÓI (BH 10 năm): 83,6 TRIỆU VNĐ (Đã bao gồm VAT, chi phí vận chuyển và lắp đặt)

Sản phẩm	Thông số chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng	Bảo hành
Tấm Pin Tiger Mono-facial 460Wp 	- Tấm pin JinKO - Model: Tiger Mono-facial (JKM460-7RL3-V) - Kích thước: 2182 x 1029 x 40mm - Trọng lượng: 26.1 kg - Mặt trước: Kính cường lực 3.2mm - Khung: Hợp kim Nhôm Anod - Hộp nối: IP67 - Cáp DC: 1x 4.0mm2 - Công suất: 460Wp - Điện áp ở công suất cực đại: 43.08VDC - Dòng điện ở công suất cực đại: 10.68A - Điện áp hở mạch: 51.7VDC - Dòng điện ngắn mạch: 11.5A - Hiệu suất chuyển đổi quang năng: 20.49% - Nhiệt độ làm việc: âm 40°C đến 85°C - Dung sai công suất: 0~+3%	Tấm	7	5 năm/10 năm
Inverter 	- Inverter SMA - Model: SB-3000TL - Công suất đầu vào tối đa: 3200Wp - Điện áp DC đầu vào tối đa: 750V - Công suất đầu ra tối đa (230V/50Hz): 3000W - Điện áp AC: 230V - Dòng AC max: 16A - Hiệu suất chuyển đổi MAX/tiêu chuẩn EU: 97% / 96% - Kết nối PC, máy tính bảng, smart phone theo dõi số liệu kỹ thuật	Bộ	1	5 năm/10 năm
Khung, giá đỡ 	- Kẹp, thanh ray Schletter - Đức	Bộ	1	5 năm/10 năm
Dây cáp DC 	- Cáp DC tiêu chuẩn Châu Âu	Bộ	1	5 năm/10 năm
- Hệ thống đã bao gồm tủ điều khiển: Vỏ tủ, MCB, cầu chì, cáp AC		Bộ	1	5 năm/10 năm

Trong một số trường hợp đặc biệt, công ty sẽ khảo sát và báo giá cụ thể theo thực tế

Quý khách sử dụng Pin 390Wp (JKM390M-72) sẽ giảm 5%

HỆ THỐNG ĐIỆN MẶT TRỜI 5.52 kWp 1 PHA



GIÁ TRỌN GÓI (BH 5 năm): 127,6 TRIỆU VNĐ (Đã bao gồm VAT, chi phí vận chuyển và lắp đặt)

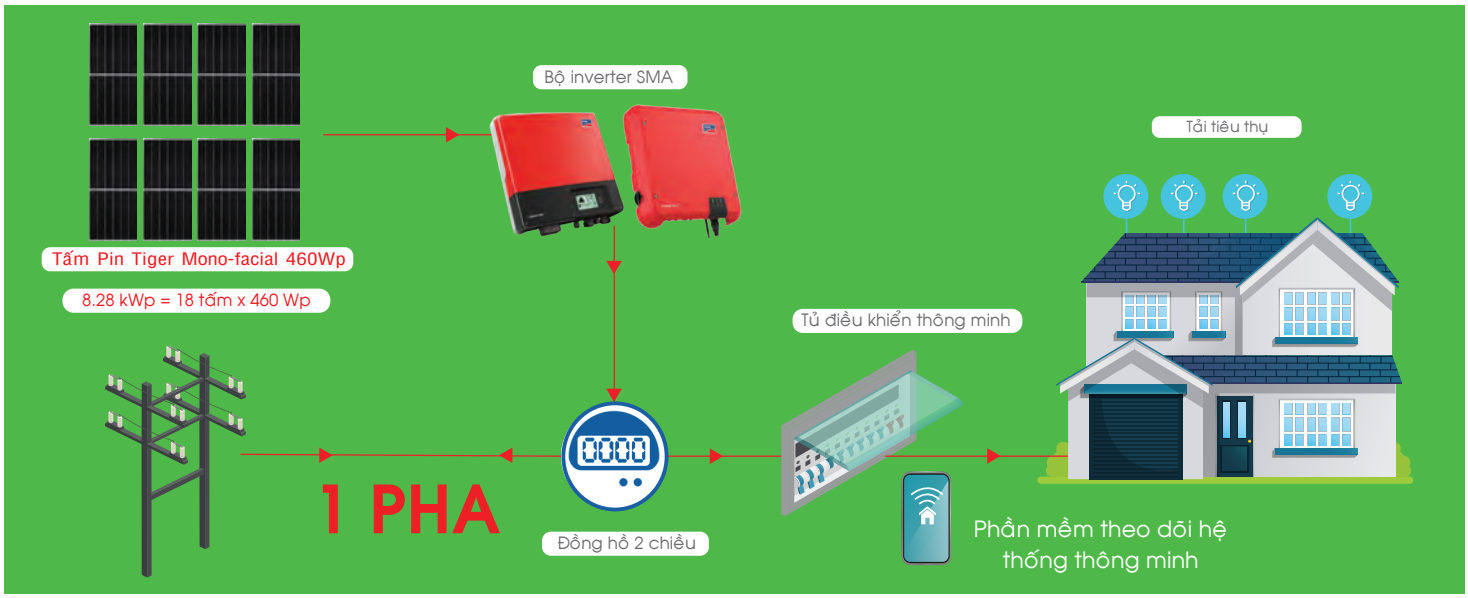
GIÁ TRỌN GÓI (BH 10 năm): 134,2 TRIỆU VNĐ (Đã bao gồm VAT, chi phí vận chuyển và lắp đặt)

Sản phẩm	Thông số chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng	Bảo hành
Tấm Pin Tiger Mono-facial 460Wp 	- Tấm pin JinKO - Model: Tiger Mono-facial (JKM460-7RL3-V) - Kích thước: 2182 x 1029 x 40mm - Trọng lượng: 26.1 kg - Mặt trước: Kính cường lực 3.2mm - Khung: Hợp kim Nhôm Anod - Hộp nối: IP67 - Cáp DC: 1x 4.0mm2 - Công suất: 460Wp - Điện áp ở công suất cực đại: 43.08VDC - Dòng điện ở công suất cực đại: 10.68A - Điện áp hở mạch: 51.7VDC - Dòng điện ngắn mạch: 11.5A - Hiệu suất chuyển đổi quang năng: 20.49% - Nhiệt độ làm việc: âm 40^{0}C đến 85^{0}C - Dung sai công suất: 0~+3%	Tấm	12	5 năm/10 năm
Inverter 	- Inverter SMA - Model: SB-5.0-1AV - Công suất đầu vào tối đa: 7500Wp - Điện áp DC đầu vào tối đa: 600V - Công suất đầu ra tối đa (230V/50Hz): 5000W - Điện áp AC: 230V - Dòng AC max: 22A - Hiệu suất chuyển đổi MAX/tiêu chuẩn EU: 97% / 96.5% - Kết nối PC, máy tính bảng, smart phone theo dõi số liệu kỹ thuật	Bộ	1	5 năm/10 năm
Khung, giá đỡ 	- Kẹp, thanh ray Schletter - Đức	Bộ	1	5 năm/10 năm
Dây cáp DC 	- Cáp DC tiêu chuẩn Châu Âu	Bộ	1	5 năm/10 năm
- Hệ thống đã bao gồm tủ điều khiển: Vỏ tủ, MCB, cầu chì, cáp AC		Bộ	1	5 năm/10 năm

Trong một số trường hợp đặc biệt, công ty sẽ khảo sát và báo giá cụ thể theo thực tế

Quý khách sử dụng Pin 390Wp (JKM390M-72) sẽ giảm 5%

HỆ THỐNG ĐIỆN MẶT TRỜI 8.28 kWp 1 PHA



GIÁ TRỌN GÓI (BH 5 năm): 195,8 TRIỆU VNĐ (Đã bao gồm VAT, chi phí vận chuyển và lắp đặt)

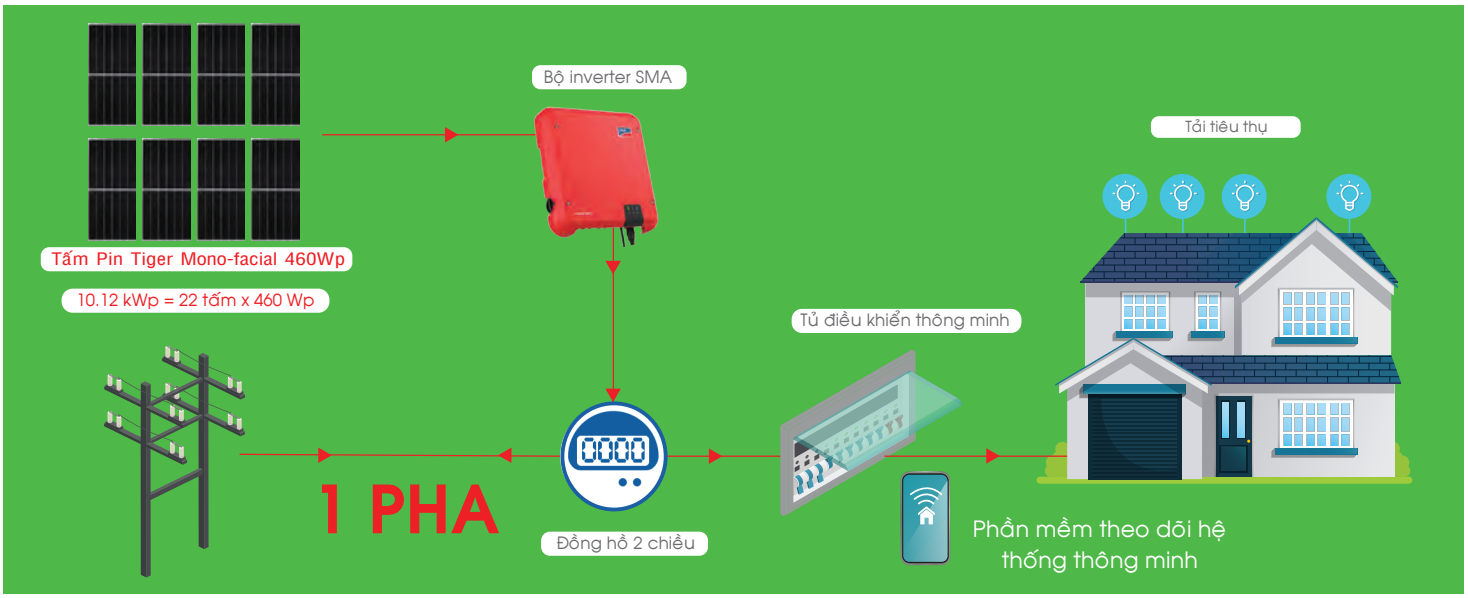
GIÁ TRỌN GÓI (BH 10 năm): 206,8 TRIỆU VNĐ (Đã bao gồm VAT, chi phí vận chuyển và lắp đặt)

Sản phẩm	Thông số chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng	Bảo hành
Tấm Pin Tiger Mono-facial 460Wp 	- Tấm pin JinKO - Model: Tiger Mono-facial (JKM460-7RL3-V) - Kích thước: 2182 x 1029 x 40mm - Trọng lượng: 26.1 kg - Mặt trước: Kính cường lực 3.2mm - Khung: Hợp kim Nhôm Anod - Hộp nối: IP67 - Cáp DC: 1x 4.0mm2 - Công suất: 460Wp - Điện áp ở công suất cực đại: 43.08VDC - Dòng điện ở công suất cực đại: 10.68A - Điện áp hở mạch: 51.7VDC - Dòng điện ngắn mạch: 11.5A - Hiệu suất chuyển đổi quang năng: 20.49% - Nhiệt độ làm việc: âm 40^{0}C đến 85^{0}C - Dung sai công suất: 0~+3%	Tấm	18	5 năm/10 năm
Inverter 	- Inverter SMA - Model: SB-3000TL + SB-5.0-1AV - Công suất đầu vào tối đa: 10700Wp - Điện áp DC đầu vào tối đa: 600V - Công suất đầu ra tối đa (230V/50Hz): 8000W - Điện áp AC: 230V - Dòng AC max: 48A - Hiệu suất chuyển đổi MAX/tiêu chuẩn EU: 97% / 96,5% - Kết nối PC, máy tính bảng, smart phone theo dõi số liệu kỹ thuật	Bộ	1	5 năm/10 năm
Khung, giá đỡ 	- Kẹp, thanh ray Schletter - Đức	Bộ	1	5 năm/10 năm
Dây cáp DC 	- Cáp DC tiêu chuẩn Châu Âu	Bộ	1	5 năm/10 năm
- Hệ thống đã bao gồm tủ điều khiển: Vỏ tủ, MCB, cầu chì, cáp AC		Bộ	1	5 năm/10 năm

Trong một số trường hợp đặc biệt, công ty sẽ khảo sát và báo giá cụ thể theo thực tế

Quý khách sử dụng Pin 390Wp (JKM390M-72) sẽ giảm 5%

HỆ THỐNG ĐIỆN MẶT TRỜI 10.12 kWp 1 PHA



GIÁ TRỌN GÓI (BH 5 năm): 228,8 TRIỆU VNĐ (Đã bao gồm VAT, chi phí vận chuyển và lắp đặt)

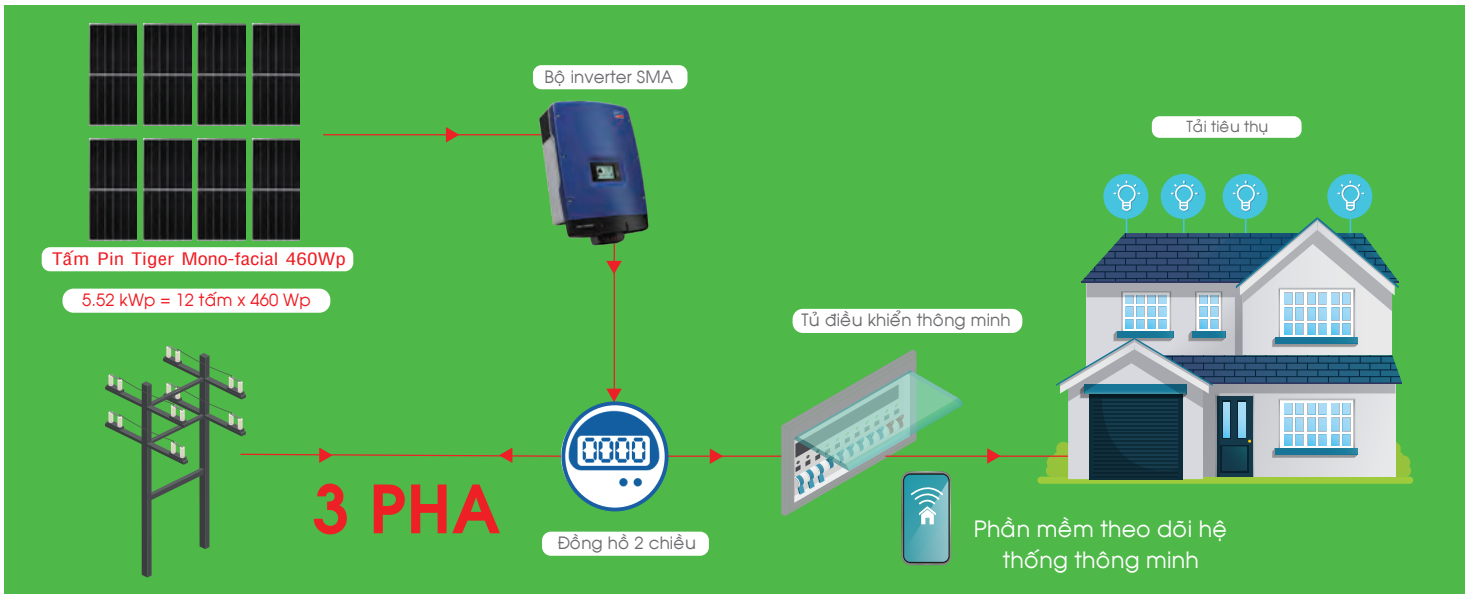
GIÁ TRỌN GÓI (BH 10 năm): 240,9 TRIỆU VNĐ (Đã bao gồm VAT, chi phí vận chuyển và lắp đặt)

Sản phẩm	Thông số chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng	Bảo hành
Tấm Pin Tiger Mono-facial 460Wp 	- Tấm pin JinKO - Model: Tiger Mono-facial (JKM460-7RL3-V) - Kích thước: 2182 x 1029 x 40mm - Trọng lượng: 26.1 kg - Mặt trước: Kính cường lực 3.2mm - Khung: Hợp kim Nhôm Anod - Hộp nối: IP67 - Cáp DC: 1x 4.0mm2 - Công suất: 460Wp - Điện áp ở công suất cực đại: 43.08VDC - Dòng điện ở công suất cực đại: 10.68A - Điện áp hở mạch: 51.7VDC - Dòng điện ngắn mạch: 11.5A - Hiệu suất chuyển đổi quang năng: 20.49% - Nhiệt độ làm việc: âm 40°C đến 85°C - Dung sai công suất: 0~+3%	Tấm	22	5 năm/10 năm
Inverter 	- Inverter SMA - Model: SB-5.0-1AV - Công suất đầu vào tối đa: 15000Wp - Điện áp DC đầu vào tối đa: 600V - Công suất đầu ra tối đa (230V/50Hz): 10000W - Điện áp AC: 230V - Dòng AC max: 44A - Hiệu suất chuyển đổi MAX/tiêu chuẩn EU: 97% / 96% - Kết nối PC, máy tính bảng, smart phone theo dõi số liệu kỹ thuật	Bộ	2	5 năm/10 năm
Khung, giá đỡ 	- Kẹp, thanh ray Schletter - Đức	Bộ	1	5 năm/10 năm
Dây cáp DC 	- Cáp DC tiêu chuẩn Châu Âu	Bộ	1	5 năm/10 năm
- Hệ thống đã bao gồm tủ điều khiển: Vỏ tủ, MCB, cầu chì, cáp AC		Bộ	1	5 năm/10 năm

Trong một số trường hợp đặc biệt, công ty sẽ khảo sát và báo giá cụ thể theo thực tế

Quý khách sử dụng Pin 390Wp (JKM390M-72) sẽ giảm 5%

HỆ THỐNG ĐIỆN MẶT TRỜI 5.52 kWp 3 PHA



GIÁ TRỌN GÓI (BH 5 năm): 136,4 TRIỆU VNĐ (Đã bao gồm VAT, chi phí vận chuyển và lắp đặt)

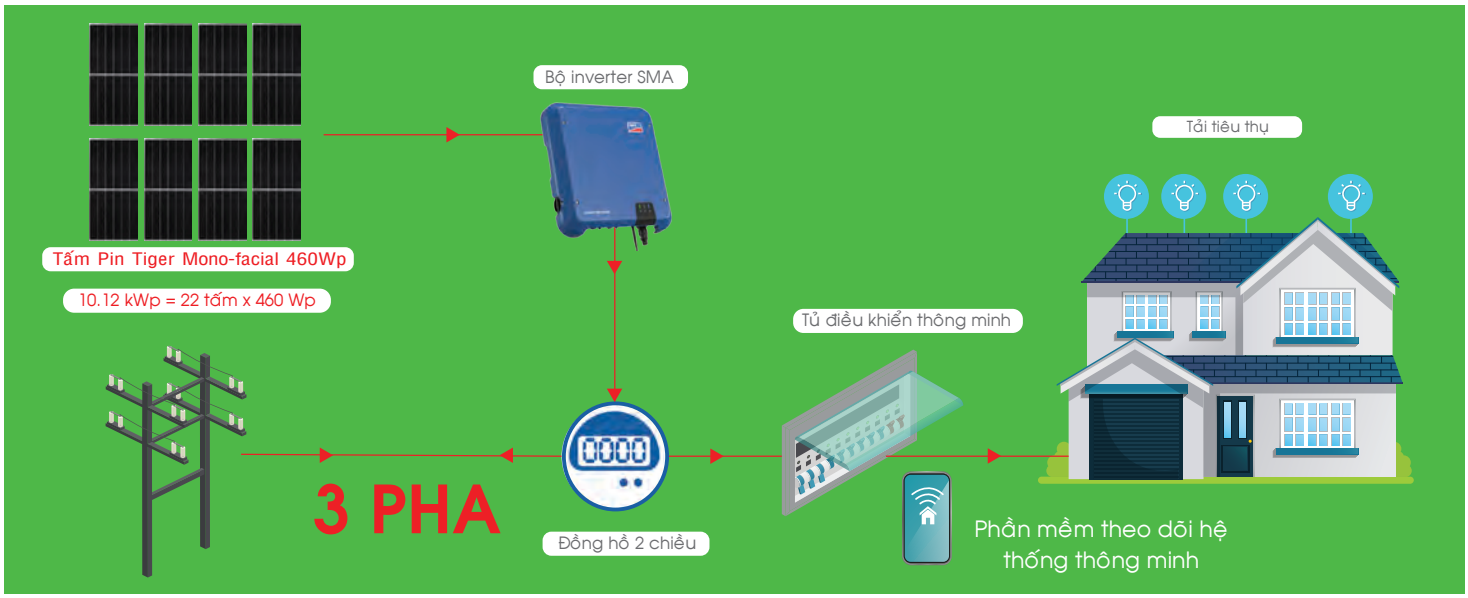
GIÁ TRỌN GÓI (BH 10 năm): 143 TRIỆU VNĐ (Đã bao gồm VAT, chi phí vận chuyển và lắp đặt)

Sản phẩm	Thông số chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng	Bảo hành
Tấm Pin Tiger Mono-facial 460Wp 	- Tấm pin JinKO - Model: Tiger Mono-facial (JKM460-7RL3-V) - Kích thước: 2182 x 1029 x 40mm - Trọng lượng: 26.1 kg - Mặt trước: Kính cường lực 3.2mm - Khung: Hợp kim Nhôm Anod - Hộp nối: IP67 - Cáp DC: 1x 4.0mm2 - Công suất: 460Wp - Điện áp ở công suất cực đại: 43.08VDC - Dòng điện ở công suất cực đại: 10.68A - Điện áp hở mạch: 51.7VDC - Dòng điện ngắn mạch: 11.5A - Hiệu suất chuyển đổi quang năng: 20.49% - Nhiệt độ làm việc: âm 40^{0}C đến 85^{0}C - Dung sai công suất: 0~+3%	Tấm	12	5 năm/10 năm
Inverter 	- Inverter SMA - Model: STP-5000TL - Công suất đầu vào tối đa: 9000Wp - Điện áp DC đầu vào tối đa: 850VDC - Công suất đầu ra tối đa (400V/50Hz): 5000W - Điện áp AC: 230/400V - Dòng AC max: 3x7.6A - Hiệu suất chuyển đổi MAX/tiêu chuẩn EU: 98,2% / 97.4% - Kết nối PC, máy tính bảng, smart phone theo dõi số liệu kỹ thuật	Bộ	1	5 năm/10 năm
Khung, giá đỡ 	- Kẹp, thanh ray Schletter - Đức	Bộ	1	5 năm/10 năm
Dây cáp DC 	- Cáp DC tiêu chuẩn Châu Âu	Bộ	1	5 năm/10 năm
- Hệ thống đã bao gồm tủ điều khiển: Vỏ tủ, MCB, cầu chì, cáp AC		Bộ	1	5 năm/10 năm

Trong một số trường hợp đặc biệt, công ty sẽ khảo sát và báo giá cụ thể theo thực tế

Quý khách sử dụng Pin 390Wp (JKM390M-72) sẽ giảm 5%

HỆ THỐNG ĐIỆN MẶT TRỜI 10.12 kWp 3 PHA



GIÁ TRỌN GÓI (BH 5 năm): 243,1 TRIỆU VNĐ (Đã bao gồm VAT, chi phí vận chuyển và lắp đặt)

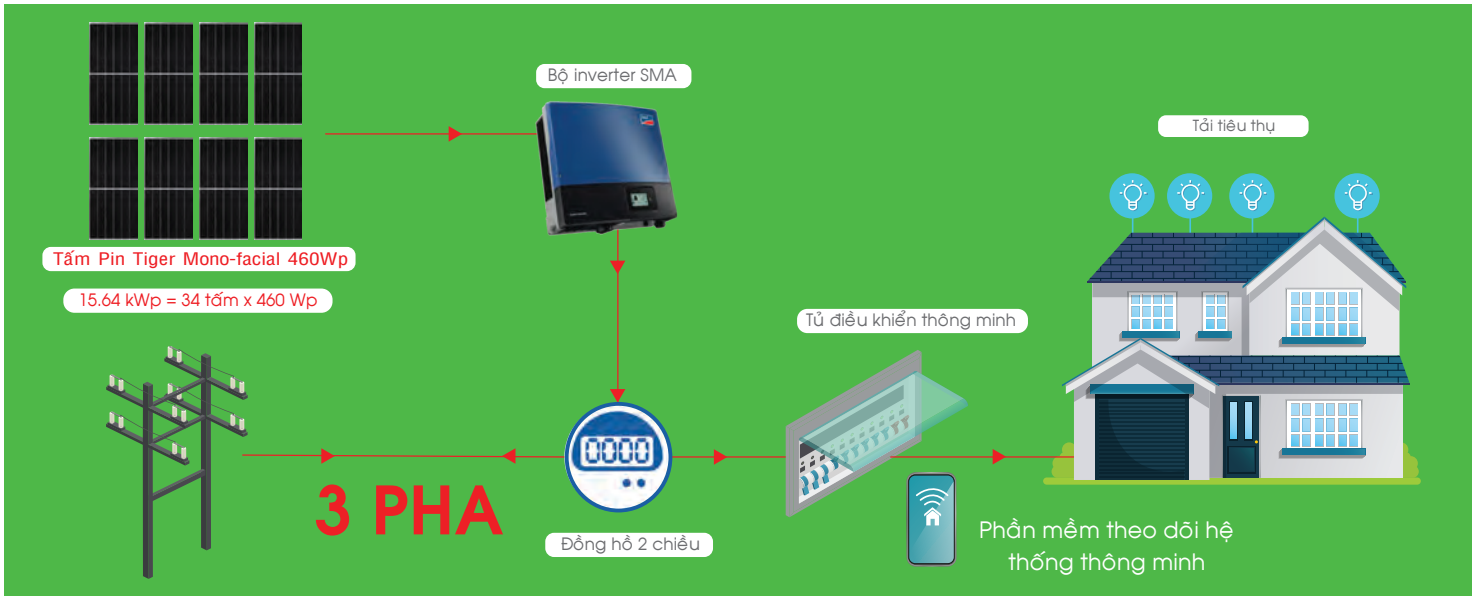
GIÁ TRỌN GÓI (BH 10 năm): 251,9 TRIỆU VNĐ (Đã bao gồm VAT, chi phí vận chuyển và lắp đặt)

Sản phẩm	Thông số chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng	Bảo hành
Tấm Pin Tiger Mono-facial 460Wp 	- Tấm pin JinKO - Model: Tiger Mono-facial (JKM460-7RL3-V) - Kích thước: 2182 x 1029 x 40mm - Trọng lượng: 26.1 kg - Mặt trước: Kính cường lực 3.2mm - Khung: Hợp kim Nhôm Anod - Hộp nối: IP67 - Cáp DC: 1x 4.0mm2 - Công suất: 460Wp - Điện áp ở công suất cực đại: 43.08VDC - Dòng điện ở công suất cực đại: 10.68A - Điện áp hở mạch: 51.7VDC - Dòng điện ngắn mạch: 11.5A - Hiệu suất chuyển đổi quang năng: 20.49% - Nhiệt độ làm việc: âm 40^{0}C đến 85^{0}C - Dung sai công suất: 0~+3%	Tấm	22	5 năm/10 năm
	- Inverter SMA - Model: STP-10.0-3AV - Công suất đầu vào tối đa: 15000Wp - Điện áp DC đầu vào tối đa: 1000VDC - Công suất đầu ra tối đa (400V/50Hz): 10000W - Điện áp AC: 230/400V - Dòng AC max: 3x14.5A - Hiệu suất chuyển đổi MAX/tiêu chuẩn EU: 98,3% / 98% - Kết nối PC, máy tính bảng, smart phone theo dõi số liệu kỹ thuật	Bộ	1	5 năm/10 năm
Khung, giá đỡ 	- Kẹp, thanh ray Schletter - Đức	Bộ	1	5 năm/10 năm
	- Cáp DC tiêu chuẩn Châu Âu	Bộ	1	5 năm/10 năm
- Hệ thống đã bao gồm tủ điều khiển: Vỏ tủ, MCB, cầu chì, cáp AC		Bộ	1	5 năm/10 năm

Trong một số trường hợp đặc biệt, công ty sẽ khảo sát và báo giá cụ thể theo thực tế

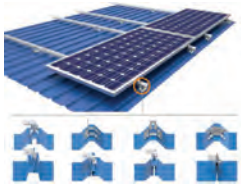
Quý khách sử dụng Pin 390Wp (JKM390M-72) sẽ giảm 5%

HỆ THỐNG ĐIỆN MẶT TRỜI 15.64 kWp 3 PHA



GIÁ TRỌN GÓI (BH 5 năm): 342,1 TRIỆU VNĐ (Đã bao gồm VAT, chi phí vận chuyển và lắp đặt)

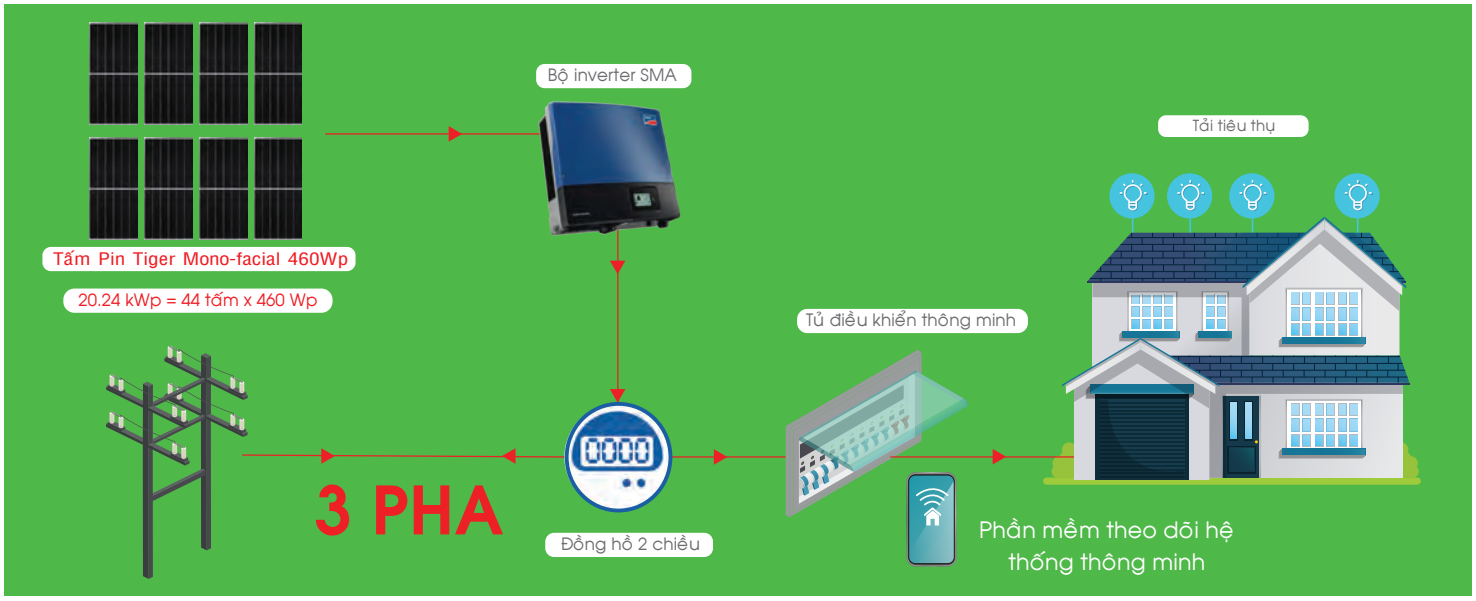
GIÁ TRỌN GÓI (BH 10 năm): 353,1 TRIỆU VNĐ (Đã bao gồm VAT, chi phí vận chuyển và lắp đặt)

Sản phẩm	Thông số chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng	Bảo hành
Tấm Pin Tiger Mono-facial 460Wp 	- Tấm pin JinKO - Model: Tiger Mono-facial (JKM460-7RL3-V) - Kích thước: 2182 x 1029 x 40mm - Trọng lượng: 26.1 kg - Mặt trước: Kính cường lực 3.2mm - Khung: Hợp kim Nhôm Anod - Hộp nối: IP67 - Cáp DC: 1x 4.0mm2 - Công suất: 460Wp - Điện áp ở công suất cực đại: 43.08VDC - Dòng điện ở công suất cực đại: 10.68A - Điện áp hở mạch: 51.7VDC - Dòng điện ngắn mạch: 11.5A - Hiệu suất chuyển đổi quang năng: 20.49% - Nhiệt độ làm việc: âm 40°C đến 85°C - Dung sai công suất: 0~+3%	Tấm	34	5 năm/10 năm
Inverter 	- Inverter SMA - Model: STP-15000TL - Công suất đầu vào tối đa: 27000Wp - Điện áp DC đầu vào tối đa: 1000V - Công suất đầu ra tối đa (400V/50Hz): 15000W - Điện áp AC: 230/400V - Dòng AC max: 29A - Hiệu suất chuyển đổi MAX/tiêu chuẩn EU: 98.4% / 98% - Kết nối PC, máy tính bảng, smart phone theo dõi số liệu kỹ thuật	Bộ	1	5 năm/10 năm
Khung, giá đỡ 	- Kẹp, thanh ray Schletter - Đức	Bộ	1	5 năm/10 năm
Dây cáp DC 	- Cáp DC tiêu chuẩn Châu Âu	Bộ	1	5 năm/10 năm
- Hệ thống đã bao gồm tủ điều khiển: Vỏ tủ, MCB, cầu chì, cáp AC		Bộ	1	5 năm/10 năm

Trong một số trường hợp đặc biệt, công ty sẽ khảo sát và báo giá cụ thể theo thực tế

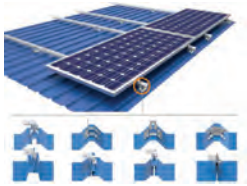
Quý khách sử dụng Pin 390Wp (JKM390M-72) sẽ giảm 5%

HỆ THỐNG ĐIỆN MẶT TRỜI 20.24 kWp 3 PHA



GIÁ TRỌN GÓI (BH 5 năm): 462 TRIỆU VNĐ (Đã bao gồm VAT, chi phí vận chuyển và lắp đặt)

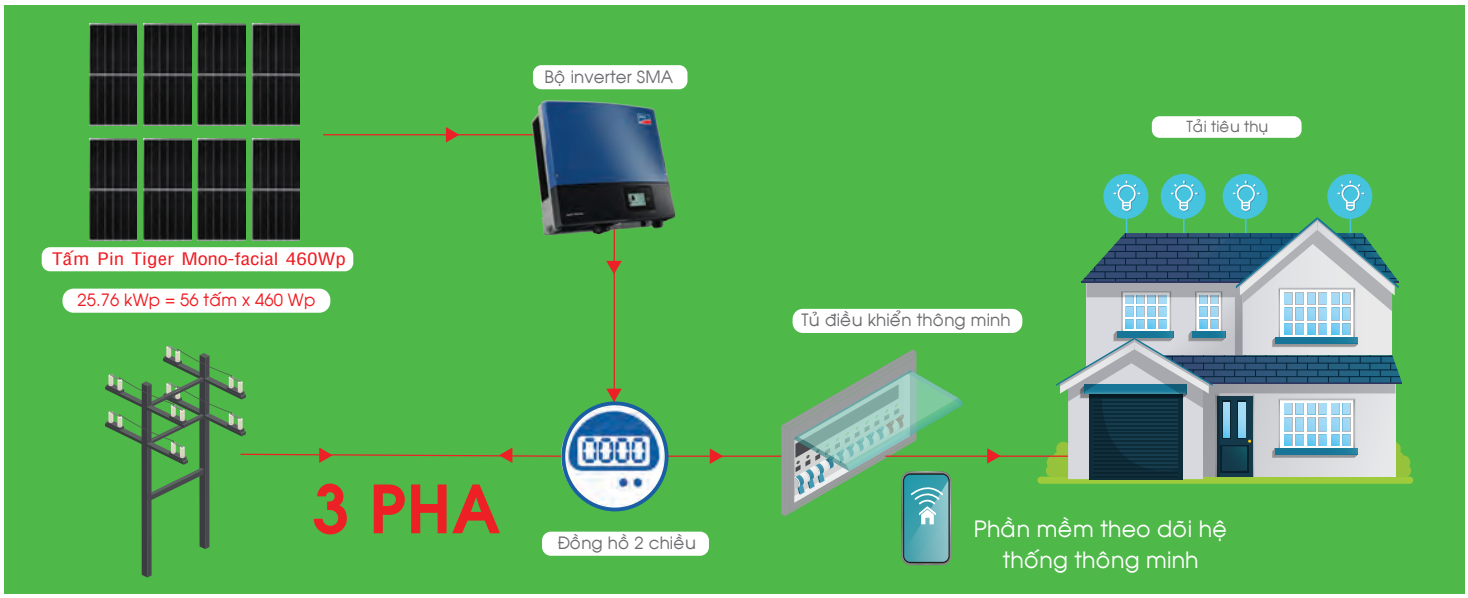
GIÁ TRỌN GÓI (BH 10 năm): 476,3 TRIỆU VNĐ (Đã bao gồm VAT, chi phí vận chuyển và lắp đặt)

Sản phẩm	Thông số chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng	Bảo hành
Tấm Pin Tiger Mono-facial 460Wp 	- Tấm pin JinKO - Model: Tiger Mono-facial (JKM460-7RL3-V) - Kích thước: 2182 x 1029 x 40mm - Trọng lượng: 26.1 kg - Mặt trước: Kính cường lực 3.2mm - Khung: Hợp kim Nhôm Anod - Hộp nối: IP67 - Cáp DC: 1x 4.0mm2 - Công suất: 460Wp - Điện áp ở công suất cực đại: 43.08VDC - Dòng điện ở công suất cực đại: 10.68A - Điện áp hở mạch: 51.7VDC - Dòng điện ngắn mạch: 11.5A - Hiệu suất chuyển đổi quang năng: 20.49% - Nhiệt độ làm việc: âm 40°C đến 85°C - Dung sai công suất: 0~+3%	Tấm	44	5 năm/10 năm
Inverter 	- Inverter SMA - Model: STP-20000TL - Công suất đầu vào tối đa: 36000Wp - Điện áp DC đầu vào tối đa: 1000V - Công suất đầu ra tối đa (400V/50Hz): 20000W - Điện áp AC: 230/400V - Dòng AC max: 29A - Hiệu suất chuyển đổi MAX/tiêu chuẩn EU: 98.4% / 98% - Kết nối PC, máy tính bảng, smart phone theo dõi số liệu kỹ thuật	Bộ	1	5 năm/10 năm
Khung, giá đỡ 	- Kẹp, thanh ray Schletter - Đức	Bộ	1	5 năm/10 năm
Dây cáp DC 	- Cáp DC tiêu chuẩn Châu Âu	Bộ	1	5 năm/10 năm
- Hệ thống đã bao gồm tủ điều khiển: Vỏ tủ, MCB, cầu chì, cáp AC		Bộ	1	5 năm/10 năm

Trong một số trường hợp đặc biệt, công ty sẽ khảo sát và báo giá cụ thể theo thực tế

Quý khách sử dụng Pin 390Wp (JKM390M-72) sẽ giảm 5%

HỆ THỐNG ĐIỆN MẶT TRỜI 25.76 kWp 3 PHA



GIÁ TRỌN GÓI (BH 5 năm): 519,2 TRIỆU VNĐ (Đã bao gồm VAT, chi phí vận chuyển và lắp đặt)

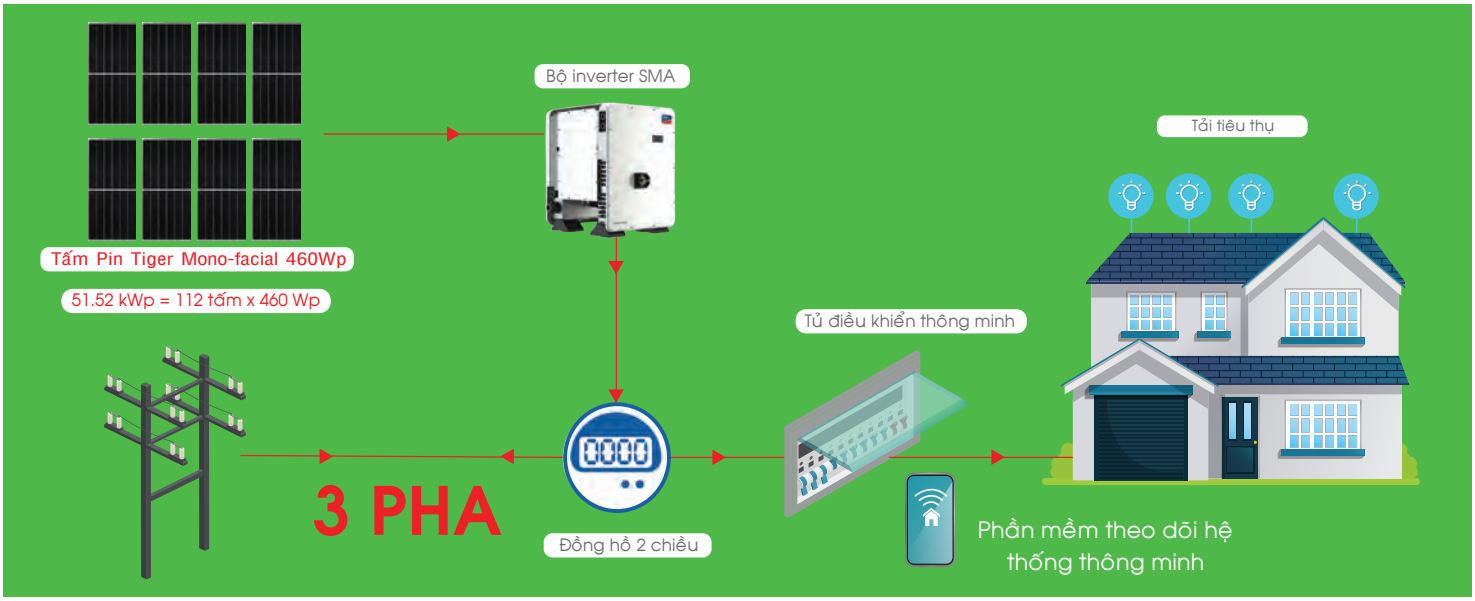
GIÁ TRỌN GÓI (BH 10 năm): 532,4 TRIỆU VNĐ (Đã bao gồm VAT, chi phí vận chuyển và lắp đặt)

Sản phẩm	Thông số chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng	Bảo hành
Tấm Pin Tiger Mono-facial 460Wp 	- Tấm pin JinKO - Model: Tiger Mono-facial (JKM460-7RL3-V) - Kích thước: 2182 x 1029 x 40mm - Trọng lượng: 26.1 kg - Mặt trước: Kính cường lực 3.2mm - Khung: Hợp kim Nhôm Anod - Hộp nối: IP67 - Cáp DC: 1x 4.0mm2 - Công suất: 460Wp - Điện áp ở công suất cực đại: 43.08VDC - Dòng điện ở công suất cực đại: 10.68A - Điện áp hở mạch: 51.7VDC - Dòng điện ngắn mạch: 11.5A - Hiệu suất chuyển đổi quang năng: 20.49% - Nhiệt độ làm việc: âm 40^{0}C đến 85^{0}C - Dung sai công suất: 0~+3%	Tấm	56	5 năm/10 năm
Inverter 	- Inverter SMA - Model: STP-25000TL - Công suất đầu vào tối đa: 45000Wp - Điện áp DC đầu vào tối đa: 1000V - Công suất đầu ra tối đa (400V/50Hz): 25000W - Điện áp AC: 230/400V - Dòng AC max: 36.2A - Hiệu suất chuyển đổi MAX/tiêu chuẩn EU: 98.3% / 98.1% - Kết nối PC, máy tính bảng, smart phone theo dõi số liệu kỹ thuật	Bộ	1	5 năm/10 năm
Khung, giá đỡ 	- Kẹp, thanh ray Schletter - Đức	Bộ	1	5 năm/10 năm
Dây cáp DC 	- Cáp DC tiêu chuẩn Châu Âu	Bộ	1	5 năm/10 năm
- Hệ thống đã bao gồm tủ điều khiển: Vỏ tủ, MCB, cầu chì, cáp AC		Bộ	1	5 năm/10 năm

Trong một số trường hợp đặc biệt, công ty sẽ khảo sát và báo giá cụ thể theo thực tế

Quý khách sử dụng Pin 390Wp (JKM390M-72) sẽ giảm 5%

HỆ THỐNG ĐIỆN MẶT TRỜI 51.52 kWp 3 PHA



GIÁ TRỌN GÓI (BH 5 năm): 1 TỶ 014,2 TRIỆU VNĐ (Đã bao gồm VAT, chi phí vận chuyển và lắp đặt)

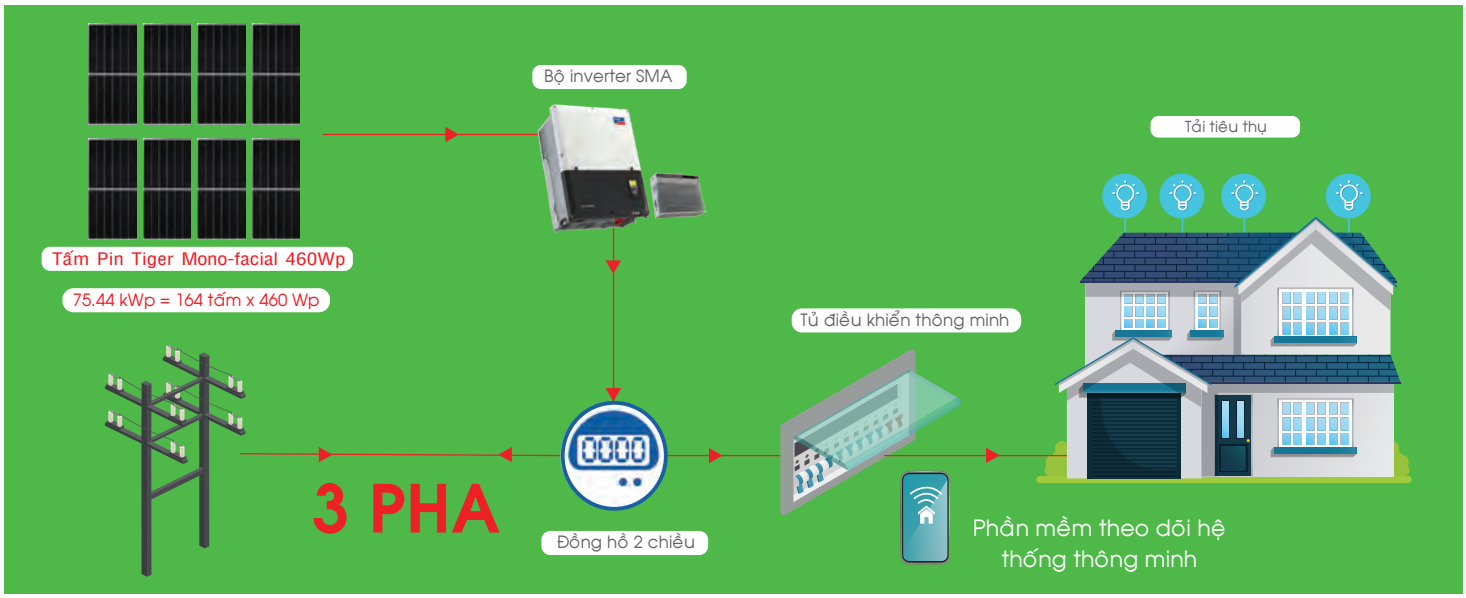
GIÁ TRỌN GÓI (BH 10 năm): 1 TỶ 031,8 TRIỆU VNĐ (Đã bao gồm VAT, chi phí vận chuyển và lắp đặt)

Sản phẩm	Thông số chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng	Bảo hành
Tấm Pin Tiger Mono-facial 460Wp 	- Tấm pin JinKO - Model: Tiger Mono-facial (JKM460-7RL3-V) - Kích thước: 2182 x 1029 x 40mm - Trọng lượng: 26.1 kg - Mặt trước: Kính cường lực 3.2mm - Khung: Hợp kim Nhôm Anod - Hộp nối: IP67 - Cáp DC: 1x 4.0mm2 - Công suất: 460Wp - Điện áp ở công suất cực đại: 43.08VDC - Dòng điện ở công suất cực đại: 10.68A - Điện áp hở mạch: 51.7VDC - Dòng điện ngắn mạch: 11.5A - Hiệu suất chuyển đổi quang năng: 20.49% - Nhiệt độ làm việc: âm 40°C đến 85°C - Dung sai công suất: 0~+3%	Tấm	112	5 năm/10 năm
Inverter 	- Inverter SMA - Model: STP50-40 - Công suất đầu vào tối đa: 75000Wp - Điện áp DC đầu vào tối đa: 1000V - Công suất đầu ra tối đa (400V/50Hz): 50000W - Điện áp AC: 230/400V - Dòng AC max: 72.5A - Hiệu suất chuyển đổi MAX/tiêu chuẩn EU: 98.1% / 97.8% - Kết nối PC, máy tính bảng, smart phone theo dõi số liệu kỹ thuật	Bộ	1	5 năm/10 năm
Khung, giá đỡ 	- Kẹp, thanh ray Schletter - Đức	Bộ	1	5 năm/10 năm
Dây cáp DC 	- Cáp DC tiêu chuẩn Châu Âu	Bộ	1	5 năm/10 năm
- Hệ thống đã bao gồm tủ điều khiển: Vỏ tủ, MCB, cầu chì, cáp AC		Bộ	1	5 năm/10 năm

Trong một số trường hợp đặc biệt, công ty sẽ khảo sát và báo giá cụ thể theo thực tế

Quý khách sử dụng Pin 390Wp (JKM390M-72) sẽ giảm 5%

HỆ THỐNG ĐIỆN MẶT TRỜI 75.44 kWp 3 PHA



GIÁ TRỌN GÓI (BH 5 năm): 1 TỶ 489,4 TRIỆU VNĐ (Đã bao gồm VAT, chi phí vận chuyển và lắp đặt)
GIÁ TRỌN GÓI (BH 10 năm): 1 TỶ 518 TRIỆU VNĐ (Đã bao gồm VAT, chi phí vận chuyển và lắp đặt)

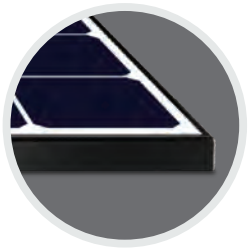
Sản phẩm	Thông số chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng	Bảo hành
Tấm Pin Tiger Mono-facial 460Wp 	- Tấm pin JinKO - Model: Tiger Mono-facial (JKM460-7RL3-V) - Kích thước: 2182 x 1029 x 40mm - Trọng lượng: 26.1 kg - Mặt trước: Kính cường lực 3.2mm - Khung: Hợp kim Nhôm Anod - Hộp nối: IP67 - Cáp DC: 1x 4.0mm2 - Công suất: 460Wp - Điện áp ở công suất cực đại: 43.08VDC - Dòng điện ở công suất cực đại: 10.68A - Điện áp hở mạch: 51.7VDC - Dòng điện ngắn mạch: 11.5A - Hiệu suất chuyển đổi quang năng: 20.49% - Nhiệt độ làm việc: âm 40°C đến 85°C - Dung sai công suất: 0~+3%	Tấm	164	5 năm/10 năm
Inverter 	- Inverter SMA - Model: SHP75-10 - Công suất đầu vào tối đa: 112500Wp - Điện áp DC đầu vào tối đa: 1000V - Công suất đầu ra tối đa (400V/50Hz): 75000W - Điện áp AC: 230/400V - Dòng AC max: 109A - Hiệu suất chuyển đổi MAX/tiêu chuẩn EU: 98.8% / 98.2% - Kết nối PC, máy tính bảng, smart phone theo dõi số liệu kỹ thuật	Bộ	1	5 năm/10 năm
Khung, giá đỡ 	- Kẹp, thanh ray Schletter - Đức	Bộ	1	5 năm/10 năm
Dây cáp DC 	- Cáp DC tiêu chuẩn Châu Âu	Bộ	1	5 năm/10 năm
- Hệ thống đã bao gồm tủ điều khiển: Vỏ tủ, MCB, cầu chì, cáp AC		Bộ	1	5 năm/10 năm

Trong một số trường hợp đặc biệt, công ty sẽ khảo sát và báo giá cụ thể theo thực tế
Quý khách sử dụng Pin 390Wp (JKM390M-72) sẽ giảm 5%

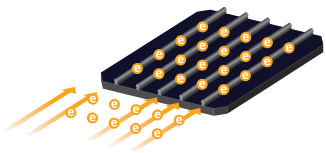
Tấm Pin năng lượng mặt trời

- Các tấm pin Jinko Solar thế hệ mới được ứng dụng công nghệ 9 thanh dẫn và công nghệ Tilling-Ribbon nhằm giảm thiểu tổn hao điện năng và loại bỏ khoảng trống giữa các tế bào quang điện. Qua đó nâng hiệu suất lên đến 20.93% cho tấm pin Mono-facial.
- Với hệ thống 9 thanh dẫn, các tế bào quang điện được chia nhỏ hơn. Công nghệ mới giúp thanh dẫn dạng trụ tròn của Jinko có độ dẻo cao. Nhờ đó hiện tượng vi nứt (micro crack) được hạn chế giúp tăng độ bền và độ tin cậy của tấm pin gấp nhiều lần.
- Jinko Solar hợp tác với DuPont Tedlar (Hoa Kỳ) để tạo ra lớp phủ mặt sau vượt trội về khả năng chống chịu thời tiết. Với nhiều sản phẩm đã được kiểm nghiệm trên 40 năm, lớp phủ mặt sau DuPont Tedlar đảm bảo không bị ố vàng theo thời gian, giảm mức độ gia nhiệt do Mặt Trời, từ đó giảm suy hao công suất mỗi năm chỉ còn 0.6%.
- Sản phẩm của Jinko Solar được bảo hành 12 năm và bảo hành hiệu suất 25 năm. Cam kết bảo hành được chứng nhận bởi đơn vị bảo hiểm uy tín từ Mỹ (Power Guard) và Thụy Sĩ (Ariel Re).

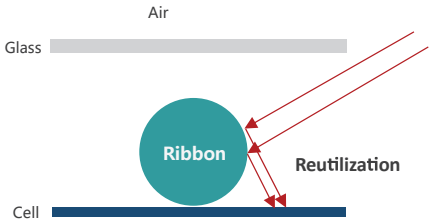




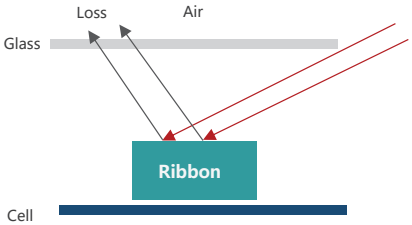
Khung viền làm bằng
hợp kim cao cấp



Số lượng kết nối tăng lên
giúp giảm tổn thất năng lượng



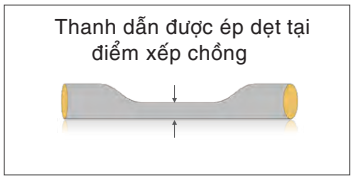
Mô đun Tiger



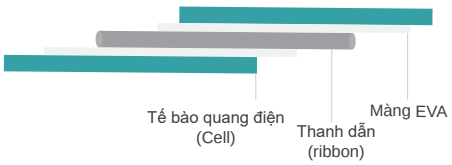
Mô đun thông thường

Solar JinKO

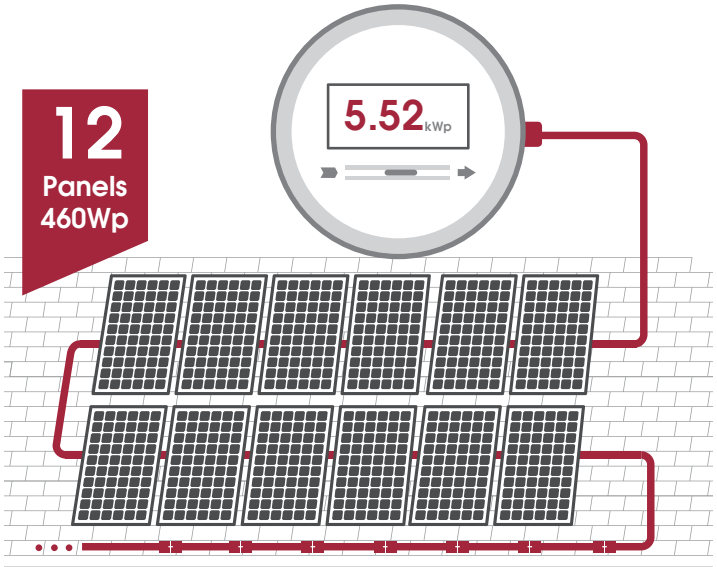




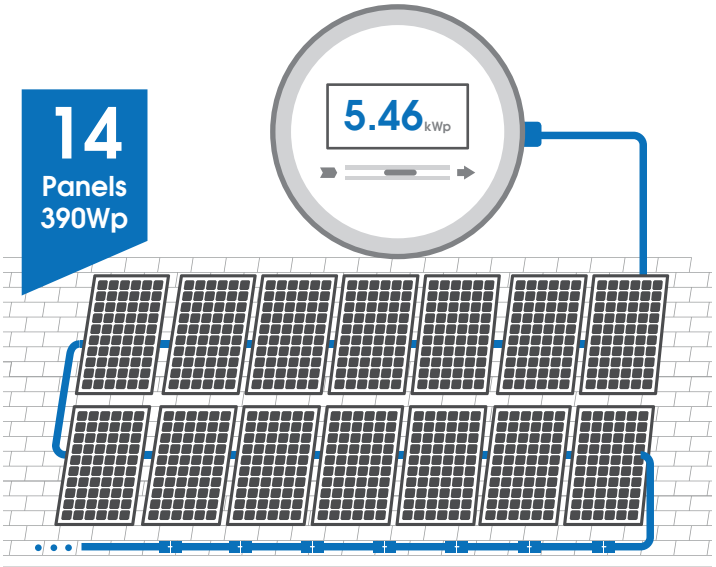
Thanh dẫn độ dẻo cao được ép dẹp
giúp tăng độ bền cơ học của tế bào quang điện



Các thanh dẫn Ribbon trụ tròn
giúp tăng khả năng hấp thụ ánh sáng



Không gian lắp đặt khoảng 27.7m²



Không gian lắp đặt khoảng 29m²

Tấm Pin năng lượng mặt trời

Hình ảnh	Thông số chi tiết		Đơn giá (VNĐ)
	Mã hàng	JKM390M-72-V	4.330.700
	Kích thước	1979x1002x40mm	
	Trọng lượng	22.5 kg	
	Mặt trước	Kính cường lực 3.2mm	
	Khung	Hợp kim Nhôm Anod	
	Hộp nối	IP67	
	Cáp DC	1x4.0mm^2	
	Công suất đỉnh	390Wp	
	Điện áp ở công suất cực đại	41.4VDC	
	Dòng điện ở công suất cực đại	9.49A	
	Điện áp tối đa của hệ thống	1500VDC	
	Dòng lớn nhất của cầu chì bảo vệ	20A	
	Điện áp hở mạch	49.3VDC	
	Dòng điện ngắn mạch	10.12A	
	Hiệu suất chuyển đổi quang năng	19.38%	
	Nhiệt độ làm việc	-40^{0}C ~ 85^{0}C	
	Dung sai công suất	0~+3%	
	Thời gian bảo hành	12 năm	

Cheetah HC 72M-V 390W

Mono PERC module

Positive power tolerance of 0~+3%

- Mono PERC 72 Cell

Giá đã bao gồm VAT 10%

Hình ảnh	Thông số chi tiết		Đơn giá (VNĐ)
	Mã hàng	JKM410M-72H-V	4.897.200
	Kích thước	2008x1002x40mm	
	Trọng lượng	22.5 kg	
	Mặt trước	Kính cường lực 3.2mm	
	Khung	Hợp kim Nhôm Anod	
	Hộp nối	IP67	
	Cáp DC	1x4.0mm^2	
	Công suất đỉnh	410Wp	
	Điện áp ở công suất cực đại	42.3VDC	
	Dòng điện ở công suất cực đại	9.69A	
	Điện áp tối đa của hệ thống	1500VDC	
	Dòng lớn nhất của cầu chì bảo vệ	20A	
	Điện áp hở mạch	50.4VDC	
	Dòng điện ngắn mạch	10.60A	
	Hiệu suất chuyển đổi quang năng	20.38%	
	Nhiệt độ làm việc	-40^{0}C ~ 85^{0}C	
	Dung sai công suất	0~+3%	
	Thời gian bảo hành	12 năm	

Cheetah HC 72M-V 410W

Mono PERC half Cell module

Positive power tolerance of 0~+3%

- Half Cell
- Mono PERC 72 Cell

Giá đã bao gồm VAT 10%

Tấm Pin năng lượng mặt trời

Hình ảnh	Thông số chi tiết		Đơn giá (VNĐ)
 **Cheetah Plus HC 78M 445W** Mono PERC half Cell module Positive power tolerance of 0~+3% - Half Cell - Mono PERC 78 Cell	Mã hàng	JKM445M-78H-V	**5.315.200**
	Kích thước	2167x998x40mm	
	Trọng lượng	24.3 kg	
	Mặt trước	Kính cường lực 3.2mm	
	Khung	Hợp kim Nhôm Anod	
	Hộp nối	IP67	
	Cáp DC	1x4.0mm^2	
	Công suất đỉnh	445Wp	
	Điện áp ở công suất cực đại	43.72VDC	
	Dòng điện ở công suất cực đại	10.18A	
	Điện áp tối đa của hệ thống	1500VDC	
	Dòng lớn nhất của cầu chì bảo vệ	20A	
	Điện áp hở mạch	52.04VDC	
	Dòng điện ngắn mạch	10.84A	
	Hiệu suất chuyển đổi quang năng	20.38%	
	Nhiệt độ làm việc	-40^{0}C ~ 85^{0}C	
	Dung sai công suất	0~+3%	
	Thời gian bảo hành	12 năm	

Giá đã bao gồm VAT 10%

Hình ảnh	Thông số chi tiết		Đơn giá (VNĐ)
 **Tiger Mono-facial 460W** Tiling Ribbon (TR) Technology Positive power tolerance of 0~+3%	Mã hàng	JKM460M-7RL3-V	**5.494.500**
	Kích thước	2182x1029x40mm	
	Trọng lượng	26.1 kg	
	Mặt trước	Kính cường lực 3.2mm	
	Khung	Hợp kim Nhôm Anod	
	Hộp nối	IP67	
	Cáp DC	1x4.0mm^2	
	Công suất đỉnh	460Wp	
	Điện áp ở công suất cực đại	43.08VDC	
	Dòng điện ở công suất cực đại	10.68A	
	Điện áp tối đa của hệ thống	1500VDC	
	Dòng lớn nhất của cầu chì bảo vệ	20A	
	Điện áp hở mạch	51.70VDC	
	Dòng điện ngắn mạch	11.50A	
	Hiệu suất chuyển đổi quang năng	20.49%	
	Nhiệt độ làm việc	-40^{0}C ~ 85^{0}C	
	Dung sai công suất	0~+3%	
	Thời gian bảo hành	12 năm	

Giá đã bao gồm VAT 10%

Thiết bị Inverter SMA

Bộ chuyển đổi Inverter	Mã hàng Model	Số pha	Công suất đầu ra AC	Điện áp đầu vào DC	Đơn giá (VNĐ)	
					Bảo hành 5 năm	Bảo hành 10 năm
	SB-3000TL	1 pha	3000W	750 VDC	31.350.000	36.300.000
	SB-5.0-1AV	1 pha	5000W	600 VDC	40.150.000	46.200.000
	STP-5000TL	3 pha	5000W	1000 VDC	50.600.000	57.200.000
	STP-10.0-3AV	3 pha	10.000W	1000 VDC	74.800.000	83.600.000
	STP-15000TL	3 pha	15.000W	1000 VDC	95.700.000	106.700.000
	STP-20000TL	3 pha	20.000W	1000 VDC	101.750.000	115.500.000
	STP-25000TL	3 pha	25.000W	1000 VDC	104.500.000	117.700.000
	STP50-40	3 pha	50.000W	1000 VDC	177.100.000	194.700.000
	SHP75-10	3 pha	75.000W	1000 VDC	181.500.000	205.700.000
	STP110-60	3 pha	110.000W	1000 VDC	264.000.000	299.200.000

Phụ kiện Inverter	Mã hàng Model	Diễn giải	Bảo hành 5 năm	Bảo hành 10 năm
	IM-20	**Inverter Manager (Dùng cho Inverter 75kW & 110kW)** - Số lượng inverter : 200 bộ - Cổng kết nối dữ liệu : 2xRJ45, 1xUSB 2.0 (Type A), LAN - Công suất tiêu thụ : 4W - Tiêu chuẩn bảo vệ : IP20 - Trọng lượng : 220g - Lắp đặt trong nhà	97.900.000	116.600.000
	DCC-14	**DC Combinerbox (Dùng cho Inverter 75kW)** - Số cổng đầu vào : 14 - Số cổng đầu ra : 1 - Điện áp ngõ vào tối đa : 1000V DC - Kích thước : 600x600x225mm	35.200.000	40.700.000
	EDMM-10	**Data Manager (Dùng cho Inverter 110kW)** - Số lượng inverter : 50 bộ - Công suất tối đa : 2.5MW - Cổng kết nối dữ liệu : 2xRJ45, 1xUSB 2.0 (Type A), WLAN - Công suất tiêu thụ : 4W - Tiêu chuẩn bảo vệ : IP20 - Trọng lượng : 220g - Lắp đặt trong nhà	40.700.000	46.200.000

Giá đã bao gồm VAT 10%

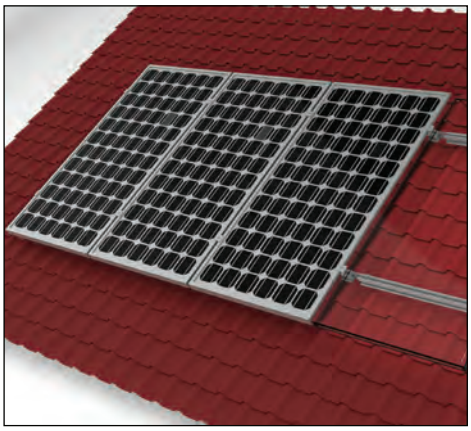
Khung, giá đỡ Solar

Ứng dụng từng loại

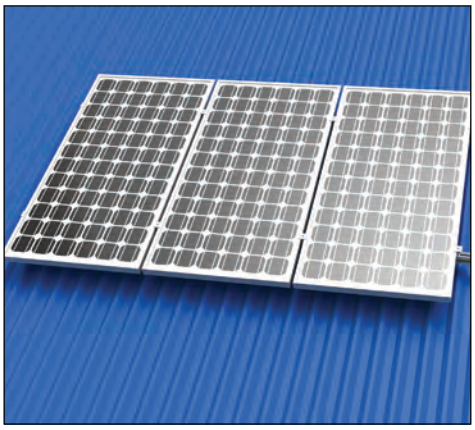
Vật liệu: nhôm định hình, sắt mạ kẽm, tôn kẽm, sơn kẽm, sơn Epoxy, Inox



1. Khung lắp đặt trên mái bằng



2. Khung lắp đặt trên mái ngói



3. Khung lắp đặt trên mái tole

Căn cứ từng khu vực lắp đặt cụ thể, từ đó phần mềm tính toán hướng và góc phù hợp.
Căn cứ vào mặt bằng thực tế.
Dựa vào hai yếu tố trên, đề xuất phương án, giải pháp về hướng và góc cụ thể của từng công trình.

Cáp DC



Hình ảnh	Thông số chi tiết		4 mm²	6 mm²
	Kết cấu ruột dẫn		80/0.25	120/0.25
	Đường kính ruột dẫn (mm)		2.58	3.16
	Chiều dày cách điện (mm)		0.7	0.7
	Chiều dày vỏ bảo vệ (Ω/km)		0.8	0.8
	Đường kính ngoài gần đúng (Kg/km)		5.6	6.2
	Khối lượng gần đúng (m)		58	79
	Điện trở ruột dẫn tối đa ở 20°C		5.09	3.39
	Điện trở cách điện tối đa ở 20°C		580	500
	Điện trở cách điện tối đa ở 90°C		0.58	0.50
	Dòng điện cho phép	Cáp đơn đặt trong không khí	55	70
		Cáp đơn đặt trên một bề mặt	52	67
		Hai cáp đặt cạnh trên một bề mặt	44	57



CERTIFICATE

of Conformity

EC Council Directive 2004/108/EC

Electromagnetic Compatibility

TÜVRheinland

Registration No.: AE 50335059 0001

Report No.: 17057601 001

Holder: MANH PHUONG ELECTRIC
CO.,LTD (MPE)
L37 Mieu Noi area, Ward 3,
Binh Thanh dist
HOCHIMINH 700000
Vietnam

Product: Indoor Lamp
(LED Bulb)

Identification: Type Designation: LB-3X LBS-5X LB-7X LB-9X LB-12X
LB-15X LB-20X LB-30X LB-40X
(X= T or V)
Serial No. : Engineering samples
Remark: Refer to above-listed test report for details.

Tested acc. to: EN 55015:2013
EN 61000-3-2:2014
EN 61000-3-3:2013
EN 61547:2009

This certificate of conformity is based on an evaluation of a sample of the above mentioned product. Technical Report and documentation are at the Licence Holder's disposal. This is to certify that the tested sample is in conformity with all provisions of Annex I of Council Directive 2004/108/EC. This certificate does not imply assessment of the production of the product and does not permit the use of a TÜV Rheinland mark of conformity. The holder of the certificate is authorized to use this certificate in connection with the EC declaration of conformity according to the a.m. Directive.

Certification Body

Tim Feng

Date 25.03.2016

TÜV Rheinland LGA Products GmbH - Tillystraße 2 - 90431 Nürnberg

CE The CE marking may only be used if all relevant and effective EC Directives are complied with. CE



CERTIFICATE

of Conformity

EC Council Directive 2014/30/EU

Electromagnetic Compatibility

TÜVRheinland

Registration No.: AE 50335725 0001

Report No.: 17057599 001

Holder: MANH PHUONG ELECTRIC
CO.,LTD (MPE)
L37 Mieu Noi area, Ward 3,
Binh Thanh dist
HOCHIMINH 700000
Vietnam

Product: Indoor Lamp
(LED TUBE)

Identification: Type Designation: LT8-120X LT8-60X
(X=T or V)
Serial No. : Engineering samples
Remark: Refer to above-listed test report for details.
Valid from 20. April 2016

Tested acc. to: EN 55015:2013
EN 61000-3-2:2014
EN 61000-3-3:2013
EN 61547:2009

This certificate of conformity is based on an evaluation of a sample of the above mentioned product. Technical Report and documentation are at the Licence Holder's disposal. This is to certify that the tested sample is in conformity with all provisions of Annex I of Council Directive 2014/30/EU. This certificate does not imply assessment of the production of the product and does not permit the use of a TÜV Rheinland mark of conformity. The holder of the certificate is authorized to use this certificate in connection with the EC declaration of conformity according to the a.m. Directive.

Certification Body

Tim Feng

Date 25.03.2016

TÜV Rheinland LGA Products GmbH - Tillystraße 2 - 90431 Nürnberg

CE The CE marking may only be used if all relevant and effective EC Directives are complied with. CE



CERTIFICATE

of Conformity

EC Council Directive 2014/30/EU

Electromagnetic Compatibility

TÜVRheinland

Registration No.: AE 50335734 0001

Report No.: 17057603 001

Holder: MANH PHUONG ELECTRIC
CO.,LTD (MPE)
L37 Mieu Noi area, Ward 3,
Binh Thanh dist
HOCHIMINH 700000
Vietnam

Product: Indoor Lamp
(LED Panel Light)

Identification: RPL-6X RPL-9X RPL-12X RPL-15X RPL-18X SPL-6X
SRPL-6X SSPL-6X SPL-9X SPL-12X SRPL-12X SSPL-12X
SPL-15X SPL-18X SRPL18X SSPL18X FPL-3030X
FPL-6030X FPL-6060X FPL-12030X (X=V or T)
Serial No. : Engineering samples
Remark: Refer to above-listed test report for details.
Valid from 20. April 2016

Tested acc. to: EN 55015:2013
EN 61000-3-2:2014
EN 61000-3-3:2013
EN 61547:2009

This certificate of conformity is based on an evaluation of a sample of the above mentioned product. Technical Report and documentation are at the Licence Holder's disposal. This is to certify that the tested sample is in conformity with all provisions of Annex I of Council Directive 2014/30/EU. This certificate does not imply assessment of the production of the product and does not permit the use of a TÜV Rheinland mark of conformity. The holder of the certificate is authorized to use this certificate in connection with the EC declaration of conformity according to the a.m. Directive.

Certification Body

Tim Feng

Date 25.03.2016

TÜV Rheinland LGA Products GmbH - Tillystraße 2 - 90431 Nürnberg

CE The CE marking may only be used if all relevant and effective EC Directives are complied with. CE

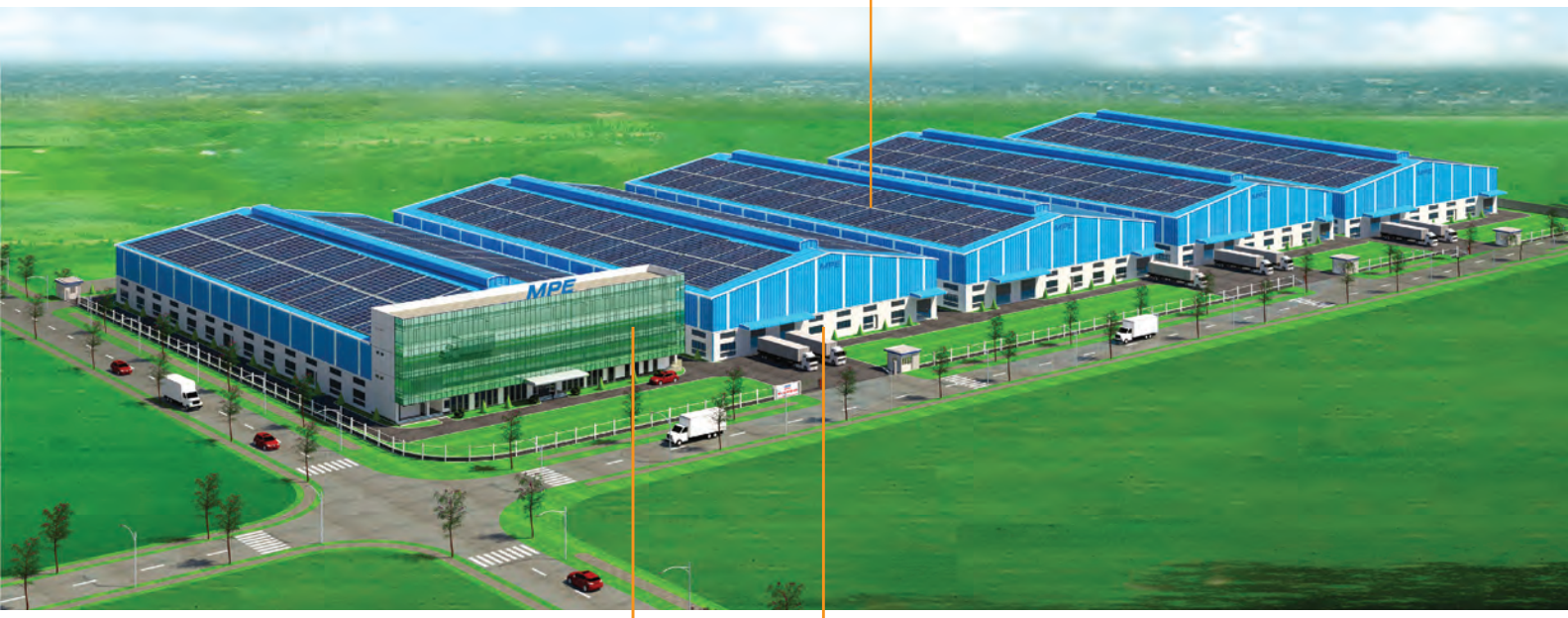
Sản phẩm đạt tiêu chuẩn Châu Âu

MPE

NHÀ MÁY THÔNG MINH - ĐẠT TIÊU CHUẨN LEED CỦA MỸ

NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

SẢN XUẤT NĂNG LƯỢNG HIỆU QUẢ



THIẾT BỊ THÔNG MINH

QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG THÔNG MINH

ĐÈN LED THIẾT BỊ ĐIỆN

SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM

TP.HCM : 272A Nguyễn Trãi, P.8, Q.5, Tp.Hồ Chí Minh
Đà Nẵng : Lô A2-7, Đường Nguyễn Tất Thành Nối Dài, Tp.Đà Nẵng
Cần Thơ : 37A KV Thạnh Huề, P.Thường Thạnh, Q.Cái Răng, Tp.Cần Thơ
Hà Nội : 524 Minh Khai, P.Hai Bà Trưng, Hà Nội
Đắk Lắk : Cụm KCN Tân An, P.Tân An, TP. Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk
TTPP : Lô II-6, Đường CN11, KCN Tân Bình, Q.Tân Phú, Tp.HCM
Nhà Máy 1 : Lô C4 - C11, Đường số 4, KCN Nhị Xuân, H.Hóc Môn, Tp.HCM
Nhà máy 2 : Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, H.Đức Hòa, Long An

www.mpe.com.vn

facebook.com/manhphuongElectric

GET IT ON Google Play
Available on the App Store